

Số: **2189** /QĐ-UBND

Hà Nội, ngày 13 tháng 4 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Đề án “Quản lý, sử dụng và khai thác hiệu quả tài sản công của thành phố Hà Nội giai đoạn 2023-2025, định hướng giai đoạn 2026-2030”

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21/6/2017;

Căn cứ Chương trình số 02-CTr/TU ngày 17/3/2021 của Thành ủy Hà Nội về đẩy mạnh đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế và hội nhập quốc tế, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh, phát triển kinh tế Thủ đô nhanh và bền vững giai đoạn 2021-2025; Chương trình số 14-CTr/TU ngày 31/5/2021 của Thành ủy Hà Nội về chương trình hành động của Đảng bộ Thành phố thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng gắn với thực hiện Nghị quyết Đại hội XVII Đảng bộ Thành phố;

Căn cứ Kết luận số 100-KL/TU ngày 05/12/2022 của Thành ủy về việc Kết luận Hội nghị lần thứ Mười Ban Chấp hành Đảng bộ Thành phố khóa XVII;

Căn cứ Nghị quyết số 06/NQ-HĐND ngày 10/03/2023 của HĐND Thành phố về thông qua Đề án quản lý, sử dụng và khai thác hiệu quả tài sản công của thành phố Hà Nội giai đoạn 2023-2025, định hướng giai đoạn 2026-2030;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Văn bản số 1675/STC-QLCS ngày 29/03/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề án “Quản lý, sử dụng và khai thác hiệu quả tài sản công của thành phố Hà Nội giai đoạn 2023-2025, định hướng giai đoạn 2026-2030” (Đề án kèm theo); Trong đó, phạm vi tài sản công thuộc Đề án tập trung vào 04 nhóm chủ yếu gồm:

(1) Nhà (bao gồm: Quỹ nhà thuộc sở hữu nhà nước của Thành phố giao tổ chức, đơn vị kinh doanh nhà quản lý, khai thác, cho thuê; Trụ sở làm việc, công trình sự nghiệp của cơ quan, tổ chức, đơn vị và trụ sở làm việc, cơ sở sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp nhà nước);




- (2) Đất đai;
- (3) Tài sản kết cấu hạ tầng;
- (4) Tài sản khác (*tài nguyên, ô tô, tài sản khác*).

Điều 2. Giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp đơn vị liên quan tham mưu UBND Thành phố ban hành Kế hoạch tổ chức triển khai thực hiện Đề án hiệu quả, đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật, phù hợp với tình hình thực tiễn của Thành phố, hoàn thành trong tháng 4/2023.

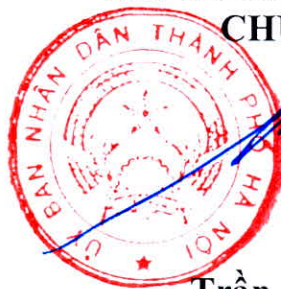
Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND Thành phố; Giám đốc các Sở: Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Quy hoạch - Kiến trúc, Giao thông vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Văn hóa và Thể thao, Thông tin và Truyền thông, Nội vụ, Thanh tra Thành phố; Giám đốc, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, đoàn thể, đơn vị trực thuộc Thành phố; Chủ tịch UBND các quận, huyện, thị xã; Chủ tịch Công ty TNHH MTV Quản lý và Phát triển nhà Hà Nội, Chủ tịch HĐTV, Tổng giám đốc Tổng công ty Đầu tư và Phát triển nhà Hà Nội, Giám đốc Ban Quản lý các công trình nhà ở và công sở; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: 

- Như Điều 3;
- Thường vụ Thành ủy;
- Thường trực HĐND,
UB MTTQ VN Thành phố;
- Chủ tịch UBND Thành phố;
- Các PCT UBND Thành phố;
- VPUB: CVP, các PCVP, các P.CV;
- Lưu: VT, KTTH_{Nam}. 

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Trần Sỹ Thanh



**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**



**ĐỀ ÁN
QUẢN LÝ, SỬ DỤNG VÀ KHAI THÁC HIỆU QUẢ TÀI
SẢN CÔNG CỦA THÀNH PHỐ HÀ NỘI GIAI ĐOẠN
2023-2025, ĐỊNH HƯỚNG GIAI ĐOẠN 2026-2030**

**HÀ NỘI
THÁNG 03/2023**

MỤC LỤC

Phần thứ nhất: Sự cần thiết và căn cứ xây dựng đề án.....	1
I. Sự cần thiết xây dựng Đề án:.....	1
1. Sự cần thiết:	1
2. Căn cứ xây dựng Đề án:.....	3
2.1. Các văn bản pháp quy do Trung ương ban hành trực tiếp liên quan đến lĩnh vực quản lý tài sản công:.....	3
2.2. Các quy định pháp luật khác có liên quan:	4
2.3. Các văn bản pháp quy do Thành phố ban hành trực tiếp liên quan đến lĩnh vực quản lý tài sản công:.....	5
2.4. Các văn bản chỉ đạo của Thành phố trực tiếp liên quan đến lĩnh vực quản lý tài sản công:	5
II. Mục tiêu, yêu cầu:	7
1. Mục tiêu chung:	7
2. Mục tiêu cụ thể:	7
3. Yêu cầu:	8
Phần thứ hai: Thực trạng công tác quản lý, sử dụng và khai thác tài sản công của thành phố Hà Nội.....	9
I. Tổng quan chung về tài sản công:.....	9
1. Khái niệm tài sản công:.....	9
2. Phạm vi tài sản công thuộc Đề án:	10
3. Nguyên tắc trong quản lý, sử dụng và khai thác tài sản công của TP:	11
4. Vai trò của các cơ quan, đơn vị trong công tác quản lý, sử dụng và khai thác tài sản công thuộc phạm vi quản lý của thành phố Hà Nội:	12
II. Thực trạng quản lý, sử dụng và khai thác tài sản công thuộc phạm vi quản lý của Thành phố:.....	13
1. Nhà:.....	13
1.1. Quỹ nhà thuộc sở hữu nhà nước của Thành phố giao các đơn vị, tổ chức kinh doanh nhà quản lý, khai thác:.....	13
1.1.1. Đặc điểm, cơ chế hiện hành quản lý, sử dụng và khai thác:.....	13
1.1.2. Thực trạng quản lý, sử dụng và khai thác:	14
a. Quỹ nhà chuyên dùng:.....	14
b. Quỹ nhà chung cư tái định cư:	16
c. Quỹ diện tích tầng 1 nhà chung cư thương mại các chủ đầu tư phải bàn giao cho Thành phố:	18
d. Quỹ nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước:.....	19

e. Quỹ nhà ở công vụ:	20
f. Quỹ nhà ở xã hội:	20
g. Quỹ nhà ở sinh viên:	21
h. Quỹ nhà ở công nhân:	21
i. Cung Trí thức Thành phố:.....	22
1.1.3. Rà soát, phân loại các khoản nợ đọng từ quỹ nhà thuộc sở hữu nhà nước của Thành phố:.....	22
1.2. Trụ sở làm việc, công trình sự nghiệp của cơ quan, tổ chức, đơn vị và trụ sở làm việc, cơ sở sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp nhà nước thuộc phạm vi quản lý của Thành phố:	24
1.2.1. Đặc điểm, cơ chế hiện hành quản lý, sử dụng và khai thác:.....	24
1.2.2. Thực trạng quản lý, sử dụng và khai thác:	25
2. Đất đai:.....	28
2.1. Đặc điểm, cơ chế hiện hành quản lý, sử dụng và khai thác:.....	28
2.2. Thực trạng quản lý, sử dụng và khai thác:	29
2.2.1. Tổng thể chung:	29
2.2.2. Các quỹ đất dự kiến tập trung khai thác để tạo nguồn lực phát triển kinh tế - xã hội Thành phố giai đoạn 2023-2025 và định hướng giai đoạn 2026-2030:	32
a. Quỹ đất 20%, 25% tại các dự án phát triển nhà ở, khu đô thị trên địa bàn Thành phố:	32
b. Quỹ đất dự kiến đối ứng cho các Dự án BT nay không đủ điều kiện triển khai theo quy định của Luật Đầu tư:.....	34
c. Quỹ đất di dời cơ sở không phù hợp quy hoạch:.....	34
d. Quỹ đất do Trung tâm phát triển quỹ đất Hà Nội đang quản lý.	35
e. Quỹ đất đấu giá quyền sử dụng đất:	35
3. Tài sản kết cấu hạ tầng:.....	36
3.1. Đặc điểm, cơ chế hiện hành quản lý, sử dụng và khai thác:.....	36
3.2. Thực trạng quản lý, sử dụng và khai thác:	37
3.2.1. Hạ tầng giao thông:	37
3.2.2. Hạ tầng thủy lợi:	38
3.2.3. Hạ tầng văn hóa - thể thao (thiết chế văn hóa - thể thao).	40
3.2.4. Hạ tầng kỹ thuật đô thị:	41
a. Hạ tầng cấp nước sạch:.....	41
b. Hạ tầng thoát nước:.....	41

c. Hạ tầng chiếu sáng đô thị:	42
d. Công viên, vườn hoa, cây xanh, thảm cỏ:.....	43
e. Hạ tầng ngầm kỹ thuật đô thị:.....	43
f. Nghĩa trang, cơ sở hỏa táng:.....	44
3.2.5. Hạ tầng thông tin:.....	45
4. Tài sản công khác:	45
4.1. Ô tô, máy móc, thiết bị:.....	45
4.1.1. Đặc điểm, cơ chế hiện hành quản lý, sử dụng và khai thác:.....	45
4.1.2. Thực trạng quản lý, sử dụng và khai thác:	46
a. Ô tô:	46
b. Tài sản khác:	47
4.2. Tài nguyên:	47
4.2.1. Đặc điểm, cơ chế hiện hành quản lý, sử dụng và khai thác:.....	47
4.2.2. Thực trạng quản lý, sử dụng và khai thác:	48
a. Tài nguyên rừng:	48
b. Tài nguyên khoáng sản:	49
III. Các công cụ, biện pháp phục vụ công tác quản lý, sử dụng và khai thác tài sản công của Thành phố:.....	49
1. Thể chế, chính sách:.....	49
2. Phân cấp, ủy quyền trong quản lý tài sản công:	51
3. Tiêu chuẩn, định mức:	52
4. Cơ sở dữ liệu về tài sản công:	53
4.1. Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công:.....	53
4.2. Cơ sở dữ liệu tài sản công của Thành phố:	54
4.2.1. Cơ sở dữ liệu tài sản công khối hành chính sự nghiệp:.....	54
4.2.2. Cơ sở dữ liệu đất đai:.....	55
4.2.3. Cơ sở dữ liệu đối với quỹ nhà thuộc sở hữu nhà nước thuộc phạm vi quản lý của Thành phố:.....	56
5. Nguồn nhân lực tham mưu công tác quản lý tài sản công:.....	56
IV. Đánh giá:.....	56
1. Những kết quả đạt được:	56
2. Tồn tại và hạn chế:	58
2.1. Nhà:.....	58

2.1.1. Trụ sở làm việc, công trình sự nghiệp do cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp nhà nước được trực tiếp quản lý, sử dụng:	58
2.1.2. Quỹ nhà thuộc sở hữu nhà nước của Thành phố giao tổ chức kinh doanh nhà quản lý, khai thác, cho thuê:.....	59
2.2. Đất đai:.....	62
2.3. Tài sản kết cấu hạ tầng:.....	64
2.4. Tài sản khác:	67
2.4.1. Tài nguyên:.....	67
2.4.2. Ô tô và tài sản khác:.....	67
2.5. Các công cụ, biện pháp phục vụ công tác quản lý, sử dụng và khai thác tài sản công của Thành phố:.....	68
2.5.1. Thể chế, chính sách:	68
2.5.2. Phân cấp, ủy quyền trong quản lý tài sản công:.....	73
2.5.3. Tiêu chuẩn, định mức:	74
2.5.4. Cơ sở dữ liệu tài sản công:.....	74
2.5.5. Nguồn nhân lực tham mưu công tác quản lý tài sản công:	75
3. Nguyên nhân:	76
3.1. Nguyên nhân khách quan:.....	76
3.1.1. Tài sản công của Thành phố được hình thành từ nhiều nguồn khác nhau, qua nhiều giai đoạn, cơ chế quản lý đa dạng:.....	76
3.1.2. Một số nguyên nhân khách quan khác:	77
3.2. Nguyên nhân chủ quan:.....	77
3.2.1. Việc lập, xây dựng quy hoạch quản lý, sử dụng tài sản công còn hạn chế:	77
3.2.2. Hệ thống thông tin quản lý, theo dõi tài sản công còn thiếu số liệu, chưa phản ánh đầy đủ, chính xác, kịp thời về tình hình quản lý, sử dụng và khai thác tài sản công:	78
3.2.3. Việc tổ chức thực hiện, cụ thể hóa quy định về quản lý, sử dụng và khai thác tài sản công còn chưa đáp ứng yêu cầu:	79
Phần thứ ba: Quan điểm, mục tiêu, giải pháp và kiến nghị nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng và khai thác tài sản công của thành phố Hà Nội giai đoạn 2023-2025, định hướng giai đoạn 2026-2030.....	80
I. Quan điểm, mục tiêu:.....	80
1. Quan điểm:.....	80
2. Mục tiêu tổng quát:	80
3. Mục tiêu cụ thể:	81

3.1. Giai đoạn 2023-2025:.....	81
3.2. Định hướng 2026-2030:.....	82
II. Giải pháp:.....	82
1. Nhóm giải pháp chung:.....	82
1.1. Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện hệ thống cơ chế, chính sách về tài sản công theo hướng rõ ràng, thống nhất, đồng bộ:.....	82
1.2. Thông kê, hệ thống hóa đầy đủ, chính xác thông tin, dữ liệu về tài sản công với sự hỗ trợ của công nghệ thông tin:.....	83
1.3. Xây dựng, kiện toàn mô hình, bộ máy cơ quan quản lý tài sản công và đổi mới, nâng cao chất lượng đội ngũ làm công tác quản lý tài sản công.....	84
1.4. Tuyên truyền nâng cao nhận thức, tầm quan trọng của công tác quản lý, sử dụng và khai thác tài sản công của Thành phố đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị và cộng đồng:.....	84
1.5. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra định kỳ, chuyên đề và đột xuất trong công tác quản lý, sử dụng và khai thác tài sản công:.....	84
2. Nhóm giải pháp cụ thể đối với từng nhóm tài sản công:.....	85
2.1. Nhà:.....	85
2.1.1. Quỹ nhà thuộc sở hữu nhà nước của Thành phố giao các tổ chức, đơn vị kinh doanh nhà quản lý, khai thác:.....	85
2.1.2. Trụ sở làm việc, công trình sự nghiệp giao cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp Nhà nước trực tiếp quản lý, sử dụng:.....	86
2.2. Đất đai:.....	86
2.3. Tài sản kết cấu hạ tầng:.....	88
2.4. Tài nguyên, ô tô và tài sản khác:.....	88
III. Kiến nghị và đề xuất:.....	89
1. Kiến nghị với Trung ương:.....	89
1.1. Quốc hội:.....	89
1.2. Chính phủ:.....	89
1.3. Các Bộ, ngành Trung ương:.....	89
1.3.1. Bộ Tài chính:.....	89
1.3.2. Bộ, ngành Trung ương:.....	90
2. Kiến nghị với Thành phố:.....	90
2.1. Thành ủy:.....	90
2.2. HĐND các cấp, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Hà Nội, các tổ chức chính trị - xã hội, các đoàn thể quần chúng và nhân dân:.....	90

Phần thứ tư: Phân công tổ chức thực hiện.....	91
I. Sở Tài chính:	91
II. Các Sở, ngành quản lý nhà nước:	92
1. Sở Tài nguyên và Môi trường:	92
2. Sở Xây dựng:	94
3. Sở Quy hoạch - Kiến trúc:	95
4. Sở Giao thông vận tải:.....	96
5. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:	97
6. Sở Văn hóa và Thể thao:	97
7. Sở Thông tin và Truyền thông:	98
8. Sở Nội vụ:	98
9. Thanh tra Thành phố:.....	99
III. Sở, ban, ngành, đoàn thể, UBND quận, huyện, thị xã, doanh nghiệp Nhà nước.	99

ĐỀ ÁN

**Quản lý, sử dụng và khai thác hiệu quả tài sản công của thành phố Hà Nội
giai đoạn 2023-2025, định hướng giai đoạn 2026-2030**

**PHẦN THỨ NHẤT:
SỰ CẦN THIẾT VÀ CĂN CỨ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN**

I. Sự cần thiết xây dựng Đề án:

1. Sự cần thiết:

Tài sản công là nguồn lực quan trọng, có phạm vi rộng, chiếm tỷ trọng lớn trong tổng tài sản của mỗi quốc gia. Đây là nguồn lực tài chính quan trọng đối với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh quốc phòng đối với mỗi quốc gia và Việt Nam nói riêng. Vì vậy, công tác quản lý và sử dụng có hiệu quả tài sản công là trách nhiệm của toàn xã hội, trong đó Nhà nước có vai trò chủ đạo.

Những năm gần đây, Đảng và Nhà nước đã ban hành ngày càng đầy đủ và đồng bộ các văn bản chỉ đạo với quan điểm đổi mới, linh hoạt phù hợp với điều kiện thực tiễn, cụ thể:

- Nghị quyết số 07-NQ/TW ngày 18/11/2016 của Bộ Chính trị về chủ trương, giải pháp cơ cấu lại ngân sách nhà nước, quản lý nợ công để bảo đảm nền tài chính quốc gia an toàn, bền vững, trong đó đề ra một trong những chủ trương, giải pháp chủ yếu là: “... **Tăng cường quản lý, khai thác, huy động nguồn lực và nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản công.**”

- Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 15/01/2019 của Bộ Chính trị về nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng và phát huy các nguồn lực của nền kinh tế, trong đó nhận định: “*Việc quản lý, khai thác và sử dụng tài nguyên thiên nhiên chưa hiệu quả. Diện tích đất sử dụng kém hiệu quả hoặc chưa sử dụng còn lớn; ... Năng lực khai thác tài nguyên khoáng sản còn nhiều hạn chế, công nghệ chậm được đổi mới. Việc phối hợp giữa các chủ thể quản lý tài nguyên khoáng sản chưa tốt, còn hiện tượng cát cứ và thiếu đồng bộ, liên thông giữa các vùng, miền, địa phương, làm giảm*

hiệu quả khai thác tài nguyên. Tình trạng khai thác tài nguyên khoáng sản, nguồn nước ngầm quá mức gây lãng phí và hủy hoại môi trường còn xảy ra ở nhiều nơi. Thị trường tài nguyên khoáng sản chậm được hình thành, phát triển thiếu đồng bộ. Quan điểm đẩy mạnh kinh tế hoá ngành tài nguyên, môi trường chậm được triển khai, thể chế hoá và tổ chức thực hiện. Cơ sở vật chất và kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội còn lạc hậu, thiếu đồng bộ, chưa đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Đầu tư vào kết cấu hạ tầng còn dựa nhiều vào ngân sách nhà nước; hoạt động xã hội hoá, thu hút các thành phần kinh tế khác tham gia đầu tư kết cấu hạ tầng còn nhiều hạn chế. Khung khổ pháp lý còn thiếu, chưa đồng bộ; việc quản lý, khai thác và sử dụng cơ sở hạ tầng còn bất cập... **Quản lý, sử dụng tài sản công còn kém hiệu quả, lãng phí...**

- Tại Kết luận số 21-KL/TW ngày 25/10/2021 tại Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Khóa XIII về đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị; kiên quyết ngăn chặn, đẩy lùi, xử lý nghiêm cán bộ, đảng viên suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”, trong đó đề ra một trong những giải pháp chủ yếu, trọng tâm là: *“Hoàn thiện cơ chế kiểm soát quyền lực trong các lĩnh vực, nhất là các lĩnh vực, hoạt động dễ phát sinh tham nhũng, tiêu cực, như: Công tác cán bộ, tài chính, ngân sách, tài sản công, đất đai, tài nguyên,...”*

- Đối với Thành phố, Chương trình hành động số 14-CTr/TU ngày 31/5/2021 của Thành ủy về thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng gắn với thực hiện Nghị quyết Đại hội XVII Đảng bộ Thành phố và Kế hoạch số 175/KH-UBND ngày 27/7/2021 của UBND Thành phố triển khai thực hiện Chương trình số 02-CTr/TU ngày 17/3/2021 của Thành ủy về “Đẩy mạnh đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế và hội nhập quốc tế, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh, phát triển kinh tế Thủ đô nhanh, bền vững giai đoạn 2021-2025” cũng xác định: *việc nâng cao hiệu quả trong quản lý, sử dụng và khai thác tài sản công của thành phố Hà Nội là nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm cần ưu tiên lãnh đạo, chỉ đạo.*

Trong thời gian qua công tác quản lý, sử dụng tài sản công trên cả nước nói

chung và trên địa bàn Thành phố nói riêng đã có kết quả chuyển biến rõ rệt như: Từng bước đi vào nề nếp; Tình trạng thất thoát, lãng phí tài sản từng bước được khắc phục; Ý thức, trách nhiệm của các cấp, các ngành, các cơ quan, tổ chức, đơn vị từng bước được nâng lên; Hiệu quả kinh tế trong sử dụng, khai thác tài sản công bước đầu được chú trọng, góp phần quan trọng phục vụ các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội. Tuy nhiên, để phát huy đầy đủ nguồn lực từ quản lý, sử dụng tài sản công, Thành phố cần giải quyết triệt để những tồn tại trong việc chấp hành các quy định về tiêu chuẩn, định mức, chế độ sử dụng tài sản công, việc khai thác, huy động nguồn lực từ tài sản công (*nhất là đối với đất đai, trụ sở làm việc, kết cấu hạ tầng*);...

Vì vậy, việc xây dựng **"Đề án quản lý, sử dụng và khai thác hiệu quả tài sản công của thành phố Hà Nội giai đoạn 2023-2025, định hướng giai đoạn 2026-2030"** để có đánh giá thực trạng công tác quản lý, sử dụng và khai thác tài sản công của Thành phố theo quy định tại Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và pháp luật liên quan thời gian qua, làm cơ sở nghiên cứu, đề xuất các giải pháp nhằm góp phần quản lý chặt chẽ, sử dụng tiết kiệm, khai thác có hiệu quả tài sản công, phòng, chống thất thoát, lãng phí, tham nhũng. Đồng thời, rà soát phát huy các nguồn lực từ tài sản công thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của Thủ đô theo chỉ đạo của Thành ủy tại Chương trình số 02-CTr/TU ngày 17/3/2021, Chương trình hành động số 14-CTr/TU ngày 31/5/2021 và của UBND Thành phố tại Kế hoạch số 175/KH-UBND ngày 27/7/2021 là hết sức cần thiết.

2. Căn cứ xây dựng Đề án:

2.1. Các văn bản pháp quy do Trung ương ban hành trực tiếp liên quan đến lĩnh vực quản lý tài sản công:

- Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017.
- Luật Thủ đô năm 2012.
- Nghị quyết số 115/2020/QH14 ngày 19/6/2020 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách tài chính - ngân sách đặc thù đối với thành phố Hà Nội.
- Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

- Nghị định số 152/2017/NĐ-CP ngày 27/12/2017 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích làm việc, công trình sự nghiệp.

- Nghị định số 165/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng tài sản tại cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam.

- Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ quy định việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công; Nghị định số 67/2021/NĐ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ.

- Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg ngày 31/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị.

- Nghị định số 29/2018/NĐ-CP ngày 05/3/2018 của Chính phủ quy định trình tự, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân.

- Nghị định số 04/2019/NĐ-CP ngày 11/01/2019 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô.

- Các Nghị định của Chính phủ về quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng: Số 129/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 (*thủy lợi*), Số 45/2018/NĐ-CP ngày 13/3/2018 (*giao thông đường thủy nội địa*), Số 33/2019/NĐ-CP ngày 23/4/2019 (*giao thông đường bộ*), Số 43/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 (*cấp nước sạch*).

- Các Thông tư của Bộ Tài chính trong lĩnh vực quản lý tài sản công (số 144/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017; Số 67/2018/TT-BTC ngày 06/8/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc quản lý, vận hành, trao đổi và khai thác thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công; Số 45/2018/TT-BTC ngày 07/5/2018 hướng dẫn chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp...).

2.2. Các quy định pháp luật khác có liên quan:

Bên cạnh các quy định tại Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản

hướng dẫn thi hành và triển khai Luật của Trung ương và Thành phố, việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản công thuộc phạm vi quản lý của thành phố Hà Nội nói riêng và cả nước nói chung còn được điều chỉnh bởi các quy định pháp luật chuyên ngành của từng loại tài sản công, ví dụ: Luật Đất đai, Luật Nhà ở, Luật Ngân sách nhà nước, Luật quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp...

2.3. Các văn bản pháp quy do Thành phố ban hành trực tiếp liên quan đến lĩnh vực quản lý tài sản công:

- Nghị quyết số 01/2018/NQ-HĐND ngày 05/7/2018 của HĐND Thành phố về việc phân cấp quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của thành phố Hà Nội; Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 của HĐND Thành phố về sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 01/2018/NQ-HĐND ngày 05/7/2018 của HĐND Thành phố.

- Nghị quyết số 16/2022/NQ-HĐND ngày 08/7/2022 của HĐND Thành phố về kết quả giám sát việc thực hiện các quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công là nhà, đất thuộc sở hữu nhà nước của Thành phố.

- Quyết định số 14/2020/QĐ-UBND ngày 29/6/2020 của UBND Thành phố quy định về tài sản có giá trị lớn sử dụng vào mục đích kinh doanh, cho thuê tại đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của thành phố Hà Nội.

- Quyết định số 04-QĐ/TU ngày 06/01/2020 của Thành ủy Hà Nội quy định phân cấp quản lý, sử dụng tài sản tại cơ quan trực thuộc Thành ủy Hà Nội.

- Quyết định số 11/2021/QĐ-UBND ngày 21/7/2021 về việc ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của thành phố Hà Nội.

2.4. Các văn bản chỉ đạo của Thành phố trực tiếp liên quan đến lĩnh vực quản lý tài sản công:

- Chương trình hành động số 14-CTr/TU ngày 31/5/2021 của Đảng bộ Thành phố thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng gắn với thực hiện Nghị quyết Đại hội XVII Đảng bộ Thành phố, trong đó giao Sở Tài chính: *Chủ trì phối hợp Sở Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Nội vụ và các Sở ban,*

ngành; UBND các quận, huyện, thị xã tham mưu xây dựng "Đề án khai thác, quản lý và sử dụng hiệu quả tài sản công".

- Chương trình số 02-CTr/TU ngày 17/3/2021 của Thành ủy về đẩy mạnh đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế và hội nhập quốc tế, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh, phát triển kinh tế Thủ đô nhanh, bền vững giai đoạn 2021-2025.

- Kết luận số 100-KL/TU ngày 05/12/2022 của Thành ủy về việc Kết luận Hội nghị lần thứ Mười Ban Chấp hành Đảng bộ Thành phố khóa XVII.

- Chỉ thị số 04/CT-UBND ngày 16/3/2017 của UBND Thành phố về tăng cường quản lý, nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản công.

- Kế hoạch số 132/KH-UBND ngày 01/6/2017 của UBND Thành phố về xử lý, khắc phục tồn tại, hạn chế, đổi mới căn bản, nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng nhà chuyên dùng thuộc sở hữu nhà nước trên địa bàn Thành phố.

- Văn bản số 2267/UBND-KT ngày 24/5/2018 của UBND Thành phố về triển khai thi hành Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

- Chỉ thị số 12/CT-UBND ngày 08/6/2020 của UBND Thành phố về đẩy mạnh triển khai Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật.

- Công văn số 1358/UBND-KT ngày 06/5/2022 của UBND Thành phố về thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu trong công tác quản lý tài sản công.

- Kế hoạch số 258/KH-UBND ngày 04/10/2022 của UBND Thành phố về triển khai thực hiện Nghị quyết của HĐND Thành phố về việc thực hiện các quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công là nhà, đất thuộc sở hữu nhà nước của Thành phố.

- Kế hoạch số 309/KH-UBND ngày 01/12/2022 của UBND Thành phố về việc khắc phục tồn tại, hạn chế trong công tác quản lý, vận hành, sử dụng nhà chung cư tái định cư trên địa bàn thành phố Hà Nội.

- Kế hoạch số 175/KH-UBND ngày 27/7/2021 của UBND Thành phố triển khai thực hiện Chương trình số 02-CTr/TU ngày 17/3/2021 của Thành ủy về "Đẩy mạnh đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế và hội nhập quốc tế, nâng

cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh, phát triển kinh tế Thủ đô nhanh, bền vững giai đoạn 2021-2025", trong đó giao Sở Tài chính: *Chủ trì phối hợp các Sở ban, ngành; UBND các quận, huyện, thị xã tham mưu xây dựng "Kế hoạch quản lý, sử dụng, khai thác tài sản công"*.

II. Mục tiêu, yêu cầu:

1. Mục tiêu chung:

Đề án nghiên cứu thực trạng, và đề xuất, kiến nghị giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng và khai thác tài sản công thuộc phạm vi quản lý của thành phố Hà Nội nhằm hạn chế thất thoát, lãng phí, phát huy tối đa nguồn lực từ tài sản công phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh, quốc phòng của Thủ đô.

2. Mục tiêu cụ thể:

- Triển khai hoàn thành nhiệm vụ được Thành ủy giao tại Chương trình số 02-CTr/TU ngày 17/3/2021 về đẩy mạnh đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế và hội nhập quốc tế, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh, phát triển kinh tế Thủ đô nhanh, bền vững giai đoạn 2021-2025 và Chương trình hành động số 14-CTr/TU ngày 31/5/2021 thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng gắn với thực hiện Nghị quyết Đại hội XVII Đảng bộ Thành phố.

- Hệ thống đầy đủ, cơ bản tài sản công thuộc phạm vi quản lý của thành phố Hà Nội, từ đó đánh giá thực trạng công tác quản lý, sử dụng và khai thác tài sản công từ thời điểm Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017 có hiệu lực; làm rõ những mặt đã làm được, những phát sinh hạn chế tồn tại cũng như bài học kinh nghiệm.

- Đề xuất định hướng, giải pháp để xử lý, khắc phục tồn tại hạn chế và nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng và khai thác tài sản công của Thành phố giai đoạn 2023-2025, định hướng giai đoạn 2026-2030 nhằm tránh thất thoát, lãng phí, góp phần tăng thu, giảm chi cho ngân sách nhà nước, tạo nguồn lực phát triển kinh tế - xã hội.

- Phân định rõ trách nhiệm của các Sở, ban, ngành, đơn vị, doanh nghiệp, UBND quận, huyện, thị xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan trong công tác quản lý, sử dụng và khai thác tài sản công của Thành phố.

3. Yêu cầu:

- Việc đánh giá thực trạng phải đảm bảo được vấn đề/nội dung đánh giá, đảm bảo tính khách quan, trung thực, logic, phù hợp và thuyết phục, có số liệu chứng minh.

- Khi đánh giá thực trạng quản lý, sử dụng và khai thác tài sản công cần chỉ ra những kết quả đạt được, hạn chế, tồn tại và nguyên nhân, bài học rút ra đối với từng nội dung đánh giá.

- Việc xây dựng định hướng, giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng và khai thác hiệu quả tài sản công cần bám sát chủ trương, chính sách của Trung ương và Thành phố, đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật và đảm bảo tính khả thi, phù hợp với thực tiễn của Thành phố.

PHẦN THỨ HAI:
THỰC TRẠNG CÔNG TÁC QUẢN LÝ, SỬ DỤNG VÀ KHAI THÁC TÀI SẢN CÔNG CỦA THÀNH PHỐ HÀ NỘI

I. Tổng quan chung về tài sản công:

1. Khái niệm tài sản công:

1. Điều 53 Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định: *“Đất đai, tài nguyên nước, tài nguyên khoáng sản, nguồn lợi ở vùng biển, vùng trời, tài nguyên thiên nhiên khác và các tài sản do Nhà nước đầu tư, quản lý là tài sản công thuộc sở hữu toàn dân do Nhà nước đại diện chủ sở hữu và thống nhất quản lý”*.

2. Khoản 1 Điều 3 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công quy định tài sản công là tài sản thuộc sở hữu toàn dân do Nhà nước đại diện chủ sở hữu và thống nhất quản lý, bao gồm: tài sản công phục vụ hoạt động quản lý, cung cấp dịch vụ công, bảo đảm quốc phòng, an ninh tại cơ quan, tổ chức, đơn vị; tài sản kết cấu hạ tầng phục vụ lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng; tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân; tài sản công tại doanh nghiệp; tiền thuộc ngân sách nhà nước, các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, dự trữ ngoại hối nhà nước; đất đai và các loại tài nguyên khác.

3. Tài sản công được phân loại thành 07 nhóm theo quy định tại Điều 4 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công như sau:

-Nhóm 1: Tài sản công tại cơ quan hành chính, tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập.

-Nhóm 2: Tài sản công tại doanh nghiệp.

-Nhóm 3: Tài sản kết cấu hạ tầng.

-Nhóm 4: Tài sản của dự án sử dụng vốn nhà nước.

-Nhóm 5: Tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân theo quy định của pháp luật.

-Nhóm 6: Đất đai, tài nguyên.

-Nhóm 7: Tiền thuộc ngân sách nhà nước, các quỹ tài chính nhà nước ngoài

ngân sách và dự trữ ngoại hối nhà nước.

2. Phạm vi tài sản công thuộc Đề án:

- Đối với nhóm số (1) là tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị và số (2) là tài sản công tại doanh nghiệp: Đề án sẽ tập trung phân tích, đánh giá theo từng chủng loại tài sản công gồm nhà (*Trụ sở làm việc, công trình sự nghiệp của cơ quan, tổ chức, đơn vị và trụ sở làm việc, cơ sở sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp nhà nước; Quỹ nhà thuộc sở hữu nhà nước của Thành phố giao tổ chức, đơn vị kinh doanh nhà quản lý, khai thác, cho thuê*) và ô tô, tài sản khác để đảm bảo tính tương đồng, thống nhất.

- Đối với nhóm tài sản số (3) là tài sản kết cấu hạ tầng, Đề án chỉ tập trung vào tài sản do Thành phố đầu tư, quản lý sau đầu tư. Như vậy, đối với tài sản kết cấu hạ tầng do Trung ương quản lý (*hạ tầng cung cấp điện, hạ tầng khu kinh tế*) hoặc do doanh nghiệp quản lý (*hạ tầng khu công nghiệp, hạ tầng khu công nghệ cao, hạ tầng viễn thông, hạ tầng thương mại*) sẽ không đề cập tại Đề án. Bên cạnh đó, việc quản lý, sử dụng và khai thác đối với hạ tầng giáo dục và hạ tầng y tế đã được quy định và thực hiện theo chế độ đối với tài sản công tại các đơn vị sự nghiệp công lập (*thuộc nhóm tài sản số 1*) vì vậy, Đề án không tách thành mục riêng.

- Đối với nhóm tài sản của dự án sử dụng vốn nhà nước (số 4) và nhóm tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân theo quy định của pháp luật (số 5): Đây là các nhóm tài sản chỉ xuất hiện trong giai đoạn hình thành tài sản công. Sau khi tài sản được giao, xử lý theo văn bản của cơ quan/người có thẩm quyền (*Quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản của dự án/Quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân tài sản*) sẽ được quản lý, sử dụng và khai thác theo cơ chế áp dụng cho từng nhóm tài sản công khác, cụ thể:

+ Đối với tài sản công giao cho cơ quan, tổ chức, đơn vị, đối tượng tiếp nhận phải theo dõi, hạch toán tăng tài sản, thực hiện báo cáo kê khai biến động tài sản theo quy định tại Nghị định số 151/2017/NĐ-CP, thực hiện quản lý, sử dụng tài sản theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và pháp luật có liên quan. Trường hợp đối tượng thụ hưởng là doanh nghiệp nhà nước, đối tượng tiếp nhận phải thực hiện ghi tăng vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp hoặc hình thức khác theo quy

định của pháp luật; thực hiện quản lý, sử dụng tài sản được giao theo chế độ tài chính áp dụng với doanh nghiệp.

+ Đối với tài sản công là kết cấu hạ tầng thực hiện theo chế độ quản lý, sử dụng từng loại tài sản kết cấu hạ tầng và pháp luật chuyên ngành có liên quan.

- Việc quản lý, sử dụng đối với nhóm tài sản (7) là tiền thuộc ngân sách nhà nước, các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách và dự trữ ngoại hối nhà nước được thực hiện theo pháp luật về ngân sách và pháp luật có liên quan, định kỳ hàng năm được thực hiện quản lý, sử dụng, báo cáo, quyết toán công khai đầy đủ, theo quy định vì vậy Đề án không đề cập đến nhóm này.

- Để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ, trọng tâm, UBND Thành phố xây dựng Đề án quản lý, sử dụng và khai thác hiệu quả tài sản công của thành phố Hà Nội giai đoạn 2023 - 2025, định hướng giai đoạn 2026 - 2030, tập trung nghiên cứu vào **04 nhóm tài sản công** chủ yếu gồm:

(1) Nhà (*bao gồm: Quỹ nhà thuộc sở hữu nhà nước của Thành phố giao tổ chức, đơn vị kinh doanh nhà quản lý, khai thác, cho thuê; Trụ sở làm việc, công trình sự nghiệp của cơ quan, tổ chức, đơn vị và trụ sở làm việc, cơ sở sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp nhà nước*);

(2) Đất đai;

(3) Tài sản kết cấu hạ tầng (*hạ tầng giao thông, hạ tầng thủy lợi, hạ tầng kỹ thuật đô thị, hạ tầng thông tin và truyền thông*);

(4) Tài sản khác (*tài nguyên, ô tô, tài sản khác*).

3. Nguyên tắc trong quản lý, sử dụng và khai thác tài sản công của Thành phố:

Các tài sản công của Thành phố được quản lý, sử dụng theo quy định tại Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và pháp luật chuyên ngành liên quan trong đó đảm bảo tuân thủ các nguyên tắc quy định tại Điều 6 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, trong đó:

- Mọi tài sản công đều phải được Nhà nước giao quyền quản lý, quyền sử dụng và các hình thức trao quyền khác cho cơ quan, tổ chức, đơn vị và đối tượng khác theo quy định của pháp luật về tài sản công và pháp luật có liên quan.

- Tài sản công do Nhà nước đầu tư phải được quản lý, khai thác, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, được thống kê, kế toán đầy đủ về hiện vật và giá trị, những tài sản có nguy cơ chịu rủi ro cao do thiên tai, hoả hoạn và nguyên nhân bất khả kháng khác được quản lý rủi ro về tài chính thông qua bảo hiểm hoặc công cụ khác theo quy định của pháp luật.

- Tài sản công phục vụ công tác quản lý, cung cấp dịch vụ công, bảo đảm quốc phòng, an ninh của cơ quan, tổ chức, đơn vị phải được sử dụng tiết kiệm, hiệu quả, đúng mục đích, công năng, đối tượng, tiêu chuẩn, định mức, chế độ theo quy định của pháp luật.

- Tài sản công là tài nguyên phải được kiểm kê, thống kê về hiện vật, ghi nhận thông tin phù hợp với tính chất, đặc điểm của tài sản; được quản lý, bảo vệ, khai thác theo quy hoạch, kế hoạch, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả, đúng pháp luật.

- Việc khai thác nguồn lực tài chính từ tài sản công phải tuân theo cơ chế thị trường, có hiệu quả, công khai, minh bạch, đúng pháp luật.

- Việc quản lý, sử dụng tài sản công phải được thực hiện công khai, minh bạch, bảo đảm thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, phòng, chống tham nhũng.

- Việc quản lý, sử dụng tài sản công được giám sát, thanh tra, kiểm tra, kiểm toán; mọi hành vi vi phạm pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công phải được xử lý kịp thời, nghiêm minh theo quy định của pháp luật.

4. Vai trò của các cơ quan, đơn vị trong công tác quản lý, sử dụng và khai thác tài sản công thuộc phạm vi quản lý của thành phố Hà Nội:

- HĐND các cấp có trách nhiệm giám sát việc thi hành pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của địa phương; quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định trong việc quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của địa phương.

- UBND các cấp có trách nhiệm thực hiện quyền, trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu đối với tài sản công thuộc phạm vi quản lý của địa phương theo quy định của pháp luật; thống nhất quản lý tài sản công thuộc phạm vi quản lý của địa phương; công khai tài sản công thuộc phạm vi quản lý của địa phương; báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý theo hướng dẫn của

Bộ Tài chính hoặc yêu cầu của HĐND cùng cấp, UBND cấp trên; kiểm tra, thanh tra, giải quyết kiến nghị, khiếu nại, tố cáo về tài sản công, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật.

- UBND Thành phố, UBND cấp huyện giao cơ quan tài chính cùng cấp (*Sở Tài chính, Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện*) giúp Ủy ban nhân dân thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn quản lý nhà nước chung đối với tài sản công.

- Ngoài ra, các cơ quan chuyên môn theo từng lĩnh vực chuyên ngành thuộc UBND Thành phố, UBND cấp huyện giúp UBND cùng cấp thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với tài sản công theo quy định của pháp luật.

- Cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp trực tiếp quản lý, sử dụng tài sản công có trách nhiệm bảo vệ, sử dụng tài sản công đúng mục đích, tiêu chuẩn, định mức, chế độ; bảo đảm hiệu quả, tiết kiệm; lập, quản lý hồ sơ tài sản công, kế toán, kiểm kê, đánh giá lại tài sản công theo quy định; báo cáo và công khai tài sản công; thực hiện nghĩa vụ tài chính trong sử dụng tài sản công; giao lại tài sản công cho Nhà nước khi có quyết định thu hồi của cơ quan, người có thẩm quyền; chịu sự thanh tra, kiểm tra, giám sát của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; giám sát của cộng đồng, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và Ban Thanh tra nhân dân trong quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý.

- Việc quản lý, sử dụng tài sản công được giám sát bởi cộng đồng, trừ tài sản thuộc bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp chủ trì, phối hợp với các tổ chức thành viên của Mặt trận và cơ quan, tổ chức có liên quan tổ chức việc giám sát của cộng đồng đối với tài sản công.

II. Thực trạng quản lý, sử dụng và khai thác tài sản công thuộc phạm vi quản lý của Thành phố:

1. Nhà:

1.1. Quỹ nhà thuộc sở hữu nhà nước của Thành phố giao các đơn vị, tổ chức kinh doanh nhà quản lý, khai thác:

1.1.1. Đặc điểm, cơ chế hiện hành quản lý, sử dụng và khai thác:

- Khái niệm: Quỹ nhà thuộc sở hữu nhà nước của Thành phố giao đơn vị, tổ chức kinh doanh nhà quản lý, khai thác, cho thuê thuộc Đề án *(bao gồm quỹ nhà hiện do Thành phố quản lý và quỹ nhà dự kiến bàn giao về Thành phố quản lý trong tương lai)* gồm quỹ nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước; quỹ nhà thuộc sở hữu nhà nước sử dụng vào mục đích kinh doanh, dịch vụ, trụ sở làm việc và các mục đích khác không phải để ở *(thường gọi là quỹ nhà chuyên dùng)*; quỹ diện tích tầng 1 nhà chung cư thương mại chủ đầu tư phải bàn giao Thành phố quản lý; quỹ nhà chung cư tái định cư *(bao gồm diện tích kinh doanh dịch vụ tầng 1)*; quỹ nhà ở sinh viên; quỹ nhà ở công nhân; quỹ nhà ở công vụ; quỹ nhà ở xã hội và Cung Trí thức Thành phố. Việc giao cơ quan quản lý, khai thác quỹ nhà được thực hiện trong các giai đoạn khác nhau, mô hình hoạt động của đơn vị quản lý khác nhau nên cơ chế quản lý, khai thác của mỗi nhóm quỹ nhà cũng khác nhau.

- UBND Thành phố là cơ quan đại diện chủ sở hữu đối với quỹ nhà, có thẩm quyền ban hành cơ chế chính sách và chỉ đạo thống nhất công tác quản lý quỹ nhà; là cơ quan có thẩm quyền quyết định: cho tổ chức thuê sử dụng nhà; thu hồi, điều chuyển, chuyển mục đích sử dụng nhà; bán nhà, chuyển nhượng quyền sử dụng đất; giá bán nhà và chuyển nhượng quyền sử dụng đất; giá cho thuê nhà; chủ trương lập dự án đầu tư xây dựng, cải tạo nhà. Sở Xây dựng là cơ quan quản lý chuyên ngành đối với quỹ nhà, chịu trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra đơn vị, tổ chức kinh doanh, quản lý nhà thực hiện việc quản lý, khai thác, sử dụng tài sản công. Sở Tài nguyên và Môi trường là cơ quan hướng dẫn, kiểm tra đơn vị quản lý nhà thực hiện quy định của pháp luật, chính sách của nhà nước về đất đai đối với quỹ nhà và xử lý những vấn đề vướng mắc liên quan đến quản lý đất đai. Sở Tài chính là cơ quan hướng dẫn, kiểm tra việc thu, chi tài chính trong quá trình quản lý, cho thuê, bán, cải tạo sửa chữa nhà của đơn vị quản lý nhà.

1.1.2. Thực trạng quản lý, sử dụng và khai thác (tổng hợp quỹ nhà thuộc sở hữu nhà nước của Thành phố giao các đơn vị, tổ chức kinh doanh nhà quản lý, khai thác theo Phụ lục 01 đính kèm):

a. Quỹ nhà chuyên dùng:

- Quỹ nhà chuyên dùng được hình thành qua nhiều giai đoạn của lịch sử, từ

nhiều nguồn gốc khác nhau: xác lập sở hữu nhà nước trong quá trình thực hiện chính sách cải tạo công thương nghiệp tư bản tư doanh; đầu tư xây dựng và mua lại bằng nguồn vốn ngân sách Nhà nước trong quá trình xây dựng Chủ nghĩa xã hội giai đoạn 1960-1980. Quỹ nhà nằm tập trung tại 04 quận: Hoàn Kiếm, Ba Đình, Đống Đa và Hai Bà Trưng và đan xen sở hữu nhà nước với sở hữu tư nhân.

- Quỹ nhà chuyên dùng chủ yếu là nhà được xây dựng từ trước năm 1954 nên chất lượng công trình đã xuống cấp, không ít công trình thuộc diện nhà nguy hiểm, tuy nhiên việc cải tạo sửa chữa không được quan tâm, duy trì thường xuyên theo quy định về quản lý công trình xây dựng. Việc cải tạo, sửa chữa, nâng cấp nhà phần lớn do đơn vị sử dụng nhà thực hiện cho phù hợp với yêu cầu sử dụng.

- Đối tượng thuê sử dụng nhà chuyên dùng chủ yếu được bố trí từ thời kỳ bao cấp cho các tổ hợp tác, hợp tác xã (*may mặc, cắt tóc, cơ khí, chụp ảnh...*) và một số tổ chức kinh tế của Nhà nước như: Hệ thống cửa hàng bách hóa, lương thực, thực phẩm, kim khí và một số cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp.

- Theo Đề án Tăng cường công tác quản lý, sử dụng quỹ nhà chuyên dùng thuộc sở hữu Nhà nước trên địa bàn thành phố Hà Nội ban hành kèm theo Quyết định số 6988/QĐ-UBND ngày 19/11/2013 của UBND Thành phố thì Danh mục quỹ nhà chuyên dùng có 1.166 địa điểm, với diện tích sử dụng nhà là 236.544m², diện tích đất 220.779m², trong đó: Công ty TNHH MTV Quản lý và Phát triển nhà Hà Nội quản lý: 1.083 địa điểm; Công ty TNHH MTV Kinh doanh và dịch vụ nhà Hà Nội quản lý: 23 địa điểm; UBND thị xã Sơn Tây quản lý: 21 địa điểm; UBND quận Hà Đông quản lý: 27 địa điểm; Công ty Cổ phần Kinh doanh và xây dựng nhà quản lý: 05 địa điểm; Các doanh nghiệp khác quản lý: 07 địa điểm (*Công ty Tu tạo và phát triển nhà, HUD, Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và phát triển nhà số 6, Công ty cổ phần Tư vấn đầu tư xây dựng và phát triển đô thị, Công ty Kinh doanh nhà số 2*).

Trong quá trình quản lý, quỹ nhà chuyên dùng có nhiều di biến động (*tăng, giảm, đổi công năng chuyển sang chế độ quản lý khác...*), UBND Thành phố đã chỉ đạo các Sở, ngành và doanh nghiệp được giao quản lý rà soát số liệu nhà chuyên dùng trên địa bàn thành phố Hà Nội là 840 địa điểm với diện tích nhà là

178.148m², diện tích đất là 155.156m². Trong đó, Công ty TNHH MTV Quản lý và Phát triển nhà Hà Nội hiện đang quản lý 803 địa điểm (*cụ thể có 801 cơ sở nhà, đất tuy nhiên do 02 điểm đất 17 Hàng Ngang và 53 Đình Tiên Hoàng tách hợp đồng thuê nhà nên được xác định là 803 địa điểm*), UBND quận Hà Đông quản lý 16 địa điểm, UBND thị xã Sơn Tây quản lý 01 địa điểm và Công ty TNHH MTV Kinh doanh và dịch vụ nhà Hà Nội quản lý 20 địa điểm.

- Hiện trạng các địa điểm thuộc quỹ nhà chuyên dùng do Công ty TNHH MTV Quản lý và Phát triển nhà Hà Nội quản lý: 04/803 địa điểm được sử dụng làm trụ sở làm việc của các Xí nghiệp trực thuộc Công ty; 69/803 địa điểm thuộc diện nhà trống; 327/803 địa điểm: thuộc diện quản lý, thu tiền thuê nhà ổn định; 403/803 địa điểm nhà chuyên dùng có tồn tại, vướng mắc, vi phạm (*đơn vị thuê là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực văn hóa không đủ khả năng chi trả tiền thuê nhà; các dạng nhà trước đây giải thể, không còn hoạt động, đối tượng khác sử dụng; các dạng chuyển ở; các dạng có vướng mắc về diện tích,...*) (*Chi tiết theo Phụ lục 01a đính kèm*).

- Trong thời gian qua, UBND Thành phố liên tục chỉ đạo các Sở ngành và Công ty TNHH MTV Quản lý và Phát triển nhà Hà Nội rà soát, tham mưu, báo cáo UBND Thành phố xem xét, xử lý khắc phục tồn tại, hạn chế, đổi mới căn bản công tác quản lý, nâng cao hiệu quả nhà chuyên dùng thuộc sở hữu Nhà nước trên địa bàn Thành phố theo Kế hoạch số 132/KH-UBND ngày 01/6/2017 và Kế hoạch số 258/KH-UBND ngày 04/10/2022, như: Rà soát, tổng hợp, phân loại hiện trạng 840 cơ sở thuộc quỹ nhà; thanh tra, thu hồi, xử lý một số diện tích nhà bị lấn chiếm, sử dụng sai quy định; nghiên cứu đề xuất cơ chế quản lý, vận hành quỹ nhà chuyên dùng theo hướng chuyển từ cho thuê theo hình thức ký hợp đồng sang đấu giá cho thuê;...

b. Quỹ nhà chung cư tái định cư:

- Quỹ nhà ở để phục vụ tái định cư được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước, nguồn khác bàn giao cho Thành phố (*03 đơn vị, doanh nghiệp gồm Ban Quản lý các công trình nhà ở và công sở Sở Xây dựng; Công ty TNHH MTV Quản lý và Phát triển nhà Hà Nội và Tổng công ty Đầu tư và Phát triển nhà Hà Nội*)

quản lý, bố trí cho các hộ gia đình, cá nhân thuộc diện được tái định cư khi nhà nước thu hồi nhà, đất để giải phóng mặt bằng theo quy định pháp luật.

- Tổng diện tích kinh doanh dịch vụ được UBND Thành phố giao quản lý là 85.176,44 m². Trong đó, có 47.862,28 m² diện tích kinh doanh dịch vụ đã cho thuê, 1.246,32 m² bố trí làm phòng sinh hoạt cộng đồng và hoạt động khác, 724,22 m² bị một số hộ dân và doanh nghiệp sử dụng trái phép và 35.343,62 m² diện tích kinh doanh dịch vụ còn trống (*hiện đang hoàn thiện thủ tục để tổ chức đấu giá theo Quyết định số 03/2021/QĐ-UBND ngày 10/3/2021 của UBND Thành phố*), cụ thể:

+ Công ty TNHH MTV Quản lý và Phát triển nhà Hà Nội: 52.972,45 m², trong đó: Diện tích kinh doanh dịch vụ đã cho thuê là 36.525,92 m². Diện tích sử dụng trái phép là 724,22 m² (*đang hoàn thiện thủ tục ban hành Quyết định thu hồi*). Diện tích kinh doanh dịch vụ còn trống chưa bố trí thuê sử dụng là 15.722,31 m².

+ Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển nhà Hà Nội: 8.967,1 m². Trong đó: Diện tích kinh doanh dịch vụ đã cho thuê là 3.649,9 m². Diện tích kinh doanh dịch vụ còn trống là 5.317,2 m².

+ Ban Quản lý các công trình nhà ở và công sở: 23.236,89 m², trong đó: Diện tích kinh doanh dịch vụ đã cho thuê là 7.686,46 m². Diện tích bố trí khác là 563,52 m². Diện tích chuyển đổi làm phòng sinh hoạt cộng đồng là 682,8 m². Diện tích KDDV còn trống chưa bố trí thuê sử dụng là 14.304,11 m².

(Chi tiết theo Phụ lục 01b đính kèm)

- Hiện có tổng số 199 tòa nhà chung cư tái định cư trên địa bàn thành phố Hà Nội với tổng 17.957 căn, trong đó:

+ Công ty TNHH MTV Quản lý và Phát triển nhà Hà Nội: 149 tòa (*trong đó có 12 tòa thuộc quỹ nhà 30%*) và thực hiện bán nhà tại 18 tòa tại Nam Trung Yên do Tổng công ty Đầu tư và Phát triển nhà Hà Nội quản lý. Tổng số căn hộ: 13.981 căn, trong đó:

(i) Số căn hộ đã bố trí: 13.863 căn gồm 13.682 căn đã bố trí và có Quyết định bán nhà (*bao gồm 254 căn tự bố trí cho dân vào ở*) và 181 căn đã bố trí nhưng chưa có Quyết định bán nhà.

(ii) Số căn hộ chưa bố trí và chưa có phương án sử dụng: 118 căn.

+ Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển nhà Hà Nội: 20 tòa. Trong đó: Đang thực hiện quản lý vận hành 02 tòa. Đã bàn giao công tác quản lý vận hành cho 18 Ban quản trị.

+ Ban Quản lý các công trình nhà ở và công sở: Quản lý 30 tòa và thực hiện bán nhà tại 02 tòa tại Nam Trung Yên do Tổng công ty Đầu tư và Phát triển nhà Hà Nội quản lý. Trong đó: Đang thực hiện quản lý vận hành 25 tòa, đã bàn giao công tác quản lý vận hành cho 05 cho Ban quản trị, tổng số căn hộ: 3.967 căn; trong đó: Số căn hộ đã bố trí là 3.670 căn gồm 2.234 căn đã bố trí và có Quyết định bán nhà và 1.436 căn đã bố trí nhưng chưa có Quyết định bán nhà. Số căn hộ chưa bố trí và chưa có phương án sử dụng là 297 căn.

c. Quỹ diện tích tầng 1 nhà chung cư thương mại các chủ đầu tư phải bàn giao cho Thành phố:

- Quỹ nhà được hình thành từ diện tích tầng 1 kinh doanh, dịch vụ của các dự án phát triển nhà ở, chung cư thương mại trên địa bàn Thành phố mà các chủ đầu tư sau khi hoàn thành đầu tư xây dựng phải bàn giao cho Thành phố quản lý theo quy định tại các Quyết định số 123/2001/QĐ-UB ngày 06/12/2001 và số 76/2004/QĐ-UB ngày 19/5/2004 của UBND Thành phố và được ghi trong các Quyết định của UBND Thành phố khi giao đất thực hiện dự án.

- Quỹ nhà phải bàn giao cho Thành phố quản lý là 132 địa điểm với tổng diện tích sàn sử dụng khoảng 56.271,4 m² nằm rải rác trên toàn địa bàn Thành phố (tại các quận: Long Biên, Hoàng Mai, Cầu Giấy, Thanh Xuân, Hà Đông, Nam Từ Liêm, Hai Bà Trưng và huyện Gia Lâm) và do Sở Xây dựng (Ban Quản lý các công trình nhà ở và công sở) tiếp nhận, quản lý và tổ chức đầu giá quyền thuê theo quy định tại Quyết định số 03/2021/QĐ-UBND ngày 10/3/2021 của UBND Thành phố (Chi tiết theo phụ lục 01c đính kèm), trong đó:

- 01/132 địa điểm với diện tích 299,8 m², Ban Quản lý các công trình nhà ở và công sở đã tiếp nhận và đang cho thuê (tầng 1 Chung cư B6 Mỹ Đình).

- 43/132 địa điểm với diện tích 8.642,2 m², chủ đầu tư đang phối hợp với Ban Quản lý các công trình nhà ở và công sở để bàn giao, tiếp nhận làm cơ sở tổ

chức đấu giá quyền thuê.

- 88/132 địa điểm với diện tích 47.329,4 m², chủ đầu tư chưa thu hồi được từ đơn vị, cá nhân đang thuê nên chưa đủ điều kiện bàn giao cho Ban Quản lý các công trình nhà ở và công sở.

d. Quỹ nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước:

- Quỹ nhà ở cũ thuộc sở hữu Nhà nước chủ yếu được hình thành từ các nguồn như khi Nhà nước thực hiện các chính sách cải tạo xã hội chủ nghĩa về nhà ở (*nhà cải tạo, công tư hợp doanh, nhà vắng chủ, nhà người Hoa*) và do Nhà nước đầu tư, xây dựng các khu tập thể, các khu nhà ở (*như các khu tập thể Kim Liên, Trung Tự, Giảng Võ, Nghĩa Đô, Thanh Xuân, Kim Giang ...*) để phân phối, bố trí nhà ở cho các cán bộ, công nhân viên chức Nhà nước trong thời kỳ bao cấp kế hoạch hóa tập trung.

- Quỹ nhà ở cũ thuộc sở hữu Nhà nước được các Công ty Kinh doanh nhà quản lý, cho các hộ gia đình, cá nhân ký Hợp đồng thuê nhà ở cũ và bán nhà ở cũ theo Nghị định số 61/CP ngày 5/7/1994 của Chính phủ về mua bán và kinh doanh nhà ở; Luật Nhà ở năm 2004 và năm 2014; Nghị định số 34/2013/NĐ-CP ngày 22/4/2013 của Chính phủ về quản lý, sử dụng nhà ở cũ thuộc sở hữu Nhà nước; Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật Nhà ở; Nghị định số 30/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ.

- Kết quả công tác bán nhà ở cũ:

+ Từ năm 1995 cho đến tháng 6/2022, Công ty TNHH MTV Quản lý và phát triển nhà Hà Nội và Tổng Công ty Đầu tư phát triển nhà và Đô thị Bộ Quốc phòng thực hiện bán nhà theo Nghị định số 61/CP, Nghị định số 34/2013/NĐ-CP, Nghị định số 99/2015/NĐ-CP đã bán được 154.343 căn với diện tích 4.336.783 m² với số tiền nộp ngân sách nhà nước là 5.252,4 tỷ đồng.

+ Hiện nay, Công ty TNHH MTV Quản lý và Phát triển nhà Hà Nội đã tiếp nhận 1.837 hồ sơ mua nhà trên tổng số hồ sơ đang quản lý 10.004 căn. Như vậy, cơ bản quỹ nhà này đã bán gần hết cho các hộ gia đình và đã được cấp Giấy chứng

nhận quyền sử dụng đất ở và quyền sở hữu nhà ở.

- Quỹ nhà ở có nguồn gốc thuộc sở hữu nhà nước còn lại 29.127 căn gồm:

+ Hiện do Công ty TNHH MTV Quản lý và Phát triển nhà Hà Nội đang quản lý đầu năm 2022 là 10.004 hộ tương ứng 234.731,54 m².

+ Bên cạnh đó, theo báo cáo rà soát của UBND các quận (*huyện, thị xã*) hiện trên địa bàn Thành phố còn 19.123 căn hộ có nguồn gốc thuộc sở hữu nhà nước thuộc diện tự quản chưa được cấp Giấy chứng nhận, UBND Thành phố đã có Quyết định số 24/2018/QĐ-UBND ngày 15/10/2018 về sửa đổi bổ sung một số điều của quy định về cấp Giấy chứng nhận tại Quyết định số 12/2016/QĐ-UBND trong đó giao UBND các quận (*huyện, thị xã*) thực hiện cấp Giấy chứng nhận cho các trường hợp này.

e. Quỹ nhà ở công vụ:

Công ty TNHH MTV Quản lý và Phát triển nhà Hà Nội và Ban Quản lý các công trình nhà ở và công sở - Sở Xây dựng quản lý, khai thác với tổng số 12 căn hộ, tương ứng với diện tích sử dụng là 941,49 m². Thực tế các hộ đang thuê nhà công vụ của Thành phố đều là các chức danh do Trung ương quản lý, trong đó:

- Chung cư 09 căn gồm: 05 căn do Ban Quản lý các công trình nhà ở và công sở quản lý tại CT 17 Mỹ Đình - Nam Từ Liêm - Hà Nội, hiện nay đang trống; 04 căn tại B7 Kim Liên - Đống Đa - Hà Nội do Công ty TNHH MTV Quản lý và Phát triển nhà Hà Nội đang quản lý, hiện đang trống 02/04 căn.

- Nhà đất 03 căn gồm: 02 căn đang trống tại C4 Hoàng Cầu - Đống Đa và tại số 23 ngõ 178 Thái Hà - Đống Đa; 01 căn tại số 20 Quán Sứ - Hoàn Kiếm hiện đang ký hợp đồng thuê.

f. Quỹ nhà ở xã hội:

- Dự án đầu tư xây dựng khu nhà ở xã hội tại CT19A - Khu đô thị Việt Hưng-quận Long Biên là một trong những dự án thí điểm tại Quyết định số 1291/QĐ-UBND ngày 16/10/2008 của UBND Thành phố về việc phê duyệt đề án Đầu tư xây dựng thí điểm nhà ở xã hội trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2007-2010.

- Hiện nay, Ban Quản lý các công trình nhà ở và công sở - Sở Xây dựng quản lý, khai thác quỹ nhà với tổng diện tích toàn bộ dự án nhà ở xã hội CT19A

Việt Hưng là 24.518m² gồm 08 khối nhà 6 tầng. Tổng số căn hộ là 515 căn với diện tích khoảng 3.393m² nhà.

g. Quỹ nhà ở sinh viên:

- Dự án đầu tư xây dựng nhà ở cho học sinh, sinh viên Pháp Vân Tứ Hiệp và Mỹ Đình II được UBND Thành phố phê duyệt tại Quyết định số 4676/QĐ-UBND ngày 11/9/2009 và số 4677/QĐ-UBND ngày 11/9/2009. Dự án được khởi công xây dựng từ tháng 10/2009 và hoàn thành đưa vào khai thác, sử dụng từ tháng 02/2015.

- Hiện Ban Quản lý các công trình nhà ở và công sở - Sở Xây dựng quản lý, khai thác quỹ nhà, trong đó:

+ Căn hộ sinh viên: tổng số 2.578 phòng đáp ứng chỗ ở cho 18.168 sinh viên (trong đó: khu nhà ở sinh viên Pháp Vân Tứ Hiệp gồm 03 tòa nhà chia thành 05 đơn nguyên với tổng số 1.350 phòng đáp ứng chỗ ở cho 10.800 sinh viên; khu nhà ở sinh viên Mỹ Đình II gồm 05 nguyên đơn với tổng số 1.228 phòng đáp ứng chỗ ở cho 7.368 sinh viên).

+ Kinh doanh dịch vụ: tổng diện tích kinh doanh dịch vụ khoảng 7.436,9 m² (trong đó: khu nhà ở sinh viên Pháp Vân Tứ Hiệp - quận Hoàng Mai - Hà Nội khoảng 4.104,3 m²; khu nhà ở Mỹ Đình II khoảng 3.332,6 m²).

h. Quỹ nhà ở công nhân:

- Quỹ nhà công nhân là dự án thí điểm thuộc sở hữu nhà nước, phục vụ nhu cầu về nhà ở cho công nhân làm việc tại khu công nghiệp. Công ty TNHH MTV Quản lý và Phát triển nhà Hà Nội được UBND Thành phố giao tiếp nhận, quản lý quỹ nhà ở công nhân tại xã Kim Chung - huyện Đông Anh theo Quyết định số 22/2008/QĐ-UBND ngày 01/8/2008 của UBND Thành phố và vận hành theo Quyết định số 96/2007/QĐ-UBND ngày 28/8/2007 của UBND Thành phố về ban hành Quy định tạm thời về quản lý, sử dụng nhà ở tập thể cho công nhân làm việc tại các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao thuê trên địa bàn Thành phố.

- Quỹ nhà gồm 28 nguyên đơn là căn hộ để ở với tổng diện tích sử dụng cho thuê là 87.246,38 m² và tổng diện tích kinh doanh, dịch vụ là 12.077,64 m².

i. Cung Trí thức Thành phố:

- Cung Trí thức Thành phố là dự án đầu tư xây dựng tại ô đất ký hiệu D25 Khu đô thị mới Cầu Giấy - Hà Nội với mục đích là cho các tổ chức, hiệp hội, đoàn thể, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội nghề đang hoạt động trên địa bàn thành phố Hà Nội có nhu cầu sử dụng diện tích trụ sở làm việc thuê.

- Tổng diện tích đất là 6.668,0 m²; diện tích sàn xây dựng là 19.734,0 m², bao gồm: 01 khối nhà cao 16 tầng (*diện tích 14.777,6 m²*), 01 khối nhà cao 03 tầng (*diện tích 2.021,0 m²*) và tầng hầm (*diện tích 2.935,4 m²*); trong đó, diện tích ký Hợp đồng thuê nhà cho các tổ chức, đơn vị là 8.323,3 m² (*thuộc khối nhà 16 tầng*) đạt tỷ lệ 49,55% tổng diện tích sàn sử dụng.

1.1.3. Rà soát, phân loại các khoản nợ đọng từ quỹ nhà thuộc sở hữu nhà nước của Thành phố:

Theo tổng hợp của Sở Xây dựng, tổng số nợ còn phải thu của các quỹ nhà thuộc sở hữu nhà nước của Thành phố tính đến thời điểm hiện tại là 884.163.169.096 đồng, trong đó được phân chia thành 03 nhóm nợ chính gồm:

a. Nợ luân chuyển có khả năng thu hồi ngay: 9.565.959.815 đồng, bao gồm:

- Quỹ nhà chuyên dùng: 3.689.790.020 đồng.
- Quỹ nhà tái định cư: 788.368.860 đồng.
- Quỹ nhà ở cũ thuộc SHNN: 5.087.800.935 đồng.

Nguyên nhân: Chủ yếu là do trong 03 năm gần đây, do ảnh hưởng của đại dịch covid nên một số đơn vị, cá nhân thuê/ sử dụng nhà không kinh doanh được, kinh doanh không hiệu quả, các đơn vị cố gắng nộp tiền thuê nhà nhưng thường nợ quý sau trả tiền thuê nhà quý trước, hoặc có nợ tiền thuê nhà và có văn bản đề nghị cơ quan Nhà nước có cơ chế hỗ trợ tiền thuê nhà chuyên dùng, nhà ở cũ do ảnh hưởng của đại dịch.

b. Nợ khó thu: 492.464.997.672 đồng, bao gồm:

- Quỹ nhà chuyên dùng: 85.702.556.707 đồng.
- Quỹ nhà ở cũ thuộc SHNN: 31.866.314.120 đồng.
- Quỹ nhà ở công nhân (*thuê diện tích KDDV tầng 1*): 5.417.108.446 đồng.
- Quỹ nhà tái định cư:

- + Diện tích kinh doanh định vụ: 13.718.843.829 đồng.
- + Các căn hộ vi phạm: 225.244.428.490 đồng.
- + Tiền thuê nhà tạm cư: 130.515.746.080 đồng.

Nguyên nhân:

- Do hợp đồng thuê nhà đã hết hạn, chưa được tiếp tục ký lại, hàng năm Công ty quản lý nhà vẫn lấy giá thuê nhà cũ và hợp đồng cũ để tính tiền thuê nhà và yêu cầu các đơn vị thuê nhà phải trả, do vậy phát sinh nợ đọng của các đơn vị thuê nhà.

- Nhiều đơn vị chây ì, nợ đọng tiền thuê nhà, các vị trí này đã có phương án xử lý thu hồi nhà chuyên dùng, các khoản nợ tiền thuê nhà phần lớn phát sinh tại thời điểm hợp đồng thuê nhà đã hết hạn; các khoản nợ tiền thuê nhà phần lớn thuộc các trường hợp đơn vị thuê trước đây không còn, địa điểm nhà chuyên dùng do đối tượng khác sử dụng.

- Đơn vị quản lý nhà đã buông lỏng quản lý để cho các cá nhân thuộc xí nghiệp nhà tự cho dân vào ở tại các căn hộ tái định cư, trong khi các hộ dân chưa ký hợp đồng mua nhà và nộp tiền mua nhà theo quy định.

c. Nợ xấu, khó đòi khả năng thu hồi rất thấp: 382.132.211.609 đồng.

- Quỹ nhà chuyên dùng: 291.184.120.534 đồng.
- Quỹ nhà ở cũ thuộc SHNN: 1.969.621.673 đồng.
- Quỹ nhà tái định cư (*diện tích KDDV*): 88.978.469.402 đồng.

Nguyên nhân:

- Nợ không có khả năng thu do vướng mắc về cơ chế, chính sách để tháo gỡ, xử lý dứt điểm về công tác quản lý do các đơn vị thuê bị cưỡng chế thu hồi nhà thuê của Nhà nước tuy nhiên việc cưỡng chế chưa thực hiện được.

- Nợ của các trường hợp thuê nhà của Nhà nước nhưng đã chuyển ở hoặc giá trị công trình trên khuôn viên nhà thuê của Nhà nước đã được xác định giá trị doanh nghiệp khi cổ phần hóa không đúng quy định.

Thực hiện các Kế hoạch của UBND Thành phố: Số 258/KH-UBND ngày 04/10/2020 về việc triển khai Nghị quyết của HĐND Thành phố triển khai thực hiện Nghị quyết của HĐND Thành phố về việc thực hiện các quy định của pháp

luật về quản lý, sử dụng tài sản công là nhà, đất thuộc sở hữu nhà nước của Thành phố; Số 297/KH-UBND ngày 17/11/2022 của UBND Thành phố về khắc phục tồn tại, hạn chế trong công tác quản lý quỹ nhà thuộc sở hữu Nhà nước sử dụng vào mục đích kinh doanh, dịch vụ, trụ sở làm việc và các mục đích khác không phải để ở trên địa bàn thành phố Hà Nội; Số 309/KH-UBND ngày 01/12/2022, UBND Thành phố về khắc phục tồn tại, hạn chế trong công tác quản lý, vận hành, sử dụng nhà chung cư tái định cư trên địa bàn thành phố Hà Nội, hiện Sở Xây dựng, các đơn vị, doanh nghiệp quản lý nhà đang tích cực triển khai các biện pháp đôn đốc, thu hồi nợ, báo cáo cấp có thẩm quyền tháo gỡ các vướng mắc, khó khăn và có chế tài xử lý dứt điểm các trường hợp vi phạm.

1.2. Trụ sở làm việc, công trình sự nghiệp của cơ quan, tổ chức, đơn vị và trụ sở làm việc, cơ sở sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp nhà nước thuộc phạm vi quản lý của Thành phố:

1.2.1. Đặc điểm, cơ chế hiện hành quản lý, sử dụng và khai thác:

- Khái niệm: Trụ sở làm việc, công trình sự nghiệp của cơ quan, tổ chức, đơn vị và trụ sở làm việc, cơ sở sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp nhà nước thuộc phạm vi quản lý của Thành phố là nhóm tài sản phục vụ hoạt động quản lý, cung cấp dịch vụ công, bảo đảm quốc phòng, an ninh của cơ quan nhà nước, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật về hội và tài sản phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp Nhà nước thuộc phạm vi quản lý của Thành phố. Việc quản lý, sử dụng và khai thác nhóm tài sản công này được kế thừa từ quy định tại Luật Quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước năm 2008.

- Các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội không được phép sử dụng trụ sở làm việc, công trình sự nghiệp được giao quản lý, sử dụng vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết. Đơn vị sự nghiệp công lập được sử dụng nhà, đất mà đơn vị chưa sử dụng hết công suất hoặc hiệu quả sử dụng chưa cao vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết

nhưng phải lập Đề án sử dụng tài sản công trình Chủ tịch UBND Thành phố phê duyệt. Căn cứ quy định của Trung ương, Thành phố đã ban hành các văn bản chỉ đạo, quán triệt và thực hiện nghiêm việc sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh liên kết.

- Trụ sở làm việc, cơ sở sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp nhà nước được phân loại thành tài sản công do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý và đã được tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp và tài sản công do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

+ Việc quản lý, sử dụng và khai thác nhà, đất do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý và đã được tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp được thực hiện theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp và pháp luật có liên quan.

+ Việc quản lý, sử dụng và khai thác nhà, đất do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp được thực hiện theo quy định tại Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và theo chế độ quản lý, sử dụng từng nhóm tài sản chuyên ngành (*tài sản kết cấu hạ tầng; tài sản phục vụ hoạt động của các dự án sử dụng vốn nhà nước; đất được Nhà nước giao không thu tiền sử dụng đất; đất được Nhà nước cho thuê trả tiền thuê đất hàng năm và được miễn tiền thuê đất cho cả thời gian thuê*).

1.2.2. Thực trạng quản lý, sử dụng và khai thác:

- Căn cứ Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ về sắp xếp lại, xử lý tài sản công, Nghị định số 67/2021/NĐ-CP ngày 15/7/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 167/2017/NĐ-CP (*trước đây là Quyết định số 09/2007/QĐ-TTg ngày 19/01/2007 của Thủ tướng Chính phủ về sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc sở hữu nhà nước*), UBND Thành phố đã giao Sở Tài chính chủ trì cùng các Sở ngành liên quan hướng dẫn các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý của Thành phố thực hiện rà soát, báo cáo kê khai đề xuất, lập, thẩm định và trình UBND Thành phố phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất theo quy định, trong đó:

+ UBND Thành phố đã phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý đối với 10.711 cơ sở nhà, đất với tổng diện tích khoảng 43.791.407 m² đất và 9.919.172 m² nhà thuộc phạm vi quản lý của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý của Thành phố (*Chi tiết theo Phụ lục 02 đính kèm*), trong đó:

(1) Khối sở, ban, ngành, đoàn thể thuộc Thành phố: UBND Thành phố đã phê duyệt phương án sắp xếp, xử lý nhà, đất của 1.272 cơ quan, đơn vị với tổng diện tích đất: 9.779.926 m², tổng diện tích nhà: 2.375.854 m².

(2) Khối quận, huyện, thị xã: UBND Thành phố đã phê duyệt phương án sắp xếp, xử lý nhà, đất của 30 quận, huyện, thị xã với 7.889 cơ sở nhà, đất, tổng diện tích đất: 20.317.531 m², tổng diện tích nhà: 6.291.800 m².

(3) Khối doanh nghiệp nhà nước: UBND Thành phố đã phê duyệt phương án sắp xếp, xử lý nhà, đất của 45 doanh nghiệp nhà nước (*gồm 05 Tổng công ty, 17 doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và 23 công ty cổ phần*) với 1.550 cơ sở nhà, đất, tổng diện tích đất: 13.693.950 m², tổng diện tích nhà: 1.251.517 m².

+ Tổng số trụ sở làm việc, công trình sự nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh dôi dư, sử dụng không đúng quy định đã được Sở Tài chính và liên ngành tham mưu, báo cáo UBND Thành phố xử lý theo đúng quy định (*thu hồi, điều chuyển; chuyển giao; bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất; chuyển mục đích sử dụng đất;...*) là 653 cơ sở, với 5.821.542 m² đất và 359.503 m² nhà.

- Các cơ quan, tổ chức, đơn vị cơ bản thực hiện quản lý, sử dụng nhà, đất tuân thủ theo tiêu chuẩn, định mức diện tích làm việc, công trình sự nghiệp quy định tại Nghị định số 152/2017/NĐ-CP ngày 27/12/2017 của Chính phủ. Diện tích chuyên dùng phục vụ nhiệm vụ đặc thù của một số cơ quan, đơn vị (*Sở Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Du lịch...*) từng bước được UBND Thành phố phê duyệt phục vụ công tác rà soát, sắp xếp xử lý nhà, đất theo tiêu chuẩn, định mức.

- Về thực hiện chủ trương rà soát phương án tổng thể bố trí, sắp xếp lại trụ sở làm việc của các Sở, ban, ngành Thành phố định hướng giai đoạn 5-10 năm tới: UBND Thành phố đã giao Liên ngành (*gồm các Sở: Xây dựng, Tài chính, Nội vụ, Quy hoạch - Kiến trúc*) rà soát, báo cáo UBND Thành phố kết quả rà soát tổng

thể hiện trạng và phương án bố trí trụ sở làm việc của các Sở, ban, ngành tại 02 Khu liên cơ quan (*Võ Chí Công và Vân Hồ*) và các trụ sở phân tán của các Sở, Ban, ngành của Thành phố, trong đó dự kiến:

+ Bố trí 03 Sở (*Xây dựng, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư*) tại Khu liên cơ Vân Hồ; 06 Sở, ngành (*Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Giao thông vận tải, Viện Quy hoạch Xây dựng và 04 Ban dự án cấp 1 của Thành phố: Ban QLDA ĐTXD công trình giao thông Thành phố Hà Nội; Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng Thành phố Hà Nội; Ban QLDA ĐTXD công trình hạ tầng kỹ thuật và nông nghiệp Thành phố Hà Nội và Ban quản lý đường sắt đô thị Hà Nội*) tại Khu liên cơ Võ Chí Công đảm bảo phù hợp, tính liên thông về chức năng nhiệm vụ và tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc.

+ Các trụ sở phân tán: Trong khi chưa có địa điểm phù hợp đầu tư xây dựng khu liên cơ quan để bố trí 16 Sở, ngành, đơn vị còn lại, các đơn vị này đóng ở các trụ sở phân tán (*gồm: Sở Công Thương; Sở Du lịch; Sở Giáo dục và Đào tạo; Sở Lao động Thương binh và Xã hội; Sở Ngoại vụ; Sở Nội vụ; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Sở Quy hoạch - Kiến trúc; Sở Tài nguyên và Môi trường; Sở Thông tin và Truyền thông; Sở Tư pháp; Sở Văn hóa và Thể thao; Sở Y tế; Thanh tra Thành phố; Ban Dân tộc thành phố Hà Nội; Viện nghiên cứu phát triển kinh tế - xã hội thành phố Hà Nội*), với 25 cơ sở nhà, đất diện tích 30.483,2 m² đất và 47.007,2 m² sàn xây dựng đề nghị cho phép các đơn vị vẫn tiếp tục sử dụng các trụ sở hiện tại để ổn định công tác.

+ Đối với các trụ sở cũ của các Sở, ban, ngành Thành phố di chuyển vào 02 Khu liên cơ quan:

(1) Điều chuyển, chuyển giao cho một số cơ quan, doanh nghiệp quản lý, sử dụng theo quy định.

(2) Thu hồi, giao Ban Quản lý các công trình nhà ở, công sở trực thuộc Sở Xây dựng tiếp nhận các cơ sở nhà, đất để lập phương án xử lý hiệu quả, làm cơ sở để Sở Xây dựng chủ trì cùng Sở Tài chính và các Sở, ngành liên quan trình UBND Thành phố xem xét, quyết định theo quy định và thẩm quyền. Trường hợp phù hợp để giao các Sở, ngành phục vụ hoạt động đặc thù, các Sở, ngành có trách nhiệm

chấm dứt các hợp đồng thuê nhà, đất để tiết kiệm chi ngân sách nhà nước. Hoặc chuyển giao cho các quận, huyện, thị xã phục vụ mục đích công cộng hoặc thu hồi, bán đấu giá tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo quy định.

(3) Đối với các cơ sở nhà, đất đang đi thuê, sau khi di chuyển về trụ sở mới, các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm chấm dứt hợp đồng thuê nhà, đất và bàn giao cho đơn vị cho thuê để quản lý, sử dụng theo đúng quy định. Giao các đơn vị đang quản lý vận hành quỹ diện tích này tổ chức đấu giá quyền thuê theo quy định.

- UBND Thành phố đã chỉ đạo các Sở ngành tham gia đoàn kiểm tra hiện trạng do Bộ Tài chính chủ trì đồng thời có ý kiến về dự kiến phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất của các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp trung ương trên địa bàn để Bộ Tài chính phê duyệt theo thẩm quyền 1.937 cơ sở nhà, đất (gồm 1.553 cơ sở do cơ quan, đơn vị quản lý, sử dụng; 384 cơ sở nhà, đất do doanh nghiệp quản lý, sử dụng) với diện tích khoảng 18.201.896 m² đất và khoảng 7.784.662 m² nhà. Trong đó, đã kiến nghị Bộ Tài chính quyết định hoặc báo cáo Thủ tướng Chính phủ cho phép chuyển giao 557.383 m² đất và 56.524 m² nhà của các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp trung ương về UBND Thành phố để quản lý, xử lý theo quy định pháp luật, trong đó ưu tiên sử dụng phục vụ nhu cầu công cộng và các nhu cầu khác của Thành phố (Bộ Tài chính đã ban hành quyết định chuyển giao nhà, đất về UBND Thành phố, ví dụ: Chuyển giao cơ sở 38 Thuốc Bắc từ Kho bạc nhà nước Hà Nội; Cơ sở 49 Phan Bội Châu từ UBND tỉnh Điện Biên; cơ sở 13 Phan Huy Chú từ Bộ Y tế; Khu đất ký hiệu 1B thuộc Khu liên hợp Thể thao Quốc gia thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; ...).

- Tính đến thời điểm 31/12/2022, đã có 42 Đề án sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập của Thành phố vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết rà soát, thẩm định, cho ý kiến để đơn vị hoàn thiện hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định. Trong đó UBND Thành phố đã xin ý kiến Thường trực HĐND Thành phố làm cơ sở phê duyệt 01 Đề án sử dụng tài sản công vào mục đích liên doanh, liên kết tại Bệnh viện đa khoa Xanh Pôn.

2. Đất đai:

2.1. Đặc điểm, cơ chế hiện hành quản lý, sử dụng và khai thác:

- Đất đai được thống kê, kiểm kê, ghi chép, theo dõi, quản lý theo quy định của pháp luật về đất đai. Nguồn lực tài chính từ đất đai (*tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, thuê mặt nước, thuế, phí, lệ phí liên quan đến đất đai, khai thác quỹ đất để tạo vốn phát triển kết cấu hạ tầng,...*) phải được khai thác hợp lý, hiệu quả, căn cứ vào quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và theo cơ chế thị trường. Việc quản lý, sử dụng các khoản thu từ khai thác nguồn lực tài chính từ đất đai được thực hiện theo quy định của pháp luật cho phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu, đảm bảo quốc phòng, an ninh, ổn định xã hội và an ninh lương thực.

- Nhà nước áp dụng cơ chế thu hồi đất vùng phụ cận của đất phục vụ dự án đầu tư xây dựng công trình kết cấu hạ tầng theo quy định của pháp luật về đất đai nhằm tạo quỹ đất để tạo vốn phát triển kết cấu hạ tầng. Việc khai thác quỹ đất để tạo vốn phát triển kết cấu hạ tầng phải được lập thành đề án, trong đó UBND Thành phố phê duyệt đối với đề án khai thác quỹ đất để tạo vốn phát triển kết cấu hạ tầng thuộc Thành phố quản lý. Việc khai thác quỹ đất để tạo vốn phát triển kết cấu hạ tầng được áp dụng theo hình thức giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc thuê đất trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê theo quy định của pháp luật về đất đai.

2.2. Thực trạng quản lý, sử dụng và khai thác:

2.2.1. Tổng thể chung:

Theo tổng hợp của Sở Tài nguyên và Môi trường tại các Văn bản: Số 6701/BC-STNMT-QHKHSDD ngày 13/09/2022; Số 7389/STNMT-QHKHSDD ngày 05/10/2022; Số 8126/STNMT-QHKHSDD ngày 26/10/2022; Số 8494/STNMT-QHKHSDD ngày 02/11/2022; Số 8880/STNMT-QHKHSDD ngày 16/11/2022:

- Tổng diện tích đất tự nhiên toàn Thành phố là 335.984 ha, trong đó phân theo nhóm đất: Đất nông nghiệp có 197.793 ha, chiếm 58,87% diện tích tự nhiên; đất phi nông nghiệp có 135.674 ha chiếm 40,38 % diện tích tự nhiên và đất chưa sử dụng có 2.517 ha chiếm 0,75% diện tích tự nhiên (*Chi tiết theo Phụ lục 03 đính kèm*), cụ thể:

+ Nhóm đất nông nghiệp gồm có đất sản xuất nông nghiệp 155.704 ha, đất lâm nghiệp 20.333 ha, đất nuôi trồng thủy sản 15.010 ha và đất nông nghiệp khác 6.746 ha. Trong đó quỹ đất nông nghiệp công ích 5% được phân bổ trên địa bàn 18 quận, huyện gồm Ba Vì (496 ha), Chương Mỹ (1.518 ha), Đan Phượng (319 ha), Đông Anh (493 ha), Gia Lâm (726 ha), Hoài Đức (217 ha), Mỹ Đức (1.924 ha), Phú Xuyên (1.670 ha), Phúc Thọ (510 ha), Quốc Oai (549 ha), Sóc Sơn (711 ha), Thanh Oai (549 ha), Sóc Sơn (711 ha), Thanh Oai (345 ha), Thanh Trì (110 ha), Thường Tín (733 ha), Ứng Hòa (1.553 ha), Bắc Từ Liêm (63 ha), Hà Đông (100 ha), Hoàng Mai (65 ha). (Chi tiết theo phụ lục 03a đính kèm)

+ Nhóm đất phi nông nghiệp gồm có đất ở 39.849 ha (trong đó đất ở nông thôn là 28.682 ha và đất ở đô thị là 11.167 ha), đất chuyên dùng 68.231 ha, đất cơ sở tôn giáo 804 ha, đất cơ sở tín ngưỡng 718 ha, đất nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng 3.368 ha, đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối 15.034 ha, đất có mặt nước chuyên dùng 7.380 ha, và đất phi nông nghiệp khác 290 ha.

+ Nhóm đất chưa sử dụng gồm có đất bằng chưa sử dụng 2.197 ha, đất đồi núi chưa sử dụng 56 ha và đất núi đá không có rừng cây 264 ha.

- Cơ cấu đất đai theo đối tượng quản lý, sử dụng như sau: Hộ gia đình, cá nhân sử dụng 204.799 ha; Tổ chức trong nước sử dụng 65.413 ha; Tổ chức, cá nhân nước ngoài sử dụng 361 ha; Cộng đồng dân cư sử dụng 1.609 ha; UBND cấp xã quản lý 37.029 ha; Tổ chức phát triển quỹ đất quản lý 170 ha; Tổ chức khác quản lý 26.555 ha.

- Căn cứ pháp luật đất đai, các Nghị định của Chính phủ, Thông tư của các Bộ ngành Trung ương, các Chương trình, Nghị quyết của Thành ủy và HĐND Thành phố, trong những năm qua UBND Thành phố đã xây dựng và thực hiện Kế hoạch số 122/KH-UBND ngày 01/6/2017 về tăng cường kỷ cương trong công tác quản lý, sử dụng đất, nâng cao hiệu quả sử dụng đất, ngăn chặn và xử lý tình trạng vi phạm pháp luật đất đai, lấn chiếm đất công, đất nông nghiệp trên địa bàn Thành phố; Chỉ thị số 09-CT/TU ngày 01/9/2016 của Thành ủy Hà Nội và Chỉ thị số 11/CT-UBND ngày 17/5/2016 của UBND Thành phố về cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất;...

- Hàng năm, tại các kỳ họp giữa năm và cuối năm HĐND Thành phố đều tiến hành xem xét, thông qua danh mục các dự án thu hồi đất, chuyển mục đích đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng thuộc thẩm quyền. Trên cơ sở đó, UBND Thành phố phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện làm căn cứ để thực hiện việc giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai. Thành phố đã thực hiện cho phép chuyển mục đích sử dụng đất 14.705 ha đất sang các mục đích phi nông nghiệp đáp ứng yêu cầu phát triển sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp, đô thị hóa, xây dựng hệ thống hạ tầng đồng bộ, phát triển kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng Thủ đô. Hàng năm, công tác thu hồi đất giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất đã góp phần tạo nguồn thu ngân sách tăng đều qua các năm từ đất hàng năm khoảng 20.000 - 28.000 tỷ đồng, chiếm khoảng 15%-18% tổng nguồn thu ngân sách Thành phố.

- Thực hiện Luật Quy hoạch, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch, Nghị quyết số 751/2019/UBTVQH14 ngày 16/8/2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội giải thích một số điều của Luật Quy hoạch, Chỉ thị số 30/CT-TTg ngày 27/7/2020 của Thủ tướng Chính phủ về các nhiệm vụ, giải pháp triển khai lập đồng thời các quy hoạch thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, Sở Tài nguyên và Môi trường đã trình UBND Thành phố phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 của 18/18 huyện, thị xã; đang triển khai lập kế hoạch sử dụng đất thành phố Hà Nội kỳ 2021-2025 trình cấp có thẩm quyền phê duyệt và tích hợp vào quy hoạch Thành phố đảm bảo sự đồng bộ, thống nhất. Tiếp tục chỉ đạo UBND cấp huyện hoàn thành việc lập kế hoạch sử dụng đất hàng năm, trình UBND Thành phố phê duyệt theo quy định pháp luật làm căn cứ thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất kịp thời phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Công tác cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất và đăng ký đất đai lần đầu cho các hộ gia đình, cá nhân khu vực dân cư được tập trung thực hiện, góp phần đáp ứng các mục tiêu ổn định cuộc sống của người dân. Công tác thanh tra, kiểm tra trong lĩnh vực quản lý, sử dụng đất đai được tập trung chỉ đạo thực hiện.

Trong tổng diện tích đất tự nhiên do Thành phố quản lý, UBND Thành phố đã chỉ đạo Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, UBND quận, huyện, thị xã tập trung rà soát, bóc tách quỹ đất tự nhiên của Thành phố để xác định tập trung một số nhóm quỹ đất là tài sản công do Thành phố quản lý hoặc có điều kiện trở thành tài sản công trong tương lai. Cụ thể, 05 quỹ đất dự kiến khai thác để tạo nguồn lực phát triển kinh tế - xã hội Thành phố trong giai đoạn 2023-2025 và định hướng giai đoạn 2026-2030 gồm: **(1) Quỹ đất 20%, 25% tại các dự án phát triển nhà ở, khu đô thị trên địa bàn Thành phố; (2) Quỹ đất dự kiến đối ứng cho các Dự án BT nay không đủ điều kiện triển khai theo quy định của Luật Đầu tư; (3) Quỹ đất di dời cơ sở không phù hợp quy hoạch; (4) Quỹ đất do Trung tâm phát triển quỹ đất Hà Nội đang quản lý; (5) Quỹ đất đấu giá quyền sử dụng đất.** Các quỹ đất còn lại, việc quản lý thực hiện theo quy định của Luật Đất đai, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công và các quy định pháp luật có liên quan.

2.2.2. Các quỹ đất dự kiến tập trung khai thác để tạo nguồn lực phát triển kinh tế - xã hội Thành phố giai đoạn 2023-2025 và định hướng giai đoạn 2026-2030:

a. Quỹ đất 20%, 25% tại các dự án phát triển nhà ở, khu đô thị trên địa bàn Thành phố:

Theo quy định tại Quyết định số 123/2011/QĐ-UB ngày 06/12/2001 và số 153/QĐ-UBND ngày 31/8/2006 của UBND Thành phố: *Đối với các dự án phát triển nhà ở thương mại, khu đô thị trên địa bàn thành phố Hà Nội có quy mô trên 3.000m² đất xây dựng nhà ở chung cư (không bao gồm các Dự án đối ứng cho công trình BT) chủ đầu tư phải chuẩn bị mặt bằng 20% quỹ đất (hoặc tương đương 30% quỹ nhà) xây dựng nhà ở chung cư phục vụ nhu cầu của Thành phố (được thanh toán chi phí đầu tư hạ tầng kỹ thuật). Một số dự án có quy mô dưới 3.000m² đất hoặc không có quỹ đất xây dựng nhà chung cư (dự án xây dựng nhà ở thấp tầng) thì không phải thực hiện nghĩa vụ nộp quỹ đất 20%. Nguyên tắc xác định diện tích quỹ đất 20% trên diện tích đất thương phẩm (không phải trên toàn diện tích đất thực hiện Dự án).*

Theo quy định tại Nghị định số 100/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ (*thay thế Nghị định số 188/2013/NĐ-CP*): *Đối với các dự án phát triển nhà ở thương mại, khu đô thị (bao gồm cả dự án đầu tư xây dựng theo hình thức BT và hình thức BOT) phải dành 20% tổng diện tích đất ở trong các đồ án quy hoạch chi tiết hoặc tổng mặt bằng được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, đã đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật dành để xây dựng nhà ở xã hội. Chủ đầu tư dự án phát triển nhà ở thương mại, dự án đầu tư phát triển đô thị đó có trách nhiệm trực tiếp đầu tư xây dựng nhà ở xã hội trên quỹ đất 20% (trừ trường hợp Nhà nước thu hồi quỹ đất 20% để đầu tư xây dựng nhà ở xã hội bằng nguồn vốn ngân sách và trường hợp chủ đầu tư không có nhu cầu tham gia đầu tư xây dựng nhà ở xã hội thì chuyển giao quỹ đất này cho UBND cấp tỉnh nơi có dự án). Trường hợp các dự án có quy mô dưới 10ha thì ngoài hình dành quỹ đất 20% để xây dựng nhà ở xã hội, chủ đầu tư lựa chọn hình thức chuyển giao quỹ nhà ở tương đương với giá trị quỹ đất 20% hoặc nộp bằng tiền tương đương giá trị quỹ đất 20%.*

Theo quy định tại Nghị quyết số 06/2013/NQ-HĐND ngày 12/7/2013 HĐND Thành phố: *Đối với các dự án phát triển nhà ở thương mại, khu đô thị mới trên địa bàn thành phố Hà Nội có quy mô từ 10ha trở lên khi phê duyệt quy hoạch chi tiết phải dành 25% diện tích đất ở hoặc 25% diện tích nhà ở để phát triển nhà ở xã hội.*

Kết quả rà soát của Sở Tài nguyên và Môi trường có 25 dự án (67 ô đất), diện tích đất khoảng 388.905 m² có quỹ đất 20-25% phải bàn giao cho Trung tâm phát triển quỹ đất Hà Nội quản lý. Gồm:

- + Quỹ đất đã tiếp nhận: 10 dự án (22 ô đất), diện tích khoảng 178.652 m² đất.
- + Quỹ đất đang tiếp nhận (đã có Quyết định thu hồi): 07 dự án (16 ô đất), diện tích khoảng 77.051 m² đất.
- + Quỹ đất chưa tiếp nhận (do chưa hoàn thành GPMB): 08 dự án (29 ô đất), diện tích khoảng 82.112 m² đất.

Đối với quỹ đất này, thời gian tới UBND Thành phố sẽ chỉ đạo Sở Tài nguyên và Môi trường rà soát đề xuất phương án sử dụng đất, đấu giá quyền sử

dụng đất theo quy định.

b. Quỹ đất dự kiến đối ứng cho các Dự án BT nay không đủ điều kiện triển khai theo quy định của Luật Đầu tư:

- Theo quy định của Luật Đầu tư 2020, đối với dự án BT dừng triển khai dự án mới, dừng thực hiện dự án chưa phát hành hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu. UBND Thành phố đã giao Sở Kế hoạch và Đầu tư thông báo cho các nhà đầu tư đề xuất dự án, nhà đầu tư đăng ký tham gia thực hiện dự án việc dừng công tác chuẩn bị đầu tư; đồng thời báo cáo UBND Thành phố.

- Ban Thường vụ Thành ủy đã có ý kiến chỉ đạo thực hiện tại Thông báo số 198-TB/TU ngày 29/3/2021, UBND Thành phố đã chỉ đạo tại các Văn bản: số 677/UBND-ĐT ngày 09/3/2021, số 1336/UBND-ĐT ngày 06/5/2021 và số 1665/UBND-KT ngày 31/5/2021, trong đó giao các sở, ngành Thành phố nghiên cứu, tham mưu cho UBND Thành phố có phương án sử dụng đất đối với từng quỹ đất cụ thể vào việc tạo nguồn thu ngân sách (*đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư...*) để đầu tư các công trình hạ tầng giao thông (*trong đó có công trình dự kiến thực hiện theo hình thức BT*). Đây là nguồn lực quan trọng về đất đai trong tương lai để Thành phố sử dụng phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của Thủ đô.

- Kết quả rà soát: Tổng số có 91 dự án phải thực hiện tiến hành rà soát, dừng công tác chuẩn bị đầu tư. Trong đó:

+ 39 dự án BT đã xác định được quỹ đất dự kiến đối ứng khoảng 5.794 ha, gồm: 03 ha (*01 dự án*) đã giải phóng mặt bằng; 12,47 ha (*02 dự án*) là trụ sở làm việc thuộc địa phương quản lý; 5.778,53 ha (*36 dự án*) chưa giải phóng mặt bằng.

+ 52 dự án BT chưa xác định rõ ranh giới, quy mô quỹ đất đối ứng/quỹ đất đối ứng chưa phù hợp/chồng lấn ranh giới dự án.

(Chi tiết theo phụ lục 03c đính kèm).

c. Quỹ đất di dời cơ sở không phù hợp quy hoạch:

Trên cơ sở quy hoạch phân khu đô thị được UBND Thành phố phê duyệt (*như: Quyết định 1359/QĐ-UBND ngày 19/3/2021, số 1361/QĐ-UBND ngày 19/3/2021*), Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp cùng Sở Quy hoạch - Kiến

trúc và 12 quận đã rà soát, cập nhật hồ sơ các cơ sở nhà đất do các doanh nghiệp, đơn vị đang sử dụng nhà, đất làm cơ sở sản xuất công nghiệp hiện không phù hợp với quy hoạch xây dựng, trong đó:

- UBND Thành phố đã báo cáo HĐND Thành phố ban hành Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 08/7/2022 về danh mục 09 khu đất với tổng diện tích khoảng 518.999 m² do các doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, Công ty cổ phần và Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ đang quản lý, sử dụng phải di dời theo quy hoạch (*Chi tiết theo phụ lục 03d đính kèm*).

- Đối với các cơ sở công nghiệp phải di dời theo quy hoạch xây dựng đô thị ra khỏi khu vực nội thành Hà Nội theo thẩm quyền phê duyệt danh mục của Thủ tướng Chính phủ theo Quyết định số 130/QĐ-TTg ngày 23/01/2015 của Thủ tướng Chính phủ, UBND Thành phố đã giao Sở Tài nguyên và Môi trường tiếp tục nghiên cứu đề xuất tham mưu.

- Quỹ đất sau khi di dời các cơ sở sản xuất công nghiệp sẽ được đề xuất phương án sử dụng công khai theo quy định để tạo kinh phí tái đầu tư cho doanh nghiệp bị di dời. Sử dụng hiệu quả quỹ đất còn lại sau khi di dời đảm bảo đúng mục đích, chức năng và các chỉ tiêu sử dụng đất, phù hợp với quy hoạch đã được phê duyệt, tuân thủ quy định của Luật Thủ đô và các quy chế quản lý quy hoạch kiến trúc của thành phố Hà Nội.

d. Quỹ đất do Trung tâm Phát triển quỹ đất Hà Nội đang quản lý.

- Cơ sở nhà, đất do Trung tâm Phát triển quỹ đất Hà Nội tiếp nhận sau khi sắp xếp trụ sở, di dời cơ sở sản xuất của các cơ quan, đơn vị của Thành phố: 43 cơ sở, diện tích đất 10.353,1m² (*Chi tiết theo phụ lục 03e đính kèm*).

- Trong quá trình triển khai thực hiện, Trung tâm Phát triển quỹ đất Hà Nội tiếp tục hoàn thiện hồ sơ thu hồi cơ sở nhà, đất do các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp thực hiện việc sắp xếp, xử lý tài sản công liên quan đến đất đai theo phương án cổ phần hóa, phương án sắp xếp nhà đất dôi dư và kịp thời đề xuất phương án quản lý, khai thác sử dụng theo quy định.

e. Quỹ đất đấu giá quyền sử dụng đất:

UBND Thành phố phê duyệt tại Kế hoạch số 85/KH-UBND ngày 30/3/2021 được tổng hợp trên cơ sở đăng ký nhu cầu, đề xuất của 26 quận, huyện, thị xã và Trung tâm Phát triển quỹ đất Hà Nội, trong đó:

- Kế hoạch đấu giá quyền sử dụng đất năm 2022:

Tổng số dự án: 494 dự án; Tổng diện tích đất để đấu giá: 381,05 ha; Tổng số tiền trúng đấu giá dự kiến: 31.499,05 tỷ đồng; Tổng số tiền dự kiến nộp ngân sách là: 24.531,52 tỷ đồng, trong đó:

+ Dự án quy mô diện tích trên 5.000m²: 292 dự án; Tổng diện tích đất để đấu giá: 341,99 ha; Tổng số tiền trúng đấu giá dự kiến: 27.623,64 tỷ đồng; Tổng số tiền dự kiến nộp ngân sách là: 21.616,19 tỷ đồng.

+ Dự án quy mô diện tích dưới 5.000m²: 202 dự án; Tổng diện tích đất để đấu giá: 39,32 ha; Tổng số tiền trúng đấu giá dự kiến: 3.875,41 tỷ đồng; Tổng số tiền dự kiến nộp ngân sách là: 2.915,33 tỷ đồng.

- Kế hoạch đấu giá quyền sử dụng đất năm 2023:

Tổng số dự án: 518 dự án; Tổng diện tích đất để đấu giá: 4.412.395 m²; Tổng số tiền trúng đấu giá dự kiến: 39.803,39 tỷ đồng; Tổng số tiền dự kiến nộp ngân sách là 24.414,99 tỷ đồng. Trong đó:

+ Dự án quy mô diện tích trên 5.000m²: 368 dự án; Tổng diện tích đất để đấu giá: 369,07 ha; Tổng số tiền trúng đấu giá dự kiến: 34.177,24 tỷ đồng; Tổng số tiền dự kiến nộp ngân sách là: 21.921,9 tỷ đồng.

+ Dự án quy mô diện tích dưới 5.000m²: 150 dự án; Tổng diện tích đất để đấu giá: 72,17 ha; Tổng số tiền trúng đấu giá dự kiến: 5.626,15 tỷ đồng; Tổng số tiền dự kiến nộp ngân sách là: 2.493,09 tỷ đồng.

(Chi tiết theo Phụ lục 03f đính kèm)

3. Tài sản kết cấu hạ tầng:

3.1. Đặc điểm, cơ chế hiện hành quản lý, sử dụng và khai thác:

- Khái niệm: Tài sản kết cấu hạ tầng là các công trình kết cấu hạ tầng kỹ thuật, công trình kết cấu hạ tầng xã hội và vùng đất, vùng nước, vùng biển gắn với công trình kết cấu hạ tầng phục vụ lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng, bao gồm hạ tầng giao thông, hạ tầng thủy lợi, hạ tầng kỹ thuật đô thị, hạ tầng thông

tin, hạ tầng văn hóa - thể thao và hạ tầng khác theo quy định của pháp luật.

- Theo quy định pháp luật về tài sản công, đối tượng được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng (*cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp có vốn nhà nước*) có trách nhiệm lập hồ sơ, hạch toán, duy tu, bảo trì, bảo vệ tài sản kết cấu hạ tầng. Đối lại, đối tượng được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng được quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng trên cơ sở Đề án khai thác được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo các phương thức: (i) Trực tiếp tổ chức khai thác tài sản kết cấu hạ tầng; (ii) Chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng; (iii) Cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng; (iv) Chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng. Trường hợp tài sản kết cấu hạ tầng chỉ phục vụ mục đích công cộng thì không phải lập Đề án.

3.2. Thực trạng quản lý, sử dụng và khai thác:

3.2.1. Hạ tầng giao thông:

- Theo phân cấp tại Nghị quyết số 21/2022/NQ-HĐND ngày 12/9/2022 của HĐND Thành phố: (i) Thành phố quản lý sau đầu tư đường cao tốc, đường quốc lộ do Trung ương bàn giao về Thành phố đầu tư, quản lý, đường vành đai, đường trên cao, đường tỉnh lộ, đường theo quy hoạch là đường huyện đi qua địa bàn hai đơn vị hành chính cấp huyện trở lên, đường đô thị và đường theo quy hoạch là đường đô thị; đường đô thị có quy chuẩn từ loại đường khu vực trở lên trên địa bàn 05 huyện có Đề án thành lập quận đến năm 2025 (*gồm các huyện: Đông Anh, Đan Phượng, Gia Lâm, Hoài Đức, Thanh Trì*); các hạng mục đường bộ (*không bao gồm hệ đường*) trên các đường, phố trong địa bàn các quận trừ đường ngõ, ngách, các đường, phố, các tuyến đường từ loại đường khu vực trở lên trong các khu đô thị trên địa bàn các quận, các khu đô thị trên địa bàn từ hai đơn vị hành chính cấp huyện trở lên sau khi chủ đầu tư các khu đô thị bàn giao về Thành phố; các hạng mục đường bộ (*không bao gồm hệ đường*) trên một số tuyến đường giao thông quan trọng, các trục hướng tâm trên địa bàn các huyện và thị xã Sơn Tây (ii) UBND quận, huyện, thị xã quản lý sau đầu tư các công trình đường bộ còn lại trên địa bàn.

- Toàn bộ hệ thống hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn Thành phố Hà

Nội có tổng chiều dài khoảng 21.615,92 km. Trong đó, Thành phố phân cấp cho 30 quận, huyện và thị xã Sơn Tây quản lý 19.282,57 km. Thành phố quản lý và giao Sở Giao thông vận tải quản lý, duy tu, bảo trì: 1.370 tuyến đường, tổng chiều dài 2.333,35km, tổng diện tích mặt đường quản lý là trên 23.964.249 m²; 573 cầu với tổng chiều dài 62.016 m, 115 hầm với tổng chiều dài 8.754,93 m. Riêng việc quản lý hệ thống đèn tín hiệu giao thông được thực hiện theo Quy chế số 1211/QCPH-SGTVT-CATP ngày 17/11/2015 theo đó Trung tâm điều khiển giao thông trực thuộc Công an Thành phố chịu trách nhiệm quản lý, vận hành, khai thác tài sản trong khi Sở Giao thông vận tải thực hiện đặt hàng bảo trì, sửa chữa thay thế hư hỏng hệ thống đèn tín hiệu giao thông.

Bên cạnh đó, Thành phố giao Tổng công ty Vận tải Hà Nội, Công ty TNHH MTV Khai thác điểm đỗ xe Hà Nội quản lý, khai thác 06 bến xe khách, 01 bến xe hàng hóa, 11 bãi đỗ xe công cộng tập trung với tổng diện tích đất khoảng 508.139 m².

(Chi tiết theo phụ lục 04a đính kèm).

- Nhiều công trình thuộc hệ thống hạ tầng giao thông khung của Thành phố đã hoàn thành, đưa vào khai thác, sử dụng, phát huy hiệu quả, tạo điều kiện thuận lợi kết nối các tuyến đường nội đô, kết nối khu vực, góp phần nâng cao năng lực giao thông, đáp ứng nhu cầu đi lại của nhân dân, giảm ùn tắc và tai nạn giao thông, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của Thủ đô. Chỉ tiêu diện tích đất dành cho giao thông tăng khoảng 0,28% đất đô thị/năm, theo đó năm 2015 đạt 8,65%, đến năm 2019 đạt khoảng 9,75% và năm 2020 đạt 10,05% trên diện tích đất xây dựng đô thị.

- Đối với hệ thống đường sắt đô thị: Năm 2021, Thành phố đã tiếp nhận từ Bộ Giao thông vận tải tuyến đường sắt đô thị Hà Nội số 2A, Cát Linh – Hà Đông và giao Công ty TNHH MTV Đường sắt Hà Nội tiếp nhận, quản lý vận hành, khai thác và bảo trì tuyến đường sắt đô thị theo quy định.

3.2.2. Hạ tầng thủy lợi:

- Theo Nghị quyết số 21/2022/NQ-HĐND ngày 12/9/2022 của HĐND Thành phố, Thành phố (*Các Công ty thủy lợi*) quản lý các công trình thủy lợi lớn và vừa trên địa bàn, công trình thủy lợi mà việc khai thác và bảo vệ liên quan đến hai xã, phường, thị trấn trở lên, công trình thủy lợi nhỏ gắn với công trình thủy lợi

do Thành phố quản lý. UBND cấp huyện quản lý các công trình thủy lợi còn lại trên địa bàn Thành phố và công trình thủy lợi nội đồng.

- Theo Quy hoạch phát triển thủy lợi thành phố Hà Nội đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 đã được phê duyệt tại Quyết định 4673/QĐ-UBND ngày 18/10/2012 của UBND Thành phố, hệ thống thủy lợi thành phố Hà Nội được phân thành 3 vùng, phù hợp với nguyên tắc quản lý nguồn nước theo các lưu vực sông và phù hợp với việc phân vùng được quy định trong quy hoạch chung xây dựng Thủ đô Hà Nội đã được Chính phủ phê duyệt, bao gồm: (i) Vùng Hữu sông Đáy, gồm thị xã Sơn Tây và các huyện Ba Vì, Thạch Thất, Phúc Thọ, Quốc Oai, Chương Mỹ, Mỹ Đức; (ii) Vùng Tả sông Đáy, gồm các quận: Hà Đông, Nam Từ Liêm, Bắc Từ Liêm và các huyện: Đan Phượng, Hoài Đức, Thanh Trì, Thanh Oai, Ứng Hòa, Thường Tín và Phú Xuyên; (iii) Vùng Bắc Hà Nội, gồm Quận Long Biên và các huyện: Mê Linh, Sóc Sơn, Đông Anh, Gia Lâm.

- Hệ thống công trình thủy lợi trên địa bàn Hà Nội gồm: 2.129 trạm bơm với 4.642 tổ máy, 110 hồ chứa nước, 408 bãi đập dâng, 33.725 tuyến kênh với chiều dài khoảng 19.130,03 km và 46.346 cống tưới, tiêu các loại. Trong đó: cấp Thành phố quản lý 739 trạm bơm với 2.788 tổ máy, 28 hồ chứa nước, 06 bãi đập dâng, 2.049 tuyến kênh với chiều dài khoảng 3.424,41 km và 16.603 cống tưới, tiêu các loại; cấp huyện quản lý 1.390 trạm bơm với 1.854 tổ máy, 82 hồ chứa nước, 402 bãi đập dâng, 31.676 tuyến kênh với chiều dài khoảng 15.695,62 km và 29.743 cống tưới, tiêu các loại (*Chi tiết theo phụ lục 04b đính kèm*).

- UBND Thành phố đã ban hành Quyết định số 38/2022/QĐ-UBND ngày 27/10/2022 về quy trình, định mức kinh tế kỹ thuật phục vụ công tác quản lý, duy tu, bảo trì, khai thác công trình thủy lợi.

- Hàng năm, Thành phố phê duyệt kế hoạch đặt hàng đối với các Công ty Thủy lợi. Công tác quản lý, khai thác công trình thủy lợi được thông qua hợp đồng kinh tế. Từ năm 2012 đến nay, Thành phố đã đặt hàng dịch vụ tưới tiêu với các Công ty Thủy lợi, do vậy công tác quản lý, duy trì và vận hành hệ thống tưới tiêu đã có những bước chuyển biến tích cực, công việc thực hiện đảm bảo chất lượng,

hiệu quả hơn; công trình thủy lợi thường xuyên được duy tu, bảo dưỡng theo định mức kinh tế kỹ thuật, phục vụ kịp thời sản xuất, dân sinh, góp phần ổn định sản xuất, phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương, nhất là các địa phương có diện tích đất nông nghiệp chiếm tỉ trọng lớn; cơ bản đảm bảo khai thác, sử dụng hiệu quả tài nguyên nước và bảo vệ môi trường trên địa bàn Thành phố. Đối với các công trình thủy lợi do cấp huyện quản lý chủ yếu giao cho các hợp tác xã nông nghiệp quản lý, vận hành, khai thác phục vụ sản xuất, canh tác.

3.2.3. Hạ tầng văn hóa - thể thao (thiết chế văn hóa - thể thao).

- *Hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cấp Thành phố:* Hiện có 34 công trình bao gồm Sở Văn hoá và Thể thao quản lý 27 thiết chế, Thành đoàn Hà Nội quản lý 03 thiết chế, Công ty TNHH MTV Điện ảnh Hà Nội quản lý 04 thiết chế.

- *Hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cấp huyện:* 30 quận, huyện, thị xã của Thành phố hiện có 57 thiết chế văn hóa, thể thao do Trung tâm Văn hóa - thông tin và thể thao quận, huyện, thị xã quản lý, sử dụng, trong đó bao gồm 25 nhà văn hóa cấp huyện, 26 Trung tâm thể dục thể thao cấp huyện, 03 tổ hợp Trung tâm Văn hóa - Thông tin và Thể thao và 03 thiết chế khác.

- *Hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cấp xã:* Trên địa bàn Thành phố Hà Nội hiện có tổng số 136/579 xã, phường, thị trấn có công trình Trung tâm văn hoá, thể thao cấp xã, trong đó có 84 Trung tâm văn hoá thể thao xã/thị trấn; 52 Trung tâm văn hoá thể thao phường. Các Trung tâm trên hiện do UBND xã, phường, thị trấn quản lý.

- *Hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao tại thôn, tổ dân phố:* Toàn Thành phố hiện có 4.277 nhà văn hóa/điểm sinh hoạt cộng đồng của thôn, tổ dân phố (2.283 nhà văn hoá thôn và 1.994 nhà văn hoá, điểm sinh hoạt tổ dân phố). Các nhà văn hóa, điểm sinh hoạt cộng đồng tổ dân phố ở nội thành đều có diện tích nhỏ do chủ yếu tận dụng những phần đất dôi dư hay hạng mục phải chuyển đổi mục đích.

Hiện nay việc quản lý, tổ chức hoạt động nhà văn hóa/điểm sinh hoạt cộng đồng theo hình thức tự quản, tùy vào điều kiện cụ thể của từng địa phương để bố trí người quản lý, chủ yếu là giao cho trưởng thôn/tổ trưởng tổ dân phố hoặc

trưởng ngành đoàn thể thôn kiêm nhiệm và trông coi.

3.2.4. Hạ tầng kỹ thuật đô thị:

a. Hạ tầng cấp nước sạch:

- Theo phân cấp tại Nghị quyết số 21/2022/NQ-HĐND ngày 12/9/2022, Thành phố quản lý sau đầu tư các công trình hạ tầng ngoài hàng rào và hỗ trợ khác theo chính sách nước sạch đô thị của Nhà nước khi triển khai dự án cấp nước sạch tập trung tại các quận, thị xã Sơn Tây, các khu vực có sử dụng nguồn nước sạch tập trung của Thành phố và công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung trên địa bàn Thành phố. UBND cấp huyện thực hiện quản lý, duy tu, bảo trì hệ thống nước sạch tại khu vực nông thôn vùng sâu vùng xa không thể kết nối với hệ thống cấp nước tập trung, những khu vực chưa có hệ thống cấp nước và không có nhà đầu tư thực hiện xã hội hóa, công trình cấp nước sạch tập trung hiện có tại địa phương đã được đầu tư bằng ngân sách hoặc có nguồn gốc ngân sách nhà nước mà chưa xã hội hóa quản lý sau đầu tư.

- Trên địa bàn nông thôn Thành phố có 98 công trình cấp nước nông thôn tập trung từ các nguồn vốn chương trình mục tiêu Quốc gia nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn, chương trình 134, chương trình 135.... Sau đầu tư, các công trình cấp nước tập trung ở nông thôn được giao cho các tổ chức quản lý, vận hành, khai thác dịch vụ cấp nước sạch. Qua rà soát, trên địa bàn thành phố có 4 dạng mô hình quản lý, sử dụng và khai thác công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn đó là: cộng đồng quản lý; hợp tác xã quản lý; UBND các xã quản lý và doanh nghiệp quản lý, trong đó mô hình doanh nghiệp quản lý và hợp tác xã quản lý được đánh giá là tương đối hiệu quả (*Chi tiết theo phụ lục 04c đính kèm*).

b. Hạ tầng thoát nước:

- Theo phân cấp tại Nghị quyết số 21/2022/NQ-HĐND ngày 12/9/2022, Thành phố (*giao Sở Xây dựng*) quản lý hệ thống thoát nước gắn với các khu vực (*không bao gồm thoát nước ngõ, xóm*) các tuyến đường do Thành phố đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp, mở rộng trên địa bàn Thành phố, hệ thống thoát nước liên khu vực (*bao gồm cả các hồ trong khu vực đô thị*) không gắn trực tiếp với đường, hệ thống thoát nước trên địa bàn các quận, trừ thoát nước ngõ, ngách, hệ thống thoát

nước gắn với các khu vực, các tuyến đường do Thành phố quản lý sau đầu tư trên địa bàn các huyện và thị xã Sơn Tây (*bao gồm cả đường trong khu đô thị do chủ đầu tư bàn giao về Thành phố*), các hồ thoát nước, hồ điều hòa có giá trị lịch sử, văn hóa, cảnh quan môi trường trên địa bàn các quận (*ngoài các hồ trong công viên Thành phố quản lý*). Các quận quản lý hệ thống thoát nước ngõ, ngách. Các huyện và thị xã Sơn Tây quản lý hệ thống thoát nước và các hồ điều hòa còn lại trên địa bàn. Thành phố thống nhất quản lý hệ thống xử lý nước thải trên địa bàn Thành phố. UBND cấp huyện quản lý công trình xử lý nước thải cục bộ (*quy mô dưới 5.000m³/ngày đêm*) và hệ thống thu gom nước thải trên địa bàn nhằm xử lý nước thải tại các khu dân cư không kết nối được với hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Thành phố.

- Hệ thống hạ tầng thoát nước cấp Thành phố quản lý bao gồm: 3.287,91 km công, rãnh các loại, 111.994 ga thu, ga thăm các loại, 50 hồ nước, 49 trạm bơm do Sở Xây dựng (*Trung tâm Quản lý hạ tầng kỹ thuật thành phố Hà Nội*) quản lý, duy tu, bảo trì thông qua hình thức đấu thầu. Đối với 05 trạm xử lý/nhà máy nước thải, Sở Xây dựng (*Trung tâm Quản lý hạ tầng kỹ thuật thành phố Hà Nội*) quản lý, vận hành, duy tu, bảo trì đối với 03 trạm/nhà máy gồm hồ Bảy Mẫu, Bắc Thăng Long Vân Trì, Yên Sở; Công ty TNHH MTV Thoát nước Hà Nội quản lý, vận hành, duy tu, bảo trì đối với 02 trạm/nhà máy Kim Liên, Trúc Bạch. Đối với khối lượng còn lại, do UBND quận, huyện, thị xã quản lý và tổ chức thực hiện theo phân cấp.

c. Hạ tầng chiếu sáng đô thị:

- Theo phân cấp tại Nghị quyết số 21/2022/NQ-HĐND ngày 12/9/2022, Thành phố quản lý sau đầu tư hệ thống chiếu sáng công cộng (*bao gồm cả chiếu sáng trang trí mỹ thuật đô thị*) đồng bộ với đầu tư hệ thống đường bộ do Thành phố đầu tư, trên các tuyến đường bộ, trong các công viên, vườn hoa, quảng trường và các khu vực công cộng khác do Thành phố quản lý, trên địa bàn các quận trừ chiếu sáng ngõ, ngách. Các quận quản lý chiếu sáng ngõ, ngách. Các huyện, thị xã Sơn Tây quản lý hệ thống chiếu sáng công cộng đồng bộ với đầu tư hệ thống đường bộ do cấp huyện đầu tư; trong công viên, vườn hoa và các khu vực công khác do cấp huyện quản lý.

- Khối lượng hạ tầng chiếu sáng đô thị cấp Thành phố quản lý gồm 2.705 tủ

điều khiển chiếu sáng, chiều dài tuyến 4.502 km, tổng công suất 28.740kW, tổng số bộ đèn 132.078 bộ. Hệ thống đèn trang trí thường xuyên: 2 khung trên tuyến phố Nguyễn Cảnh Chân; Hệ thống trang trí kiến trúc: 08 vị trí; Hệ thống bảng điện tử ngang đường: 01 vị trí (02 bảng); Hệ thống đèn LED trang trí trên cầu giao thông: 24 vị trí; Duy trì chiếu sáng trang trí các công cơ quan Đảng, Nhà nước, Thành phố: 22 vị trí. Sở Xây dựng (*Trung tâm Quản lý hạ tầng kỹ thuật thành phố Hà Nội*) được giao quản lý, duy tu, bảo trì thông qua hình thức đấu thầu. Đối với khối lượng còn lại, do UBND quận, huyện, thị xã quản lý và tổ chức thực hiện theo phân cấp.

d. Công viên, vườn hoa, cây xanh, thảm cỏ:

- Theo phân cấp tại Nghị quyết số 21/2022/NQ-HĐND ngày 12/9/2022, Thành phố (*giao Sở Xây dựng*) quản lý sau đầu tư công viên, vườn hoa đặc biệt quan trọng theo danh mục UBND Thành phố phê duyệt; cây xanh bóng mát, cây cảnh, thảm cỏ trên các tuyến đường đô thị từ cấp khu vực trở lên, đường cao tốc, quốc lộ, tỉnh lộ, đường trên cao do Thành phố quản lý đi qua địa bàn các quận, huyện, thị xã; trên các tuyến đường quan trọng theo danh mục UBND Thành phố phê duyệt. UBND cấp huyện quản lý sau đầu tư các công viên, vườn hoa, ao, hồ, cây xanh, thảm cỏ còn lại trên địa bàn.

- Khối lượng hạ tầng là công viên, vườn hoa, cây xanh, thảm cỏ bao gồm hệ thống cây xanh trên tất cả tuyến đường, phố Thành phố quản lý là 14 công viên và 40 vườn hoa. Trong đó, khối lượng quản lý, duy trì là 3.261.364,54 m² cây bụi, khóm, mảng, hàng rào viền, thảm cỏ; 6.553,5m² cây hoa thời vụ; khoảng 824.400 cây bóng mát (*gồm: 214.175 cây đô thị, 610.275 cây bóng mát, lấy gỗ*) và 88 loài động vật (*trong đó: 32 loài đặc hữu, quý hiếm*), gồm 604 con (*Lớp thú: 232 con; Lớp bò sát : 22 con; Lớp chim 350 con; quản lý, duy trì 39 chuồng trại có tổng diện tích nền chuồng, sân bãi khoảng 13.800 m²*). Đối với khối lượng còn lại, do UBND quận, huyện, thị xã quản lý và tổ chức thực hiện theo phân cấp.

e. Hạ tầng ngầm kỹ thuật đô thị:

- Để chuẩn bị kỷ niệm 1.000 năm Thăng Long - Hà Nội, UBND Thành phố giao các Sở, ngành triển khai 29 dự án hạ ngầm kết cấu chính trang các tuyến phố, UBND các quận thực hiện chính trang đô thị kết hợp hạ ngầm, sắp xếp đường dây,

cáp đi nổi trên các tuyến phố. Hệ thống công trình hạ tầng ngầm kỹ thuật đô thị sử dụng chung (*cống bê, hào kỹ thuật, tuy nèn kỹ thuật*) được các chủ đầu tư đầu tư xây dựng, hoàn thành đồng bộ với các tuyến đường.

- Thực hiện chỉ đạo của UBND Thành phố tại Công văn số 2961/UBND-ĐT ngày 20/5/2017 và Quyết định số 30/2018/QĐ-UBND ngày 28/12/2018; từ năm 2017 đến nay, Sở Thông tin và Truyền thông đã tiếp nhận, bàn giao nguyên trạng 177 công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung (*không bàn giao giá trị tài sản*) từ các Ban QLDA của Thành phố, Ban QLDA các quận, huyện, thị xã cho các doanh nghiệp: Tổng Công ty viễn thông Mobiphone (*30 công trình*), Công ty cổ phần viễn thông FPT (*59 công trình*), Công ty cổ phần Đầu tư thương mại và Xây dựng đô thị Hà Nội (*88 công trình*). Tổng hợp kinh phí các doanh nghiệp được giao quản lý, thu hồi vốn 177 công trình thu từ cho thuê công trình từ năm 2017 đến nay là 36.755.965.790 đồng. Các doanh nghiệp được giao quản lý, duy trì chủ động tổ chức bộ máy nhân sự, máy móc, trang thiết bị và xây dựng kế hoạch, phương án tổ chức quản lý, duy trì các công trình ngầm hạ tầng kỹ thuật đô thị sử dụng chung; tổ chức ký kết hợp đồng cho thuê sử dụng công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung và kiểm tra, sửa chữa, khắc phục các hư hỏng, tồn tại trên các tuyến công trình đảm bảo công trình vận hành an toàn và khai thác có hiệu quả.

f. Nghĩa trang, cơ sở hỏa táng:

- Theo Quyết định số 30/2017/QĐ-UBND ngày 11/9/2017 của UBND Thành phố ban hành quy định quản lý, sử dụng nghĩa trang trên địa bàn thành phố Hà Nội, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội giao Ban phục vụ lễ tang Hà Nội trách nhiệm quản lý các nghĩa trang cấp Thành phố; UBND cấp huyện quản lý nghĩa trang trên địa bàn huyện (*Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội là cơ quan thường trực, giúp việc UBND cấp huyện trong việc quản lý, sử dụng nghĩa trang*); UBND cấp xã quản lý nghĩa trang trên địa bàn xã.

- Trên địa bàn Thành phố hiện có 2.765 nghĩa trang, với tổng diện tích 2.347 ha, trong đó:

+ Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (*Ban phục vụ lễ tang Hà Nội*) quản lý 07 nghĩa trang, bao gồm 03 nghĩa trang nhân dân, 03 nghĩa trang liệt sỹ, 01

nghĩa trang người Trung Quốc và 01 cơ sở hỏa táng.

+ 03 quận, thị xã (*Hà Đông, Bắc Từ Liêm, Sơn Tây*) quản lý 03 nghĩa trang cấp huyện.

+ Nghĩa trang cấp xã quản lý hiện có 2.755 nghĩa trang, với tổng diện tích 2.257 ha. Nghĩa trang phân bố rải rác ở các thôn, xóm theo cụm dân cư, nằm xen kẽ trong đất trồng lúa hoa màu, ở các khu gò đồi bãi trống.

3.2.5. Hạ tầng thông tin:

Theo phân cấp tại Nghị quyết số 21/2022/NQ-HĐND ngày 12/9/2022, Thành phố quản lý sau đầu tư hạ tầng thông tin dùng chung và các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu, phần mềm dùng chung cho các cơ quan quản lý nhà nước ở cả ba cấp quản lý của Thành phố (*cấp Thành phố, cấp huyện, cấp xã*). UBND cấp huyện quản lý các đài phát thanh, truyền thanh cấp huyện, cấp xã trên địa bàn, trong đó có đài truyền thanh ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông.

Thành phố tiếp tục duy trì hoạt động và đầu tư nâng cấp hạ tầng kỹ thuật thông tin đối với Trung tâm Dữ liệu nhà nước Hà Nội (*ví dụ hệ thống cơ sở hạ tầng trung tâm dữ liệu, hệ thống số hóa văn bản, hệ thống TESTLAB...*). Hạ tầng mạng diện rộng của Thành phố (*mạng WAN*) đã được triển khai đến 579/579 xã, phường, thị trấn, kết nối cơ quan chính quyền các cấp của Thành phố. Năm 2019, Thành phố đã hoàn thành việc triển khai mở rộng Hệ thống họp trực tuyến đến 579 UBND xã, phường, thị trấn. Hầu hết UBND các quận, huyện, thị xã đã triển khai lắp đặt các thiết bị công nghệ thông tin (*ki ốt tra cứu dịch vụ công trực tuyến với màn hình cảm ứng, máy tính, máy in, máy quét*) tại bộ phận “một cửa” để hỗ trợ người dân sử dụng các dịch vụ công trực tuyến.

4. Tài sản công khác:

4.1. Ô tô, máy móc, thiết bị:

4.1.1. Đặc điểm, cơ chế hiện hành quản lý, sử dụng và khai thác:

Tương tự như đối với trụ sở làm việc, công trình sự nghiệp giao các cơ quan hành chính, tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp Nhà nước thuộc Thành phố trực tiếp quản lý, sử dụng. Trong đó, đối với tài sản tại đơn vị sự nghiệp công lập được sử dụng, khai thác vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết

theo Đề án được Chủ tịch UBND Thành phố (*đối với tài sản có nguyên giá từ 500 triệu đồng/đơn vị tài sản trở lên*) hoặc người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập (*đối với tài sản có nguyên giá dưới 500 triệu đồng/đơn vị tài sản*) phê duyệt.

4.1.2. Thực trạng quản lý, sử dụng và khai thác:

a. Ô tô:

- Căn cứ Chỉ thị số 31/CT-TTg ngày 02/11/2016 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường quản lý, nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản công, UBND Thành phố đã chỉ đạo Sở Tài chính chủ trì cùng các ngành nghiên cứu, xây dựng Đề án báo cáo Thường trực Thành ủy, Ban Thường vụ Thành ủy trên cơ sở đó hoàn thiện, trình UBND Thành phố ban hành Quyết định số 1215/QĐ-UBND ngày 20/02/2017 về việc áp dụng thí điểm khoán kinh phí sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung tại 08 cơ quan, đơn vị (*Gồm: 04 Sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Giao thông vận tải, Lao động - Thương binh và Xã hội; 02 quận: Long Biên và Hà Đông và 02 huyện: Gia Lâm và Thanh Trì*) từ ngày 01/3/2017. Theo đánh giá của các cơ quan, đơn vị, việc thí điểm khoán kinh phí sử dụng xe đạt được một số kết quả tích cực, được dư luận đánh giá cao.

- Tính đến thời điểm ngày 31/12/2022, các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Thành phố đang quản lý, sử dụng là 1.133 xe ô tô (*gồm: 655 xe ô tô chuyên dùng; 28 xe ô tô phục vụ công tác các chức danh; 450 xe ô tô phục vụ công tác chung*), trong đó:

+ Khối Sở, ban, ngành, đoàn thể thuộc Thành phố quản lý, sử dụng 910 xe (*gồm: 572 xe ô tô chuyên dùng; 28 xe ô tô phục vụ công tác các chức danh; 307 xe ô tô phục vụ công tác chung*).

+ Khối quận, huyện, thị xã quản lý, sử dụng 223 xe (*gồm: 80 xe ô tô chuyên dùng; 143 xe ô tô phục vụ công tác chung*).

(Chi tiết theo Phụ lục 05a đính kèm)

- Các cơ quan, tổ chức, đơn vị cơ bản thực hiện quản lý, sử dụng xe ô tô tuân thủ tiêu chuẩn, định mức quy định tại Nghị định số 04/2019/NĐ-CP ngày 11/01/2019 của Chính phủ. Tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng của Thành phố đã được phê duyệt tại Quyết định số 11/2021/QĐ-UBND ngày 21/7/2021 làm

cơ sở UBND Thành phố xem xét, phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý xe ô tô tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý theo quy định.

b. Tài sản khác:

- Các tài sản khác (*máy móc, thiết bị, công cụ, dụng cụ, ...*) cơ bản được các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Thành phố đầu tư, mua sắm, quản lý, sử dụng và xử lý phù hợp với quy định, nhu cầu thực tế, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả.

- Tính đến thời điểm 31/12/2022, các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Thành phố đang quản lý, sử dụng là 797.643 đơn vị tài sản khác với tổng nguyên giá 25.711 tỷ đồng, giá trị còn lại là 17.755 tỷ đồng (*Chi tiết theo phụ lục 05b đính kèm*).

- Một số máy móc, thiết bị phổ biến, có số lượng lớn (*máy tính để bàn, máy tính xách tay, máy in, máy photocopy*) đã được triển khai mua sắm tập trung để đảm bảo tính đồng bộ, hiện đại trên toàn Thành phố. Trong giai đoạn 2018-2022, tổng giá trị tài sản mua sắm tập trung đạt khoảng 2.581 tỷ đồng, số tiền tiết kiệm thông qua đấu thầu mua sắm tập trung là khoảng 158 tỷ đồng.

- Máy móc, thiết bị được các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Thành phố quản lý theo đúng tiêu chuẩn, định mức quy định tại Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg ngày 31/12/2017 của Chính phủ. Trong đó UBND Thành phố đã ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng cho nhiều lĩnh vực đáp ứng kịp thời công tác mua sắm, thuê, sắp xếp lại, xử lý máy móc, thiết bị.

4.2. Tài nguyên:

4.2.1. Đặc điểm, cơ chế hiện hành quản lý, sử dụng và khai thác:

- Tài nguyên được giao cho cơ quan nhà nước quản lý, được thống kê, kiểm kê, ghi chép, theo dõi theo quy định của pháp luật.

- Nhà nước khai thác nguồn lực tài chính từ tài nguyên thông qua hoạt động thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên, thu tiền sử dụng tài nguyên, tiền thuê tài nguyên, thuế tài nguyên, phí, lệ phí trong quản lý, sử dụng, khai thác tài nguyên. Việc khai thác phải được thực hiện hợp lý, căn cứ vào quy hoạch, kế hoạch và

theo cơ chế thị trường.

4.2.2. Thực trạng quản lý, sử dụng và khai thác:

a. Tài nguyên rừng:

- Theo Quyết định số 751/QĐ-UBND ngày 25/2/2022 của UBND thành phố Hà Nội về công bố hiện trạng rừng thành phố Hà Nội năm 2021. Thành phố Hà Nội có diện tích rừng và đất lâm nghiệp là 27.162,46 ha chiếm 8,17 % diện tích tự nhiên của Thành phố. Rừng Hà Nội được phân bố ở 7 huyện, Thị xã: Ba Vì, Sơn Tây, Thạch Thất, Quốc Oai, Chương Mỹ, Mỹ Đức, Sóc Sơn. Trong đó:

+ Diện tích có rừng là 18.792,24 ha, bao gồm: Rừng phòng hộ (3.718,64 ha), rừng đặc dụng (9.989,31ha), rừng sản xuất (5.084,29 ha).

+ Diện tích chưa có rừng: 8.370,22ha, bao gồm: Rừng phòng hộ (2.116,25 ha), rừng đặc dụng (1.012,72 ha), rừng sản xuất (5.241,25 ha).

- Chủ rừng bao gồm Vườn Quốc gia Ba Vì, Trung tâm Phát triển lâm nghiệp Hà Nội, Ban Quản lý rừng đặc dụng Hương Sơn, UBND các xã và các chủ rừng khác (các đơn vị quân đội, doanh nghiệp, trường học, hộ gia đình và cá nhân).

- Thời gian qua công tác bảo vệ rừng trên địa bàn Thành phố đã được các cấp, ngành, địa phương quan tâm thực hiện. Ngay sau khi Luật Lâm nghiệp năm 2017 và Nghị định 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp có hiệu lực, Thành phố đã chỉ đạo các huyện chú trọng tổ chức thực hiện, tăng cường chăm sóc bảo vệ rừng và hạn chế tình trạng cháy rừng, chặt phá rừng.

- Thực hiện Quyết định số 523/QĐ-TTg ngày 01/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược Phát triển Lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, UBND Thành phố đã ban hành Kế hoạch số 57/KH-UBND ngày 18/2/2022 về việc thực hiện công tác quản lý bảo vệ rừng trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2023-2025 và những năm tiếp theo. Triển khai Kế hoạch 57/KH-UBND của UBND Thành phố, UBND các huyện, thị xã có rừng có trách nhiệm xây dựng kế hoạch rà soát đo đạc hiện trạng rừng, cắm mốc ranh giới rừng, tránh việc hợp thức hóa hồ sơ. Trong thời gian rà soát đo đạc, cắm mốc ranh giới, UBND các huyện, thị xã có rừng tăng cường công

tác quản lý bảo vệ rừng và phòng cháy, chữa cháy rừng, tránh để xảy ra lấn chiếm, xây dựng trái phép trên diện tích đất quy hoạch lâm nghiệp.

b. Tài nguyên khoáng sản:

- Thực hiện Luật Khoáng sản 2010, UBND Thành phố giao Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với các Sở, ngành liên quan của thành phố tổ chức rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản Hà Nội, trong đó đánh giá chi tiết tiềm năng trữ lượng khoáng sản, định hướng quy hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản và giải pháp thực hiện. Ngày 9/12/2014, UBND Thành phố đã ban hành Quyết định số 6572/QĐ-UBND về việc phê duyệt Dự án điều chỉnh, bổ sung quy hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản trên địa bàn thành phố Hà Nội đến năm 2020. Kết quả quy hoạch đã khoanh định 86 mỏ quy hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường và than bùn gồm: đá vôi làm vật liệu xây dựng 09 mỏ, đá bazan 18 mỏ, cát 40 mỏ, sét gạch ngói 13 mỏ, puzolan 02 mỏ, than bùn 02 mỏ, đá ong 02 mỏ.

- Thực hiện chủ trương của Luật Khoáng sản năm 2010 về đấu giá quyền khai thác khoáng sản, thành phố Hà Nội lựa chọn hình thức đấu giá quyền khai thác khoáng sản đối với các mỏ đã được phê duyệt trữ lượng. Ngày 8/12/2020, UBND Thành phố có Quyết định số 5550/QĐ-UBND về việc phê duyệt giá khởi điểm làm cơ sở để tổ chức đấu giá quyền khai thác khoáng sản đối với 05 điểm mỏ cát (06 mỏ cát) trên địa bàn Thành phố giai đoạn 1.

III. Các công cụ, biện pháp phục vụ công tác quản lý, sử dụng và khai thác tài sản công của Thành phố:

1. Thể chế, chính sách:

- Quỹ nhà thuộc sở hữu nhà nước của Thành phố: Đối với quỹ nhà chuyên dùng, việc quản lý, sử dụng và khai thác đối với nhóm tài sản này được thực hiện theo quy định của Thành phố (*Quyết định số 32/2012/QĐ-UBND ngày 12/11/2012, Quyết định số 38/2012/QĐ-UBND ngày 14/12/2012*). Chính phủ chưa có quy định cụ thể cơ chế quản lý, sử dụng và khai thác đối với quỹ nhà chuyên dùng. Đối với các quỹ nhà ở còn lại thuộc sở hữu nhà nước của Thành phố, việc quản lý, sử dụng

và khai thác được thực hiện theo Luật Nhà ở, các văn bản hướng dẫn thi hành Luật và pháp luật liên quan (*Chi tiết thể chế chính sách quản lý quỹ nhà thuộc sở hữu nhà nước của Thành phố theo phụ lục 06a đính kèm*).

- Công tác quản lý, sử dụng và khai thác trụ sở làm việc, công trình sự nghiệp và các tài sản khác tại cơ quan, tổ chức, đơn vị được quy định chi tiết tại Văn bản hướng dẫn thi hành Luật Quản lý, sử dụng tài sản công gồm Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017, Nghị định số 165/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 (*liên quan đến nhà, đất tại các cơ quan của Đảng*), Văn bản quy định về tiêu chuẩn, định mức (*Nghị định số 152/2017/NĐ-CP ngày 27/12/2017, Nghị định số 04/2019/NĐ-CP ngày 11/01/2019, Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg ngày 31/12/2017*). Đồng thời, các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Thành phố thực hiện quản lý, sử dụng tài sản công theo phân cấp quy định tại Nghị quyết số 01/2018/NQ-HĐND ngày 05/7/2018, Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 của HĐND Thành phố và Quyết định số 04-QĐ/TU ngày 06/01/2020 của Thành ủy Hà Nội (*đối với cơ quan của Đảng thuộc Thành ủy*).

- Việc quản lý, sử dụng và khai thác đất đai được thực hiện theo quy định pháp luật về đất đai. Luật Quản lý, sử dụng tài sản công quy định một số nguyên tắc chung về quản lý, sử dụng, khai thác nguồn lực tài chính từ đất đai.

- Tài sản kết cấu hạ tầng:

+ Trước thời điểm Luật Quản lý, sử dụng tài sản công có hiệu lực, việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư, quản lý chủ yếu được thực hiện pháp luật chuyên ngành liên quan (*ví dụ: Luật Giao thông đường bộ, Luật Giao thông đường thủy nội địa, Luật đường sắt, Luật Thủy lợi, Luật Xây dựng, Luật Công nghệ thông tin, Luật Viễn thông, ...*). Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Chính phủ đã ban hành các Nghị định quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác đối với tài sản kết cấu hạ tầng giao thông, hạ tầng thủy lợi, hạ tầng nước sạch. Đối với các nhóm tài sản kết cấu hạ tầng còn lại (*hạ tầng kỹ thuật đô thị, hạ tầng thông tin, hạ tầng văn hóa, thể thao, hạ tầng khác*) Trung ương chưa có quy định chi tiết việc quản lý, sử dụng, khai thác (*Chi tiết thể chế, chính sách quản lý tài sản kết cấu hạ tầng theo Phụ lục 06b đính kèm*)

+ Công tác quản lý tài sản kết cấu hạ tầng của Thành phố được phân cấp tại Nghị quyết số 21/2022/NQ-HĐND ngày 12/9/2022 về phân cấp quản lý nhà nước một số lĩnh vực hạ tầng, kinh tế - xã hội trên địa bàn Thành phố Hà Nội và tại một số quy định khác của Thành phố theo lĩnh vực chuyên ngành.

2. Phân cấp, ủy quyền trong quản lý tài sản công:

- Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật, có 16 nội dung trong lĩnh vực quản lý công sản thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND Thành phố và 16/16 nội dung đã được HĐND Thành phố phân cấp thẩm quyền quyết định tại Nghị quyết số 01/2018/NQ-HĐND ngày 05/7/2018, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND ngày 08/12/2021, cụ thể: Đã phân cấp cho Chủ tịch UBND Thành phố 14 thẩm quyền; Giám đốc Sở, ngành 12 thẩm quyền; Chủ tịch UBND cấp huyện 16 thẩm quyền; Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi đầu tư và chi thường xuyên 07 thẩm quyền quyết định. Về cơ bản nội dung phân cấp thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND Thành phố đã được kịp thời tham mưu sửa đổi, bổ sung, đảm bảo đáp ứng thực tế của Thành phố và các quy định của pháp luật (*Chi tiết theo Phụ lục 06c đính kèm*)

Trong thời gian tới, sau khi Chính phủ sửa đổi, điều chỉnh các Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Quản lý, sử dụng tài sản công (*Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017, Nghị định số 29/2018/NĐ-CP ngày 05/3/2018, Nghị định số 04/2019/NĐ-CP ngày 11/01/2019...*), Thành phố sẽ tiếp tục rà soát sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 01/2018/NQ-HĐND ngày 05/7/2018 và Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 để tiếp tục đẩy mạnh phân cấp cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý, sử dụng tài sản công.

- Có 08 nhóm nội dung với 13 quy định thuộc thẩm quyền của UBND Thành phố chưa thực hiện phân cấp/ủy quyền và 13 quy định thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND Thành phố chưa thực hiện ủy quyền, cụ thể như sau:

(1) Đề án sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh liên kết.

(2) Tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản chuyên dùng.

(3) Khoán kinh phí sử dụng tài sản công.

(4) Sử dụng tài sản công để tham gia dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư.

(5) Mua sắm tài sản công theo phương thức tập trung.

(6) Tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô.

(7) Sắp xếp lại, xử lý tài sản công.

(8) Quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định.

(Chi tiết theo Phụ lục 06d đính kèm)

- Căn cứ Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 12/9/2022 của HĐND Thành phố về thông qua Đề án phân cấp quản lý nhà nước, ủy quyền trên địa bàn thành phố Hà Nội, Thành phố đang chỉ đạo Sở Tài chính khẩn trương rà soát, tham mưu xây dựng văn bản và thực hiện các trình tự thủ tục về phân cấp, ủy quyền các nội dung nêu trên theo đúng quy định.

- Việc phân cấp quản lý tài sản kết cấu hạ tầng (*giao thông, thủy lợi, kỹ thuật đô thị, thông tin, văn hóa - thể thao*) được thực hiện đồng bộ với phân cấp quản lý nhà nước một số lĩnh vực hạ tầng, kinh tế - xã hội trên địa bàn thành phố Hà Nội quy định tại Nghị quyết số 21/2022/NQ-HĐND ngày 12/9/2022 của HĐND Thành phố.

3. Tiêu chuẩn, định mức:

- Theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản công được sử dụng làm căn cứ để lập kế hoạch và dự toán ngân sách; giao, đầu tư xây dựng, mua sắm, thuê tài sản, khoán kinh phí sử dụng tài sản công; quản lý, sử dụng và xử lý tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị. Căn cứ quy định về tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản công do cấp có thẩm quyền ban hành, UBND Thành phố sau khi lấy ý kiến thống nhất của Thường trực HĐND Thành phố quyết định áp dụng tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản chuyên dùng tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

- Triển khai Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản quy định chi tiết (*trong đó có các quy định về tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản*), UBND Thành phố đã ban hành các văn bản chỉ đạo (*số 2267/UBND-KT ngày 24/5/2018,*

số 12/CT-UBND ngày 08/6/2020). Đồng thời, Sở Tài chính đã có các văn bản hướng dẫn, đôn đốc các cơ quan, đơn vị thuộc Thành phố rà soát, xây dựng tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản chuyên dùng gửi Sở Tài chính tổng hợp, trình UBND Thành phố xem xét theo quy định

- Thành phố đã ban hành Quyết định số 11/2021/QĐ-UBND ngày 21/7/2021 về tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng thuộc phạm vi quản lý của Thành phố; đồng thời ban hành 12 Quyết định quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng đối với 11 Sở, ban, ngành, quận, huyện, 06 Quyết định quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng đối với 06 Sở, ban, ngành.

- Thành phố cũng đã ban hành các Quyết định về quy trình, định mức kinh tế kỹ thuật phục vụ công tác duy tu, duy trì các tài sản kết cấu hạ tầng: Đường bộ, thủy lợi, công viên, cây xanh, vườn hoa, chiếu sáng, thoát nước...

4. Cơ sở dữ liệu về tài sản công:

4.1. Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công:

- Theo quy định tại Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Bộ Tài chính có trách nhiệm xây dựng hệ thống phần mềm Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công thống nhất trong phạm vi cả nước đối với 03 nhóm tài sản công gồm: (i) Tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị (*khỏi hành chính sự nghiệp*); (ii) Tài sản kết cấu hạ tầng; (iii) Tài sản công tại doanh nghiệp. UBND cấp tỉnh có trách nhiệm cập nhật dữ liệu các nhóm tài sản công trên vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công đồng thời chủ động xây dựng Cơ sở dữ liệu về tài sản công đối với 03 nhóm: (i) Đất đai; (ii) Tài nguyên; (iii) Tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân.

- Hệ thống Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công của Bộ Tài chính đã xây dựng cho 02 nhóm tài sản công gồm:

+ Tài sản công tại khối hành chính sự nghiệp:

Trước năm 2021, Bộ Tài chính triển khai Chương trình đăng ký tài sản nhà nước (*từ phiên bản 1.0 đến phiên bản 4.0*). Các loại tài sản cập nhật vào phần mềm gồm: đất trụ sở, nhà, xe ô tô và tài sản cố định khác có nguyên giá từ 500 triệu đồng trở lên. Dữ liệu cập nhật vào Chương trình đăng ký tài sản nhà nước

được lưu trữ trên Phần mềm đăng ký tài sản nhà nước 4.0. Từ năm 2022, Bộ Tài chính triển khai hệ thống Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công trong đó xây dựng Phần mềm Quản lý tài sản công thay thế cho Phần mềm đăng ký tài sản nhà nước 4.0. Theo quy trình quy định, các Sở, ban, ngành, UBND quận, huyện, thị xã (*Phòng Tài chính - Kế hoạch*) tổng hợp và cập nhật dữ liệu về tài sản thuộc phạm vi quản lý vào phần mềm, có văn bản gửi Sở Tài chính để thực hiện duyệt dữ liệu theo quy định.

+ Tài sản kết cấu hạ tầng (*Phần mềm Tổng hợp số liệu kiểm kê hạ tầng giao thông đường bộ và Phần mềm Quản lý công trình nước sạch nông thôn tập trung*): Ngày 23/9/2015, Bộ Tài chính có Thông tư số 149/2015/TT-BTC, theo đó bổ sung yêu cầu cập nhật vào Cơ sở dữ liệu tài sản công quốc gia đối với loại tài sản là công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung. Ngày 25/10/2016, Bộ Tài chính có Thông tư số 158/2016/TT-BTC, theo đó bổ sung yêu cầu cập nhật vào Cơ sở dữ liệu tài sản công quốc gia đối với loại tài sản là tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ. Theo quy trình quy định, Sở Giao thông vận tải (*đối với tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ*) và Sở Xây dựng¹ (*đối với tài sản kết cấu hạ tầng nước sạch nông thôn tập trung*) tổng hợp và cập nhật dữ liệu về tài sản thuộc phạm vi quản lý của Thành phố vào các phần mềm, có văn bản gửi Sở Tài chính để thực hiện duyệt dữ liệu theo quy định.

- Hiện nay, 100% đầu mỗi các Sở, ban, ngành, phòng Tài chính - Kế hoạch quận, huyện, thị xã đã được cấp tài khoản để thực hiện cập nhật dữ liệu vào các Phần mềm làm cơ sở để Sở Tài chính duyệt dữ liệu theo quy định.

4.2. Cơ sở dữ liệu tài sản công của Thành phố:

4.2.1. Cơ sở dữ liệu tài sản công khối hành chính sự nghiệp:

- Thực hiện Quyết định số 974/QĐ-UBND ngày 26/02/2021 của UBND thành phố Hà Nội ban hành Danh mục cơ sở dữ liệu thành phố Hà Nội và thực trạng xây dựng cơ sở dữ liệu, ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản

¹ Trước thời điểm Nghị định số 43/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng nước sạch có hiệu lực là Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

lý tài sản công tại Bộ Tài chính và các cơ quan, đơn vị trên địa bàn Thành phố, Sở Tài chính đã tiến hành nâng cấp phần mềm hiện có để xây dựng Cơ sở dữ liệu tài sản công lĩnh vực hành chính sự nghiệp thành phố Hà Nội.

- Sở Tài chính đã hoàn thành xây dựng Kho cơ sở dữ liệu tài sản công lĩnh vực hành chính sự nghiệp Thành phố với đầy đủ các chỉ tiêu, trường thông tin tối thiểu đối với mỗi loại tài sản là đất, nhà, xe ô tô, tài sản cố định khác có nguyên giá từ 500 triệu đồng trở lên và tài sản cố định khác có nguyên giá dưới 500 triệu đồng theo quy định tại Thông tư số 67/2018/TT-BTC ngày 06/8/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc quản lý, vận hành, trao đổi và khai thác thông tin trong CSDL quốc gia về tài sản công. Hoàn thành xây dựng các chức năng kết nối, đồng bộ dữ liệu với phần mềm quản lý tài sản do các cơ quan, đơn vị trên địa bàn Thành phố đang sử dụng (*theo thống kê sơ bộ, hiện khoảng 3.600 cơ quan, tổ chức, đơn vị của Thành phố đang thống kê, quản lý tài sản công được giao quản lý, sử dụng thông qua phần mềm quản lý tài sản công khối hành chính sự nghiệp riêng*).

- Hiện Sở Tài chính đang tiếp tục phối hợp với UBND các quận, huyện, thị xã, các Sở, ngành, đơn vị thuộc Thành phố đôn đốc, hướng dẫn các đơn vị trực tiếp quản lý, sử dụng tài sản rà soát, cập nhật đầy đủ dữ liệu nhằm đảm bảo Cơ sở dữ liệu tài sản công lĩnh vực hành chính sự nghiệp thành phố Hà Nội đầy đủ, chính xác. Đồng thời, triển khai kết nối Cơ sở dữ liệu tài sản công lĩnh vực hành chính sự nghiệp thành phố Hà Nội với Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công ngay khi có hướng dẫn của Bộ Tài chính nhằm giúp cho cán bộ chuyên môn không phải cập nhật lại dữ liệu trên các phần mềm khác nhau.

4.2.2. Cơ sở dữ liệu đất đai:

- Ngày 27/11/2014, UBND thành phố Hà Nội có Quyết định số 6264/QĐ-UBND phê duyệt dự án: Dự án xây dựng tổng thể hệ thống hồ sơ địa chính và cơ sở dữ liệu quản lý đất của Thành phố. Đến nay, đã thực hiện toàn bộ các gói thầu trên địa bàn 27 quận, huyện, thị xã; triển khai đồng bộ công tác đo đạc, số hóa, biên tập chỉnh lý bản đồ lồng ghép với công tác xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai trên địa bàn Thành phố. Các hạng mục chính của Dự án: Đo đạc thành lập bản đồ ngoại nghiệp; Đối soát, công khai, biên tập chỉnh lý bản đồ nội nghiệp; Kê khai

đăng ký cấp giấy chứng nhận; Chuẩn hóa, biên tập, xây dựng cơ sở dữ liệu; Đối soát dữ liệu... được tiến hành thực hiện đồng thời.

- Đã cơ bản hoàn thành công tác đo đạc bản đồ ngoại nghiệp và tổ chức nghiệm thu 458/489 xã, phường thị trấn, bàn giao cho Văn phòng đăng ký đất đai sử dụng. Đây là nguồn tài liệu được ưu tiên lựa chọn để phục vụ xây dựng bản đồ nền phục vụ công tác kiểm kê đất đai trên địa bàn Thành phố.

4.2.3. Cơ sở dữ liệu đối với quỹ nhà thuộc sở hữu nhà nước thuộc phạm vi quản lý của Thành phố:

Tại Kế hoạch số 258/KH-UBND ngày 04/10/2022 về triển khai thực hiện Nghị quyết của HĐND Thành phố về việc thực hiện các quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công là nhà, đất thuộc sở hữu nhà nước của Thành phố, UBND Thành phố đã giao Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp các đơn vị, tổ chức kinh doanh nhà xây dựng Phần mềm quản lý đối với quỹ nhà thuộc sở hữu nhà nước thuộc phạm vi quản lý của Thành phố.

5. Nguồn nhân lực tham mưu công tác quản lý tài sản công:

- Sở Tài chính là cơ quan tham mưu UBND Thành phố thực hiện quản lý nhà nước chung về tài sản công. Trong đó, Phòng Quản lý công sản là bộ phận tham mưu trực tiếp với biên chế theo đề án vị trí việc làm được phê duyệt là 22 người.

- Tại các Sở, ban, ngành, quận, huyện, thị xã, nhiệm vụ quản lý tài sản công được mô tả tại vị trí việc làm Quản trị công sở, Kế toán thuộc Văn phòng các Sở, ban, ngành; vị trí Quản lý tài chính - ngân sách thuộc phòng Tài chính - Kế hoạch, vị trí Quản trị công sở thuộc Văn phòng UBND quận, huyện, thị xã; phòng Tài chính - Kế toán của doanh nghiệp. Về biên chế: công chức, viên chức, người lao động thực hiện kiêm nhiệm công tác quản lý tài sản công và các nhiệm vụ khác.

- Cán bộ làm công tác quản lý tài sản công tại các cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý, sử dụng tài sản công chủ yếu là kế toán, cán bộ quản trị tài vụ.

IV. Đánh giá:

1. Những kết quả đạt được:

- UBND Thành phố đã chỉ đạo Sở Tài chính và các Sở ngành phối hợp rà soát,

tham mưu HĐND Thành phố và UBND Thành phố ban hành cơ bản đầy đủ, kịp thời các cơ chế chính sách, các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, tổ chức thực hiện theo thẩm quyền quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước (*giai đoạn 2016 đến ngày 31/12/2017*) và Luật Quản lý, sử dụng tài sản công (*từ năm 2018 đến nay*) và các văn bản quy định chi tiết liên quan đến quản lý, sử dụng tài sản công. Đối với những tồn tại, vướng mắc vượt thẩm quyền của UBND Thành phố, UBND Thành phố đã chủ động xin ý kiến cấp có thẩm quyền làm cơ sở triển khai thực hiện.

- Công tác quản lý, sử dụng, khai thác hiệu quả tài sản công ngày càng được Trung ương, Thành ủy, HĐND Thành phố quan tâm chỉ đạo thực hiện quyết liệt với quyết tâm cao. Vì vậy, nhận thức của cán bộ, công chức, người lao động trong các cơ quan, đơn vị và doanh nghiệp của Thành phố đã có nhiều thay đổi. Các tài sản công đã từng bước được kiểm đếm, cập nhật, thống kê, tổng hợp, đánh giá đầy đủ, chính xác.

- Việc HĐND Thành phố ban hành Nghị quyết về phân cấp quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của thành phố Hà Nội đã đẩy mạnh phân cấp thẩm quyền cho Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị trong việc xem xét, quyết định các nội dung liên quan đến công tác quản lý, sử dụng tài sản công, nâng cao hơn tính chủ động, tự chịu trách nhiệm của người đứng đầu các đơn vị; hiệu quả sử dụng tài sản công tại các đơn vị được nâng cao hơn, tuân thủ tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản công của Nhà nước. Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành, tổ chức, đơn vị và Chủ tịch UBND các quận, huyện, thị xã chịu trách nhiệm chính và toàn diện về việc quản lý, sử dụng tài sản công tại các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý, chỉ đạo thanh tra, kiểm tra và xử lý các vi phạm (*nếu có*) theo thẩm quyền.

- Công tác quản lý, sử dụng và khai thác tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Thành phố đã dần đi vào nề nếp. Các loại tài sản công cơ bản được sử dụng tiết kiệm và hiệu quả.

- Công tác thanh tra, kiểm tra được tăng cường chỉ đạo, qua thanh kiểm tra đã phát hiện các hành vi sai phạm để uốn nắn, chấn chỉnh và kịp thời xử lý theo đúng quy định pháp luật.

2. Tồn tại và hạn chế:

2.1. Nhà:

2.1.1. Trụ sở làm việc, công trình sự nghiệp do cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp nhà nước được trực tiếp quản lý, sử dụng:

- Tiến độ lập, trình phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý tài sản công, đặc biệt là nhà, đất tại một số doanh nghiệp nhà nước phải thực hiện cổ phần hóa còn chưa đạt lộ trình theo quy định. Trong 13 doanh nghiệp nhà nước của Thành phố được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh mục thực hiện cổ phần hóa đến hết năm 2020 tại Quyết định số 26/2019/QĐ-TTg ngày 15/8/2019, còn 9/13 doanh nghiệp đang rà soát, hoàn thiện phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất theo quy định tại Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 và Nghị định số 67/2021/NĐ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ (04 doanh nghiệp còn lại gồm Công ty TNHH MTV Chiếu sáng và thiết bị đô thị Hà Nội và Công ty TNHH MTV nước sạch Hà Đông đã hoàn thành việc phê duyệt phương án; Công ty TNHH MTV Công viên Thống Nhất và Công ty TNHH MTV Vườn thú Hà Nội có nhà, đất không thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 và Nghị định số 67/2021/NĐ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ).

- Công tác triển khai thực hiện phương án sau khi được phê duyệt trong một số trường hợp còn chậm. Còn 728 cơ sở nhà, đất chưa hoàn thành việc thực hiện phương án đã được UBND Thành phố. Trong đó, chủ yếu liên quan đến quỹ nhà do Công ty TNHH MTV Quản lý và Phát triển nhà Hà Nội quản lý (525 cơ sở) hoặc một số trụ sở làm việc, công trình sự nghiệp còn vướng mắc trong công tác di dời các hộ gia đình đã bố trí trong khuôn viên hoặc đã được phê duyệt phương án bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất/chuyển mục đích sử dụng đất nhưng dùng triển khai theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Văn bản số 342/TTg-V.I ngày 07/3/2017 và số 440/TB-VPCP ngày 19/9/2017.

- Vẫn còn tình trạng cho thuê, cho mượn, liên doanh, liên kết tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị không đúng quy định. Qua kiểm tra, UBND Thành phố đã chỉ đạo một số cơ quan, tổ chức, đơn vị kiểm điểm trách nhiệm cá nhân có liên quan đồng thời khẩn trương chấm dứt việc sử dụng nhà, đất không đúng quy

định đối với Trung tâm Văn hóa Hồ Gươm (UBND quận Hoàn Kiếm), Trường Đại học Thủ đô, Hội Nông dân thành phố Hà Nội...

- Trụ sở nhiều cơ quan, đơn vị còn phân tán, có Sở, ngành có trên 02 địa điểm làm việc. Ví dụ: Sở Giáo dục và Đào tạo có 04 trụ sở làm việc, Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng thành phố Hà Nội có 07 trụ sở làm việc, Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật và nông nghiệp thành phố Hà Nội có 04 trụ sở làm việc.

- Tiến độ lập, thẩm định, phê duyệt Đề án sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết còn chưa đạt yêu cầu (*mới phê duyệt được 01/42 Đề án*).

- Tiến độ chuyển giao về địa phương trụ sở các Bộ, ngành Trung ương quản lý sau khi đã di chuyển về trụ sở mới diễn ra chậm, chủ yếu chỉ là các trụ sở nhỏ lẻ của các cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ, ngành Trung ương.

2.1.2. Quỹ nhà thuộc sở hữu nhà nước của Thành phố giao tổ chức kinh doanh nhà quản lý, khai thác, cho thuê:

a. Quỹ nhà chuyên dùng:

- Cơ chế quản lý, sử dụng quỹ nhà chuyên dùng còn chưa rõ ràng (*xác định thẩm quyền quyết định đối tượng cho thuê, hình thức cho thuê, thời hạn cho thuê, giá cho thuê...*). Việc quản lý quỹ nhà này ở Thành phố hiện mới chỉ căn cứ vào các quy định của UBND Thành phố được ban hành từ năm 2012.

- Việc theo dõi, ghi sổ các địa điểm nhà, đất đã ký hợp đồng thuê nhà, các địa điểm chưa ký hợp đồng thuê nhà chưa đảm bảo đầy đủ, không cập nhật kịp thời biến động. Việc thiết lập, bổ sung hoàn thiện hồ sơ đối với từng địa điểm nhà thuê chưa được quan tâm đúng mực, tiến độ chậm, nhiều điểm nhà, đất đến nay chưa có hồ sơ.

- Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý quỹ nhà chuyên dùng chưa được áp dụng dẫn đến việc theo dõi, tổng hợp báo cáo không kịp thời, số liệu thiếu chính xác và nhất quán.

- Công tác kiểm tra, giám sát việc quản lý, sử dụng quỹ nhà chuyên dùng của Thành phố không được duy trì thường xuyên. Nhiều trường hợp có vi phạm

(cho thuê lại, liên doanh liên kết, chuyển ở, cải tạo lại, coi nói, xây dựng thêm khi chưa được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận); một số tranh chấp, vướng mắc diện tích. Đơn vị quản lý vận hành chưa có biện pháp chấn chỉnh, chưa kịp thời báo cáo để xử lý theo quy định.

- Không ít địa điểm nhà đất có vị trí, lợi thế thương mại giá trị cao chưa đưa vào khai thác sử dụng phát huy hiệu quả lại đóng cửa, không kinh doanh khai thác (trong đó có nhiều địa điểm nhà riêng lẻ và nhiều địa điểm thuộc diện tích kinh doanh dịch vụ tầng 1 tại các tòa nhà chung cư tái định cư). Các địa điểm nhà chuyên dùng, nhà ở thuộc sở hữu nhà nước bị bỏ trống trong thời gian dài dẫn đến nhiều công trình nhà xuống cấp, hư hỏng, nguy hiểm.

- Việc tổ chức thanh lý hợp đồng thuê nhà và tiến hành chuyển giao nhà, đất cho các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp đối với một số trường hợp còn chậm, không kịp thời báo cáo UBND Thành phố những khó khăn, vướng mắc trong quá trình chuyển giao, như: Nợ đọng tiền thuê nhà trước khi có quyết định chuyển giao của UBND Thành phố, sai thông tin về địa điểm, tên đơn vị chuyển giao... trong các quyết định chuyển giao.

- Công tác cải tạo, sửa chữa quỹ nhà thuộc sở hữu Nhà nước của Thành phố đa phần do người sử dụng tự cải tạo sửa chữa cho phù hợp với nhu cầu sử dụng. Hiện nay, nhiều điểm nhà trong tình trạng xuống cấp chưa được lập kế hoạch và thực hiện cải tạo, sửa chữa. Chưa có cơ chế thống nhất để xử lý đối với diện tích nhà tăng thêm sau cải tạo, sửa chữa (đặc biệt chi phí này đã được ghi nhận, xác định vào giá trị doanh nghiệp khi cổ phần hóa hoặc các trường hợp đơn vị thuê đã phá dỡ nhà thuê cũ và xây dựng mới nhà).

- Việc ký hợp đồng cho thuê nhà, thu tiền cho thuê nhà, đất của quỹ nhà chuyên dùng của Thành phố đạt thấp (nợ đọng nghĩa vụ tài chính tăng nhanh); chậm triển khai trong việc giải quyết quỹ nhà chuyên dùng hiện đang trống

- Số nợ tiền thuê nhà phải thu về ngân sách nhà nước lớn và có chiều hướng tăng nhanh, nhiều địa điểm, diện tích không thu được tiền cho thuê nhà, đất trong thời gian dài. Chưa có các chế tài, biện pháp xử lý cứng rắn để giải quyết các trường hợp chây ì nợ tiền thuê nhà, sử dụng sai mục đích, vi phạm trong quá trình

sử dụng quỹ nhà.

b. Quỹ nhà chung cư tái định cư:

- Còn không ít diện tích kinh doanh dịch vụ còn trống, chưa đưa vào sử dụng do vướng mắc trong quá trình tổ chức đấu giá cho thuê, vị trí không thuận tiện cho kinh doanh nên không thu hút được người tham gia đấu giá;... đã làm giảm nguồn thu để thực hiện hỗ trợ theo Quyết định số 18/2018/QĐ-UBND ngày 23/8/2018 của UBND Thành phố ban hành quy định về Quản lý, sử dụng nguồn thu từ hoạt động cho thuê diện tích kinh doanh dịch vụ thuộc sở hữu nhà nước tại các chung cư tái định cư trên địa bàn thành phố Hà Nội.

- Một số diện tích kinh doanh dịch vụ bị sử dụng sai mục đích, một số đơn vị nợ tiền thuê nhà, một số đơn vị cho thuê lại không đúng quy định, UBND Thành phố đã phải ban hành nhiều quyết định thu hồi, quyết định cưỡng chế để thu hồi các diện tích vi phạm.

- Nợ đọng tiền thuê nhà lớn và kéo dài chưa có giải pháp thu nợ, để cho một số tổ chức, cá nhân lấn chiếm sử dụng trái phép song công tác phối hợp với chính quyền địa phương để thu hồi còn chưa quyết liệt.

- Số lượng căn hộ trống chưa có phương án xử lý còn lớn, gây lãng phí trong sử dụng vốn đầu tư cũng như quản lý trông coi.

c. Quỹ diện tích kinh doanh, dịch vụ nhà chung cư thương mại các chủ đầu tư phải bàn giao cho Thành phố:

- Diện tích tiếp nhận từ chủ đầu tư hoặc đủ điều kiện tiếp nhận từ chủ đầu tư còn thấp (đạt tỷ lệ 15,89%).

- Công tác quản lý, đôn đốc, phối hợp đôn đốc bàn giao, tiếp nhận quỹ nhà của Sở ngành liên quan (Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường) còn chưa quyết liệt, sát sao dẫn đến tình trạng chủ đầu tư không phối hợp trong công tác bàn giao hoặc để tổ chức, cá nhân chiếm dụng phần diện tích kinh doanh, dịch vụ mà không thu hồi được.

d. Quỹ nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước:

- Còn tồn tại nhiều hộ gia đình, cá nhân chưa ký Hợp đồng thuê nhà ở và nộp tiền thuê nhà cho Nhà nước. Nhiều trường hợp các hộ dân thuê nhà ở nhưng

do hoàn cảnh, thiếu kinh phí nên không trả tiền thuê nhà, một số trường hợp là do chây ì, một số có tranh chấp, nội bộ thành viên không thống nhất.

- Chế tài xử lý đối với trường hợp chây ì, cố tình không ký hợp đồng, không nộp tiền thuê nhà còn bất cập khó thực hiện vì cưỡng chế thu hồi khó khăn.

- Số lượng hồ sơ các hộ gia đình, cá nhân chưa nộp hồ sơ, đơn mua nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước còn cao, làm chậm tiến độ bán nhà, cấp Giấy chứng nhận cho các hộ gia đình.

e. Quỹ nhà ở công vụ: Quỹ nhà ở công vụ có 12 căn nhà nhưng nằm rải rác trên 04 địa bàn quận nên việc bố trí trông coi, quản lý, giám sát gặp nhiều khó khăn để đảm bảo các diện tích nhà trống không bị mất mát, lấn chiếm. Hiệu suất sử dụng nhà công vụ chưa cao, mặc dù với số lượng căn hộ ít tuy nhiên vẫn còn nhiều căn còn trống (9/12 căn).

f. Quỹ nhà công nhân tại xã Kim Chung - huyện Đông Anh: hiện nay chưa thu hồi được diện tích kinh doanh dịch vụ tầng 1 không theo thiết kế theo chỉ đạo của UBND Thành phố để đấu giá quyền thuê theo quy định; giá sàn (giá khởi điểm) và bước giá đấu giá quyền thuê còn cao, chưa khuyến khích các tổ chức, cá nhân đăng ký tham gia đấu giá quyền thuê

g. Quỹ nhà ở xã hội CT19A Khu đô thị Việt Hưng - quận Long Biên: Công tác phối hợp thu tiền thuê nhà, phí dịch vụ chưa thực sự đạt hiệu quả, nhiều hộ dân đến nay vẫn chưa hoàn thành nghĩa vụ tài chính.

2.2. Đất đai:

- Chất lượng kế hoạch sử dụng đất hàng năm còn hạn chế, tính khả thi không cao, thể hiện: không thống nhất chỉ tiêu sử dụng đất, chỉ tiêu chuyển mục đích sử dụng đất và danh mục dự án, công trình trong kế hoạch sử dụng đất hàng năm được duyệt so với quy hoạch sử dụng đất của cấp huyện hoặc so với danh mục dự án, công trình được HĐND Thành phố thông qua; kết quả thực hiện các chỉ tiêu thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất và giao đất, cho thuê đất cho các dự án, công trình hàng năm còn đạt thấp so với kế hoạch được duyệt.

- Việc thu hồi đất, bồi thường, giải phóng mặt bằng còn chậm, nhất là các dự án thực hiện thu hồi đất, bồi thường trong giai đoạn thay đổi cơ chế chính sách

về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; một số dự án lớn thường kéo dài qua nhiều thời kỳ, nhiều năm; có khối lượng phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho các hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi đất lớn (*các tuyến đường vành đai 1 - 2 - 3*), UBND các quận/huyện triển khai thực hiện kiểm đếm và phê duyệt, ban hành quyết định thu hồi và phương án bồi thường, hỗ trợ làm nhiều đợt khác nhau, dẫn đến thời điểm UBND các quận/huyện ban hành quyết định thu hồi đất và phương án bồi thường, hỗ trợ không sát với thời điểm UBND Thành phố quyết định phê duyệt giá (*có dự án sau đến vài năm dẫn đến nhiều thời điểm phê duyệt phương án bồi thường khác nhau*).

- Một số dự án được giao đất, cho thuê đất còn chậm triển khai, để hoang hóa, chậm đưa đất vào sử dụng dẫn đến vi phạm pháp luật về đất đai. Ví dụ, theo thống kê của Sở Tài nguyên và Môi trường, trên địa bàn Thành phố có 59 dự án vốn ngoài ngân sách sử dụng đất đã có quyết định thu hồi đất hoặc bãi bỏ quyết định giao đất, cho thuê đất do vi phạm pháp luật về đất đai với tổng diện tích đất khoảng 337,1ha.

- Tình trạng lấn, chiếm đất nông nghiệp, đất công và xây dựng công trình trái phép còn diễn ra ở một số địa phương nhưng chưa được xử lý dứt điểm.

- Tiến độ thực hiện dự án xây dựng tổng thể hồ sơ địa chính và cơ sở dữ liệu quản lý đất đai Thành phố còn chậm, chưa đảm bảo thời gian so với kế hoạch đề ra. Việc tiến hành lập hồ sơ quản lý đối với từng diện tích đất công ích theo đúng quy định để quản lý chặt chẽ chưa được tiến hành hiệu quả.

- Công tác đăng ký nhu cầu sử dụng đất của chính quyền các cấp và tổng hợp, cân đối của các sở, ngành còn chủ quan, chưa bám sát, phù hợp với khả năng nguồn lực và tiến độ thực hiện, chưa đánh giá đúng mức độ khó khăn về công tác giải phóng mặt bằng.

- Công tác đo đạc, lập bản đồ địa chính đã được quan tâm đầu tư nhưng một số địa phương chưa có được bản đồ địa chính đo vẽ chính thức, gây khó khăn, hạn chế trong quản lý đất đai. Công tác cập nhật thông tin biến động, chỉnh lý biến động trên bản đồ, hồ sơ địa chính chưa thường xuyên, liên tục.

- Công tác xác định giá đất cụ thể trong một số trường hợp còn chậm, chưa

đáp ứng kịp thời về tiền độ tính thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất. Một số địa phương lúng túng trong việc áp dụng các quy định của pháp luật về xác định giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất khi Nhà nước giao đất, cho thuê đất.

- Một số dự án phát triển nhà ở, xây dựng khu đô thị theo quy hoạch chi tiết phải bố trí nhà ở xã hội chưa xác định cụ thể vị trí quỹ đất 20-25% hoặc đã xác định nhưng lại bố trí vào những vị trí khó thực hiện giải phóng mặt bằng. Một số dự án đã hoàn thành, đi vào sử dụng từ lâu nhưng thủ tục bàn giao quỹ đất 20-25% chậm; một số dự án khu đô thị, khu nhà ở thiếu sự quan tâm trong việc thực hiện công tác GPMB phần quỹ đất phải bàn giao lại cho Thành phố. Việc đưa vào khai thác sử dụng quỹ đất Thành phố đã tiếp nhận chậm trong khi trên địa bàn, việc phát triển nhà ở xã hội chưa đáp ứng được nhu cầu.

- Phần lớn các khu đất UBND Thành phố thu hồi, giao Trung tâm phát triển quỹ đất Thành phố quản lý hiện đang để trống, chưa đưa vào sử dụng.

- Quá trình tham mưu phê duyệt và tổ chức di dời nhà đất thuộc diện phải di dời do ô nhiễm môi trường, không phù hợp quy hoạch còn chậm.

2.3. Tài sản kết cấu hạ tầng:

- Việc giao quản lý một số loại tài sản kết cấu hạ tầng còn chồng chéo hoặc quy định chưa rõ ràng dẫn đến vướng mắc trong công tác quản lý, sử dụng và khai thác tài sản, cụ thể:

+ Hệ thống đèn tín hiệu giao thông là tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ do Thành phố quản lý. Theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 5 của Nghị định 33/2019/NĐ-CP ngày 23/4/2019 về quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, Sở Giao thông vận tải là cơ quan được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ cấp Thành phố. Nội dung này cũng được quy định trong Quyết định số 04/2022/QĐ-UBND ngày 11/01/2022 của UBND Thành phố quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức Sở Giao thông vận tải thành phố Hà Nội. Trong đó, Sở Giao thông vận tải là cơ quan được giao quản lý, khai thác, duy tu, bảo trì đèn tín hiệu điều khiển giao thông. Như vậy, việc giao Trung tâm điều khiển giao thông thuộc

Công an Thành phố quản lý hệ thống đèn tín hiệu giao thông theo thực tế hiện hành chưa phù hợp với các quy định nêu trên.

+ Tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch nông thôn: Theo Quyết định số 28/2016/QĐ-UBND ngày 01/8/2016 của UBND Thành phố quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành phố Hà Nội, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là cơ quan thường trực về công tác cấp nước sạch nông thôn. Đồng thời, Sở có trách nhiệm tổng hợp, cập nhật tài sản kết cấu hạ tầng nước sạch nông thôn tập trung vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công theo quy định tại Thông tư số 54/2013/TT-BTC ngày 04/5/2013 của Bộ Tài chính. UBND Thành phố đã ban hành các Quyết định số 2480/QĐ-UBND ngày 23/5/2018 và số 4042/QĐ-UBND ngày 27/8/2021 trong đó Sở Xây dựng tiếp nhận chức năng quản lý nhà nước về cấp nước sạch nông thôn từ Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Tuy nhiên, tại Quyết định số 27/2021/QĐ-UBND ngày 13/12/2021 của UBND Thành phố về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 34/2016/QĐ-UBND ngày 08/9/2016 của UBND Thành phố về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức bộ máy của Sở Xây dựng thành phố Hà Nội chỉ có chức năng quản lý nhà nước về cấp nước sạch đô thị và khu công nghiệp, khu kinh tế, khu công nghệ cao, không có chức năng quản lý nhà nước về cấp nước sạch nông thôn.

+ Tài sản kết cấu hạ tầng ngầm kỹ thuật đô thị sử dụng chung: Theo Quyết định số 27/2021/QĐ-UBND ngày 13/12/2021 của UBND Thành phố, Sở Xây dựng là cơ quan được giao quản lý nhà nước về hạ tầng ngầm kỹ thuật đô thị sử dụng chung. Tuy nhiên, theo Quyết định số 17/2020/QĐ-UBND ngày 04/9/2020 của UBND Thành phố ban hành quy định về quản lý, xây dựng, sử dụng công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung và cải tạo, sắp xếp đường dây, cáp viễn thông đi nổi trên cột treo cáp trên địa bàn thành phố Hà Nội, Sở Thông tin và Truyền thông được quy định là cơ quan quản lý nhà nước đối với tài sản hạ tầng này.

- Tiến độ kiểm kê, phân loại, giao quản lý các loại tài sản hạ tầng giao thông đường bộ, đường thủy nội địa, thủy lợi, cấp nước sạch theo quy định tại các Nghị định của Chính phủ còn chậm.

- Tài sản kết cấu hạ tầng chủ yếu được theo dõi về mặt hiện vật, khối lượng, chỉ một số ít tài sản (*chủ yếu do doanh nghiệp nhà nước quản lý*) được hạch toán về giá trị và tính hao mòn/khấu hao.

- *Hạ tầng giao thông*: Hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông đô thị phát triển chưa đáp ứng được yêu cầu tốc độ phát triển quá nhanh của đô thị. Tình trạng ùn tắc giao thông vẫn diễn biến phức tạp, tai nạn giao thông vẫn ở mức cao. Việc thực hiện chủ trương xã hội hóa trong công tác quản lý, khai thác kết cấu hạ tầng giao thông đã có chuyển biến nhưng còn chậm.

- *Hạ tầng thủy lợi*: Tình trạng vi phạm phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi tuy đã giảm nhiều so với các năm trước nhưng vẫn tiếp tục diễn ra ở hầu hết các địa phương, đặc biệt là trên trục chính các sông, kênh, hồ chứa. Đa phần các công trình thủy lợi chưa có mốc giới cụ thể phân định rõ ranh giới, phạm vi các công trình thủy lợi, gây khó khăn trong công tác quản lý và ngăn ngừa vi phạm. Toàn bộ các hồ chứa đều có đập ngăn nước là đập đất, qua thời gian dài đưa vào khai thác sử dụng, nhiều hồ đã xuống cấp, nhiều hồ chứa nước nhỏ chưa được xây dựng quy trình vận hành. Qua kiểm tra thực tế cho thấy một số kênh mương chưa được thực hiện duy trì thường xuyên; hiện tượng bèo, rác, vật cản, công trình vi phạm... chưa khắc phục làm ảnh hưởng đến việc tiêu thoát chống úng, ngập.

- *Hạ tầng văn hóa - thể thao*: Chưa có cơ chế chính sách để khai thác hiệu quả hạ tầng văn hóa - thể thao cấp xã, thôn, tổ dân phố trong khi chưa khai thác hiệu quả, sử dụng hết công suất. Hệ thống các thiết chế văn hóa, thể thao các cấp trên địa bàn Thành phố hiện nay cơ sở vật chất nhiều nơi đã bị xuống cấp, trang thiết bị phục vụ hoạt động thiếu đồng bộ, chất lượng chưa cao.

- *Hạ tầng kỹ thuật đô thị*:

+ Phần lớn các công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung có quy mô nhỏ; Nhiều công trình cấp nước xây dựng không đồng bộ (*xây dựng công trình đầu mối và trục chính, không đầu tư mạng lưới đường ống dịch vụ dẫn đến công trình không thể hoạt động cấp nước phục vụ người dân*); một số công trình đã đầu tư xây dựng nhưng do không được duy tu, sửa chữa thường xuyên nên đã xuống cấp và không hoạt động được; Chất lượng nước nguồn chưa được kiểm soát,

không có chế độ quan trắc chất lượng nước thô định kỳ, chưa có các biện pháp bảo vệ nguồn nước... Đơn vị quản lý vận hành chưa thực hiện đầy đủ quy định về quản lý và giám sát chất lượng nước sau xử lý. Việc giao, chuyển nhượng công trình cho các nhà đầu tư quản lý, vận hành gặp nhiều khó khăn đặc biệt liên quan đến giá trị tài sản còn lại của công trình, hồ sơ pháp lý, chất lượng công trình.

+ Nhiều công trình hạ tầng ngầm kỹ thuật có doanh thu từ việc cho thuê ít (có ít doanh nghiệp ký hợp đồng thuê công trình, có những tuyến công trình chỉ có một đến hai sợi cáp) nhưng chi phí sửa chữa nhiều, thu không đủ bù chi.

2.4. Tài sản khác:

2.4.1. Tài nguyên:

- Tài nguyên rừng:

+ Nhiều đơn vị chưa có Quyết định giao đất gắn với rừng, chưa được cắm mốc giới rừng. Công tác quản lý rừng gặp khó khăn đặc biệt trong trường hợp có hộ dân sinh sống, định cư lâu năm trong rừng.

+ Hệ thống số liệu quản lý rừng chưa đồng bộ giữa số liệu kiểm kê và số liệu đo đạc, vẫn còn trùng lẫn một số đất khác vào diện tích rừng.

- *Tài nguyên khoáng sản:* Vẫn còn tình trạng khai thác cát trái phép lén lút, chưa được xử lý dứt điểm hoàn toàn, vẫn còn tình trạng lợi dụng cải tạo, san gạt mặt bằng đất ở và đất vườn để khai thác đất san lấp trái phép.

2.4.2. Ô tô và tài sản khác:

- Vẫn còn tình trạng mua sắm, sử dụng tài sản công chưa theo tiêu chuẩn, định mức được cấp có thẩm quyền phê duyệt mà phụ thuộc vào khả năng nguồn kinh phí của cơ quan, tổ chức, đơn vị, không sử dụng gây lãng phí hoặc khai thác tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập khi chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Khoản kinh phí sử dụng xe ô tô và mua sắm tài sản công theo phương thức tập trung là những giải pháp quan trọng nhằm thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong quản lý tài sản công. Tuy nhiên, thực tế tiến độ triển khai mua sắm tập trung còn chậm, việc khoán kinh phí sử dụng xe ô tô gặp bất lợi về tính chủ động, kịp thời trong trường hợp cần thiết, cấp bách, mua bảo chưa tạo động lực khuyến khích các cơ quan, tổ chức, đơn vị triển khai hiệu quả các công cụ này.

2.5. Các công cụ, biện pháp phục vụ công tác quản lý, sử dụng và khai thác tài sản công của Thành phố:

2.5.1. Thể chế, chính sách:

- Vương mắc về cơ chế quản lý quỹ nhà thuộc sở hữu nhà nước của thành phố Hà Nội giao cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp quản lý, khai thác:

Công tác quản lý quỹ nhà thuộc sở hữu nhà nước của Thành phố không sử dụng vào mục đích để ở trước đây chưa có văn bản quy phạm pháp luật của Trung ương điều chỉnh. UBND Thành phố Hà Nội đã ban hành Quyết định số 32/2012/QĐ-UBND ngày 12/11/2012. Tuy nhiên, thực tế quỹ nhà giao cho các tổ chức quản lý, kinh doanh nhà theo các phương thức khác nhau; địa vị pháp lý và nhiệm vụ, quyền hạn của tổ chức quản lý, kinh doanh nhà cũng có sự khác nhau; trong khi đó, việc áp dụng các quy định chung về quản lý, sử dụng và khai thác tài sản công tại cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp vào trường hợp cụ thể của tổ chức quản lý, kinh doanh nhà còn nhiều điều chưa phù hợp. Việc thiếu các quy định chung cần thiết để quản lý, sử dụng và khai thác quỹ nhà, đất này đã tác động lớn tới quá trình hình thành, sử dụng, khai thác, vận hành và xử lý tài sản, ảnh hưởng tới chất lượng cung cấp dịch vụ, nguồn thu cho ngân sách nhà nước.

- Vương mắc trong chính sách về đất đai:

+ Luật Đất đai năm 2013 có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2014 nên nhiều cơ chế, chính sách về đất đai thay đổi, có sự chuyển tiếp đã ảnh hưởng nhất định đến công tác quản lý đất đai.

+ Chủ trương và việc triển khai lập quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất của Thành phố và các quận, huyện, thị xã đảm bảo đúng thời điểm theo quy định nhưng phải chờ phân bổ chỉ tiêu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp quốc gia.

+ Luật Đất đai và các Luật khác có liên quan còn mâu thuẫn, chồng chéo, chưa đồng bộ và thống nhất, dẫn tới không rõ trách nhiệm quản lý, gây khó khăn cho tổ chức thực hiện, như: Luật Đầu tư quy định nhà đầu tư thực hiện dự án có quyền sử dụng đất. Luật Nhà ở chỉ được lựa chọn Chủ đầu tư đối với dự án kinh

doanh bất động sản đối với trường hợp có quyền sử dụng đất ở. Luật Quản lý sử dụng tài sản công quy định tài sản công, trong đó bao gồm đất đai (*khoản 1 Điều 3*) trong khi Luật Đất đai mới chỉ quy định đất công ích (*Điều 132*) và người chịu trách nhiệm trước Nhà nước đối với đất được giao để quản lý (*Điều 8*), chưa khái niệm cụ thể về đất công, dẫn đến quan niệm khác nhau về việc quản lý, sử dụng đất thực hiện theo pháp luật quản lý tài sản công (*phải đấu giá*) gây bất cập trong thực tiễn.

+ Quy định của pháp luật về đất đai liên quan đến việc áp dụng các phương pháp định giá để xác định giá đất cụ thể trong một số trường hợp còn phức tạp, chưa phù hợp với điều kiện thực tiễn của các địa phương; Khối lượng công việc định giá đất cụ thể theo quy định của Luật Đất đai năm 2013 là rất lớn, thông tin về giá đất thị trường làm đầu vào để áp dụng các phương pháp định giá đất có độ tin cậy chưa cao, chưa có dữ liệu về giá đất thị trường để thuận lợi cho việc thực hiện xác định giá đất.

+ Các Bộ Xây dựng, Y tế, Giáo dục - Đào tạo, Lao động - Thương binh Xã hội đến nay chưa hoàn thành danh mục, tiêu chí, lộ trình, biện pháp di dời trụ sở cơ quan trung ương, bệnh viện, cơ sở đào tạo khối nội đô theo quy định tại Điều 4 Quyết định số 130/QĐ-TTg ngày 23/01/2015 của Thủ tướng Chính phủ về biện pháp, lộ trình di dời và việc sử dụng quỹ đất sau khi di dời cơ sở sản xuất công nghiệp, bệnh viện, cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và các cơ quan, đơn vị trong nội thành Hà Nội.

- *Vướng mắc về quy định về tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản:*

+ Hệ thống tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản được xây dựng thống nhất cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị trong cả nước, nên hạn chế trong tính linh hoạt, chủ động của địa phương có tính đặc thù về nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, địa bàn hoạt động như thành phố Hà Nội.

+ Tiêu chí xác định định mức tài sản chuyên dùng hiện chưa rõ dấu hiệu nhận biết, phân biệt với tài sản phục vụ các chức danh và tài sản sử dụng chung. Việc giao UBND Thành phố ban hành định mức tài sản chuyên dùng cho các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý dẫn tới các đơn vị có cùng quy mô, lĩnh vực,

địa bàn hoạt động, mức độ tự chủ nhưng định mức lại khác nhau.

+ Đến thời điểm hiện tại, Bộ Y tế chưa ban hành Thông tư hướng dẫn về tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng trong lĩnh vực y tế theo chỉ đạo của Chính phủ tại điểm a khoản 2 Điều 9 Nghị định số 152/2017/NĐ-CP ngày 27/12/2017 của Chính phủ.

+ Theo quy định tại khoản 3 Điều 3 Thông tư số 65/2021/TT-BTC ngày 29/7/2021 của Bộ Tài chính, các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực quy định chế độ, tiêu chuẩn, định mức kinh tế - kỹ thuật bảo dưỡng, sửa chữa tài sản công thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ. Hiện chưa có Bộ ngành chuyên môn nào ban hành quy định nêu trên làm cơ sở các cơ quan, đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài sản công thực hiện việc bảo dưỡng, sửa chữa tài sản công theo quy định.

- *Vướng mắc về quy định sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc sở hữu nhà nước:*

Trong một thời gian dài trước khi Nghị định số 67/2021/NĐ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ ban hành, việc sắp xếp lại, xử lý nhà, đất còn gặp vướng mắc trong triển khai thực hiện các nội dung theo quy định tại Nghị định số 167/2017/NĐ-CP, cụ thể:

+ Nghị định chưa quy định đối tượng sắp xếp là các doanh nghiệp thuộc Đảng nên chưa triển khai được đối với các doanh nghiệp này. Bên cạnh đó, việc xác định đối tượng điều chỉnh của Nghị định đối với các doanh nghiệp cấp 2, cấp 3,... có vốn do Tổng công ty, Công ty mẹ nắm giữ trên 50% vốn điều lệ cũng chưa cụ thể và chi tiết.

+ Việc sắp xếp nhà và tài sản gắn liền với đất của doanh nghiệp thuê đất trong khu công nghiệp, hoặc đầu tư xây dựng trên các diện tích đất công cộng gặp khó khăn (*Đất không thuộc phạm vi điều chỉnh, trong khi công trình nhà xưởng thuộc phạm vi điều chỉnh, gây khó khăn về trình tự và thẩm quyền phê duyệt phương án và quyết định xử lý*), như:

(i) Nhà, đất thuộc các Khu công nghiệp, khu công nghệ cao (*Ví dụ: của CTCP Kim khí Thăng Long thuê tại Khu công nghiệp Lê Minh Xuân, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh. UBND thành phố Hà Nội triển khai trong giai*

đoạn 2018-2021, phải xin ý kiến nhiều lần các Bộ Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Tư pháp).

(ii) Công trình cấp nước của các doanh nghiệp cung cấp nước sạch, thoát nước, môi trường đô thị,... được đầu tư trên đất công cộng, đất trong khu đô thị thuộc phạm vi quản lý của đơn vị khác,...

+ Việc xác định phạm vi điều chỉnh đối với các diện tích nhà, đất thuộc dự án kinh doanh bất động sản (*Tổng công ty Đầu tư và Phát triển nhà Hà Nội, Tổng công ty Đầu tư và Phát triển hạ tầng đô thị,...*) gặp khó khăn, bất cập trong việc kê khai, báo cáo để đảm bảo phù hợp việc xác định quyền quản lý, sử dụng các phần diện tích theo tiến độ bán nhà,...; Xác định phạm vi điều chỉnh đối với diện tích đất công do UBND cấp xã quản lý theo quy định pháp luật về đất đai.

+ Việc sắp xếp đối với diện tích nhà, đất đã được UBND Thành phố chấp thuận cho doanh nghiệp góp vốn bằng giá trị tài sản trên đất với doanh nghiệp khác để thực hiện dự án đầu tư gặp khó khăn và vướng mắc (*cơ sở nhà, đất tại số 198 Trần Quang Khải, quận Hoàn Kiếm của Tổng công ty Du lịch Hà Nội,...*). Trong đó, có việc áp dụng quy định tại khoản 1 Điều 12 Nghị định số 167/2017/NĐ-CP về lựa chọn đối tác liên doanh và thành lập pháp nhân mới theo quy định pháp luật về đấu thầu.

Căn cứ Nghị định số 67/2021/NĐ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 167/2017/NĐ-CP, cơ bản các khó khăn, vướng mắc trên đã được tháo gỡ. Riêng đối với vướng mắc trong xử lý chuyển tiếp đối với nhà, đất đã được phê duyệt phương án chuyển mục đích sử dụng đất nhưng chưa hoàn thành thực hiện phương án, UBND Thành phố đang tiếp tục xin ý kiến Bộ Tài chính để xử lý theo quy định.

- Vướng mắc về quy định về sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết.

+ Chưa có tiêu chí, định mức rõ ràng để xác định tài sản của đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết khi chưa sử dụng hết công suất (*phải lập Đề án*) với tài sản sử dụng thực hiện nhiệm vụ chính trị, chuyên môn của đơn vị (*không phải lập Đề án*).

+ Công tác lập Đề án đối với các hạng mục không đủ điều kiện ghi sổ kế toán (*ví dụ mặt tường để treo biển tuyên truyền cổ động chính trị kết hợp quảng cáo, mái nhà để lắp đặt pin năng lượng mặt trời*), tính toán, phân bổ chi phí cho các hạng mục phụ trợ gián tiếp tham gia vào hoạt động khai thác (*diện tích hành lang, hệ thống điều hòa tổng; hệ thống thoát nước; hệ thống xử lý chất thải,...*) chưa có hướng dẫn cụ thể.

+ Công tác tính toán và phân bổ tiền thuê đất, tiền khấu hao tài sản cố định vào chi phí sử dụng tài sản công sử dụng vào kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết chưa được hướng dẫn cụ thể và nếu tính đủ các khoản chi phí thực hiện nghĩa vụ tài chính với nhà nước bao gồm tiền thuê đất thì hầu hết các Đề án đều không có hiệu quả về kinh tế, đặc biệt đối với các đơn vị sự nghiệp trong lĩnh vực y tế, giáo dục, văn hóa và thể dục.

+ Hiện chưa có cơ chế khai thác hiệu quả một số tài sản công tại các cơ quan nhà nước khi chưa sử dụng hết công suất (*ví dụ thiết chế văn hóa, thể thao do UBND xã, phường, thị trấn quản lý*) do theo quy định tại Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật, tài sản công giao cho cơ quan nhà nước quản lý thì không được sử dụng kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết.

- *Vướng mắc trong quy định về quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng:*

+ Đến thời điểm hiện tại, Chính phủ mới ban hành Nghị định quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác đối với 07 loại tài sản kết cấu hạ tầng gồm: hạ tầng giao thông đường bộ, đường thủy nội địa, hàng hải, hàng không, thủy lợi, đường sắt quốc gia, hạ tầng cấp nước sạch nông thôn tập trung. Như vậy, một số tài sản kết cấu hạ tầng còn thiếu các văn bản để điều chỉnh làm cơ sở quản lý, sử dụng, khai thác như: hạ tầng đường sắt đô thị, hạ tầng đô thị, hạ tầng viễn thông,...

+ Một số Nghị định của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng (*giao thông đường bộ, đường thủy nội địa, thủy lợi*) mới xác định các Sở chuyên ngành là đối tượng được giao quản lý tài sản, chưa quy định rõ vai trò và trách nhiệm của Sở chuyên ngành là cơ quan tham mưu UBND Thành

phổ quản lý nhà nước về tài sản kết cấu hạ tầng (*Nội dung này đã được Chính phủ quy định cụ thể trong Nghị định số 43/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 về quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng nước sạch*).

+ Một số tài sản kết cấu hạ tầng có tiềm năng khai thác hiệu quả, tạo nguồn thu cho ngân sách song chưa đủ cơ sở triển khai thực hiện do vướng mắc cơ chế hiện hành (*ví dụ: sử dụng vỉa hè để kinh doanh tạm thời tại quận Hoàn Kiếm do vướng mắc về điều kiện sử dụng tại Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03/9/2013 của Chính phủ; khai thác không gian phía dưới vòm cầu Long Biên do vướng mắc về chủ thể quản lý sử dụng tài sản duy nhất là Tổng công ty Đường sắt Việt Nam được quy định tại Nghị định số 46/2018/NĐ-CP ngày 14/3/2018 của Chính phủ; cơ chế lắp đặt trạm thu phát sóng di động BTS trên tài sản công*).

2.5.2. Phân cấp, ủy quyền trong quản lý tài sản công:

- Việc phân cấp, ủy quyền trong quản lý, sử dụng và khai thác tài sản công theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công đã được thực hiện song còn chưa đầy đủ (*mới phân cấp thẩm quyền của HĐND Thành phố chưa thực hiện phân cấp/ủy quyền đối với các nội dung thuộc thẩm quyền của UBND Thành phố/Chủ tịch UBND Thành phố*).

- Nội dung phân cấp quản lý kết cấu hạ tầng theo Nghị quyết số 21/2022/NQ-HĐND ngày 12/9/2022 của HĐND Thành phố đã đảm bảo đúng quy định, tinh thần của Nghị quyết số 04/NQ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về đẩy mạnh phân cấp phân quyền trong quản lý nhà nước và thực tiễn của Thành phố. Tuy nhiên, vẫn còn tồn tại một số bất cập trong nội dung phân cấp và tổ chức thực hiện, cụ thể:

+ Với quy định pháp luật hiện hành về quản lý nhà nước, phân công chức năng, nhiệm vụ của các Sở, ngành, cấp huyện theo Thông tư liên tịch của các Bộ chuyên ngành và Bộ Nội vụ và đặc thù tài sản công chuyên ngành, một số nhóm tài sản công có liên quan trực tiếp được giao phân tán cho nhiều cơ quan, đơn vị quản lý dẫn đến việc đầu tư đồng bộ hạ tầng gặp khó khăn. Ví dụ, trên 01 tuyến đường thuộc địa bàn quận: Lòng đường do Sở Giao thông Vận tải quản lý; Cây xanh, chiếu sáng, thoát nước (*trừ chiếu sáng, thoát nước ngõ xóm*) do Sở Xây

dụng quản lý; Cống bê, hào kỹ thuật, tuy nen kỹ thuật do Sở Thông tin và Truyền thông quản lý; Hè đường do UBND quận quản lý.

+ Trong quá trình điều chỉnh phân cấp giữa cấp Thành phố và cấp huyện, việc bàn giao tài sản trong một số lĩnh vực còn chưa hoàn thành, ví dụ các công trình thủy lợi giai đoạn 2016-2020.

2.5.3. Tiêu chuẩn, định mức:

- Công tác xây dựng tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản chuyên dùng (*diện tích chuyên dùng, máy móc, thiết bị chuyên dùng*) còn chậm dẫn đến việc mua sắm tài sản chuyên dùng trong thời gian dài chưa theo tiêu chuẩn, định mức mà tùy thuộc vào khả năng ngân sách của đơn vị.

- Quy trình, định mức kinh tế, kỹ thuật phục vụ công tác quản lý, duy trì một số nhóm tài sản kết cấu hạ tầng (*hạ tầng giao thông đường thủy nội địa, hạ tầng đường sắt đô thị, công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung*) chưa được ban hành đầy đủ.

2.5.4. Cơ sở dữ liệu tài sản công:

- Cơ sở dữ liệu tài sản công còn phân tán, chủ yếu lưu trữ tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp quản lý, sử dụng, khai thác tài sản.

- Theo Quyết định số 974/QĐ-UBND ngày 26/02/2021 của UBND thành phố Hà Nội ban hành Danh mục cơ sở dữ liệu thành phố Hà Nội, trong 24 danh mục cơ sở dữ liệu tập trung của Thành phố chỉ có 01 cơ sở dữ liệu về tài sản công tại khối hành chính sự nghiệp. Hiện phần mềm quản lý cơ sở dữ liệu tập trung về đất đai, quỹ nhà thuộc sở hữu nhà nước của Thành phố giao các tổ chức, doanh nghiệp kinh doanh nhà quản lý, khai thác vẫn đang trong quá trình xây dựng, hoàn thiện. Vì vậy, việc nắm bắt số liệu tổng thể về tài sản công, đặc biệt là nhóm tài sản công chưa có cơ sở dữ liệu tập trung gặp nhiều khó khăn do phải trực tiếp lấy số liệu từ báo cáo của các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp được giao quản lý tài sản.

- Việc cập nhật thông tin vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công còn chưa được thường xuyên, kịp thời và chính xác (*ví dụ, tính đến thời điểm tháng 10/2022, tổng số cơ sở nhà, đất được cập nhật vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công là 7.288 cơ sở, đạt tỷ lệ khoảng 68% tổng số cơ sở nhà, đất của các cơ*

quan, tổ chức, đơn vị của Thành phố đã được phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý).

- Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công hiện nay vẫn chưa bao quát hết các loại tài sản công cần quản lý theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công (còn thiếu thông tin về một số nhóm nhà, đất như quỹ nhà thuộc sở hữu nhà nước giao cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp quản lý, khai thác, một số loại tài sản kết cấu hạ tầng, tài sản công tại doanh nghiệp, tài nguyên). Bên cạnh đó, thông tin tài sản tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công mới chỉ đáp ứng yêu cầu thống kê, chưa đủ thông tin để đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, định mức, khả năng ngân sách của cơ quan, tổ chức, đơn vị.

2.5.5. Nguồn nhân lực tham mưu công tác quản lý tài sản công:

- Sở Tài chính là cơ quan tham mưu UBND Thành phố thực hiện quản lý nhà nước về tài sản công. Trong đó, Phòng Quản lý công sản là bộ phận tham mưu trực tiếp. Với số lượng biên chế khoảng 22 người, Phòng Quản lý công sản chủ yếu thực hiện nhiệm vụ xây dựng, hướng dẫn chế độ, chính sách quản lý tài sản công, việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ theo dõi, quản lý và kiểm tra tình hình quản lý tài sản công tại các Sở, ban, ngành, UBND quận, huyện, thị xã và doanh nghiệp nhà nước thuộc phạm vi quản lý của Thành phố còn hạn chế.

- Lực lượng nhân sự tham mưu công tác quản lý tài sản công tại các Sở, ban, ngành, quận, huyện, thị xã chủ yếu kiêm nhiệm: các Sở, ban, ngành (đơn vị dự toán cấp 1), Phòng Tài chính - Kế hoạch quận, huyện, thị xã (mặc dù là cơ quan tham mưu UBND quận, huyện, thị xã thực hiện quản lý nhà nước về tài sản công), đa số chỉ bố trí 01 cán bộ phụ trách công tác quản lý công sản đồng thời đội ngũ cán bộ này thường xuyên thay đổi do tổ chức bộ máy quản lý tài sản công không ổn định.

- Các cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý, sử dụng tài sản công chủ yếu thực hiện kế toán, thống kê tài sản công, thiếu cán bộ chuyên trách am hiểu chính sách tham mưu quản lý, sử dụng tài sản công đảm bảo chất lượng và yêu cầu.

- Các Sở chuyên ngành mới thực hiện vai trò cơ quan tham mưu UBND Thành phố quản lý nhà nước về lĩnh vực chuyên môn, chưa phát huy chức năng

cơ quan tham mưu UBND Thành phố quản lý nhà nước về tài sản công chuyên ngành theo quy định tại khoản 4 Điều 19 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công

3. Nguyên nhân:

3.1. Nguyên nhân khách quan:

3.1.1. Tài sản công của Thành phố được hình thành từ nhiều nguồn khác nhau, qua nhiều giai đoạn, cơ chế quản lý đa dạng:

- Tài sản công của Thành phố được chia thành nhiều chủng loại, được hình thành từ nhiều nguồn khác nhau, hình thức sử dụng đa dạng, phân bổ không đều giữa các ngành, lĩnh vực, địa phương. Một số loại tài sản công (*quỹ nhà chuyên dùng, hạ tầng đường sắt đô thị*) chỉ riêng có ở Hà Nội và một số ít tỉnh thành khác nên khi có vướng mắc, việc giải quyết, hướng dẫn của Trung ương thường kéo dài.

- Việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản công ngoài quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công còn có quy định của nhiều pháp luật chuyên ngành (*pháp luật về đất đai, pháp luật về nhà ở, pháp luật về quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp...*), trong quá trình triển khai thực hiện còn có nhiều quan điểm khác nhau, phải trao đổi thảo luận và xin ý kiến hướng dẫn của Bộ Tài chính và các cơ quan liên quan để thống nhất chỉ đạo thực hiện, đảm bảo thận trọng, hiệu quả, đúng quy định của pháp luật.

- Quỹ nhà thuộc sở hữu nhà nước (*đặc biệt là quỹ nhà chuyên dùng, quỹ nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước*) chủ yếu là nhà đã xây dựng từ những năm 1960-1970 nay đã xuống cấp, nhà có nguồn gốc là nhà thuộc diện cải tạo, vắng chủ, công tư hợp doanh. Các đối tượng thuê nhà trước đây bao gồm các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, các tổ chức kinh tế quốc doanh hoạt động trong lĩnh vực nông, lâm, thủy sản, dịch vụ, du lịch,... các tổ chức kinh tế tập thể nhỏ với mô hình hợp tác xã, các liên hiệp tiểu thủ công nghiệp,... Sau nhiều năm quản lý, sử dụng các đơn vị thuê là đơn vị hành chính sự nghiệp chưa hoàn tất thủ tục chuyển giao hành chính sự nghiệp do vướng mắc về nghĩa vụ tài chính tiền thuê giai đoạn trước đây hoặc chưa rõ cơ quan chủ quản tiếp nhận; Có trường hợp đơn vị thuê là doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước, không có trụ sở làm việc nào khác ngoài địa

điểm thuê, hoạt động kinh doanh của đơn vị không có hiệu quả - cơ quan có chức năng còn đang trong quá trình nghiên cứu phương án tái cơ cấu thoái vốn nhà nước hoặc cho giải thể, phá sản,...; Có trường hợp đơn vị thuê trước đây đã giải thể, chuyển đổi, sáp nhập,... địa điểm đã do đối tượng khác sử dụng; nhiều trường hợp nhà thuê đã do cá nhân, hộ gia đình sử dụng để ở do được đơn vị thuê trước đây có quyết định phân nhà, bố trí nhà và đã được cấp sổ hộ khẩu,...; Có trường hợp địa điểm thuê thuộc diện giải phóng mặt bằng hoặc có chủ trương cho đơn vị thuê thực hiện dự án; Có trường hợp đơn vị thuê tự nhận là đơn vị sự nghiệp, không thực hiện ký hợp đồng thuê nhà, không trả tiền thuê nhà chuyên dùng,... Do trải qua nhiều thời kỳ nên hồ sơ lưu trữ, quá trình quản lý không đầy đủ, nhiều điểm không có hồ sơ quản lý, thu chi theo dõi, thống kê trên sổ bộ và chưa có cơ chế, chính sách rõ ràng để giải quyết những tồn tại, vướng mắc nêu trên.

3.1.2. Một số nguyên nhân khác quan khác:

- Dân số cơ học tăng nhanh, nhiều khu đô thị, khu công nghiệp được tiếp tục xây mới, gây áp lực về rất lớn cho hệ thống kết cấu hạ tầng hiện tại của Thành phố, đặc biệt là hạ tầng giao thông, hạ tầng nước sạch. Quỹ đất tại khu vực nội thành còn hạn chế nên khó khăn trong đầu tư, xây dựng các công trình hạ tầng phục vụ mục đích công cộng.

- Thành phố đang trong quá trình hoàn thiện cơ sở hạ tầng nên nhu cầu đầu tư rất lớn. Trong khi đó, nguồn lực ở các cấp đều chưa đáp ứng toàn bộ nhu cầu mà phải dành nguồn lực cho các nhiệm vụ ưu tiên trong từng thời kỳ. Vì vậy, tài sản công trong một số ngành, lĩnh vực còn chưa được đảm bảo nguồn lực để phát triển như mong muốn.

- Năm 2020-2021, do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 nên trong một thời gian dài các đơn vị thuê quỹ nhà thuộc sở hữu nhà nước của Thành phố phải đóng cửa kinh doanh theo Chỉ thị của UBND Thành phố để đảm bảo an toàn phòng chống dịch nên kinh doanh bị gián đoạn gây khó khăn trong việc truy thu tiền thuê nhà.

3.2. Nguyên nhân chủ quan:

3.2.1. Việc lập, xây dựng quy hoạch quản lý, sử dụng tài sản công còn

hạn chế:

- Trong thời gian dài việc đầu tư, sắp xếp lại, xử lý trụ sở nhiều cơ quan, tổ chức, đơn vị của Thành phố chưa được thực hiện theo quy hoạch tổng thể, dẫn đến còn tình trạng trụ sở bị phân tán, không đồng bộ.

- Công tác dự báo một số chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất chưa sát với nhu cầu phát triển kinh tế, xã hội và khả năng thực hiện. Công tác thực hiện đăng ký nhu cầu sử dụng đất của một số dự án còn mang tính chủ quan.

3.2.2. Hệ thống thông tin quản lý, theo dõi tài sản công còn thiếu số liệu, chưa phản ánh đầy đủ, chính xác, kịp thời về tình hình quản lý, sử dụng và khai thác tài sản công:

- Không ít cơ quan, đơn vị và doanh nghiệp chưa thực sự quan tâm đến việc hoàn thiện, quản lý hồ sơ tài liệu về tài sản công, cụ thể là nhà, đất (*Quyết định giao/cho thuê đất; Hợp đồng thuê đất; Giấy phép xây dựng; ...*), ô tô (*Đăng ký xe*) trong thời gian dài, nên hồ sơ tài sản công không đầy đủ, thiếu tính hệ thống.

- Việc theo dõi, quản lý, hạch toán và kê khai đăng ký biến động về tài sản chưa được thực hiện thường xuyên. Một số cơ sở nhà, đất thực hiện quyết toán công trình sau khi hoàn thành đầu tư xây dựng chậm, việc bàn giao hồ sơ tài liệu dự án đầu tư cho đơn vị sử dụng chưa được tuân thủ nghiêm, ... gây khó khăn trong việc quản lý hồ sơ nhà, đất cũng như hạch toán, theo dõi tài sản (*tài sản hoàn thành đưa vào sử dụng nhiều năm nhưng đơn vị trực tiếp quản lý, sử dụng tài sản không có hồ sơ tài liệu lưu trữ, chưa có cơ sở ghi sổ kế toán giá trị công trình sau đầu tư*). Bên cạnh đó, không ít đơn vị chưa phản ánh giá trị quyền sử dụng đất vào nguyên giá tài sản để hạch toán, theo dõi theo quy định tại Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ.

- Việc quản lý đối với nhóm tài sản công là quỹ nhà thuộc sở hữu nhà nước và phần lớn tài sản kết cấu hạ tầng mới dừng ở góc độ hiện vật, trong khi thông tin về giá trị tài sản để hạch toán, trích khấu hao phục vụ quá trình theo dõi, duy tu, nâng cấp, cải tạo, sửa chữa, xác định giá trị vốn nhà nước giao cho doanh nghiệp hoặc giá trị thu hồi vốn đầu tư của đơn vị được giao quản lý, vận hành còn chưa được chú trọng.

- Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, sử dụng và khai thác tài sản công chưa được triển khai rộng rãi, đồng bộ.

3.2.3. Việc tổ chức thực hiện, cụ thể hóa quy định về quản lý, sử dụng và khai thác tài sản công còn chưa đáp ứng yêu cầu:

- Công tác tham mưu, ban hành cơ chế, chính sách, chỉ đạo, hướng dẫn liên quan đến quản lý, sử dụng và khai thác tài sản công của Thành phố trong một số nội dung còn chậm, chưa kịp thời điều chỉnh theo sự thay đổi của pháp luật, sự phát triển của nền kinh tế. Một số văn bản của UBND Thành phố được ban hành trước Luật Quản lý, sử dụng tài sản công chưa hoặc chậm được điều chỉnh (*Quyết định số 32/2012/QĐ-UBND ngày 12/11/2012 quy định về quản lý, sử dụng nhà thuộc sở hữu nhà nước sử dụng vào mục đích kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn Thành phố Hà Nội, Quyết định số 33/2012/QĐ-UBND ngày 20/11/2012 của UBND Thành phố ban hành Quy chế đấu giá quyền thuê diện tích kinh doanh dịch vụ tại các nhà chung cư tái định cư và nhà ở xã hội được đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước trên địa bàn Thành phố, Quyết định số 38/2012/QĐ-UBND ngày 14/12/2012 của UBND Thành phố Hà Nội quy định về đơn giá thuê nhà đất thuộc sở hữu nhà nước...*). Với sự thay đổi của chính sách pháp luật, sự phát triển của nền kinh tế, cho đến nay các quy định này có nhiều điểm không còn phù hợp, bất cập với yêu cầu quản lý tài sản công.

- Các cơ quan, đơn vị và doanh nghiệp trực thuộc Thành phố trong nhiều trường hợp còn chưa chủ động làm hết trách nhiệm theo chức năng, nhiệm vụ được giao, chưa thực sự quyết liệt, xử lý dứt điểm tồn tại, vướng mắc. Công tác phối hợp giữa một số Sở, ngành, quận, huyện, thị xã có lúc chưa kịp thời, làm ảnh hưởng đến tiến độ và chất lượng công việc.

- Việc lập báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản công và báo cáo công khai tình hình quản lý, sử dụng chưa được nhiều cơ quan, đơn vị quan tâm, thực hiện nghiêm túc.

- Công tác giám sát, kiểm tra mới chủ yếu thông qua báo cáo của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, chưa quan tâm đúng mức cả từ bên trong nội bộ và của các cơ quan chức năng bên ngoài.

PHẦN THỨ BA:
QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU, GIẢI PHÁP VÀ KIẾN NGHỊ NÂNG CAO
HIỆU QUẢ QUẢN LÝ, SỬ DỤNG VÀ KHAI THÁC TÀI SẢN CÔNG
CỦA THÀNH PHỐ HÀ NỘI GIAI ĐOẠN 2023-2025, ĐỊNH HƯỚNG
GIAI ĐOẠN 2026-2030

I. Quan điểm, mục tiêu:

1. Quan điểm:

- Quản lý, sử dụng và khai thác hiệu quả tài sản công của Thành phố là trách nhiệm của các cấp, các ngành thuộc Thành phố, các chủ thể được giao quản lý, sử dụng tài sản công nhằm thực hiện tốt hơn các quan điểm, chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước.

- Tài sản công của Thành phố phải được Nhà nước giao quyền quản lý, quyền sử dụng và các hình thức trao quyền khác cho cơ quan, tổ chức, đơn vị và đối tượng khác theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và pháp luật có liên quan.

- Công tác quản lý, sử dụng tài sản công phải được thực hiện công khai, minh bạch, bảo đảm thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, phòng, chống tham nhũng. Việc khai thác nguồn lực tài chính từ tài sản công phải tuân theo cơ chế thị trường, có hiệu quả, công khai, minh bạch, đúng pháp luật.

- Công tác quản lý, sử dụng tài sản công được giám sát, thanh tra, kiểm tra, kiểm toán; mọi hành vi vi phạm pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công phải được xử lý kịp thời, nghiêm minh theo quy định của pháp luật.

2. Mục tiêu tổng quát:

- Hoàn thiện hệ thống cơ chế chính sách về quản lý, sử dụng tài sản công, đáp ứng yêu cầu phát triển trong tình hình mới, phòng, chống thất thoát, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

- Xây dựng, cập nhật đầy đủ, khoa học cơ sở dữ liệu về tài sản công thuộc phạm vi quản lý của Thành phố.

- Xử lý, khắc phục dứt điểm các tồn tại, hạn chế trong quản lý, sử dụng và khai thác tài sản công thuộc phạm vi quản lý của Thành phố. Từ đó phát huy các

nguồn lực đem lại từ tài sản công cho sự phát triển kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng của Thành phố.

- Phân định rõ trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, đơn vị trong công tác quản lý, sử dụng và khai thác tài sản công của Thành phố.

3. Mục tiêu cụ thể:

3.1. Giai đoạn 2023-2025:

- 100% tài sản công của Thành phố hiện có phần mềm Cơ sở dữ liệu tập trung được cập nhật đầy đủ và chính xác theo quy định.

- 100% tài sản chuyên dùng của Thành phố được cấp có thẩm quyền phê duyệt tiêu chuẩn, định mức.

- Đẩy nhanh tiến độ rà soát, phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc sở hữu nhà nước của Thành phố, đảm bảo đạt tỷ lệ tối thiểu 90% đối với các cơ sở nhà, đất chưa được phê duyệt mới.

- Chấm dứt tình trạng sử dụng tài sản công để cho thuê, cho mượn, liên doanh, liên kết không đúng quy định. 100% tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết được cấp có thẩm quyền phê duyệt Đề án.

- Xử lý, khắc phục dứt điểm các vi phạm, tồn tại trong quản lý, sử dụng quỹ nhà thuộc sở hữu nhà nước của Thành phố giao cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp quản lý, khai thác trên cơ sở quy định của Trung ương và Thành phố.

- Căn cứ quy định của Chính phủ, các cơ quan được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng của Thành phố hoàn thành việc rà soát, phân loại 100% tài sản kết cấu hạ tầng hiện có để thực hiện việc quản lý, sử dụng theo quy định.

- Ban hành đầy đủ định mức kinh tế - kỹ thuật duy tu, bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng thuộc phạm vi quản lý của Thành phố.

- Nghiên cứu phương án khai thác quỹ đất hai bên tuyến đường Vành đai 4 Thủ đô để tạo vốn phát triển hạ tầng giao thông.

- Tiếp nhận để quản lý và từng bước sử dụng, khai thác hiệu quả đối với 05 nhóm quỹ đất dự kiến khai thác giai đoạn 2023-2025, định hướng giai đoạn 2026-2030.

3.2. Định hướng 2026-2030:

- 100% tài sản công của Thành phố được thống kê, theo dõi và cập nhật đầy đủ, tập trung vào phần mềm Cơ sở dữ liệu tài sản công theo từng chuyên ngành.

- 100% cơ sở nhà, đất do các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp Nhà nước của Thành phố quản lý, sử dụng được phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc sở hữu nhà nước.

- 100% quỹ đất thuộc 05 nhóm dự kiến khai thác giai đoạn 2023-2025, định hướng giai đoạn 2026-2030 được tiếp nhận, quản lý và có phương án sử dụng và khai thác hiệu quả.

- 100% quỹ đất cũ của các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp sau khi di dời do không phù hợp với quy hoạch, gây ô nhiễm môi trường theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, Nghị quyết của HĐND Thành phố được tiếp nhận và có phương án quản lý, sử dụng hiệu quả.

II. Giải pháp:

1. Nhóm giải pháp chung:

1.1. Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện hệ thống cơ chế, chính sách về tài sản công của Thành phố và kiến nghị Trung ương những nội dung vượt thẩm quyền theo hướng rõ ràng, thống nhất, đồng bộ, đảm bảo sự phối hợp hiệu quả trong quản lý tài sản công giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp:

- Tập trung kiến nghị Quốc hội, Chính phủ, cơ quan Trung ương tháo gỡ những nội dung còn vướng mắc trên thực tiễn, chưa thống nhất giữa pháp luật về tài sản công và pháp luật liên quan (*Luật đất đai, Luật nhà ở,...*), đảm bảo thống nhất trong tổ chức, triển khai thực hiện.

- Tổng kết thi hành Luật Quản lý, sử dụng tài sản công làm cơ sở đề xuất, kiến nghị, sửa đổi, bổ sung những nội dung của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và pháp luật liên quan theo hướng đồng bộ, thực tiễn.

- Tiếp tục rà soát để sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật của Thành phố về tài sản công nhằm tăng cường và nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản công. Đối với những cơ chế, chính sách Trung ương chưa có quy định hoặc cần cơ chế đặc thù cho Hà Nội, kiến nghị bổ sung vào quy định tại Luật Thủ đô để

đáp ứng yêu cầu thực tiễn đề ra.

- Rà soát các quy định của Thành phố đã ban hành liên quan đến tài sản công chuyên ngành để sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế, bảo đảm đồng bộ, thống nhất với quy định tại Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và quy định của Trung ương, khắc phục tình trạng thiếu sót hoặc chồng chéo trong phân công, phối hợp giữa các cơ quan quản lý.

- Tiếp tục rà soát, đẩy mạnh phân cấp, ủy quyền trong công tác quản lý, sử dụng và khai thác tài sản công theo tinh thần Nghị quyết số 04/NQ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, nhằm phát huy tính chủ động, trách nhiệm của các cấp, các ngành, bảo đảm việc nào, cấp nào sát thực tế hơn, quản lý và giải quyết kịp thời, hiệu quả hơn thì giao cho cấp đó thực hiện.

1.2. Thống kê, hệ thống hóa đầy đủ, chính xác thông tin, dữ liệu về tài sản công với sự hỗ trợ của công nghệ thông tin, thực hiện nghiêm túc chế độ báo cáo, công khai tình hình quản lý, sử dụng và khai thác tài sản công:

- Đẩy nhanh tiến độ rà soát, phân loại, hoàn thiện hồ sơ pháp lý về tài sản công để phục vụ hiệu quả công tác quản lý, bảo vệ, khai thác.

- Xây dựng Quy chế của Thành phố về định kỳ cung cấp thông tin để kiểm tra, rà soát, đối chiếu kết quả đăng nhập dữ liệu tài sản công vào Cơ sở dữ liệu tài sản công.

- Khuyến khích các cơ quan, tổ chức, đơn vị hiện đại hóa trong theo dõi, quản lý, hạch toán và kê khai đăng ký biến động về tài sản. Đảm bảo số liệu về tài sản công của Thành phố trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công luôn được cập nhật đầy đủ, kịp thời, từng bước sử dụng thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công để thay thế thông tin dạng giấy.

- Xây dựng, hoàn thiện Cơ sở dữ liệu quản lý tập trung, thống nhất cho từng nhóm tài sản công chuyên ngành của Thành phố (*đất đai, quỹ nhà thuộc sở hữu nhà nước của Thành phố, trụ sở làm việc, tài sản kết cấu hạ tầng, tài sản hình thành từ dự án đầu tư sử dụng vốn nhà nước*), có khả năng chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan làm cơ sở tăng cường hiệu lực quản lý, hoạch định đồng thời đảm bảo tính đồng bộ, liên thông với Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công.

- Chỉ đạo các cơ quan, tổ chức, đơn vị thực hiện nghiêm túc chế độ báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản công, công khai tình hình quản lý, sử dụng và khai thác tài sản công theo quy định.

1.3. Xây dựng, kiện toàn mô hình, bộ máy cơ quan quản lý tài sản công và đổi mới, nâng cao chất lượng đội ngũ làm công tác quản lý tài sản công:

- Tiếp tục kiện toàn tổ chức bộ máy của cơ quan quản lý tài sản công tại các cấp, bảo đảm năng lực để thực hiện các nhiệm vụ quy định tại Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, các văn bản quy định chi tiết thi hành Luật, trong đó: Duy trì mô hình Phòng Quản lý công sản thuộc Sở Tài chính, thành lập Tổ quản lý tài sản công thuộc Phòng Tài chính – Kế hoạch cấp huyện.

- Chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, đặc biệt quan tâm đội ngũ cán bộ, công chức cơ sở trực tiếp làm công tác quản lý tài sản công.

1.4. Tuyên truyền nâng cao nhận thức, tầm quan trọng của công tác quản lý, sử dụng và khai thác tài sản công của Thành phố đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị và cộng đồng:

Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến về cơ chế, chính sách, quy định về quản lý, sử dụng tài sản công, đa dạng về hình thức, phong phú về nội dung để các cơ quan, tổ chức, đơn vị, đặc biệt là người đứng đầu hiểu rõ hơn các yêu cầu đổi mới trong quản lý, sử dụng tài sản công theo quy định của pháp luật, tăng cường chỉ đạo các cơ quan tham mưu thực hiện nghiêm các quy định, từ khâu đầu tư, xây dựng, quản lý, sử dụng, khai thác và xử lý tài sản.

1.5. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát định kỳ, chuyên đề và đột xuất trong công tác quản lý, sử dụng và khai thác tài sản công:

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra định kỳ, chuyên đề và đột xuất việc chấp hành quy định về quản lý, sử dụng tài sản công để kịp thời phát hiện, chấn chỉnh, xử lý các vi phạm theo quy định pháp luật. Xử lý nghiêm trách nhiệm của người đứng đầu đơn vị để xảy ra vi phạm và các tập thể, cá nhân liên quan và thu hồi toàn bộ các khoản thu được từ việc sử dụng tài sản công không đúng quy định để nộp vào ngân sách nhà nước.

- Phát huy vai trò của cấp ủy, Hội đồng nhân dân và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp trong công tác giám sát việc thực hiện các quy định về quản lý tài sản công.

2. Nhóm giải pháp cụ thể đối với từng nhóm tài sản công:

2.1. Nhà:

2.1.1. Quỹ nhà thuộc sở hữu nhà nước của Thành phố giao các tổ chức, đơn vị kinh doanh nhà quản lý, khai thác:

- Rà soát, thống kê toàn bộ quỹ nhà thuộc sở hữu nhà nước của Thành phố giao các đơn vị, doanh nghiệp kinh doanh nhà quản lý, khai thác, tổ chức phân loại theo từng nhóm nhà, phương án sử dụng, đối tượng thuê, vướng mắc, vi phạm; làm cơ sở đề xuất kế hoạch, lộ trình xử lý, biện pháp khắc phục tồn tại, hạn chế trong công tác quản lý quỹ nhà thuộc sở hữu nhà nước.

- Xây dựng Đề án khắc phục tồn tại, hạn chế và nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng quỹ nhà thuộc sở hữu nhà nước của Thành phố giao các đơn vị, doanh nghiệp kinh doanh nhà quản lý, khai thác giai đoạn 2023-2025, định hướng giai đoạn 2026-2030.

- Kiên quyết thu hồi để quản lý, xử lý theo quy định các diện tích nhà, đất phải bàn giao về Thành phố, không sử dụng, sử dụng không đúng quy định, sử dụng kém hiệu quả, nợ nghĩa vụ tài chính về nhà, đất kéo dài và lập phương án sử dụng, khai thác hiệu quả nhà, đất đã thu hồi, chưa sử dụng để phát huy nguồn lực từ các tài sản này, tránh lãng phí. Phân loại và xử lý dứt điểm các trường hợp vi phạm (*nợ đọng tiền thuê, bị chiếm dụng hoặc tự bố trí cho thuê trái phép, vi phạm trật tự xây dựng, có tranh chấp, khiếu kiện về quyền sử dụng, sở hữu...*). Trên cơ sở kết quả phân loại, trường hợp vi phạm phức tạp, kéo dài nghiên cứu áp dụng biện pháp chuyển hồ sơ sang cơ quan điều tra để xử lý.

- Trên cơ sở kết quả phân loại nợ nghĩa vụ tài chính đối với quỹ nhà thuộc sở hữu nhà nước của Thành phố, tập trung triển khai giải pháp xử lý dứt điểm từng nhóm nợ đọng, cụ thể: (i) Đối với nợ luân chuyển có khả năng thu hồi, tiếp tục thông báo, đôn đốc truy thu tiền thuê nhà; (ii) Đối với nợ khó thu, có phương án xử lý hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền xử lý các trường hợp đã hết hạn hợp

đồng thuê, khẩn trương thu hồi về Thành phố đối với trường hợp không đủ điều kiện thuê nhà để lập phương án đấu giá cho thuê, nghiên cứu chế tài xử lý phong tỏa tài sản, cưỡng chế thuế của đơn vị nợ tiền thuê nhà; (iii) Đối với nợ xấu, khó có khả năng thu hồi, thiết lập hồ sơ vi phạm gửi cơ quan thanh tra, cơ quan điều tra xử lý theo quy định.

- Bán đấu giá hoặc chuyển giao về địa phương quản lý, phục vụ mục đích công cộng đối với những cơ sở nhà, đất quy mô nhỏ, hiệu quả kinh tế thấp, không có nhu cầu sử dụng.

- Trên cơ sở quy định của Trung ương về cơ chế quản lý, khai thác quỹ nhà thuộc sở hữu nhà nước và Luật Thủ đô (*sửa đổi*), nghiên cứu hoàn thiện mô hình hoạt động, của tổ chức, đơn vị được giao quản lý quỹ nhà thuộc sở hữu nhà nước của Thành phố theo hướng tập trung 01 đầu mối theo từng nhóm quỹ nhà nhằm nâng cao trách nhiệm, hiệu quả hoạt động của đơn vị được giao quản lý theo đúng quy định và cơ chế thị trường.

2.1.2. Trụ sở làm việc, công trình sự nghiệp giao cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp Nhà nước trực tiếp quản lý, sử dụng:

- Đẩy nhanh tiến độ hoàn thiện hồ sơ pháp lý về nhà, đất, khẩn trương hoàn thành rà soát, lập và phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc phạm vi quản lý của Thành phố theo quy định tại Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017, Nghị định số 67/2021/NĐ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ, đảm bảo sử dụng nhà, đất đúng tiêu chuẩn, định mức, tiết kiệm, hiệu quả.

- Rà soát, ban hành đầy đủ hệ thống tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng theo quy định tại Nghị định số 152/2017/NĐ-CP.

- Kịp thời báo cáo cấp có thẩm quyền tháo gỡ vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ thẩm định, cho ý kiến, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt Đề án sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết theo quy định tại Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ.

2.2. Đất đai:

- Xây dựng Đề án khai thác nguồn lực đất đai để tạo vốn phát triển kinh tế

- xã hội thành phố Hà Nội giai đoạn 2023-2025 và giai đoạn tiếp theo.

- Xây dựng Đề án khai thác các quỹ đất phụ cận các dự án giao thông trọng điểm để tạo nguồn vốn tái đầu tư hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông, quỹ đất dự kiến đối ứng cho các Dự án BT nay không đủ điều kiện triển khai theo quy định của Luật Đầu tư.

- Tập trung hoàn thành quy hoạch Thành phố thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050; điều chỉnh tổng thể quy hoạch chung xây dựng Thủ đô; quy hoạch các đường Vành đai 3,5, Vành đai 4; quy hoạch phân khu đô thị, quy hoạch đô thị vệ tinh, quy hoạch chung đô thị còn lại; quy hoạch sử dụng đất cấp huyện thời kỳ 2021-2030.

- Tập trung hoàn thành phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai theo khu chức năng và theo loại đất đến từng đơn vị hành chính cấp huyện trong Quy hoạch Thành phố; Kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ đầu (2021-2025) Thành phố, Kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện.

- Tập trung thực hiện Danh mục dự án thu hồi đất, dự án chuyển mục đích đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ; Kế hoạch sử dụng đất cấp huyện hàng năm được cấp có thẩm quyền phê duyệt đảm bảo chất lượng.

- Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính về đất đai, tập trung tháo gỡ vướng mắc trong khâu tổ chức thực hiện thu hồi đất; bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng; giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất; xác định nghĩa vụ tài chính về đất; bàn giao đất; cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

- Ưu tiên bố trí nguồn vốn thực hiện công tác giải phóng mặt bằng; đẩy mạnh thu hồi đất theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất tạo quỹ đất “sạch” để đấu giá quyền sử dụng đất.

- Thường xuyên rà soát, đôn đốc để tiếp nhận quỹ nhà 30% - 50%, quỹ đất 20% - 25% tại các dự án phát triển nhà ở trên địa bàn phải bàn giao lại cho Thành phố theo các Quyết định của UBND Thành phố.

- Khẩn trương đôn đốc công tác di dời đối với những cơ sở nhà, đất gây ô nhiễm môi trường hoặc không phù hợp với quy hoạch. Quỹ đất sau khi di dời

được ưu tiên để xây dựng, phát triển các công trình công cộng, công trình hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật, không được sử dụng để xây dựng chung cư cao tầng sai quy hoạch theo quy định của Luật Thủ đô.

- Đối với quỹ đất đã thực hiện xong giải phóng mặt bằng hoặc cơ sở nhà, đất tiếp nhận sau khi di dời, thu hồi, khẩn trương lập phương án và tổ chức thực hiện khai thác hiệu quả theo quy định.

- Kiên quyết xử lý dứt điểm đối với các dự án có sử dụng đất nhưng chậm thực hiện đầu tư, chậm đưa đất vào sử dụng còn tồn đọng, có nguyên nhân chủ quan; Trường hợp cố ý chây ì, tiếp tục vi phạm thì kiên quyết thu hồi theo quy định pháp luật. Công khai, minh bạch thông tin đối với dự án chậm tiến độ, chậm triển khai, vi phạm pháp luật bị cưỡng chế, thu hồi, chấm dứt hoạt động để tạo sự đồng thuận, giám sát của người dân và doanh nghiệp trong việc thực hiện.

2.3. Tài sản kết cấu hạ tầng:

- Đẩy nhanh tiến độ rà soát, phân loại, xác định giá trị và giao tài sản kết cấu hạ tầng thuộc phạm vi quản lý của Thành phố theo các Nghị định của Chính phủ về quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng.

- Ban hành đầy đủ định mức kinh tế - kỹ thuật duy tu, bảo trì đối với tài sản kết cấu hạ tầng thuộc phạm vi quản lý của Thành phố theo quy định.

- Đẩy mạnh xã hội hóa khai thác nguồn lực tài chính tài sản kết cấu hạ tầng thông qua đấu giá khai thác tài sản kết cấu hạ tầng theo các phương thức cho thuê quyền khai thác tài sản/chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản, bảo đảm công khai, minh bạch theo quy định của pháp luật.

2.4. Tài nguyên, ô tô và tài sản khác:

- Tài nguyên: Tiếp tục xây dựng kế hoạch đấu giá quyền khai thác khoáng sản; tăng cường công tác quản lý, kiểm tra, xử lý hoạt động khai thác khoáng sản trái phép. Đẩy nhanh tiến độ đo đạc bản đồ, hiện trạng rừng, điều chỉnh quy hoạch rừng, phân định ranh giới rừng trên bản đồ và thực địa; thiết lập hồ sơ quản lý bảo vệ rừng và đất lâm nghiệp.

- Ô tô và tài sản khác:

+ Rà soát, ban hành đầy đủ hệ thống tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản

chuyên dùng theo quy định của Trung ương.

+ Khuyến khích thực hiện khoán kinh phí sử dụng tài sản công.

III. Kiến nghị và đề xuất:

1. Kiến nghị với Trung ương:

1.1. Quốc hội:

Xem xét sửa đổi, điều chỉnh Luật Quản lý, sử dụng tài sản công để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ và phù hợp với các quy định pháp luật có liên quan (*như: đất đai, nhà ở...*)

1.2. Chính phủ:

- Ban hành Nghị định về quản lý, sử dụng và khai thác quỹ nhà thuộc sở hữu nhà nước giao các đơn vị, doanh nghiệp kinh doanh nhà quản lý, khai thác.

- Ban hành các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế về chế độ quản lý, sử dụng, khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thuộc phạm vi quản lý nhà nước cho phù hợp với quy định tại Luật Quản lý, sử dụng tài sản công (*ví dụ: hạ tầng đô thị, hạ tầng đường sắt đô thị*).

- Điều chỉnh các quy định hiện hành về sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết, tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản công phù hợp với thực tiễn quản lý, sử dụng.

- Đơn giản hóa quy trình, thủ tục hành chính tại các quy định quản lý nhà nước trong lĩnh vực quản lý công sản, trong đó hạn chế tối đa các khâu trung gian lấy ý kiến trước khi cấp có thẩm quyền quyết định, đặc biệt là các nội dung cho phép chủ thể quyết định được phân cấp thẩm quyền.

1.3. Các Bộ, ngành Trung ương:

1.3.1. Bộ Tài chính:

- Tiếp tục nâng cấp, hoàn thiện Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công, đưa vào vận hành Hệ thống giao dịch điện tử về tài sản công quốc gia để thực hiện các giao dịch về tài sản bảo đảm công khai, minh bạch trong công tác quản lý, xử lý tài sản công.

- Trên cơ sở các Nghị định của Chính phủ về quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng, kịp thời ban hành các Thông tư hướng dẫn chế độ kế toán,

quản lý, tính hao mòn tài sản kết cấu hạ tầng để phục vụ công tác theo dõi, hạch toán, quản lý, sử dụng tài sản.

1.3.2. Bộ, ngành Trung ương:

- Sớm ban hành quy định chi tiết hướng dẫn xây dựng tiêu chuẩn, định mức diện tích, máy móc, thiết bị chuyên dùng.

- Sớm tham mưu Chính phủ ban hành Nghị định và ban hành theo thẩm quyền Thông tư hướng dẫn việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thuộc phạm vi quản lý chuyên ngành.

- Sớm ban hành quy định chế độ, tiêu chuẩn, định mức kinh tế - kỹ thuật bảo dưỡng, sửa chữa tài sản công thuộc phạm vi quản lý nhà nước.

- Các Bộ, ngành Trung ương đã hoàn thành đầu tư xây dựng và di chuyển đến trụ sở mới đề nghị khẩn trương bàn giao các cơ sở nhà, đất cũ sau khi đã di chuyển sang địa điểm mới về địa phương quản lý, xử lý theo quy định pháp luật.

2. Kiến nghị với Thành phố:

2.1. Thành ủy:

Chỉ đạo các cấp ủy Đảng kiểm tra, giám sát tổ chức Đảng trực thuộc việc tổ chức triển khai thực hiện Đề án.

2.2. HĐND các cấp, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Hà Nội, các tổ chức chính trị - xã hội, các đoàn thể quần chúng và nhân dân:

Tăng cường thực hiện giám sát việc chấp hành pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công. Kịp thời những điển hình tốt trong bảo vệ, quản lý, sử dụng tài sản công của Thành phố; tích cực tham gia phát hiện và góp ý, phản ánh những hành vi vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản công.

PHẦN THỨ TƯ: PHÂN CÔNG TỔ CHỨC THỰC HIỆN

I. Sở Tài chính:

1. Tham mưu, trình UBND Thành phố xây dựng Kế hoạch tổ chức triển khai hiệu quả Đề án. Đầu mỗi tổng hợp, báo cáo UBND Thành phố tình hình triển khai và kết quả thực hiện hàng năm theo quy định.

2. Chủ trì thực hiện đánh giá việc thực hiện Luật Quản lý, sử dụng tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Thành phố để rà soát, tổng hợp, kịp thời tham mưu, báo cáo UBND Thành phố điều chỉnh những bất cập phát sinh (*nếu có*), đảm bảo đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật và thực tế của Thành phố.

3. Tham mưu rà soát sửa đổi, bổ sung, thay thế Nghị quyết số 01/2018/NQ-HĐND ngày 05/7/2018 và Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 của HĐND Thành phố về phân cấp quản lý, sử dụng tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của thành phố Hà Nội.

4. Chủ trì, tham mưu cấp có thẩm quyền phân cấp/ủy quyền thẩm quyền của UBND Thành phố/Chủ tịch UBND Thành phố trong lĩnh vực quản lý tài sản công theo đúng quy định pháp luật và đúng thẩm quyền; theo hướng đẩy mạnh phân cấp/ủy quyền thẩm quyền cho các Sở, ban, ngành, UBND quận, huyện, thị xã, người đứng đầu các cơ quan, tổ chức, đơn vị để tăng tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm đi đôi với thực hiện công tác giám sát và hậu kiểm theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương (*đã được sửa đổi, bổ sung*) và Nghị quyết số 04/NQ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

5. Tham mưu UBND Thành phố ban hành Kế hoạch đẩy nhanh tiến độ, nâng cao chất lượng rà soát, điều chỉnh Phương án sắp xếp lại, xử lý nhà đất, đảm bảo sử dụng nhà, đất đúng tiêu chuẩn, định mức, tiết kiệm, hiệu quả.

6. Hướng dẫn, đôn đốc các đơn vị rà soát, hoàn thiện Đề án sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết theo quy định tại Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ, kịp thời báo cáo cấp có thẩm quyền tháo gỡ vướng mắc, đẩy nhanh

tiền độ thẩm định, cho ý kiến, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

7. Hướng dẫn, đôn đốc việc kê khai, đăng ký đầy đủ, kịp thời số liệu về tài sản công thuộc phạm vi quản lý của Thành phố vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công. Tham mưu xây dựng Quy chế của Thành phố về định kỳ cung cấp thông tin để kiểm tra, đối chiếu kết quả đăng nhập dữ liệu tài sản công vào Cơ sở dữ liệu quốc gia.

8. Tiếp tục hoàn thiện Cơ sở dữ liệu về tài sản công khôi phục chính sự nghiệp của Thành phố, đảm bảo tích hợp, đồng bộ với Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công.

9. Định kỳ tổ chức tập huấn về triển khai Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật, đặc biệt là những chính sách mới được sửa đổi, bổ sung nhằm nâng cao kiến thức, kỹ năng nghiệp vụ, năng lực quản lý của đội ngũ cán bộ làm công tác quản lý tài sản công tại cơ sở.

10. Tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra chuyên đề việc chấp hành quy định về quản lý, sử dụng tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị và doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý của Thành phố để kịp thời phát hiện, chấn chỉnh, xử lý các vi phạm; đồng thời tham mưu, kiến nghị cấp có thẩm quyền điều chỉnh những bất cập trong cơ chế, chính sách về quản lý, sử dụng tài sản công.

II. Các Sở, ngành quản lý nhà nước:

1. Sở Tài nguyên và Môi trường:

-Rà soát, tham mưu cấp có thẩm quyền ban hành, sửa đổi, bổ sung các quy định về quản lý, sử dụng đất đai, tài nguyên khoáng sản đảm bảo quản lý chặt chẽ, sử dụng hiệu quả, khắc phục tình trạng thiếu sót hoặc chồng chéo trong phân công, phối hợp giữa các cơ quan quản lý thuộc Thành phố.

-Khẩn trương hoàn thiện và đưa vào vận hành, chia sẻ hiệu quả cơ sở dữ liệu quản lý đất đai của Thành phố phục vụ công tác quản lý, phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn Thành phố.

-Xây dựng Đề án khai thác nguồn lực đất đai để tạo vốn phát triển kinh tế - xã hội thành phố Hà Nội giai đoạn 2023-2025 và giai đoạn tiếp theo, báo cáo UBND Thành phố phê duyệt.

- Nghiên cứu, lập Đề án khai thác quỹ đất dự kiến đối ứng cho các Dự án BT nay không đủ điều kiện triển khai theo quy định của Luật Đầu tư, quỹ đất vùng phụ cận các dự án giao thông trọng điểm để tạo vốn phát triển tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, báo cáo UBND Thành phố phê duyệt theo quy định tại pháp luật về đất đai, pháp luật về tài sản công.

- Đẩy mạnh thực hiện công tác đấu giá quyền sử dụng đất theo Kế hoạch đấu giá quyền sử dụng đất hàng năm của UBND Thành phố nhằm tăng nguồn thu ngân sách từ đất.

- Rà soát tham mưu UBND Thành phố ban hành hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền ban hành danh mục nhà, đất phải di dời theo quy hoạch hoặc do ô nhiễm môi trường đảm bảo rõ tiêu chí, lộ trình, biện pháp và trách nhiệm thực hiện di dời sau khi ban hành danh mục. Hướng dẫn cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp lập phương án di dời và xử lý nhà, đất tại vị trí cũ sau khi di dời theo quy định tại Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 và Nghị định số 67/2021/NĐ-CP ngày 21/7/2021 của Chính phủ.

- Thường xuyên rà soát, đôn đốc để tiếp nhận quỹ đất 20% - 25% tại các dự án phát triển nhà ở trên địa bàn phải bàn giao lại cho Thành phố theo các Quyết định của UBND Thành phố. Rà soát tổng thể việc tiếp nhận, quản lý, khai thác đối với quỹ đất 20% - 25%, đề xuất biện pháp nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng đối với nhóm tài sản công nêu trên, báo cáo UBND Thành phố.

- Chủ trì, phối hợp cơ quan, đơn vị liên quan khẩn trương tham mưu, đề xuất phương án xử lý, khai thác đối với các khu đất do UBND Thành phố thu hồi/tiếp nhận, giao Trung tâm phát triển quỹ đất Thành phố quản lý.

- Hướng dẫn các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp trình tự, thủ tục hoàn thiện hồ sơ pháp lý về đất đai theo đúng quy định pháp luật (*Quyết định giao đất/cho thuê đất; Hợp đồng thuê đất; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; ...*) và có biện pháp xử lý trường hợp không thực hiện.

- Chủ trì phối hợp các Sở, ban, ngành, UBND quận, huyện, thị xã thanh tra, kiểm tra việc chấp hành quy định pháp luật đất đai đối với người sử dụng đất, đặc biệt là việc sử dụng đất thực hiện dự án của chủ đầu tư; kịp thời phát hiện, xử lý

vi phạm theo thẩm quyền, báo cáo UBND Thành phố thu hồi đối với các trường hợp chậm đưa đất vào sử dụng theo quy định pháp luật về đất đai.

- Tiếp tục tăng cường công tác kiểm tra hoạt động khai thác khoáng sản, hoạt động bãi chứa trung chuyển vật liệu xây dựng, phát hiện và xử lý kịp thời các hành vi trái phép. Lập kế hoạch báo cáo cấp có thẩm quyền phê duyệt và tổ chức đấu giá quyền khai thác khoáng sản theo quy định.

2. Sở Xây dựng:

- Rà soát các quy định của Thành phố đã ban hành liên quan đến quỹ nhà thuộc sở hữu nhà nước của Thành phố, tài sản kết cấu hạ tầng đô thị để tham mưu cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế, bảo đảm đồng bộ, thống nhất với quy định tại Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và quy định của Trung ương, khắc phục tình trạng thiếu sót hoặc chồng chéo trong phân công, phối hợp giữa các cơ quan quản lý.

- Xây dựng Đề án khắc phục tồn tại, hạn chế và nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng quỹ nhà thuộc sở hữu nhà nước của Thành phố giao các đơn vị, doanh nghiệp kinh doanh nhà quản lý, khai thác giai đoạn 2023-2025, định hướng giai đoạn 2026-2030, báo cáo UBND Thành phố phê duyệt.

- Xây dựng phần mềm Cơ sở dữ liệu quản lý quỹ nhà thuộc sở hữu nhà nước của Thành phố giao các đơn vị, doanh nghiệp kinh doanh nhà quản lý, khai thác.

- Rà soát tình hình, hiện trạng sử dụng trụ sở làm việc, công trình sự nghiệp làm cơ sở trình UBND Thành phố phương án bố trí, sử dụng trụ sở làm việc, công trình sự nghiệp, đảm bảo hiệu quả và phù hợp điều kiện thực tế. Hướng dẫn các cơ quan, tổ chức, đơn vị của Thành phố trong công tác bảo trì, cải tạo, xây dựng lại trụ sở làm việc, công trình sự nghiệp.

- Rà soát, thống kê toàn bộ quỹ nhà thuộc sở hữu nhà nước của Thành phố giao các đơn vị, doanh nghiệp kinh doanh nhà quản lý, khai thác, tổ chức phân loại theo từng nhóm nhà, phương án sử dụng, đối tượng thuê, vướng mắc, vi phạm; làm cơ sở đề xuất kế hoạch, lộ trình xử lý, biện pháp khắc phục tồn tại, hạn chế trong công tác quản lý quỹ nhà thuộc sở hữu nhà nước của Thành phố, báo cáo UBND Thành phố.

- Thường xuyên rà soát, đôn đốc để tiếp nhận quỹ diện tích kinh doanh, dịch vụ nhà chung cư thương mại do các chủ đầu tư phải bàn giao cho Thành phố. Khẩn trương phê duyệt kế hoạch, phương án đấu giá quyền thuê quỹ diện tích kinh doanh dịch vụ theo quy định tại Quyết định số 03/2021/QĐ-UBND ngày 10/03/2021 của UBND Thành phố.

- Chủ trì, phối hợp UBND quận, huyện, thị xã và đơn vị liên quan rà soát, thống kê đầy đủ tài sản kết cấu hạ tầng đô thị thuộc phạm vi quản lý của Thành phố. Đôn đốc các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Thành phố kê khai, báo cáo đầy đủ, chính xác dữ liệu về tài sản kết cấu hạ tầng nước sạch làm cơ sở cập nhật vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản kết cấu hạ tầng nước sạch.

- Chủ trì, phối hợp UBND quận, huyện, thị xã và đơn vị liên quan khẩn trương rà soát, phân loại, lập hồ sơ, kế toán tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch, lập phương án giao quản lý, khai thác (nếu có) và báo cáo tình hình quản lý, sử dụng và khai thác tài sản theo quy định tại Nghị định số 43/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ và pháp luật có liên quan.

- Tổ chức kiểm tra việc quản lý, sử dụng và khai thác quỹ nhà thuộc sở hữu nhà nước của Thành phố, tài sản kết cấu hạ tầng đô thị theo quy định của pháp luật. Xử lý kịp thời hoặc báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền xử lý kịp thời các hành vi vi phạm trong quản lý, sử dụng và khai thác tài sản công được giao quản lý nhà nước.

3. Sở Quy hoạch - Kiến trúc:

- Chủ trì phối hợp các Sở, ngành có liên quan rà soát, tham mưu cấp có thẩm quyền điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng Thủ đô Hà Nội, các quy hoạch chuyên ngành, quy hoạch phân khu, quy hoạch nông thôn gắn với phát triển đô thị để khai thác hiệu quả quỹ đất, lợi thế của Thành phố.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư và các Sở, ngành có liên quan nghiên cứu, giới thiệu địa điểm và xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2025-2030 và tầm nhìn đến 2050 của Thành phố Hà Nội, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng mô hình trụ sở khu liên cơ quan tập

trung - khu đô thị hành chính của Thành phố.

- Cung cấp thông tin quy hoạch; Chỉ giới đường đỏ đối với từng cơ sở nhà, đất trên địa bàn thành phố Hà Nội trên cơ sở yêu cầu, đề nghị của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp.

4. Sở Giao thông vận tải:

- Rà soát các quy định của Thành phố đã ban hành liên quan đến tài sản kết cấu hạ tầng giao thông để tham mưu cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế, bảo đảm đồng bộ, thống nhất với quy định tại Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và quy định của Trung ương, khắc phục tình trạng thiếu sót hoặc chồng chéo trong phân công, phối hợp giữa các cơ quan quản lý.

- Nghiên cứu tham mưu UBND Thành phố ban hành quy định về phân cấp/ủy quyền thẩm quyền quyết định xử lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông theo quy định tại Nghị định số 45/2018/NĐ-CP ngày 13/3/2018 và Nghị định số 33/2019/NĐ-CP ngày 23/4/2019 của Chính phủ của Chính phủ.

- Chủ trì, phối hợp UBND quận, huyện, thị xã và đơn vị liên quan khẩn trương rà soát, phân loại, lập hồ sơ, kế toán tài sản kết cấu hạ tầng giao thông, lập phương án giao quản lý, khai thác (*nếu có*) và báo cáo tình hình quản lý, sử dụng và khai thác tài sản theo quy định tại Nghị định số 45/2018/NĐ-CP ngày 13/3/2018 và Nghị định số 33/2019/NĐ-CP ngày 23/4/2019 của Chính phủ và pháp luật có liên quan.

- Chủ trì, phối hợp UBND quận, huyện, thị xã và đơn vị liên quan rà soát, thống kê đầy đủ tài sản kết cấu hạ tầng giao thông thuộc phạm vi quản lý của Thành phố. Đôn đốc các cơ quan, tổ chức, đơn vị kê khai, báo cáo đầy đủ, chính xác dữ liệu về tài sản kết cấu hạ tầng giao thông làm cơ sở cập nhật vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản kết cấu hạ tầng giao thông.

- Tham mưu UBND Thành phố ban hành đầy đủ định mức kinh tế - kỹ thuật duy tu, bảo trì đối với tài sản kết cấu hạ tầng giao thông thuộc phạm vi quản lý của Thành phố theo quy định.

- Nghiên cứu thực hiện khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông thuộc phạm vi quản lý thông qua các phương thức cho thuê quyền khai thác tài

sản/chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản theo quy định tại Nghị định số 45/2018/NĐ-CP ngày 13/3/2018 và Nghị định số 33/2019/NĐ-CP ngày 23/4/2019 của Chính phủ, bảo đảm công khai, minh bạch theo quy định.

- Tổ chức kiểm tra việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông theo quy định của pháp luật. Xử lý kịp thời hoặc báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền xử lý kịp thời các hành vi vi phạm trong quản lý, sử dụng và khai thác tài sản công được giao quản lý nhà nước.

5. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

- Rà soát các quy định của Thành phố đã ban hành liên quan đến tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi, tài nguyên rừng để tham mưu cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế, bảo đảm đồng bộ, thống nhất với quy định tại Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và quy định của Trung ương, khắc phục tình trạng thiếu sót hoặc chồng chéo trong phân công, phối hợp giữa các cơ quan quản lý.

- Nghiên cứu tham mưu UBND Thành phố ban hành quy định về phân cấp/ủy quyền thẩm quyền quyết định xử lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi theo quy định tại Nghị định số 129/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ.

- Chủ trì, phối hợp UBND quận, huyện, thị xã và đơn vị, doanh nghiệp liên quan rà soát, thống kê đầy đủ tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi, tài nguyên rừng thuộc phạm vi quản lý của Thành phố.

- Chủ trì, phối hợp UBND quận, huyện, thị xã và đơn vị, doanh nghiệp liên quan khẩn trương rà soát, phân loại, lập hồ sơ, kế toán tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi, lập phương án giao quản lý, khai thác (nếu có) và báo cáo tình hình quản lý, sử dụng và khai thác tài sản theo quy định tại Nghị định số 129/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ và pháp luật có liên quan.

- Tổ chức kiểm tra việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi, tài nguyên rừng theo quy định của pháp luật. Xử lý kịp thời hoặc báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền xử lý kịp thời các hành vi vi phạm trong quản lý, sử dụng và khai thác tài sản công được giao quản lý nhà nước.

6. Sở Văn hóa và Thể thao:

- Rà soát các quy định của Thành phố đã ban hành liên quan đến tài sản kết

cấu hạ tầng văn hóa - thể thao (*thiết chế văn hóa - thể thao*) để tham mưu cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế, bảo đảm đồng bộ, thống nhất với quy định tại Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và quy định của Trung ương, khắc phục tình trạng thiếu sót hoặc chồng chéo trong phân công, phối hợp giữa các cơ quan quản lý.

- Tham mưu UBND Thành phố ban hành Quy chế quản lý, khai thác và tổ chức hoạt động của Trung tâm Văn hóa- thể thao cấp xã; Nhà văn hoá - Khu thể thao thôn, tổ dân phố trên địa bàn Thành phố.

- Tổ chức kiểm tra việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng văn hóa - thể thao (*thiết chế văn hóa - thể thao*) theo quy định của pháp luật. Xử lý kịp thời hoặc báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền xử lý kịp thời các hành vi vi phạm trong quản lý, sử dụng và khai thác tài sản công được giao quản lý nhà nước.

7. Sở Thông tin và Truyền thông:

- Rà soát các quy định của Thành phố đã ban hành liên quan đến tài sản kết cấu hạ tầng thông tin để tham mưu cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế, bảo đảm đồng bộ, thống nhất với quy định tại Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và quy định của Trung ương, khắc phục tình trạng thiếu sót hoặc chồng chéo trong phân công, phối hợp giữa các cơ quan quản lý.

- Tổ chức kiểm tra việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thông tin theo quy định của pháp luật. Xử lý kịp thời hoặc báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền xử lý kịp thời các hành vi vi phạm trong quản lý, sử dụng và khai thác tài sản công được giao quản lý nhà nước.

- Chủ trì, phối hợp đơn vị liên quan tăng cường thông tin truyền thông, cổ vũ, động viên kịp thời những điển hình tốt trong bảo vệ, quản lý, sử dụng tài sản công, tích cực tham gia phát hiện và góp ý, phê phán những hành vi vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản công của Thành phố.

8. Sở Nội vụ:

- Chủ trì, phối hợp Sở Tài chính, các Sở, ban, ngành và UBND các quận, huyện, thị xã nghiên cứu, tham mưu kiện toàn tổ chức bộ máy của cơ quan quản lý tài sản công, bảo đảm năng lực để thực hiện các nhiệm vụ quy định tại Luật Quản lý, sử dụng

tài sản công, các văn bản quy định chi tiết thi hành Luật và chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ.

- Trên cơ sở quy định của Trung ương về cơ chế quản lý, khai thác quỹ nhà thuộc sở hữu nhà nước và Luật Thủ đô, tham mưu UBND Thành phố về mô hình hoạt động của tổ chức, đơn vị quản lý, sử dụng quỹ nhà thuộc sở hữu nhà nước của Thành phố (*Công ty TNHH MTV Quản lý và Phát triển nhà Hà Nội, Tổng công ty Đầu tư và phát triển nhà Hà Nội, Công ty Kinh doanh dịch vụ nhà Hà Nội, Ban Quản lý các công trình nhà ở và công sở*) theo hướng tập trung 01 đầu mối theo từng nhóm quỹ nhà để đảm bảo thực hiện tốt công tác quản lý, vận hành và khai thác quỹ nhà, đất do Thành phố giao quản lý.

- Chủ trì, phối hợp Sở Tài chính xây dựng kế hoạch đào tạo, nâng cao chất lượng cho cán bộ làm công tác quản lý tài sản công của Thành phố theo hướng chuyên nghiệp, hiệu quả và đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý.

9. Thanh tra Thành phố:

Căn cứ theo chức năng, nhiệm vụ được giao phối hợp với các cơ quan, tổ chức, đơn vị liên quan tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra đột xuất hoặc theo từng chuyên đề việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công, việc quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của Thành phố; tham mưu, báo cáo UBND Thành phố xử lý nghiêm các vi phạm theo quy định.

III. Sở, ban, ngành, đoàn thể, UBND quận, huyện, thị xã, doanh nghiệp Nhà nước.

1. Tiếp tục đẩy mạnh phổ biến, tuyên truyền Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, các văn bản quy định chi tiết của Trung ương và Thành phố tới các đối tượng thuộc phạm vi quản lý.

2. Phối hợp với các Sở, ngành chuyên môn rà soát, thống kê đầy đủ tài sản công thuộc phạm vi quản lý.

3. Tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra việc chấp hành quy định về quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý để kịp thời phát hiện, chấn chỉnh, xử lý các vi phạm; đồng thời tham mưu, kiến nghị cấp có thẩm quyền điều chỉnh

những bất cập trong cơ chế, chính sách.

4. Chỉ đạo các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp được giao trực tiếp quản lý, sử dụng:

- Thực hiện nghiêm túc, hiệu quả các quy định pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công tại các đơn vị trực thuộc và quản lý theo thẩm quyền, chức năng, nhiệm vụ được giao. Ban hành đầy đủ Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý.

- Tổ chức thực hiện nghiêm việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công để quản lý, sử dụng đúng tiêu chuẩn, định mức và quy định của pháp luật; tổ chức kiểm tra, rà soát việc thực hiện phương án sắp xếp lại, xử lý tài sản công thuộc phạm vi quản lý đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt (*nếu có*); xử lý dứt điểm tình trạng sử dụng tài sản công chưa đúng quy định, thu hồi toàn bộ số tiền thu được từ sử dụng tài sản công không đúng quy định vào ngân sách nhà nước.

- Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý tài sản công; thường xuyên rà soát, cập nhật kịp thời số liệu về tài sản công vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công, Cơ sở dữ liệu tài sản công của thành phố Hà Nội theo quy định.

- Đơn vị sự nghiệp công lập có nhu cầu sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết có trách nhiệm rà soát, lập Đề án sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết theo quy định gửi lấy ý kiến của cơ quan cấp trên trực tiếp (*nếu có*), trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định./.

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

DANH MỤC PHỤ LỤC ĐỀ ÁN

Stt	Số phụ lục	Tên Phụ lục
1	1	Tổng hợp quỹ nhà thuộc sở hữu nhà nước giao cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp quản lý, vận hành
2	1a	Hiện trạng quỹ nhà chuyên dùng do Công ty TNHH MTV Quản lý và Phát triển nhà Hà Nội quản lý
3	1b	Tổng hợp diện tích kinh doanh dịch vụ tầng 1 tại các tòa nhà chung cư tái định cư
4	1c	Tổng hợp diện tích tầng 1 nhà chung cư thương mại các chủ đầu tư phải bàn giao cho Thành phố
5	2	Tổng hợp phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp thuộc Thành phố và Trung ương trên địa bàn Thành phố
6	3	Tổng hợp quỹ đất đai của Thành phố
7	3a	Tổng hợp quỹ đất công ích 5% của xã, phường, thị trấn
8	3b	Quỹ đất 20-25% do Trung tâm Phát triển quỹ đất Hà Nội tiếp nhận
9	3c	Quỹ đất dự kiến đối ứng cho các Dự án BT nay không đủ điều kiện triển khai theo quy định của Luật Đầu tư
10	3d	Danh mục cơ sở nhà, đất do các doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, công ty cổ phần và công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ đang quản lý, sử dụng phải di dời theo quy hoạch
11	3e	Quỹ nhà, đất do Trung tâm phát triển quỹ đất Hà Nội tiếp nhận quản lý
12	3f	Quỹ đất đầu giá quyền sử dụng đất
13	4a	Tổng hợp kết cấu các công trình hạ tầng đường bộ thuộc phạm vi quản lý của Thành phố
14	4b	Tổng hợp kết cấu các công trình hạ tầng thủy lợi thuộc phạm vi quản lý của Thành phố
15	4c	Tổng hợp công trình hạ tầng cấp nước sạch tập trung nông thôn có sử dụng vốn NSNN do Thành phố quản lý
16	5a	Tổng hợp hiện trạng quản lý, sử dụng xe ô tô thuộc phạm vi quản lý của Thành phố
17	5b	Tổng hợp tài sản khác (ngoài nhà, đất, ô tô) tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Thành phố
18	6a	Tổng hợp cơ chế chính sách quản lý, sử dụng, khai thác quỹ nhà thuộc sở hữu nhà nước giao cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp quản lý, vận hành
19	6b	Tổng hợp thể chế, chính sách quản lý, sử dụng, khai thác tài sản kết cấu hạ tầng

Stt	Số phụ lục	Tên Phụ lục
20	6c	Rà soát thẩm quyền trong quản lý, sử dụng tài sản công (thuộc thẩm quyền ban hành/phân cấp của HĐND Thành phố)
21	6d	Thống kê, báo cáo tổng thể thẩm quyền của UBND Thành phố/Chủ tịch UBND Thành phố; đề xuất các nhiệm vụ có thể ủy quyền

PHỤ LỤC 01: TỔNG HỢP QUỸ NHÀ THUỘC SỞ HỮU NHÀ NƯỚC GIAO CƠ QUAN, ĐƠN VỊ, DOANH NGHIỆP QUẢN LÝ, VẬN HÀNH

Stt	Nhóm quỹ nhà thuộc sở hữu nhà nước	Quy mô	Đơn vị được giao quản lý, vận hành
1	2	3	4
1	Quỹ nhà thuộc sở hữu nhà nước sử dụng vào mục đích kinh doanh, dịch vụ, trụ sở làm việc và các mục đích khác không phải để ở (quỹ nhà chuyên dùng)	838 địa điểm với 178.148m ² nhà, và 155.156m ² đất	- Công ty TNHH MTV Quản lý và Phát triển nhà Hà Nội: 801 địa điểm; - UBND quận Hà Đông: 16 địa điểm; - UBND quận thị xã Sơn Tây: 01 địa điểm; - Công ty TNHH MTV Kinh doanh và dịch vụ nhà Hà Nội: 20 địa điểm
2	Quỹ nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước	29.127 căn	- Công ty TNHH MTV Quản lý và Phát triển nhà Hà Nội: 10,004 căn. - UBND quận, huyện, thị xã: 19.123 căn.
3	Quỹ diện tích kinh doanh dịch vụ tại các nhà chung cư thương mại các chủ đầu tư phải bàn giao cho Thành phố	132 địa điểm với tổng diện tích 56.271,4 m ² sàn sử dụng	Ban Quản lý các công trình nhà ở và công sở
4	Quỹ nhà tái định cư	199 tòa chung cư với tổng 17.957 căn và 85.176,44 m ² diện tích sàn kinh doanh dịch vụ tầng 1	- Công ty TNHH MTV Quản lý và Phát triển nhà Hà Nội (147 tòa), - Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển nhà Hà Nội (20 tòa); - Ban Quản lý các công trình nhà ở và công sở (32 tòa)
5	Quỹ nhà ở sinh viên	02 khu nhà ở tại Pháp Vân Tứ Hiệp và Mỹ Đình II với tổng số 3.806 căn hộ sinh viên và 7.436,9 m ² diện tích kinh doanh dịch vụ	Ban Quản lý các công trình nhà ở và công sở
6	Quỹ nhà công nhân tại xã Kim Chung, huyện Đông Anh	28 nguyên đơn là căn hộ để ở với tổng diện tích sử dụng cho thuê là 87.246,38 m ² và tổng diện tích kinh doanh, dịch vụ là 12.077,64 m ²	Công ty TNHH MTV Quản lý và Phát triển nhà Hà Nội
7	Nhà ở công vụ	12 căn nhà ở bố trí làm nhà ở công vụ, trong đó có 9 căn chung cư, 3 căn nhà đất	- Ban Quản lý các công trình nhà ở và công sở: 05 căn chung cư và 03 căn nhà đất. - Công ty TNHH MTV Quản lý và Phát triển nhà Hà Nội: 04 căn chung cư.
8	Khu nhà ở xã hội CT19A Việt Hưng	24.518m ² gồm 08 khối nhà 6 tầng	Ban Quản lý các công trình nhà ở và công sở
9	Cung Trí thức Thành phố	Tổng diện tích đất của Cung là 6.668,0 m ² ; diện tích sàn xây dựng là 19.734,0 m ²	Công ty TNHH MTV Quản lý và Phát triển nhà Hà Nội

PHỤ LỤC 01A: HIỆN TRẠNG QUỸ NHÀ CHUYÊN DÙNG DO CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ VÀ PHÁT TRIỂN NHÀ HÀ NỘI QUẢN LÝ

Stt	Địa điểm	Đơn vị sử dụng nhà	Địa bàn	Diện tích (m2)				Ghi chú
				Đất	Nhà	XD thêm		
						có phép	không phép	
I	Địa điểm làm trụ sở làm việc các Xi nghiệp nhà							
1	1 - 4 B18 Kim Liên	XN QL&PTN Đông Đa	Đông Đa	256,9	122,5			
2	170 Bà Triệu	XN QL&PTN Hai Bà Trưng.	HBT	33,9	33,9			
3	115 A15 Nghĩa Tân	Trụ sở XN QL&PTN Cầu Giấy.	Cầu Giấy	253,6	142,6		37,3	
4	107 + 108 H1 Kim Giang	XN QL&PTN Thanh Xuân	Thanh Xuân	104,97	105,0			
II	Địa điểm đang cho thuê nhà ổn định							
II.1	Các trường hợp UBND TP có VB cho ký HĐ thuê - còn thời hạn thuê							
1	41 Trần Hưng Đạo	Đại sứ quán Hoàng gia Na Uy.	Hoàn Kiếm	560,5	486,0			
2	512 C3 tập thể Quỳnh Mai	Cục Hậu cần, Tổng cục 2 - Bộ QP.	HBT	46,2	46,2			
3	6 Nguyễn Quyền	Cục Hậu cần, Tổng cục 2 - Bộ QP.	HBT	109	113,2			
4	513 B7 tập thể Nghĩa Tân	Cục hậu cần, Tổng cục 2 - Bộ Quốc phòng.	Cầu Giấy	47,88	47,9			
5	505 A12 tập thể Thanh Xuân Bắc	Cục Hậu cần, Tổng cục II - Bộ Quốc phòng	Thanh Xuân	114,6	114,6			
6	1213 N3 Dự án cải tạo tập thể Nguyễn Công Trứ (số cũ: 79 A1 tập thể Nguyễn Công Trứ)	Cục Hậu cần, Tổng cục II - Bộ Quốc phòng	HBT		25,0			
II.2	Các trường hợp đã ký HĐTND hoặc gia hạn thuê hết 2018 (theo chỉ đạo của UBND TP)							
1	57 Trần Phú	Cty CP Du lịch Kim Liên	Ba Đình	1048,1	611,0		38,1	
2	30 Tràng Tiền	Cty CP Đầu tư du thuyền và sân Golf FLC BĐS FLC	Hoàn Kiếm	486,5	486,5			
3	25 Hàng Gà	Homes	Hoàn Kiếm	162,6	234,3	103,82	93,27	
4	36 Hàng Gà	(đổi tên thành Cty CP Đầu tư	Hoàn Kiếm	11,6	11,6			
5	83 Hàng Điếu	Hội bảo trợ người khuyết tật và trẻ em mồ côi TP HN	Hoàn Kiếm	89,1	89,1			
6	62 Quang Trung	Cty TRAPHACO.	Hà Đông	193,4	104,7			
7	75 Yên Ninh	Cty CP Hóa chất Nhựa.	Ba Đình	813,7	872,0			
8	15 Kim Mã	CN Ngân hàng Công thương Ba Đình.	Ba Đình	106,4	86,6		4,7	
9	106 Đội Cấn	CN Ngân hàng Công thương Ba Đình.	Ba Đình	19,6	19,6			
10	124 Đội Cấn	CN Ngân hàng Công thương Ba Đình.	Ba Đình	49,8	49,8		49,8	
11	12 Lê Duẩn	CN Ngân hàng Công thương Ba Đình.	Ba Đình	22,3	20,2			
12	100 Yên Phụ	Chi nhánh Ngân hàng Công thương Ba Đình.	Ba Đình	52,8	47,0			
13	102 A5 Giảng Võ	Ngân hàng Thương mại CP Đại chúng VN	Ba Đình	48,8	48,8		20	
14	10 Điện Biên Phủ	Tổng Cty Thương mại HN - Cty CP.	Ba Đình	402,3	374,3			
15	162 Quán Thánh	Tổng Cty Thương mại HN - Cty CP.	Ba Đình	39,1	39,1			
16	686 Đê La Thành (số: 61 Giảng Võ)	Tổng Cty Thương mại HN - Cty CP.	Ba Đình	195,4	148,9		12,0	
17	15 + 17 Đội Cấn	Tổng Cty Thương mại HN - Cty CP.	Ba Đình	67,1	108,0			
18	12 Quán Thánh	Cty CP Sách Hà Nội.	Ba Đình	57,3	75,7		6,2	
19	63 Yên Phụ	Cty CP Thương mại Dịch vụ Tràng Thi.	Ba Đình	53,6	30,1			
20	81 Nguyễn Thái Học	Cty CP Đầu tư HN	Ba Đình	80,5	271,5		15,2	

Stt	Địa điểm	Đơn vị sử dụng nhà	Địa bàn	Diện tích (m2)				Ghi chú
				Đất	Nhà	XD thêm		
						có phép	không phép	
21	14 Nguyễn Trường Tộ	Cty TNHH Hà Thái.	Ba Đình	58,7	58,7			
22	49 Thụy Khuê	Cty CP Dược phẩm Thiết bị Y tế HN	Ba Đình	17,1	17,1			
23	27 Hàng Than	Cty CP Dược phẩm HN	Ba Đình	43,8	43,8			
24	111 + 112 A2 Ngọc Khánh	Cty CP Tư vấn Đầu tư xây dựng phát triển đô thị HN	Ba Đình	78,2	88,4			
25	69 Quán Thánh	Công ty CP Tư vấn Đầu tư xây dựng phát triển đô thị Hà Nội.	Ba Đình	579,4	678,1		2.949,4	
26	111 Đội Cấn	Cty CP XNK Lương thực thực phẩm HN	Ba Đình	42,4	42,4		9,2	
27	66 Nguyễn Trường Tộ	Cty CP XNK Lương thực thực phẩm HN	Ba Đình	33,9	33,9			
28	G23 + 24 Thành Công	Cty CP Xây dựng và kinh doanh Nhà số 5	Ba Đình	196,1	196,1			
29	122 đường Yên Phụ	Cty CP Du lịch dịch vụ Bánh tôm Hồ Tây	Ba Đình	129,7	99,5		30,6	
30	8 Quán Thánh	Bưu điện Trung tâm 1	Ba Đình	63,7	220,1			
31	12 Nguyễn Khuyến	Cty CP Dịch vụ du lịch đường sắt HN	Đống Đa	524,1	524,1		926,6	
32	221b Khâm Thiên	Cty TNHH MTV Dệt kim Đông Xuân.	Đống Đa	397,6	324,7			
33	107 Tôn Đức Thắng	Cty CP Giấy Thượng Đình	Đống Đa	158,9	158,9		162,12	
34	157 Khâm Thiên	Cty TNHH MTV Lương thực Lương Yên.	Đống Đa	167,1	167,1		167,1	
35	101 + 102 + 103 ĐN1 B26 Nam Thành Công	Tổng Cty Thương mại HN - Cty CP.	Đống Đa	105,6	105,6			
36	344 Khâm Thiên	Cty CP Thương mại Dịch vụ Trảng Thi.	Đống Đa	90,6	67,3		22,2	
37	162 Tôn Đức Thắng	Cty CP Thương mại dịch vụ thời trang Hà Nội.	Đống Đa	153,7	153,7			
38	34 + 36 Tôn Đức Thắng	Cty CP Thương mại dịch vụ thời trang HN.	Đống Đa	63,7	63,7			
39	70 Nguyễn Khuyến	Cty CP Thăng Long GTC.	Đống Đa	92,9	124,5		196,8	
40	102 D6 Trung Tự (số cũ: 47 D6 Trung Tự)	Cty Điện lực Đống Đa.	Đống Đa	92,8	41,6		52,2	
41	297 Tây Sơn (số cũ: 365)	Viễn thông HN	Đống Đa	43,76	43,8			
42	119 Nguyễn Khuyến	Cty TNHH Thương mại Thanh Thủy.	Đống Đa	76,6	76,6			
43	1 + 2 ĐNS B26 Nam Thành Công	Cty TNHH Nam Đại Phong.	Đống Đa	76,2	76,2		54,2	
44	69 Tây Sơn (số cũ: 235 Tây Sơn)	Cty TNHH An Khánh.	Đống Đa	27,6	27,6	93,9		
45	60 Khâm Thiên	Cty TNHH Kinh doanh Ô tô xe máy 74.	Đống Đa	31,5	31,5		44,1	
46	22 Khâm Thiên	Cty TNHH Thương mại và xây dựng Trung Hiếu.	Đống Đa	93,8	93,8	178,8		
47	180 Nguyễn Lương Bằng (số cũ: 116 Tây Sơn)	Cty CP XNK Lương thực thực phẩm HN.	Đống Đa	81,4	81,4			
48	111 Khâm Thiên	Cty CP XNK Lương thực thực phẩm HN.	Đống Đa	46,1	46,1			
49	265 Khâm Thiên	Cty CP Bất Động sản.	Đống Đa	77,84	63,5			
50	144 Nguyễn Khuyến	Hội Khoa học kỹ thuật an toàn thực phẩm VN	Đống Đa	38,3	38,3		19,3	
51	150 Đê La Thành	Ban Liên lạc hưu trí - Sở TNMTNĐ	Đống Đa	128,33	99,7		26,24	
52	57b Phan Chu Trinh	Tập đoàn Dệt may VN	Hoàn Kiếm	155,2	155,2	937,1		

Stt	Địa điểm	Đơn vị sử dụng nhà	Địa bàn	Diện tích (m2)				Ghi chú
				Đất	Nhà	XD thêm		
						có phép	không phép	
53	89 Đinh Tiên Hoàng	Tổng Cty Vàng AGIBANK VN	Hoàn Kiếm	445,1	445,1		201,7	
54	53 Bà Triệu (đi lối 67b Hàm Long)	Tổng Cty Truyền thông đa phương tiện VTC .	Hoàn Kiếm	73,9	73,9	367,8		
55	53 Lương Văn Can	Tổng Cty Viễn thông Viettel.	Hoàn Kiếm	254,1	367,9	754,53		
56	5 + 7 Hàng Gà	Cty TNHH MTV Muối VN	Hoàn Kiếm	389,2	564,7	381,8	179,3	
57	40 Bà Triệu	Công ty TNHH MTV In tạp chí Công sản.	Hoàn Kiếm	210,8	210,8		35,3	
58	35 Hàng Khay	Cty TNHH Đầu tư và phát triển Hồ Gươm.	Hoàn Kiếm	48,9	48,9			
59	114 Hai Bà Trưng	Cty TNHH Gas Petrolimex HN	Hoàn Kiếm	41,7	41,7			
60	67 Trần Hưng Đạo	Cty TNHH MTV XNK Ngành in.	Hoàn Kiếm	143,2	143,2	130,5		
61	15 Đinh Lễ	Cty Phát hành báo chí TW.	Hoàn Kiếm	37,5	37,5			
62	17 Đinh Lễ	Cty Phát hành báo chí TW.	Hoàn Kiếm	784,4	784,4		662	
63	22 Tràng Tiền	Cty Phát hành báo chí TW.	Hoàn Kiếm	44,6	44,6			
64	96 Trần Hưng Đạo	Cty CP Intimex HN	Hoàn Kiếm	1118,4	1.322,6		12,8	
65	37 Hàng Điều	Công ty CP Khóa Việt Tiệp.	Hoàn Kiếm	67,3	67,3			
66	33a Lý Quốc Sư	Cty CP In và thương mại Thống Nhất.	Hoàn Kiếm	44,6	44,6			
67	53 Cửa Đông	Cty CP X 20.	Hoàn Kiếm	130	130,0			
68	43 Tràng Tiền	Cty CP Mỹ thuật và vật phẩm văn hóa HN.	Hoàn Kiếm	361,3	452,1		277,7	
69	10 Hàng Đào	Cty CP Thương mại vận tải biển HN	Hoàn Kiếm	252,6	236,7		15,9	
70	67 Trần Hưng Đạo	Cty CP Vật tư thiết bị văn hóa.	Hoàn Kiếm	155,9	145,9	241,2		
71	72 Ngô Quyền	Cty CP Đầu tư xây dựng và du lịch.	Hoàn Kiếm	70,3	55,3		15	
72	80 Mã Mây	Cty CP Thủy sản và dịch vụ thương mại HN	Hoàn Kiếm	273,3	547,1	126,01	20,8	
73	41 Tràng Tiền	Cty CP XNK Văn hoá phẩm	Hoàn Kiếm	144,1	144,1			
74	65 Trần Hưng Đạo	Cty CP Điện ảnh truyền hình	Hoàn Kiếm	179,6	121,0		694,9	
75	9 Tràng Tiền	Công ty CP Kim khí HN – VNSTELL.	Hoàn Kiếm	122,3	122,3			
76	145 Lê Duẩn	Cty CP Dịch vụ du lịch Đường sắt HN.	Hoàn Kiếm	124,7	46,9	483,6		
77	25 Hàng Khay	Cty CP XNK Mỹ nghệ HN	Hoàn Kiếm	107,8	107,8			
78	33 Tràng Tiền	Ngân hàng Thương mại CP Công thương VN – Chi nhánh TP HN	Hoàn Kiếm	40,5	40,5			
79	2 Mã Mây	Ngân hàng Thương mại CP Công thương VN – Chi nhánh Hoàn Kiếm	Hoàn Kiếm	18,8	18,8			
80	92 Bà Triệu	Ngân hàng Thương mại CP Công thương VN – Chi nhánh Hoàn Kiếm	Hoàn Kiếm	42,9	40,9		2,0	
81	37 Hàng Bồ	Ngân hàng Thương mại CP Công thương VN – Chi nhánh Hoàn Kiếm	Hoàn Kiếm	296	627,7		213,9	
82	46 Đường Thành	Ngân hàng Thương mại CP Công thương VN – Chi nhánh Hoàn Kiếm	Hoàn Kiếm	26,8	26,8			
83	8 + 12 Nguyễn Siêu	Cty CP XNK Lương thực thực phẩm HN	Hoàn Kiếm	87,2	87,2			
84	1d Nguyễn Văn Tố	Cty CP XNK Lương thực thực phẩm HN	Hoàn Kiếm	59	59,0			
85	50 Bát Đàn	Cty CP XNK Lương thực thực phẩm HN	Hoàn Kiếm	137,8	137,8			
86	13 Đường Thành	Cty CP XNK Lương thực thực phẩm HN	Hoàn Kiếm	52,8	158,4			

Stt	Địa điểm	Đơn vị sử dụng nhà	Địa bàn	Diện tích (m2)				Ghi chú
				Đất	Nhà	XD thêm		
						có phép	không phép	
87	2 Đường Thành	Cty CP XNK Lương thực thực phẩm HN	Hoàn Kiếm	111,9	111,9			
88	68 Thuốc Bắc	Cty CP XNK Lương thực thực phẩm HN	Hoàn Kiếm	69,2	69,2			
89	151 Phùng Hưng	Cty CP XNK Lương thực thực phẩm HN	Hoàn Kiếm	52	52,0			
90	74 Thuốc Bắc	Cty CP XNK Lương thực thực phẩm HN	Hoàn Kiếm	86,9	86,9			
91	44 Đào Duy Từ	Cty CP XNK Lương thực thực phẩm HN	Hoàn Kiếm	124	124,0		47,8	
92	8 Điện Biên Phủ	Cty CP XNK Lương thực thực phẩm HN	Hoàn Kiếm	85,9	65,2		20,7	
93	4 Hàng Vải	Cty CP XNK Lương thực thực phẩm HN	Hoàn Kiếm	59,6	59,6			
94	63 Lò Sũ	Cty CP XNK Lương thực thực phẩm HN	Hoàn Kiếm	150,3	150,3			
95	74 Trần Hưng Đạo	Cty CP XNK Lương thực thực phẩm HN	Hoàn Kiếm	22,7	22,7			
96	4 Trần Phú	Cty CP XNK Lương thực thực phẩm HN	Hoàn Kiếm	26,2	26,2			
97	77 Đường Thành	Cty CP XNK Lương thực thực phẩm HN	Hoàn Kiếm	21,6	21,6			
98	11 Nhà Chung	Cty CP XNK Lương thực thực phẩm HN	Hoàn Kiếm	32	32,0			
99	12 Lý Quốc Sư	Cty CP XNK Lương thực thực phẩm HN	Hoàn Kiếm	26,9	26,9			
100	1 Hàng Đồng	Cty CP XNK Lương thực thực phẩm HN	Hoàn Kiếm	49,9	49,9			
101	4 Phan Bội Châu	Cty CP XNK Lương thực thực phẩm HN	Hoàn Kiếm	24,9	24,9			
102	114 Hàng Bạc	Cty CP XNK Lương thực thực phẩm HN	Hoàn Kiếm	25,4	25,4			
103	28 Hàm Long	Cty CP XNK Lương thực thực phẩm HN	Hoàn Kiếm	31,1	31,1			
104	37 Phố Huế	Cty CP XNK Lương thực thực phẩm HN	Hoàn Kiếm	26,9	26,9			
105	51 Phùng Hưng	Cty CP In và sản xuất Bao bì Thanh Xuân.	Hoàn Kiếm	163,6	60,7	121,4	102,87	
106	46 Hàng Da	Cty CP Dịch vụ và thương mại Đông Á.	Hoàn Kiếm	68,2	68,2			
107	42 Hàng Đậu	Cty CP Thương mại và dịch vụ.	Hoàn Kiếm	57,5	57,5			
108	52 Hàng Quạt	Cty CP Dệt may in Thăng Long.	Hoàn Kiếm	72,3	55,0		89,6	
109	48 Hàng Đường	Cty CP Thời trang Quốc tế Nam Long.	Hoàn Kiếm	116,2	67,5		15,9	
110	156 Hàng Bông	Cty CP Đầu tư và phát triển nhà Gia Bảo.	Hoàn Kiếm	51,2	51,2			
111	48 + 50 Phố Huế	Cty CP Thương mại SoFia.	Hoàn Kiếm	69	69,0			
112	45 Hàng Bồ	Cty CP Đầu tư Telecom VN	Hoàn Kiếm	371,8	754,4	178,27	607,65	
113	49 Đinh Tiên Hoàng	Cty CP Đầu tư và kinh doanh thương mại Hanel.	Hoàn Kiếm	156,1	156,1			
114	48 Tràng Thi	Cty TNHH MTV Môi trường đô thị HN	Hoàn Kiếm	124,5	163,6		243,7	
115	30 Hai Bà Trưng	Công ty TNHH MTV Chiếu sáng và thiết bị đô thị.	Hoàn Kiếm	169,5	723,3			
116	87 Đinh Tiên Hoàng	Bưu điện TP HN	Hoàn Kiếm	856,9	1.672,8			
117	66 Tràng Tiền	Bưu điện Trung tâm 1.	Hoàn Kiếm	308,9	308,9		201,4	
118	22 Cửa Nam	Bưu điện Trung tâm 1.	Hoàn Kiếm	67,8	67,8			
119	68 Tràng Tiền	Bưu điện Trung tâm 1.	Hoàn Kiếm	98,1	98,1		23,4	
120	18 Đồng Xuân	Bưu điện Trung tâm 1.	Hoàn Kiếm	29,3	29,3		102,73	
121	66 Lương Văn Can	Bưu điện Trung tâm 1.	Hoàn Kiếm	46,9	46,9			

Stt	Địa điểm	Đơn vị sử dụng nhà	Địa bàn	Diện tích (m ²)				Ghi chú
				Đất	Nhà	XD thêm		
						có phép	không phép	
122	82 Hàng Đào	Tổng Cty Thương mại Hà Nội – Cty CP	Hoàn Kiếm	88	88,0			
123	17 Tràng Tiền	Tổng Cty Thương mại Hà Nội – Cty CP	Hoàn Kiếm	76,1	76,1			
124	119 Lê Duẩn	Tổng Cty Thương mại Hà Nội – Cty CP	Hoàn Kiếm	56	56,0			
125	28 Hàng Bồ	Tổng Cty Thương mại Hà Nội – Cty CP	Hoàn Kiếm	87,3	89,7		89,7	
126	102 Hàng Buồm	Tổng Cty Thương mại Hà Nội – Cty CP	Hoàn Kiếm	95	95,0			
127	111 Lê Duẩn	Tổng Cty Thương mại Hà Nội – Cty CP	Hoàn Kiếm	78,6	78,6		27,2	
128	94 Hàng Đào	Tổng Cty Thương mại Hà Nội – Cty CP	Hoàn Kiếm	40,2	40,2			
129	65 Cầu Gỗ	Tổng Cty Thương mại Hà Nội – Cty CP	Hoàn Kiếm	57,9	57,9			
130	41 Thợ Nhuộm	Tổng Cty Thương mại Hà Nội – Cty CP	Hoàn Kiếm	70,8	70,8			
131	46 Tràng Tiền	Tổng Cty Thương mại Hà Nội – Cty CP	Hoàn Kiếm	137,8	123,0			
132	43 Hàng Gai	Tổng Cty Thương mại Hà Nội – Cty CP	Hoàn Kiếm	33,4	33,4			
133	83 Hàng Gai	Tổng Cty Thương mại Hà Nội – Cty CP	Hoàn Kiếm	52,2	52,2			
134	19 + 21 Đinh Tiên Hoàng	Tổng Cty Thương mại Hà Nội – Cty CP	Hoàn Kiếm	280,1	977,6		45,0	
135	53c Hàng Bài	Tổng Cty Thương mại Hà Nội – Cty CP	Hoàn Kiếm	57,9	82,3			
136	13 + 15 Tràng Tiền	Tổng Cty Thương mại Hà Nội – Cty CP	Hoàn Kiếm	379,3	488,2		72,7	
137	53 Đinh Tiên Hoàng	Cty CP Sách HN	Hoàn Kiếm	77,8	77,8			
138	64 Tràng Tiền	Cty CP Sách HN	Hoàn Kiếm	105,2	105,2			
139	142 ngõ Hàng Cỏ	Cty CP Thăng Long GTC.	Hoàn Kiếm	101,3	101,3			
140	18 Lương Văn Can	Cty CP Du lịch dịch vụ HN	Hoàn Kiếm	34,2	34,2			
141	15 Hàng Khay	Cty CP Du lịch dịch vụ HN	Hoàn Kiếm	54,8	54,8			
142	102 Hàng Trống	Cty CP Du lịch dịch vụ HN	Hoàn Kiếm	63	63,0			
143	33 Hàng Khay	Cty CP Du lịch dịch vụ HN	Hoàn Kiếm	58,7	58,7			
144	36 Lê Thái Tô	Cty CP Du lịch dịch vụ HN	Hoàn Kiếm	141,4	141,4			
145	6 Tràng Thi	Cty CP Du lịch dịch vụ HN	Hoàn Kiếm	79,4	79,4			
146	23 Hàng Khay	Cty CP Thương mại Dịch vụ Thời trang HN	Hoàn Kiếm	101	97,6			
147	71 Hàng Đào	Cty CP Thương mại Dịch vụ Thời trang HN	Hoàn Kiếm	88,3	88,3			
148	86 Hàng Đào	Cty CP Thương mại Dịch vụ Thời trang HN	Hoàn Kiếm	60,7	60,7			
149	27 Hàng Trống	Cty CP Thương mại Dịch vụ Thời trang HN	Hoàn Kiếm	82,2	141,5			
150	60 Hàng Trống	Cty CP Thương mại Dịch vụ Thời trang HN	Hoàn Kiếm	122	122,0			
151	62 Hàng Trống	Cty CP Thương mại Dịch vụ Thời trang HN	Hoàn Kiếm	78,5	105,3	189,26		
152	13 Đinh Lễ + 58 Tràng Tiền	Cty CP Thương mại Dịch vụ Thời trang HN	Hoàn Kiếm	521,9	979,8		516,75	
153	102 Hàng Đào	Cty CP Thương mại Dịch vụ Thời trang HN	Hoàn Kiếm	165,5	212,5			
154	63 Hàng Trống	Cty CP Thương mại Dịch vụ Thời trang HN	Hoàn Kiếm	364,8	593,6	128,84		
155	13 Hàng Gai	Cty CP Thương mại Dịch vụ Thời trang HN	Hoàn Kiếm	239,8	281,8		344,06	
156	14 + 16 Nhà Thờ	Cty CP Thương mại Dịch vụ Thời trang HN	Hoàn Kiếm	268,6	282,1		23,5	

Stt	Địa điểm	Đơn vị sử dụng nhà	Địa bàn	Diện tích (m2)				Ghi chú
				Đất	Nhà	XD thêm		
						có phép	không phép	
157	98 Hàng Bông	Cty CP Thương mại Dịch vụ Trảng Thi.	Hoàn Kiếm	78,2	78,2			
158	2 Điện Biên Phủ	Cty CP Thương mại Dịch vụ Trảng Thi.	Hoàn Kiếm	124,1	124,1			
159	79 Hàng Đào	Cty CP Thương mại Dịch vụ Trảng Thi.	Hoàn Kiếm	191,1	248,1			
160	100 Hàng Bông	Cty CP Thương mại Dịch vụ Trảng Thi.	Hoàn Kiếm	16,2	16,2			
161	77 Hàng Đào	Cty CP Thương mại Dịch vụ Trảng Thi.	Hoàn Kiếm	58,6	58,6			
162	24 Thuốc Bắc	Cty CP Thương mại Dịch vụ Trảng Thi.	Hoàn Kiếm	369,9	389,2			
163	25 Thọ Nhuộm	Cty CP Thương mại Dịch vụ Trảng Thi.	Hoàn Kiếm	248,5	227,4		350.5	
164	15b Trảng Thi	Cty CP Thương mại Dịch vụ Trảng Thi.	Hoàn Kiếm	137	248,0		371,2	
165	46 Lương Ngọc Quyến	Cty CP Thực phẩm HN	Hoàn Kiếm	164,5	259,5		7.78	
166	26 Hàng Buồm	Công ty CP Thực phẩm Hà Nội.	Hoàn Kiếm	102,1	102,1			
167	24 Trần Nhật Duật	Công ty CP Thực phẩm Hà Nội.	Hoàn Kiếm	213,2	327,2		195.5	
168	7 Đinh Liệt	Công ty CP Thực phẩm Hà Nội.	Hoàn Kiếm	347,6	193,6		243.5	
169	5 Cầu Gỗ	Cty CP Vật liệu xây dựng HN	Hoàn Kiếm	44,9	44,9			
170	18 Hàng Thùng	Cty CP Vật liệu xây dựng HN	Hoàn Kiếm	85,1	85,1			
171	10 Hàng Thùng	Cty CP Vật liệu xây dựng HN	Hoàn Kiếm	106,5	106,5			
172	43 Hàng Buồm	Cty CP Dịch vụ điện tử Hanel.	Hoàn Kiếm	81,2	81,2			
173	28 Hai Bà Trưng	Cty CP Phát triển thương mại HN	Hoàn Kiếm	96,2	96,2			
174	191 + 193 Hàng Bông	Cty CP Phát triển thương mại HN	Hoàn Kiếm	109,6	109,6			
175	18abcdef Hàng Bài	Cty CP Phát triển thương mại HN	Hoàn Kiếm	363	363,0			
176	48 Đồng Xuân	Cty CP Dược phẩm thiết bị y tế HN.	Hoàn Kiếm	152,8	224,9			
177	11 Cửa Nam	Cty CP Dược phẩm thiết bị y tế HN.	Hoàn Kiếm	69,8	62,6			
178	5 + 7 Cửa Nam	Cty CP Dược phẩm thiết bị y tế HN.	Hoàn Kiếm	401,2	317,6		128,34	
179	59 Lãn Ông	Cty CP Dược phẩm thiết bị y tế HN.	Hoàn Kiếm	148,4	185,4		12.93	
180	119 Hàng Gai	Cty CP Dược phẩm thiết bị y tế HN.	Hoàn Kiếm	60,5	60,5			
181	26 Lãn Ông	Cty CP Đầu tư Thương mại và Dịch vụ tổng hợp HN	Hoàn Kiếm	86,9	246,4			
182	56 Trảng Tiền	Cty CP Đầu tư Thương mại và Dịch vụ tổng hợp HN	Hoàn Kiếm	217	217,0			
183	27 Lê Thánh Tông	Cty CP Đầu tư Thương mại và Dịch vụ tổng hợp HN	Hoàn Kiếm	140	116,5		31.7	
184	48 Lê Thái Tổ	Cty CP Đầu tư Thương mại và Dịch vụ tổng hợp HN	Hoàn Kiếm	211,7	291,0		34.8	
185	6 Lê Thái Tổ	Cty CP Thủy Tạ.	Hoàn Kiếm	336,1	339,1	97,68	135,68	
186	8 Hàng Thùng	Cty CP Thủy Tạ.	Hoàn Kiếm	93,9	128,4			
187	97 Hàng Gai	Cty CP Thủy Tạ.	Hoàn Kiếm	57,6	57,6			
188	67 Bà Triệu	Cty Đầu tư xây dựng số 2 HN	Hoàn Kiếm	23,3	38,8			
189	70 Hàng Buồm	Cty CP Đầu tư và phát triển nhà số 12 HN.	Hoàn Kiếm	46,5	46,5			
190	63 Hàng Gai	Cty TNHH Thiết kế thời trang Tân Mỹ.	Hoàn Kiếm	60,6	60,6			

Stt	Địa điểm	Đơn vị sử dụng nhà	Địa bàn	Diện tích (m2)				Ghi chú
				Đất	Nhà	XD thêm		
						có phép	không phép	
191	39 Hàng Buồm	Cty TNHH Đại Việt.	Hoàn Kiếm	67	67,0			
192	5 Hàng Gai	Cty TNHH HMJ.	Hoàn Kiếm	81,7	61,0	76	96	
193	4 Hàng Bài	Cty TNHH Vàng Bạc và Đá quý Đại Phong.	Hoàn Kiếm	46,9	46,9			
194	81 Hàng Gà	Cty TNHH Dịch vụ văn hoá Trâm Anh.	Hoàn Kiếm	42,9	42,9			
195	43 Cửa Nam	Cty TNHH Sản xuất và thương mại Văn Minh.	Hoàn Kiếm	36,6	30,0		6.6	
196	58 Tràng Thi	Cty TNHH PHD.	Hoàn Kiếm	95,71	91,2		20.88	
197	2d Lý Quốc Sư	Cty CP Thương mại dịch vụ Hoàn Kiếm.	Hoàn Kiếm	48,5	134,1		4.27	
198	97 Hàng Đào	Cty CP Thương mại Ngọc Phương.	Hoàn Kiếm	121,6	120,4		1.2	
199	4 Hàng Nón	HTX Cờ Đỏ A.	Hoàn Kiếm	30,5	30,5			
200	86 Hàng Bạc	HTX Cơ kim khí Vĩnh Long.	Hoàn Kiếm	13,6	13,6			
201	19 Hàng Gai	HTX Công Lực.	Hoàn Kiếm	25,1	25,1			
202	44 Hàng Gai	HTX Công nghiệp Tinh Hoa khắc dấu.	Hoàn Kiếm	29,4	29,4			
203	57 Hàng Gai	HTX Công nghiệp Tinh Hoa khắc dấu.	Hoàn Kiếm	31,7	31,7			
204	101 Hàng Đào	HTX Dịch vụ Hoàng Thành.	Hoàn Kiếm	21,4	21,4			
205	6 Mã Mây	HTX Dịch vụ Tự Lập.	Hoàn Kiếm	73,5	66,6		6.9	
206	26 Đường Thành (số khác: số 1 Hàng Da)	HTX Điện Lực.	Hoàn Kiếm	114,5	114,5			
207	2b Hàng Bồ	HTX Đức Hạnh.	Hoàn Kiếm	29,7	29,7			
208	48c Hàng Bài	HTX Hòa Bình A.	Hoàn Kiếm	26,2	26,2			
209	69 Hai Bà Trưng	HTX Hoa Đông.	Hoàn Kiếm	32,2	32,2			
210	67b Hai Bà Trưng	HTX Hoa Đông.	Hoàn Kiếm	28,7	28,7			
211	57a Hai Bà Trưng	HTX Hoa Đông.	Hoàn Kiếm	50,2	50,2			
212	39 Tràng Tiền	HTX Hồ Gươm.	Hoàn Kiếm	60,3	60,3			
213	37 Hàng Đậu	HTX Hiền Lương.	Hoàn Kiếm	6,5	6,5			
214	22 Hàng Bông	HTX Máy Khiêm Thành.	Hoàn Kiếm	22,1	22,1			
215	17 Đào Duy Từ	HTX Mã Mây.	Hoàn Kiếm	75,9	75,9			
216	104 Hàng Trống	HTX Máy Thủ Đô.	Hoàn Kiếm	19,1	19,1			
217	10 Lý Quốc Sư	HTX Mùa Thu	Hoàn Kiếm	57,7	57,7			
218	27 Hàng Cán	HTX Mỹ Hà	Hoàn Kiếm	98,5	104,5			
219	23 Hồ Hoàn Kiếm	HTX Mỹ Hà	Hoàn Kiếm	18,5	28,5		57.1	
220	66 Hàng Bồ	HTX Mỹ nghệ Hồng Châu	Hoàn Kiếm	73,7	73,7			
221	2 Thọ Nhuộm	HTX Nhiếp ảnh Phương Đông.	Hoàn Kiếm	85,8	85,8			
222	63 Đinh Tiên Hoàng	HTX Nhiếp ảnh Phương Đông.	Hoàn Kiếm	60,3	60,3			
223	94 Hàng Bông	HTX Nhiếp ảnh Phương Đông.	Hoàn Kiếm	51,3	51,3			
224	27 Hàng Khay	HTX Nhiếp ảnh Phương Đông.	Hoàn Kiếm	110,3	97,8		35.19	
225	31 Hàng Ngang	HTX Phương Trinh.	Hoàn Kiếm	45,4	45,4			
226	73 Hàng Bạc	HTX Quyết Thắng.	Hoàn Kiếm	35,9	35,9			
227	17 Tràng Thi	HTX Sao Đỏ.	Hoàn Kiếm	18,4	18,4			
228	72 Hàng Đào	HTX Tân Phương.	Hoàn Kiếm	39,5	61,9			
229	3 Hàng Ngang	HTX Tân Tiến.	Hoàn Kiếm	53,5	53,5			
230	194 Hàng Bông	HTX Thanh Bình.	Hoàn Kiếm	87,3	87,3			
231	16 Tô Lịch	HTX Thăng Long.	Hoàn Kiếm	35,5	35,5			
232	67a Hàng Bông	HTX Thống Nhất.	Hoàn Kiếm	55,7	55,7			
233	67 Hàng Bông	HTX Thống Nhất.	Hoàn Kiếm	17,9	17,9		0.5	
234	10 Lương Văn Can	HTX Thuốc dân tộc Chùa Bộc.	Hoàn Kiếm	50,6	50,6			
235	75 Hàng Buồm	HTX Tiên Tiến.	Hoàn Kiếm	89,5	138,4		125.5	
236	30 Đông Xuân	HTX Trung Anh.	Hoàn Kiếm	110,7	26,9		11	
237	36 Trần Nhật Duật	HTX Trường Sơn.	Hoàn Kiếm	50,9	50,9			
238	30 Hàm Long	HTX Tự Cường.	Hoàn Kiếm	57,3	57,3			
239	36 Hàng Bông	HTX Tự Lập.	Hoàn Kiếm	21	21,0			

Stt	Địa điểm	Đơn vị sử dụng nhà	Địa bàn	Diện tích (m ²)				Ghi chú
				Đất	Nhà	XD thêm		
						có phép	không phép	
240	30 Lãn Ông	HTX Vận tải Hoàn Kiếm.	Hoàn Kiếm	36,7	58,3		4,8	
241	51 Hàng Trống	HTX Việt Hà.	Hoàn Kiếm	38,6	38,6			
242	3 Phùng Hưng	HTX Xây dựng 320.	Hoàn Kiếm	19,1	19,1			
243	56 Tràng Thi	Cơ sở Thành Mỹ.	Hoàn Kiếm	35,2	30,8		4,4	
244	51 Hàng Đào	Doanh nghiệp tư nhân Chân Phương.	Hoàn Kiếm	12,6	12,6			
245	516 Bạch Mai	Tổng công ty Vàng AGIBANK Việt Nam - Công ty CP.	HBT	62,5	62,5	129,5		
246	74 Nguyễn Du	Công ty CP Vận tải và thuê tàu.	HBT	657,7	525,4	990,4		
247	27 Phủ Đồng Thiên Vương	Ngân hàng Thương mại CP Công thương VN - Chi nhánh HBT.	HBT	116,3	71,6	457,2		
248	100 Phố Huế	Cty TNHH Thương mại đầu tư Vietin.	HBT	20,5	20,5			
249	296 Bạch Mai	Tổng công ty Điện lực Thành phố Hà Nội.	HBT	169,1	255,4			
250	98 Phố Huế	Tổng công ty Thương mại Hà Nội - Cty CP.	HBT	185,6	185,6			
251	96 Phố Huế	Tổng công ty Thương mại Hà Nội - Cty CP.	HBT	124,8	124,8			
252	88b Huế	Công ty CP Sách Hà Nội.	HBT	51,7	51,7			
253	309 Bạch Mai	Công ty CP Sách Hà Nội.	HBT	32,4	32,4	78,2		
254	209 Huế	Công ty CP Thương mại dịch vụ Thời trang Hà Nội.	HBT	176,9	158,6		18,3	
255	88 Huế	Công ty CP Thương mại dịch vụ Thời trang Hà Nội.	HBT	190,1	235,6	622,87		
256	10 ngõ Mai Hương	Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị.	HBT	237,2	148,9		576,07	
257	316 Huế	Công ty CP Thương mại Dịch vụ Tràng Thi.	HBT	52,8	39,8		13	
258	3 + 5 Đại La	Công ty CP Thương mại Dịch vụ Tràng Thi.	HBT	127,8	35,8	231,59		
259	50 Trần Xuân Soạn	Công ty TNHH Xây dựng Hợp Nhất.	HBT	12,8	55,2			
260	162 Phố Huế	Cty CP Dược phẩm thiết bị Y tế Hà Nội.	HBT	36,5	36,5			
261	220 Lò Đúc	Cty CP Dược phẩm thiết bị Y tế Hà Nội.	HBT	10,8	10,8			
262	228 Lò Đúc	Cty CP Dược phẩm thiết bị Y tế Hà Nội.	HBT	31,2	31,2			
263	512 Bạch Mai	Cty CP Dược phẩm thiết bị Y tế Hà Nội.	HBT	58,7	58,7			
264	157 Phố Huế	Công ty CP Du lịch dịch vụ Hà Nội.	HBT	50,2	50,2		190,5	
265	8 Tô Hiến Thành	Công ty CP Du lịch dịch vụ Hà Nội.	HBT	123,4	281,9	47,93		
266	149 Phố Huế	Công ty CP Dịch vụ thương mại và du lịch Hòa Bình.	HBT	423	148,4		457,3	
267	75 Trần Xuân Soạn	Công ty CP Thực phẩm Hà Nội.	HBT	43,7	43,7			
268	141 Mai Hắc Đế	Quận hội người mù Hai Bà Trưng.	HBT	17,2	24,5		6,2	
269	191 Lê Duẩn	Trung tâm Hỗ trợ phát triển công nghệ.	HBT	43,4	36,6		19,3	
270	212 Huế	HTX Công nghiệp Hoàng Diệu.	HBT	61,9	61,9		17,9	
271	108 C6 Tô Hiệu	Cty CP Đầu tư và phát triển nhà Vibex I.	Cầu Giấy	340,6	67,1		40,1	
272	119 A15 Nghĩa Tân	Bưu điện Trung tâm 3.	Cầu Giấy	57,6	36,8		20,8	
273	385 Ngọc Lâm	Cty CP Sách HN	Long Biên	60,3	60,3			

Stt	Địa điểm	Đơn vị sử dụng nhà	Địa bàn	Diện tích (m2)				Ghi chú	
				Đất	Nhà	XD thêm			
						có phép	không phép		
274	128 Ngọc Lâm	Cty TNHH Hợp Long VN	Long Biên	53,5	53,5		59,5		
275	349 Ngọc Lâm	Cty CP Thương mại đầu tư Long Biên.	Long Biên	261,4	332,0		87,57		
276	364 Ngọc Lâm	Cty CP Thương mại đầu tư Long Biên.	Long Biên	139,7	131,4	299,8			
277	351 Ngọc Lâm	Cty CP Thương mại đầu tư Long Biên.	Long Biên	30,1	28,5				
278	280 Ngọc Lâm	Cty CP Công nghệ Thực phẩm Gia Lâm.	Long Biên	64	63,1		88,2		
279	352 Ngọc Lâm	Cty CP Kim khí HN – VNSTEEL.	Long Biên	171,3	160,5				
280	316 Ngọc Lâm	Cty CP Kim khí HN – VNSTEEL.	Long Biên	32	30,0				
281	359 Ngọc Lâm	TT Thương mại và dịch vụ Long Biên.	Long Biên	30,5	29,5				
282	132 Ngọc Lâm	TT Thương mại và dịch vụ Long Biên.	Long Biên	36,2	47,4		5,6		
283	351 Ngọc Lâm	TT Thương mại và dịch vụ Long Biên.	Long Biên	30,7	30,0				
284	298 Ngọc Lâm	HTX Thương mại Gia Lâm.	Long Biên	65,8	83,8				
285	391 Ngọc Lâm	Nhóm Sản xuất kinh doanh Hồng Vân.	Long Biên	28,4	28,4				
286	215 + 216 H2 Kim Giang	Cục Bảo vệ Chính trị I, Tổng cục An ninh - Bộ Công an.	Thanh Xuân	79,8	79,8				
287	101 B8 Khuất Duy Tiến (số: phòng 108 B8 Thanh Xuân Bắc)	Cty Điện lực Thanh Xuân.	Thanh Xuân	50,7	40,7		9,91		
288	39 Nguyễn Trãi	Cty TNHH Bảo Tín Mạnh Hải.	Thanh Xuân	81,8	81,8				
II.3	Các trường hợp tạm dừng theo TB117 và TB205 của UBND Thành phố								
1	49 Nguyễn Thái Học	Cty Điện thoại HN 2	Ba Đình	222,9	223,5		40,5		
2	518 + 519 + 523 C4 Giảng Võ.	Cty CP Đầu tư Thương mại và dịch vụ HN	Ba Đình	159,3	159,3				
3	58 Lý Thường Kiệt	Cty TNHH Thương mại An Đô.	Hoàn Kiếm	355,2	276,1				
4	4 Tràng Thi	Tổng Cty Hàng không VN	Hoàn Kiếm	144,1	226,4		12,6		
5	6 Tràng Tiền	Cty TNHH MTV XNK Nông sản thực phẩm HN	Hoàn Kiếm	505,3	915,1		202,3		
6	5 + 7 + 9 Đường Thành	Cty CP Nước và môi trường VN	Hoàn Kiếm	658,8	524,9	409,31	42,5		
7	22b Hai Bà Trưng	Cty CP XNK Văn hoá phẩm.	Hoàn Kiếm	369,2	369,2	432			
8	22 ^B Hai Bà Trưng	Cty CP Sách VN	Hoàn Kiếm	2248,4	1.849,3				
9	9 Mã Mây	Cty CP Đầu tư Mã Mây.	Hoàn Kiếm	281,1	124,3	764	732,5		
10	1 Phùng Hưng	Cty CP Hầm Rong.	Hoàn Kiếm	462,2	1.636,5	814,82	1158,92		
11	66 Hàng Chiếu	Tổng Cty Thương mại Hà Nội – Cty CP	Hoàn Kiếm	158,6	151,3		7.30		
12	105 Lê Duẩn	Cty CP Thăng Long GTC.	Hoàn Kiếm	141	249,9		19.5		
13	17 Nguyễn Đình Chiểu	Công ty TNHH MTV Quản lý 17.	HBT	413,6	269,2	956,2			
14	96 Yên Kiêu	Chi nhánh Cty CP Tập đoàn Vina Control HN.	HBT	247,3	311,2	586			
15	80 Nguyễn Du	Ngân hàng Thương mại CP Đại chúng Việt Nam.	HBT	935,8	1.392,3		1058,6		
16	76 Ngọc Lâm	Cty CP Điện máy.	Long Biên	166,9	219,9	395,5			
17	1A Đặng Dung	Cty CP Dịch vụ Thương mại công nghiệp HN - Hanitco.	Ba Đình	36,6	36,6	36,6			
18	14 Ngô Tất Tố	Cty CP Vật tư Nông sản.	Đống Đa	361,9	112,6	146,3	74,2		
19	240 - 242 Tôn Đức Thắng	Cty CP Tập đoàn Vật liệu điện và cơ khí.	Đống Đa	2006,4	1.778,1	2.837,7			
20	27 Bà Triệu	Tập đoàn Dệt may VN.	Hoàn Kiếm	27,8	27,8				

Stt	Địa điểm	Đơn vị sử dụng nhà	Địa bàn	Diện tích (m2)				Ghi chú
				Đất	Nhà	XD thêm		
						có phép	không phép	
21	63 Hàng Chiếu	Cty CP XNK Lương thực thực phẩm HN	Hoàn Kiếm	388,2	388,2			
22	78 Hàng Đường	Cty CP Bánh mứt kẹo HN	Hoàn Kiếm	14,1	14,1			
23	10 Hàng Ngang	Cty CP Bánh mứt kẹo HN	Hoàn Kiếm	26,8	26,8			
24	36 Hàng Thiếc	Cty CP Bánh mứt kẹo HN	Hoàn Kiếm	41,2	41,2			
25	60 Hàng Chiếu	Cty CP Bánh mứt kẹo HN	Hoàn Kiếm	140	140,0			
26	29 Hàng Ngang	Cty CP Bánh mứt kẹo HN	Hoàn Kiếm	41	41,0			
27	8 Tràng Thi	Cty CP Máy và Thiết bị dầu khí.	Hoàn Kiếm	667,4	1.382,4	892	885,01	
28	63 Hàm Long	Cty CP Hàm Long.	Hoàn Kiếm	263,5	464,9		48,96	
29	17 Tràng Thi	Cty CP Lương thực Hồng Hà.	Hoàn Kiếm	37,7	37,7			
30	47 Hàng Đậu	Cty TNHH Tiền Giang.	Hoàn Kiếm	55,6	49,6		4	
31	4 Điện Biên Phủ	Cty CP Thương mại Dịch vụ Tràng Thi.	Hoàn Kiếm	142,8	176,3			
32	12 + 14 Tràng Thi	Cty CP Thương mại Dịch vụ Tràng Thi.	Hoàn Kiếm	2098	1.323,3	1406,67		
33	8 Phố Huế	Cty TNHH Đầu tư và phát triển Đại Phát.	Hoàn Kiếm	119,4	219,8		47,7	
34	19 Hàng Bạc	HTX Đại Thắng.	Hoàn Kiếm	88,3	145,3	156,7	133,2	
35	94 Cầu Gỗ	HTX May Mỹ Sơn.	Hoàn Kiếm	23,8	23,8			
36	8 Hàng Trống	HTX May Tháng 8.	Hoàn Kiếm	10,6	10,6			
37	22 Lương Văn Can	HTX May Vạn Mỹ.	Hoàn Kiếm	21,5	21,5			
38	68 Đào Duy Từ	HTX Sinh Lực.	Hoàn Kiếm	32,7	32,7			
39	64 Hàng Gai	Ông Ngô Tấn Trọng Nghĩa và bà Nguyễn Thị Thanh Mai.	Hoàn Kiếm	157,9	157,9			
40	353 Phố Huế	Tổng công ty Thương mại Hà Nội – Cty CP.	HBT	87	309,9	222,84		
41	E ₁ Bách Khoa	Công ty TNHH MTV Hanel.	HBT	87,2	77,8		53,5	
42	51 Bùi Thị Xuân	Công ty TNHH MTV Lương thực Lương Yên.	HBT	25	25,0		7,5	
43	29 Trần Nhân Tông	Công ty TNHH Bảo Tín Minh Châu.	HBT	72,9	72,9			
44	335 Huế	Công ty TNHH Đại Thành.	HBT	83,3	119,0		15,0	
45	54 Triệu Việt Vương	Công ty CP Du lịch dịch vụ Hà Nội.	HBT	69,6	69,6			
46	56 Phố Huế	Công ty CP Dịch vụ thương mại du lịch Thăng Long.	HBT	44,5	63,6			
47	5 tổ 7 Mai Động	Cty CP XNK Lương thực thực phẩm HN.	Hoàng Mai	190	83,6		106,4	
48	136 - 138 - 140 C ₁ Tân Mai	Cty CP XNK Lương thực thực phẩm HN.	Hoàng Mai	127,5	75,6		76,1	
49	328 Bạch Mai	Cty CP XNK Lương thực thực phẩm HN.	HBT	39,9	57,0			
50	72 Bạch Mai	Cty CP XNK Lương thực thực phẩm HN.	HBT	36,7	40,5			
51	366 Ngọc Lâm	Bưu điện Trung tâm 5	Long Biên	147,1	69,8	324,9		
52	2 ^A Phố chợ	Viễn thông HN	Long Biên	188,3	226,5	15,7		
53	39 D2 Giảng Võ	Cty CP Vật liệu xây dựng HN	Ba Đình	33,1	33,1			
54	D2 Giảng Võ	Cty CP Sách HN	Ba Đình	72,3	82,2			
55	105 D ₂ Giảng Võ	Bưu điện Trung tâm 1.	Ba Đình	57,9	53,8			
56	162 Tôn Đức Thắng	Cty CP XNK Lương thực thực phẩm HN	Đống Đa	280,96	218,6			
57	15 Nhà Chung	Tổng Cty Thương mại HN – Cty CP.	Hoàn Kiếm	52,9	49,1			
58	2 + 4 + 6 Hàng Đậu	Cty CP Thương mại Dịch vụ Tràng Thi.	Hoàn Kiếm	115,6	115,6			
59	182 Hàng Bông	Cty CP Du lịch dịch vụ Hoàn Kiếm.	Hoàn Kiếm	78,4	55,8			

Stt	Địa điểm	Đơn vị sử dụng nhà	Địa bàn	Diện tích (m ²)				Ghi chú
				Đất	Nhà	XD thêm		
						có phép	không phép	
60	28 Hàng Ngang	Cty CP Bánh mứt kẹo HN	Hoàn Kiếm	295,7	180,0			
61	30 Lò Đúc	Tổng công ty Thương mại Hà Nội – Cty CP.	HBT	40,3	40,3			
62	8 Hồ Xuân Hương	Công ty TNHH MTV Đường sắt Hà Nội.	HBT	499,6	631,6			
63	103 Ngọc Lâm	Điện lực Long Biên.	Long Biên	100,1	106,1			
II.4 Các trường hợp đã xử lý xong tồn tại, vướng mắc								
1	47 Tôn Đức Thắng	HTX Công nghiệp Điện Biên.	Đống Đa	38,6	38,6			
2	296 ngõ chợ Khâm Thiên	HTX Bình Minh.	Đống Đa	68,7	36,9		30,5	
3	1 Lê Thái Tổ	Cty CP Thủy Tạ.	Hoàn Kiếm	833,3	296,2		152,3	
4	135 Phùng Hưng	Cty CP Đầu tư phát triển nhà HN số 5.	Hoàn Kiếm	489,5	501,7		80,8	
5	22 ^A Hai Bà Trưng	Cty TNHH MTV Sách VN	Hoàn Kiếm	1201,9	1.066,3		134,2	
6	50 ^A Hàng Bài	Cty TNHH MTV Sách VN	Hoàn Kiếm	30,2	30,2			
7	8 Tràng Thi	Cty CP XNK Máy HN	Hoàn Kiếm	667,42	20,4	923,2	523,27	
8	14 Trần Hưng Đạo	Công ty Tem.	Hoàn Kiếm	565,8	212,2	2661,4		
9	3 Lê Thái Tổ	Cty CP Thủy Tạ.	Hoàn Kiếm	194,6	194,6			
10	8 Đinh Ngang	Cty TNHH Thương mại Lá Đò	Hoàn Kiếm	87,2	87,2	363,7		
11	8 Bà Triệu	Cty CP Minh Thủy.	Hoàn Kiếm	64,7	64,7			
12	9 ^A Bà Triệu	HTX Hồ Gươm.	Hoàn Kiếm	31,8	31,8			
13	9 ^B Bà Triệu	HTX Hồ Gươm.	Hoàn Kiếm	22,3	22,3			
14	50 Hàng Bài	HTX May Quyết Tiến.	Hoàn Kiếm	33,1	33,1			
15	35 Lãn Ông	HTX Đông Tâm.	Hoàn Kiếm	44	44,0			
16	33 Tràng Tiền	Ông Nguyễn Anh Tuấn và bà Nguyễn Thị Thu Hà.	Hoàn Kiếm	110	110,0			
17	95 Hàng Gai	HTX Hiền Lương.	Hoàn Kiếm	108,5	108,5	795,2	437,8	
18	35 Hai Bà Trưng	Cty CP XNK Khoáng sản.	Hoàn Kiếm	479	2.600,6			
19	54 Trần Nhân Tông	Công ty CP Tập đoàn Vina Control.	HBT	908	1.351,3	735		
III Địa điểm đang đề trình								
III.1 Trống toàn bộ								
1	17 Điện Biên Phủ.		Ba Đình	451,9	451,9		21,3	
2	144c Quán Thánh		Ba Đình	125,7	125,7			
3	47 Tây Sơn (số cũ: 219)		Đống Đa	33,9	27,2			
4	237 Khâm Thiên		Đống Đa	28,7	28,7			
5	107a D3 Trung Tự (số cũ: 6a D3 Trung Tự)		Đống Đa	39,1	32,2			
6	110 Tôn Đức Thắng		Đống Đa	43,1	43,1			
7	15 Khâm Thiên		Đống Đa	19,4	45,5			
8	115 Khâm Thiên		Đống Đa	23,4	23,4			
9	111 Tây Sơn (Số cũ: 267)		Đống Đa	25,8	25,8			
10	235b Khâm Thiên		Đống Đa	38,9	38,9			
11	53 Hàng Ngang		Hoàn Kiếm	62,2	62,2			
12	64 Lê Duẩn		Hoàn Kiếm	77,3	77,3			
13	144 Trần Nhật Duật		Hoàn Kiếm	39,4	39,4			
14	37 Hàng Khay		Hoàn Kiếm	198,0	466,2		46,1	
15	12 Nguyễn Chế Nghĩa		Hoàn Kiếm	399,6	280,0			
16	17 Phan Chu Trinh		Hoàn Kiếm	161,2	161,2			
17	14 Lý Thường Kiệt		Hoàn Kiếm	41,2	41,2			
18	70 Lý Thường Kiệt		Hoàn Kiếm	113,2	113,2			
19	74 Bát Sứ		Hoàn Kiếm	18,4	18,4			
20	17 Hàng Ngang		Hoàn Kiếm	59,0	59,0			
21	80 Hàng Trống		Hoàn Kiếm	35,0	35,0			
22	16 Lãn Ông		Hoàn Kiếm	65,1	107,9			

Stt	Địa điểm	Đơn vị sử dụng nhà	Địa bàn	Diện tích (m2)				Ghi chú
				Đất	Nhà	XD thêm		
						có phép	không phép	
23	7 Hàng Khoai		Hoàn Kiếm	44,6	79,1			
24	Tầng 1 nhà A khu Hồ Đĩnh, Thanh Lương.		HBT	327,1	327,1			
25	301 Phố Huế	Công ty CP Thương mại Dịch vụ Tràng Thi.	HBT	22,0	22,0			
26	470 D8 Quỳnh Lôi	Công ty CP XNK Lương thực thực phẩm Hà Nội.	HBT	25,6	25,6			
27	9 Hồ Xuân Hương		HBT	84,3	84,3			
28	51 Lò Đúc		HBT	196,3	196,3			
29	183 Trương Định		Hoàng Mai	23,1	23,1			
30	116 A15 Nghĩa Tân		Cầu Giấy	122,2	60,7			
31	E ₁ Bách Khoa	Công ty TNHH NN MTV Nghe nhìn Hà Nội.	HBT	84,7	121,0		64,7	
32	6 B2 Văn Chương	Ban QLN Văn Chương.	Đống Đa	89,1	23,3			
33	52 ngõ Thái Thịnh 2 (số cũ: số 8 B9 Yên Lãng)	Ban QLN Yên Lãng.	Đống Đa	80,7	40,6			
34	101 + 102 D8 Trung Tự	Ban QLN Trung Tự.	Đống Đa	504,5	90,0			
35	P9 H ₄ Nguyễn Công Trứ.	Ban Quản lý nhà Nguyễn Công Trứ.	HBT	34,0	34,0			
36	2K ₂ ngõ 35 Trương Định	Ban Quản lý nhà Trương Định.	Hoàng Mai	61,0	33,5			
37	C ₂₃ Tân Mai	Ban Quản lý nhà Tân Mai.	Hoàng Mai	62,4	30,0			
38	145 C ₁ Hồng Mai	Phòng Quản lý nhà	HBT	40,5	30,7			
39	102 M ₂₄ Mai Hương	Ban Quản lý nhà Mai Hương.	HBT	38,1	38,1			
40	435a đường Giải Phóng.	Phòng Bán nhà của Công ty	Thanh Xuân	202,1	202,1			
41	51 Cửa Nam		Hoàn Kiếm	48,0	48,0			
42	12 Quán Thánh	Phòng KHKT XN QL&PTN Ba Đình.	Ba Đình	56,4	56,4			
43	105 H4 Thành Công	Ban QLN Thành Công	Ba Đình	118,2	66,3			
44	208 B1 Thanh Xuân Bắc	Ban Quản lý nhà Thanh Xuân.	Thanh Xuân	48,0	48,0			
45	101 B3 Khương Trung	Ban Quản lý nhà Khương Trung.	Thanh Xuân	38,8	38,8			
46	110b Quán Thánh	XN Chè Than Uyên.	Ba Đình	34,6	34,6			
47	Tầng 1 B26 Nam Thành Công	Phòng KHKT XN QL&PTN Ba Đình.	Đống Đa	134,4	134,4			
48	34 Điện Biên Phủ	Cty CP Đầu tư kinh doanh nhà HN	Ba Đình	234,7	234,7			
49	19 Hàng Ngang		Hoàn Kiếm	89,9	89,9			
50	101 A15 Nghĩa Tân		Cầu Giấy	171,3	62,2		21,5	
51	125 Tây Sơn	Cty CP Phát triển thương mại và dịch vụ Tân Hà An.	Đống Đa	143,7	127,0			
52	31 - 33 Mã Mây	Nhà hát Chèo HN	Hoàn Kiếm	31,1	31,1			
53	10/111 Láng Hạ	Cty TNHH Quảng cáo trẻ HN	Đống Đa	68,0	49,4		18,6	
III.2	Trống còn tồn tại, vướng mắc							
1	18 Phạm Đình Hồ	Tổng công ty Giấy Việt Nam.	HBT	299,0	299,0	54,7		
2	18 Phạm Đình Hồ	Liên hiệp Sản xuất XNK Nhựa.	HBT	454,6	334,8		44,4	
3	18 Phạm Đình Hồ	Chi nhánh Cty CP Sành sứ thủy tinh tại Hà Nội.	HBT	363,4	366,2		37,6	
4	73+74 C8 Giảng Võ (P 117 + 118 ĐN3)	Ban QLN Giảng Võ	Ba Đình	92,9	92,9			
5	80 Nguyễn Du	NXB Văn hóa Thông tin.	HBT	216,3	216,3			

Stt	Địa điểm	Đơn vị sử dụng nhà	Địa bàn	Diện tích (m2)				Ghi chú
				Đất	Nhà	XD thêm		
						có phép	không phép	
6	151 ^A Đại La		HBT	315,9	315,9			
7	6 Hàng Thùng		Hoàn Kiếm	38,2	38,2			
8	117 Lê Duẩn		Hoàn Kiếm	52,2	82,0			
9	30 Tống Duy Tân		Hoàn Kiếm	36,0	36,0			
10	32 Tràng Tiền		Hoàn Kiếm	480,4	686,7		27,5	
11	79 Thỏ Quan (số cũ: 69 Thỏ Quan)	Cty Vật tư Nông nghiệp HN	Đống Đa	163,4	251,0			
12	28 Hàng Cân	Cty CP XNK Lương thực thực phẩm HN	Hoàn Kiếm		77,0			
13	6 Nguyễn Công Trứ	Công ty CP Xây dựng Nông thôn 4.	HBT	164,6	164,6			
IV. HCSN chưa có quyết định chuyển giao								
1	12 Lê Duẩn	Phòng Giáo dục quận Ba Đình	Ba Đình	54	54			
2	13 Thụy Khuê	Tổng cục 2 - Bộ Quốc phòng	Ba Đình	18,7	18,7			
3	số 8 P14 Chu Văn An	Tổng cục 2 - Bộ Quốc phòng.	Ba Đình	14	14			
4	72 tổ 10 Bưởi	Phòng Bảo vệ Bà mẹ và trẻ em.	Ba Đình	59	59			
5	Tổ 1 An Dương	Phòng Giáo dục quận Ba Đình	Ba Đình	26	26			
6	9 Trần Phú	Phòng Giáo dục quận Ba Đình	Ba Đình	22	22			
7	ngõ 6/124 Thụy Khuê	UBND phường Thụy Khuê.	Ba Đình	18	18			
8	281 Tôn Đức Thắng	UBND quận Đống Đa.	Đống Đa	60	60			
9	81 Hàng Bò	Cục Điều động lao động.	Hoàn Kiếm		171			
10	28 Hội Vũ	Viện Bảo vệ Bà mẹ trẻ sơ sinh.	Hoàn Kiếm		130			
11	14 Ngô Quyền	Báo Nông nghiệp.	Hoàn Kiếm		234			
12	42 Gia Ngư	NXB Đại học và giáo dục chuyên nghiệp.	Hoàn Kiếm		81			
13	50a Hàng Bài	Sở Y tế HN	Hoàn Kiếm		24			
14	52 Quán Sứ	Phòng Giáo dục quận Hoàn Kiếm.	Hoàn Kiếm		42,8			
15	91 Thợ Nhuộm	Phòng Giáo dục quận Hoàn Kiếm.	Hoàn Kiếm		53,1			
16	3 Hàng Đậu	Phòng Giáo dục quận Hoàn Kiếm.	Hoàn Kiếm		29,9			
17	45 Hàng Gà	Phòng Giáo dục quận Hoàn Kiếm.	Hoàn Kiếm		29,6			
18	42 Hàng Trống	Phòng Giáo dục quận Hoàn Kiếm.	Hoàn Kiếm		22			
19	2 Thợ Nhuộm	Phòng Giáo dục quận Hoàn Kiếm.	Hoàn Kiếm		50,4			
20	13 Tràng Thi	Phòng Y tế Hoàn Kiếm.	Hoàn Kiếm					
21	8 Ngô Quyền	Phòng Bảo vệ Bà mẹ trẻ em Hoàn Kiếm	Hoàn Kiếm		84			
22	78 Trần Hưng Đạo	Phòng Bảo vệ Bà mẹ trẻ em. Hoàn Kiếm	Hoàn Kiếm		20,5			
23	95 Trần Hưng Đạo	Phòng Giáo dục quận Hoàn Kiếm.	Hoàn Kiếm		24			
24	101 Mã Mây	Hội Người mù.	Hoàn Kiếm		78			
25	18 Hàng Dầu	Phòng Giáo dục quận Hoàn Kiếm.	Hoàn Kiếm		28,1			
26	83 Hàng Bông	UBND phường Hàng Bông.	Hoàn Kiếm		8			
27	61 Lý Thường Kiệt	Công an TP HN	Hoàn Kiếm		11,5			
28	15 Hai Bà Trưng + 29 Ngô Quyền	Bộ Giáo dục và đào tạo.	Hoàn Kiếm	912,9	1.205,40			
29	12 Hàng Chuối	Bộ Lao động.	HBT		10			

Stt	Địa điểm	Đơn vị sử dụng nhà	Địa bàn	Diện tích (m ²)				Ghi chú
				Đất	Nhà	XD thêm		
						có phép	không phép	
30	52 Hàng Chuối	Bộ Lao động.	HBT		75			
31	Z8 Bách Khoa	Bộ Giáo dục và đào tạo.	HBT		489			
32	3 Nguyễn Thượng Hiền	Cục Cảnh sát GTTT.	HBT		166			
33	8 Tầng Bạt Hồ	Cục Quân y.	HBT		150			
34	115 E ₃ Bách Khoa	Viện nghiên cứu Vật liệu.	HBT		35			
35	116 E ₃ Bách Khoa	-	HBT		35			
36	40 Nguyễn Cao	Trường Bồi dưỡng cán bộ.	HBT		85			
37	195 Lê Duẩn	Trường đại học Kiến trúc.	HBT		24			
38	11+23 Ngô Thi Nhậm	Nhà hát Tuổi trẻ.	HBT		270			
39	6 Nguyễn Công Trứ	Tạp chí Người làm vườn.	HBT		34			
40	1/4 Đơn nguyên 4 E ₆ Quỳnh Mai	Tạp chí Lao động và xã hội.	HBT		110			
41	57 Nguyễn Du	Trung tâm Liên hợp Việt Xô về khí tượng nhiệt đới	HBT		944			
42	4 nhà C Nguyễn Công Trứ	Phòng GD&ĐT quận Hai Bà Trưng.	HBT		24			
43	268 Huế	Phòng GD&ĐT quận Hai Bà Trưng.	HBT		35			
44	120 A15 Nghĩa Tân	Công an quận Cầu Giấy.	Cầu Giấy	196,1	140,83			
IV.2	Chuyển ở							
<i>a.</i>	<i>Chuyển ở toàn bộ</i>							
1	48 đường Yên Phụ	Cty XNK Tổng hợp.	Ba Đình	44,5	44,5			
2	71 Thụy Khuê	Cty Bách hóa.	Ba Đình	33	33			
3	146 Quán Thánh	Cty Lương thực.	Ba Đình	26	26			
4	156b Quán Thánh	Cty Thực phẩm HN	Ba Đình	45,7	45,7			
5	A32 Phúc Xá	Cty Lương thực thực phẩm Ba Đình.	Ba Đình	229,4	229,4			
6	17 Quán Thánh	Cty Ăn uống Ba Đình.	Ba Đình	16	16			
7	118 đường Yên Phụ	-	Ba Đình	55	55			
8	1 + 3 + 5 Thủ Lệ	CN Kinh doanh lương thực thực phẩm - Cty CP XNK Lương thực thực phẩm HN.	Ba Đình	57	57			
9	91 Đội Cấn	XN Liên hiệp Dược.	Ba Đình	16	16			
10	24 Quán Thánh	HTX Ánh tháng 8.	Ba Đình	30,3	30,3			
11	127 Nguyễn Thái Học	HTX Ánh tháng 8.	Ba Đình	29,5	29,5			
12	26 Quán Thánh	HTX Cát tốc.	Ba Đình	27,2	43,5			
13	77 Quán Thánh	HTX Cát tốc.	Ba Đình	23,2	23,2			
14	6/124 Thụy Khuê	HTX Hữu Nghị.	Ba Đình	57,3	57,3			
15	61 Nguyễn Thái Học	HTX Mùa Thu.	Ba Đình	30,2	30,2			
16	17 Trần Phú	HTX Vinh Quang.	Ba Đình	50,1	50,1			
17	182 Yên Thái - Bưởi	Phòng Chẩn trị Đông y.	Ba Đình	35,1	70,1			
18	62 Sơn Tây	Tổ Bún Ba Đình.	Ba Đình	12	12			
19	180 Nguyễn Lương Bằng (số cũ: 116 Tây Sơn)	Cty Sản xuất kinh doanh đầu tư phát triển Nông nghiệp Andetco.	Đống Đa	105,9	92,2	184,38		
20	67a Văn Hương (số cũ: 43 ngõ Văn Hương)	Cty CP Cao su HN	Đống Đa	35	35		57,90	
21	7c Đặng Trần Côn	Cty Thương mại Khách sạn Đống Đa.	Đống Đa	35	15,7		60,99	
22	số 3 C1 Trung Tự	Cty CP Thực phẩm Hà Nội.	Đống Đa	147,9	147,9			
23	số 4 C1 Trung Tự	Cty CP Thực phẩm Hà Nội.	Đống Đa					
24	số 5 C1 Trung Tự	Cty CP Thực phẩm Hà Nội.	Đống Đa					
25	số 6 C1 Trung Tự	Cty CP Thực phẩm Hà Nội.	Đống Đa					
26	20 Nguyễn Khuyến	Ngân hàng Công thương Đống Đa.	Đống Đa	8	8			
27	122 Tôn Đức Thắng	HTX Cát tốc Thống Nhất.	Đống Đa	43,1	21		71,90	
28	185 Tôn Đức Thắng	HTX Cát tốc Thống Nhất	Đống Đa	8,5	8,5		8,10	

Stt	Địa điểm	Đơn vị sử dụng nhà	Địa bàn	Diện tích (m ²)				Ghi chú
				Đất	Nhà	XD thêm		
						có phép	không phép	
29	4/17 Quốc Tử Giám (số cũ: 17 Quốc Tử Giám)	HTX Đoàn Kết.	Đống Đa	15	15			
30	155 Khâm Thiên	HTX Hoa Nam.	Đống Đa	31	31			
31	10 Nguyễn Khuyến	HTX Liên Minh.	Đống Đa	56,5	56,5			
32	32 + 33 ngõ Hoàng An (số: 290 Lê Duẩn)	HTX Tân Hải.	Đống Đa	32,4	32,4			
33	122 Tây Sơn (số cũ: 324 Tây Sơn)	HTX Tây Sơn.	Đống Đa	41	41			
34	số 7 Vạn An (số cũ: 6 ngõ Đoàn Kết)	Tổ Sản xuất Thanh Thủy.	Đống Đa	122,1	122,1			
35	19 ngõ 28 Đê La Thành (số cũ: 6 A2 làng Trung Tự)	Tổ Sản xuất xe sợi.	Đống Đa	45,9	18			
36	76 Ngõ Sỹ Liên (số cũ: 11 Phố Giác)	Cửa hàng Văn Miếu.	Đống Đa	17,5	17,5			
37	17 Hàng Ngang		Hoàn Kiếm					
38	8 Trần Nguyễn Hãn	Nhà máy Chế tạo biến thế.	Hoàn Kiếm		132			
39	28 Hàng Điếu	Liên hiệp các Cty XNK và đầu tư HN.	Hoàn Kiếm		60,5			
40	8 Tạ Hiện	Đoàn Chuông vàng.	Hoàn Kiếm		279,6			
41	30 Hàng Cá	Cty XNK Mỹ nghệ Thăng Long.	Hoàn Kiếm		232,5			
42	17 Cầu Gỗ	Công ty Đông Á.	Hoàn Kiếm		8			
43	43 Cầu Gỗ	Cty CP Thực phẩm HN	Hoàn Kiếm		21			
44	51 Hàng Lược	Cty CP Thực phẩm HN	Hoàn Kiếm		22			
45	117 Hàng Buồm	Xí nghiệp Dược phẩm HN	Hoàn Kiếm		189,5			
46	15 Hà Trung	HTX Đa Thông Nhất.	Hoàn Kiếm		23			
47	7 Đông Xuân	HTX Đông Xuân.	Hoàn Kiếm		67,3			
48	69 Hàng Buồm	HTX Hà Hải.	Hoàn Kiếm		93			
49	49 Tràng Tiền	HTX Hà Hải.	Hoàn Kiếm		96			
50	51 Hàng Buồm	HTX Hồng Quang.	Hoàn Kiếm		33			
51	52 Hàng Buồm	HTX Hồng Quang.	Hoàn Kiếm		41,8			
52	57 Hàng Bồ	HTX Hồng Thái.	Hoàn Kiếm		40			
53	25 Lò Sũ	HTX Hiệp Đông.	Hoàn Kiếm		38,9			
54	33 Tạ Hiện	HTX Máy Thông Nhất.	Hoàn Kiếm		12			
55	29 Mã Mây	HTX Sinh Lực.	Hoàn Kiếm		24			
56	12 ngõ Đào Duy Từ	HTX Tân Tiên.	Hoàn Kiếm		45			
57	25 Lương Văn Can	HTX Thông Nhất.	Hoàn Kiếm		22,5			
58	80 Hàng Điếu	Tổ hợp tác Đông Xuân.	Hoàn Kiếm		18,2			
59	33 Lãn Ông	Tổ sản xuất Quyết Tâm.	Hoàn Kiếm		18			
60	31 Lê Thánh Tông	Công ty Thương nghiệp tỉnh Sơn La - Trạm Hà Nội (Cty CP Thương mại Khách sạn tỉnh Sơn La).	Hoàn Kiếm	75,8	52,5	85,1		
61	53 Hàng Ngang	gia đình bà Vũ Thị Thanh Hà	Hoàn Kiếm		80,7			
62	56 Hàng Trống	Liên hiệp các Cty XNK và đầu tư HN.	Hoàn Kiếm		44			
63	E ₁ Bách Khoa	Tổng công ty Cao su Việt Nam.	HBT	219,6	172			
64	68-69-71 H ₂ Nguyễn Công Trứ	Nhà máy Điện cơ Thanh Hóa.	HBT		80,6			
65	51 ^A (ngõ 191) Đại La	Công ty Xăng dầu chất đốt Hà Nội.	HBT	376,9	98,2			
66	53 Đại La	HTX Máy Liên Hợp.	HBT	22,6	24			
67	7 Hàn Thuyên	HTX Sơn Hà.	HBT	146,9	36,7			
68	126 Huế	HTX Trung Bắc.	HBT	54,7	71,7			
69	398 Bạch Mai	HTX Vạn Thành.	HBT	34,4	20			
70	ngõ 52 Ái Mộ	Xí nghiệp Sản xuất kinh doanh hàng điện máy	Long Biên	13.098,6	209,4			
71	138,- 140 Ngọc Lâm	HTX Thăng Long.	Long Biên	18,3	18,3			

Stt	Địa điểm	Đơn vị sử dụng nhà	Địa bàn	Diện tích (m2)				Ghi chú
				Đất	Nhà	XD thêm		
						có phép	không phép	
72	138 Ngọc Lâm	Tổ Giặt là.	Long Biên	15,4	12,1			
73	333 Ngọc Lâm	Tổ Mũ.	Long Biên	29,6	29,6			
b. Chuyên ở một phần								
1	107a Tôn Đức Thắng	Cty CP Dịch vụ XNK Nông sản HN	Đống Đa	186,5	125		142,40	
2	1 Điện Biên Phủ	Tổng Cty Thương mại HN – Cty CP.	Hoàn Kiếm		289			
3	2 Nguyễn Thái Học	Tổng Cty Thương mại HN – Cty CP.	Hoàn Kiếm		179			
4	24 Nhà Thờ	HTX May Thủ Đô.	Hoàn Kiếm	52	52		20,12	
5	23 Hàng Cẩn	Cty CP Bánh Mứt Kẹo HN	Hoàn Kiếm	63,4	62			
6	213 Hàng Bông	HTX Bắc Cường.	Hoàn Kiếm	120,8	120,6			
7	47 Hàng Buồm	HTX Hồng Quang.	Hoàn Kiếm		99,5			
8	73 Thuốc Bắc	Cty CP Du lịch thương mại Mỹ Kinh.	Hoàn Kiếm	75,1	135,8			
9	46 Hàng Bồ	Trung tâm Tổ chức biểu diễn nghệ thuật Hà Nội.	Hoàn Kiếm		124,2			
10	19 Tràng Tiền	Cty TNHH In và văn hoá phẩm.	Hoàn Kiếm	127,9	95,9			
IV.3 Tự nhận là cơ quan HCSN / Tự nhận là nhà tư quản / đã xác định CPH								
1	22 Lương Ngọc Quyến	Cty CP XNK Lương thực thực phẩm HN	Hoàn Kiếm	27,1	22			
2	40 Phố Huế	Cty Rượu và nước giải khát Thăng Long.	Hoàn Kiếm		260,2			
3	198 Hàng Bông	Cty CP Dịch vụ thương mại công nghiệp – Hanisco.	Hoàn Kiếm		503			
4	31 Lê Thánh Tông	Trạm Vật tư kỹ thuật và đại lý vận tải Lai Châu (Văn phòng đại diện Sở Giao thông vận tải tỉnh Điện Biên tại Hà Nội).	Hoàn Kiếm	52,5	52,5	108,7		
5	26 Tăng Bạt Hổ	Cty XNK và Thiết bị dầu khí.	HBT	454,9	188			
6	E ₇ Bách Khoa	-	HBT	125,2	125,2			
7	110 Phố Huế	Xí nghiệp Chế biến Lương thực Hà Nội.	HBT	45,6	45,6			
8	E ₁ Bách Khoa	Công ty Du lịch vận chuyển Thủ đô.	HBT	321,8	321,8			
IV.4 Thực hiện dự án hoặc thuộc GPMB								
1	30a Lý Thường Kiệt	Cty CP Du lịch VN tại HN	Hoàn Kiếm		189,2	1.638		
2	30a Lý Thường Kiệt	Tổng Cty Du Lịch HN	Hoàn Kiếm		581,5			
3	161 Mai Hắc Đế	Công ty Lương thực Hà Nội.	HBT	80,2	80,2			
4	Kiốt Nguyễn Công Trứ	Công ty Bách hóa (T.Cty Thương mại Hà Nội – Công ty CP)	HBT	20	20			
5	Kiốt Nguyễn Công Trứ	Các hộ kinh doanh cá thể.	HBT	114,1	99,6			
6	286 Minh Khai	Cty CP Dược phẩm thiết bị Y tế Hà Nội.	HBT	92,8	50,0		18,4	
IV.5 Đã có QĐ - chỉ đạo của UBND TP giao đơn vị khác (Cty phối hợp)								
1	132 Phố Đức Chính	XN Bê tông xây dựng.	Ba Đình	67,4	67,4			
2	17 - 19 Đặng Dung	Cty TNHH MTV Điện ảnh băng hình HN	Ba Đình	670,6	758,3			
3	92 Thụy Khuê	Tổng Cty Thương mại HN - Cty CP.	Ba Đình	647	115,9			
4	111 + 112 C1 Trung Tự (số cũ: 1+2)	Cty CP Dịch vụ XNK Nông sản HN	Đống Đa	94,12	94,1			
5	107f Tôn Đức Thắng	Cty CP Dịch vụ XNK Nông sản HN	Đống Đa	24,20	19,50			
6	20 Hàng Vải	Cty CP Dịch vụ - XNK Nông sản HN.	Hoàn Kiếm	38,9	38,9			

Stt	Địa điểm	Đơn vị sử dụng nhà	Địa bàn	Diện tích (m ²)				Ghi chú
				Đất	Nhà	XD thêm		
						có phép	không phép	
7	71 Hàng Bó	Cty CP Thực phẩm HN	Hoàn Kiếm	18	25,7			
8	2 Lý Thái Tổ	Công ty CP Thương mại Dịch vụ Trảng Thi.	Hoàn Kiếm	24,5	35			
9	30 Phố Huế	Cty CP Dịch vụ XNK Nông sản HN.	Hoàn Kiếm	21,3	21,3			
10	18 Nguyễn Văn Tố	Cty CP Dịch vụ XNK Nông sản HN.	Hoàn Kiếm	28,8	28,8			
11	8b Hàng Thùng	Cty CP Dịch vụ XNK Nông sản HN.	Hoàn Kiếm	34,8	34,8			
12	85 Hàng Buồm	Cty CP Dịch vụ XNK Nông sản HN.	Hoàn Kiếm	28,7	28,7			
13	29 Hàng Đậu	Cty CP Thương mại Dịch vụ Trảng Thi.	Hoàn Kiếm	22,2	22,2			
14	40 Hàng Cót	Xí nghiệp Văn hóa phẩm Hà Nội.	Hoàn Kiếm		280			
15	15 ^A Hàng Cót	Xí nghiệp Văn hóa phẩm Hà Nội.	Hoàn Kiếm		134			
16	57 Nguyễn Trãi	Cty CP Thương mại Dịch vụ Trảng Thi. (Tổng Cy Thương mại HN – Cty CP)	Thanh Xuân	58,37	58,37			
IV.6	6. Đã có chấp thuận bán - đã nộp đủ tiền							
1	5 Hàng Khay	HTX Nhiếp ảnh Phương Đông.	Hoàn Kiếm	43,6	30,5			
2	14 Hàng Bài	Ủy ban MTTQ Hà Nội (Hội Đồng y Hà Nội).	Hoàn Kiếm		66			
3	41 Hàng Dâu	HTX Long Biên.	Hoàn Kiếm	79,2	79,2			
4	11 Hàng Thùng	Công ty CP Vật liệu xây dựng Hà Nội.	Hoàn Kiếm	24,9	24,9			
IV.7	Quản lý theo quy định về DT KDDV TĐC							
1	N06 khu đô thị mới Dịch Vọng	Trụ sở Xí nghiệp Quản lý Dịch vụ và Khai thác khu đô thị.	Cầu Giấy	290	290			
2	Tầng 1 nhà N6C Trung Hòa Nhân Chính	XN QL&PT nhà Thanh Xuân	Thanh Xuân	180,00	180			
3	Tầng 1 Nhà A khu 7,2 ha Vinh Phúc	Công ty TNHH Thành An.	Ba Đình	204,79	204,79			
4	Tầng 1 nhà G khu 7,2 ha Vinh Phúc	Công ty CP Ăn uống Dịch vụ du lịch Ba Đình.	Ba Đình	540,1	540,1			
IV.8	Các dạng khác							
<i>a.</i>	<i>Cơ quan tòa án, công an, thanh tra đang thu lý</i>							
1	96 Hàng Trống	Cty TNHH MTV Việt Hà	Hoàn Kiếm	232,4	291		540,4	
2	79 Hàng Bó	Công ty Tiếp thị đầu tư NN&PT Nông thôn.	Hoàn Kiếm	148,2	204,8			
3	80 Hàng Gai	Cty TNHH MTV Sản xuất thương mại và Xuất khẩu lao động.	Hoàn Kiếm	239,5	218,3		200,3	
4	36 Bà Triệu	Cty CP XNK Tạp phẩm.	Hoàn Kiếm	643,6	1.063,1	760,3		
5	10 ngõ Huyện	Cty CP In và thương mại Thống Nhất.	Hoàn Kiếm	85,4	80			
6	14 Lê Trực	Báo Giáo dục và thời đại	Ba Đình	433,8	334,8		17,3	
7	26 Điện Biên Phủ	Cty TNHH Hùng Chung Nghĩa	Ba Đình	435,3	353			
8	56 Trần Quốc Toản	Cty Vật liệu và công nghệ.	Hoàn Kiếm	185	145,4			
9	46 Trần Hưng Đạo	Nhà xuất bản Thế giới.	Hoàn Kiếm	852,4	727,9			
<i>b.</i>	<i>Xử lý tồn tại, vướng mắc, vi phạm theo chỉ đạo của UBND TP, hướng dẫn của LN TP</i>							
1	35 Điện Biên Phủ	Viện SENA	Ba Đình	565,4	164			
2	5 Ông Ích Khiêm - 23 Lê Hồng Phong	Tổng Cty Cà phê VN	Ba Đình	863,8	1.018,4	234,8		
3	281 Đội Cấn	Cty CP Du lịch và xúc tiến đầu tư.	Ba Đình	9.000,0	873			

Stt	Địa điểm	Đơn vị sử dụng nhà	Địa bàn	Diện tích (m ²)				Ghi chú
				Đất	Nhà	XD thêm		
						có phép	không phép	
4	185 Thụy Khuê	Ngân hàng Thương mại CP Công thương VN.	Ba Đình	31,8	31,8			
5	23 Hàng Than	Cty CP Dịch vụ XNK Nông sản HN	Ba Đình	238	516,6			
6	115 Đội Cấn	Cty TNHH MTV Haprosimex.	Ba Đình	81	81		243,3	
7	141 Hoàng Hoa Thám (số cũ: 54 Hoàng Hoa Thám)	HTX Trúc Bạch.	Ba Đình	70,3	70,3			
8	166 ^A Nguyễn Thái Học.	Tổng Cty Thương mại HN - Cty CP.	Ba Đình					
9	273 Tây Sơn	Cty CP Tập đoàn T&T (- đại diện Liên doanh Dự án 273 Tây Sơn)	Đống Đa	7688,2	1.226,2	739,2		
10	45 Nguyễn Khuyến	Cty CP XNK Lương thực thực phẩm HN	Đống Đa	20,7	19,70			
11	35b Cát Linh	Cty CP Cao su HN	Đống Đa	280,5	280,5		175,7	
12	261 Tôn Đức Thắng	Cty TNHH Da và Giày HN	Đống Đa	95,9	95,9			
13	263 Tôn Đức Thắng	Cty TNHH Da và Giày HN	Đống Đa					
14	160 Tôn Đức Thắng	Cty CP Dược phẩm TW1 - Pharbaco	Đống Đa	15.105,20	2.464,10		10636,9	
15	16 Ngô Tất Tố	Tổng Cty Vật tư nông nghiệp.	Đống Đa		317,7	1.980,7		
16	16 Ngô Tất Tố	Cty CP Vật tư Nông nghiệp HN.	Đống Đa		177,5			
17	TT Ngã Tư Sở (bên phải)	Tổng Cty Thương mại HN - Cty CP.	Đống Đa	222,8	421,8			
18	TT Ngã Tư Sở (bên trái)	Tổng Cty Thương mại HN - Cty CP.	Đống Đa	201,9	482,7			
19	58 + 60 Hàng Buồm	Công ty Phát hành Sách Hà Nội.	Hoàn Kiếm	47,9	47,9			
20	41 Hàng Điếu	Công ty TNHH HMJ.	Hoàn Kiếm	183,64	239,5		14	
21	53 Đinh Tiên Hoàng	ông Nguyễn Thanh Bình	Hoàn Kiếm	21,63	21,63			
22	7 Hàng Đậu	Cty CP Điện tử Giảng Võ.	Hoàn Kiếm	132,5	132,5			
23	121 Phủ Doãn	Cty CP Điện tử Giảng Võ.	Hoàn Kiếm	148	211,4			
24	16 + 18 Tràng Thi	Cty TNHH MTV XNK Thiết bị toàn bộ và Kỹ thuật.	Hoàn Kiếm	944,4	865,4		1.129,9	
25	25 ^A Phùng Hưng	Công ty CP Thương mại Lạng Sơn.	Hoàn Kiếm	76,2	52,5			
26	13 Mã Mây	Cty TNHH Thương mại Long Thành II.	Hoàn Kiếm	100,1	179,3	290,6	187,6	
27	92 Trần Nhật Duật	Công ty TNHH Đại Long Thành.	Hoàn Kiếm	177,5	151	468,44	623,1	
28	240 Hàng Bông	Trung tâm Hỗ trợ nhân đạo Hội Cựu chiến binh HN	Hoàn Kiếm	41,9	41,9	181,2		
29	57 Cửa Nam	Cty TNHH MTV Điện ảnh Hà Nội.	Hoàn Kiếm	336,5	437,3		414,3	
30	45 Hàng Bài	Cty TNHH MTV Điện ảnh băng hình HN	Hoàn Kiếm	1.833,7	2.344,8		778,2	
31	41 Hàng Bô	Công ty TNHH Bảo Phú.	Hoàn Kiếm	55,5	55,5		14,2	
32	53 Hàng Gai	CN Ngân hàng Công thương quân Hoàn Kiếm.	Hoàn Kiếm	43,9	43,9			
33	12 ngõ Tràng Tiền	Hội Luật gia Việt Nam.	Hoàn Kiếm		60			
34	119 Lê Duẩn	Hiệp hội các Doanh nghiệp vừa và nhỏ.	Hoàn Kiếm	141,8	283,6			
35	61 Lương Ngọc Quyến	Cty CP Bắc Nam.	Hoàn Kiếm		66,3			
36	3b Chả Cá	Cty CP Bánh mứt kẹo HN	Hoàn Kiếm	259,7	81,4	177,7		
37	23 Hội Vũ	Cty CP Sản xuất và thương mại dịch vụ Thương binh Hoàn Kiếm	Hoàn Kiếm	234,2	234,2			

Stt	Địa điểm	Đơn vị sử dụng nhà	Địa bàn	Diện tích (m ²)				Ghi chú
				Đất	Nhà	XD thêm		
						có phép	không phép	
38	44 Tràng Tiền	Cty TNHH MTV Sách VN	Hoàn Kiếm	712,9	1.431,5	3.451,38		
39	61 Hàm Long	CN Traximeco tại HN	Hoàn Kiếm	72,3	242,1			
40	61 Hàm Long	Trung tâm Hợp tác lao động với nước ngoài.	Hoàn Kiếm	158,3	380,4			
41	58b Bà Triệu	HTX In Roneo Hoàn Kiếm.	Hoàn Kiếm		17,2			
42	23 Hàng Mắm	Cty CP Dịch vụ - XNK Nông sản HN	Hoàn Kiếm	44	44			
43	11 Thọ Nhuộm	HTX Duy Nhất.	Hoàn Kiếm	30,2	30,2			
44	75 Cửa Nam	UBND phường Cửa Nam.	Hoàn Kiếm		19,6			
45	332 Huế	Công ty CP XNK Lương thực thực phẩm Hà Nội.	HBT	27,8	27,8			
46	83 Bạch Mai	Cty CP XNK Lương thực thực phẩm HN	HBT	36	36			
47	45 Lò Đúc	Cửa hàng Kinh doanh Lương thực thực phẩm 60 Ngô Thi Nhâm.	HBT	58,4	58,4			
48	41 Trần Nhân Tông	Cửa hàng Kinh doanh Lương thực thực phẩm 60 Ngô Thi Nhâm.	HBT	35,6	35,6			
49	60 Ngô Thi Nhâm	Cửa hàng Kinh doanh Lương thực thực phẩm 60 Ngô Thi Nhâm.	HBT		449,4			
50	43 Lò Đúc	NXB Văn hoá Thông tin.	HBT	497,5	581			
51	18 Đoàn Trần Nghiệp.	Công ty TNHH Cơ khí Trần Hưng Đạo.	HBT					
52	79 Bà Triệu	Phòng Thương mại và công nghiệp Việt Nam	HBT	22,1	22,1			
53	55 Nguyễn Trãi	Cty CP Thương mại Dịch vụ Tràng Thi. (Tổng Cy Thương mại HN – Cty CP)	Thanh Xuân	56,2	56,2			
54	15 Quang Trung	Cty CP In và Thương mại Hà Tây	Hà Đông	180	180			
c.	<i>Công ty đang xử lý, giải quyết cụ thể từng trường hợp</i>							
1	33 Lý Quốc Sư	Cty CP In và thương mại Thống Nhất.	Hoàn Kiếm	154	184,2		281,1	
2	20 ngõ Trung Yên	Cty CP Kinh doanh và xây dựng nhà.	Hoàn Kiếm	102,7	60,3			
3	7 Trịnh Hoài Đức	Cty TNHH MTV NXB Thể thao Du lịch	Đống Đa	696,9	258,98		649,6	
4	72 + 74 Hàng Gai	HTX Dân Chủ.	Hoàn Kiếm	37,8	37,8			
5	189 Đại La	Ngân hàng Công thương Hai Bà Trưng.	HBT		12,3			
6	187 Nguyễn Lương Bằng (số cũ: 187 Tây Sơn)	Cty TNHH Thương mại dịch vụ đầu tư Vietin.	Đống Đa	1.094	1094			
7	109 + 110 A2 Ngọc Khánh	Thời báo Kinh tế VN	Ba Đình	61,8	50,7		39,6	
8	1 Đặng Dung	Cty CP Kinh doanh và xây dựng nhà.	Ba Đình	154	318,7		41,24	
9	3 Hàng Muối	HTX Hiền Lương	Hoàn Kiếm	33,2	33,2			
10	52 Hàng Trống	HTX Máy Tân Tiến.	Hoàn Kiếm	28,8	28,8			
11	45 Đường Thành	Cty TNHH Hồng Ngọc.	Hoàn Kiếm	22,1	15,5			
12	25b Bà Triệu	Cty CP Thương mại và đầu tư Barotex VN	Hoàn Kiếm	107,9	107,9	494,1		
13	9 Quán Thánh	Cty CP Thương mại Long Biên.	Ba Đình	107,6	111		41,2	
14	552 Thụy Khuê	Bưu điện Trung tâm 1	Ba Đình	60,1	42,5		4,1	
15	60 đường Yên Phụ	HTX Vận tải 27/7.	Ba Đình	34,4	49,8		6,5	
16	3 Đồi Càn	Bà Nguyễn Thị Hải Yên.	Ba Đình	18,4	18,4			
17	18 Nguyễn Trường Tộ.	NXB Văn hóa.	Ba Đình					

Stt	Địa điểm	Đơn vị sử dụng nhà	Địa bàn	Diện tích (m2)				Ghi chú
				Đất	Nhà	XD thêm		
						có phép	không phép	
18	số 9a B21 Nam Thành Công	Hội Kiến trúc sư HN	Đống Đa	49,6	49,6			
19	số 9b B21 Nam Thành Công	Hội Xây dựng TP HN	Đống Đa	36,3	36,3			
20	Tầng 1 B ₂₆ Nam Thành Công - Nguyễn Hồng	Hội Quy hoạch phát triển đô thị TP HN	Đống Đa	54,9	54,9			
21	15 Bích Câu	Cty CP Tổng bách hóa.	Đống Đa	3.735,10	733,28		154,51	
22	60 ngõ Thổ Quan	Cty TNHH Thương mại và dịch vụ Mùa Xuân.	Đống Đa	4.828,3	920,1			26
23	55 Cửa Đông	Cty CP X20.	Hoàn Kiếm	231,5	315,5			392,3
24	3 Hàng Khay	Cty CP Giao nhận kho vận ngoài thương.	Hoàn Kiếm	55,5	55,5			
25	31 + 33 Mã Mây	Cty CP XNK Lương thực thực phẩm HN	Hoàn Kiếm	180	274,7			
26	63 + 65 Hàng Bồ	Cty CP Đầu tư và phát triển Thương mại Vạn Xuân.	Hoàn Kiếm	262,9	329,3			23
27	69 Tràng Thi	Cty CP Dược phẩm HN	Hoàn Kiếm	88,1	88,1			
28	8đ Điện Biên Phủ	Cty TNHH Thương mại và Dịch vụ Thương binh 27/7.	Hoàn Kiếm	84,4	84,4			
29	73 Mã Mây	Cty TNHH Thương mại Bắc Sơn.	Hoàn Kiếm	181,4	375,6			240,6
30	43 Hàng Đậu	Cty TNHH Thương mại Tuấn Minh.	Hoàn Kiếm	120,5	120,5			
31	63 Cửa Nam	Cty TNHH Sản xuất và thương mại Hồng Phát.	Hoàn Kiếm	65,3	65,3	262,76		90,9
32	48 Hàng Bài	HTX May Quyết Tiến.	Hoàn Kiếm	32,5	32,5			
33	11 Lý Quốc Sư	HTX Mùa Thu.	Hoàn Kiếm	9,9	9,9			
34	185 Hàng Bông	HTX Mùa Thu.	Hoàn Kiếm	29,9	23,5			6,4
35	16 Cửa Nam	HTX Thống Nhất.	Hoàn Kiếm	23,1	23,1			
36	67 Lãn Ông	HTX Hoàng Phương.	Hoàn Kiếm	53,9	39,6	181,2		26,1
37	19 + 21 Đào Duy Từ	Cty CP XNK Lương thực thực phẩm HN	Hoàn Kiếm	263	204,5			
38	56 Đồng Xuân	Cty CP Đầu tư và phát triển Công nghệ cao Y dược Minh Tâm	Hoàn Kiếm	32	27,7			
39	32 Hai Bà Trưng	Cty XNK Sách báo.	Hoàn Kiếm	472,2	881,8	815,5		
40	8 Mã Mây	Cty Đầu tư và phát triển nhà số 12 (đổi tên thành: Cty CP Đầu tư địa ốc Thăng Long)	Hoàn Kiếm	79,8	79,8			
41	34 Lê Thái Tô	Cty TNHH Bình Minh.	Hoàn Kiếm	154,9	154,9			122,9
42	28 Hàng Giấy	Cty CP Sản xuất và Thương mại dịch vụ Thương binh HK	Hoàn Kiếm	23	23			
43	101 Hàng Gai	XN Sửa chữa dụng cụ đo lường.	Hoàn Kiếm	320,3	240			
44	147 Lê Duẩn	HTX Bình Minh.	Hoàn Kiếm	88,3	74,7	112,72		
45	22 Tràng Thi	Tổ hợp tác cắt tóc Tiên Bộ.	Hoàn Kiếm	19	19			
46	6 Cửa Đông	HTX Da Hoà Bình.	Hoàn Kiếm	34,3	34,3			
47	5 Thọ Nhuộm	HTX Duy Nhất.	Hoàn Kiếm	18,1	18,1			
48	15 Cửa Nam	HTX Duy Nhất.	Hoàn Kiếm	30,2	31			
49	57b Đinh Tiên Hoàng	HTX May Dân Chủ.	Hoàn Kiếm	97,6	97,6			
50	49 Hàng Buồm	Cty TNHH Thương mại hỗ trợ kiến thiết miền núi	Hoàn Kiếm	28,8	28,8			
51	14 Nguyễn Hữu Huân	Công ty CP Dịch vụ Hoàng Anh	Hoàn Kiếm	78,7	94,9			
52	40 Hàng Thiếc	HTX Hồng Thái.	Hoàn Kiếm	96,5	58			
53	35 Cửa Nam	HTX Liên Minh (nay đổi tên thành: Cty TNHH HANOTEX)	Hoàn Kiếm	37,8	37,8			

Stt	Địa điểm	Đơn vị sử dụng nhà	Địa bàn	Diện tích (m2)				Ghi chú
				Đất	Nhà	XD thêm		
						có phép	không phép	
54	9 Hàng Trống	HTX Máy Thủ Đô.	Hoàn Kiếm	39,1	39,1			
55	32 Đào Duy Từ	HTX Sinh Lực.	Hoàn Kiếm	52,3	52,3		18,8	
56	3 Nguyễn Siêu	HTX Sinh Lực.	Hoàn Kiếm	104,1	90,4	326		
57	5 Nguyễn Siêu	HTX Sinh Lực.	Hoàn Kiếm	114,1	68,4	185,9		
58	7 Ngõ Gạch	HTX Sinh Lực.	Hoàn Kiếm	39	39	86,6		
59	27 Tạ Hiện	HTX Máy Thông Nhất.	Hoàn Kiếm	46	46			
60	16 Nguyễn Siêu	HTX Tiên Thành	Hoàn Kiếm	61,2	61,2			
61	42 Hàng Đường	HTX Tiên Thành.	Hoàn Kiếm	73,7	145,3		113,3	
62	29 Hàng Đào	HTX Tự Lực	Hoàn Kiếm	26,1	46,7			
63	7 Ngõ Gạch	HTX Việt Hòa.	Hoàn Kiếm	107,2	194,65			
64	92 Trần Nhật Duật	HTX Vĩnh Long.	Hoàn Kiếm	151	151			
65	6 Lê Thái Tổ	Cty CP Phương Linh	Hoàn Kiếm	53,5	53,5			
66	33 Bát Sứ	HTX 202 Hồ Gươm.	Hoàn Kiếm	20,1	28,7			
67	1 Đồng Xuân	HXT 202 Việt Tiến.	Hoàn Kiếm	26,9	26,9			
68	209 Hàng Bông	HTX Hợp Nhất	Hoàn Kiếm		26,9			
69	57c Đinh Tiên Hoàng	Tổ hợp tác trồng rừng Hồ Gươm.	Hoàn Kiếm	52,2	52,2			
70	75 Hàng Lược	HTX Sản xuất đồ da Hòa Bình.	Hoàn Kiếm	48	83,01		36	
71	93 Phùng Hưng	Cty TNHH Dịch vụ An Khánh	Hoàn Kiếm	73,8	73,8			
72	2 Bà Triệu	Tổ Văn hoá phẩm Hoàn Kiếm.	Hoàn Kiếm	36	36			
73	43 Đường Thành	Tổ Văn hoá phẩm Hoàn Kiếm.	Hoàn Kiếm	43,9	39,1			
74	87 Hàng Đào	Tổ Văn hoá phẩm Hoàn Kiếm.	Hoàn Kiếm	37,3	37,3			
75	43a Hàng Bài	Tổ Văn hoá phẩm Hoàn Kiếm.	Hoàn Kiếm	36,7	36,7			
76	9 Hàng Khay	Tổ sửa chữa Đồng hồ Thăng Long.	Hoàn Kiếm	18,1	18,1			
77	14 Hàng Cân	Phòng Đông y Thăng Long.	Hoàn Kiếm	12,1	12,1			
78	118 Hai Bà Trưng	Bà Nguyễn Thị Nguyệt.	Hoàn Kiếm	17,1	14,5			
79	14a Báo Khánh	Bà Phùng Thị Hiền.	Hoàn Kiếm	14	16,9			
80	4 Cao Đạt	HTX Công nghiệp CP Bạch Đằng.	HBT	50,4	43,2		7,2	
81	60 Hàng Chuối	Tổng công ty Xây dựng cầu Thăng Long	HBT	400	128			
82	177 Lò Đúc	Công ty CP XNK Lương thực thực phẩm Hà Nội.	HBT	35,3	35,3			
83	E6 Quỳnh Mai	Công ty CP XNK Lương thực thực phẩm Hà Nội.	HBT	179,2	179,2			
84	K3b Bách Khoa	Công ty Tổng hợp Nam.	HBT	102,3	102,3			
85	272 Bạch Mai	Công ty CP Thương mại XNK Hà Nội.	HBT	113,7	62,2			
86	6 Ng Công Trứ	Liên hiệp các XN Cơ điện Nông nghiệp I.	HBT	401,9	350			
87	6 Ng Công Trứ	Công ty Chăn nuôi chế biến XNK.	HBT	120,1	250,3			
88	6 Ng Công Trứ	Công ty Bông TỰ.	HBT	92,2	76,5			
89	6 Ng Công Trứ	Văn phòng đại diện Dầu thực phẩm Việt Nam tại Hà Nội.	HBT		144,1			
90	6 Ng Công Trứ	Trung tâm Kỹ thuật truyền giống TỰ.	HBT	96,7	96,7			
91	6 Ng Công Trứ	Trung tâm Kỹ thuật lợn giống TỰ.	HBT	210,3	83,9			
92	6 Ng Công Trứ	Công ty CP Vật tư bao bì.	HBT	161,75	124,7			
93	6 Ng Công Trứ	Công ty CP Xây lắp và vật tư số 5.	HBT	388,1	165,6			
94	78 ^B Nguyễn Du	Ngân hàng Thương mại CP Đại chúng Việt Nam.	HBT	393,3	387,9			

Stt	Địa điểm	Đơn vị sử dụng nhà	Địa bàn	Diện tích (m2)				Ghi chú
				Đất	Nhà	XD thêm		
						có phép	không phép	
95	45 Hàng Chuối	NXB Giáo dục Đại học và Trung học chuyên nghiệp (Cty CP Bản đồ tranh ảnh Giáo dục).	HBT	58,4	146,1		180,1	
96	19 Nguyễn Bình Khiêm	Nhà xuất bản Văn hóa dân tộc.	HBT	377	272,2			
97	196 Huế	HTX Bắc Sơn.	HBT	34,8	34,8			
98	37 Bạch Mai	HTX Cát tóe Toàn Thắng.	HBT	19,4	19,4			
99	26 Tuệ Tĩnh	HTX Liên Minh.	HBT	15,2	15,2			
100	53 Kim Liên (Số mới 283 Lê Duẩn)	HTX Mây tre đan xuất khẩu.	HBT	171	28			
101	214 Huế	HTX Năng Xuân.	HBT	58,9	57			
102	538 Bạch Mai	HTX Năng Xuân.	HBT	16,5	16,5			
103	2 Thái Phiên	HTX Thành Chung.	HBT	37,1	37,1			
104	43 Trần Nhân Tông	Tổ HTX cắt tóc Liên Minh.	HBT	27,4	27,4			
105	41 Tuệ Tĩnh	Tổ hợp tác Thành Tâm.	HBT	20,9	20,9			
106	211 Lê Duẩn	Tổ Cắt tóc Hồng Hà.	HBT	15,2	17			
107	66 Phố Huế	Ông Phạm Văn Luyện.	HBT		22			
108	70 Bạch Mai	Ông Trần Văn Lan.	HBT	36,7	36,7			
109	65 Trần Nhân Tông.	Tổng công ty Thương mại Hà Nội - Cty CP.	HBT					
110	373 Ngọc Hồi.	Tổng công ty Thương mại Hà Nội - Cty CP.	Thanh Trì					
111	178 Ngọc Lâm	Cty TNHH Hồng Hà.	Long Biên	38,75	38,75			
112	255 Ngọc Lâm	Cty TNHH Thành Đạt.	Long Biên	219,3	99,9			
113	273 Ngọc Lâm	TT Thương mại và dịch vụ Long Biên.	Long Biên	119,94	111,1			
114	377 Ngọc Lâm	HTX Cơ điện Ngọc Lâm.	Long Biên	38,1	95,53			
115	138 Ngọc Lâm	Tổ Giặt là.	Long Biên	15,42	12,1			
116	49 Bát Đàn	Trụ sở XN Tư vấn thiết kế đầu tư xây dựng và phát triển nhà	Hoàn Kiếm	170,4	204,1			
117	280 Tôn Đức Thắng	Cty TNHH Thu Đức.	Đống Đa	56,40	82,80			
118	8 Hàng Vôi	Cty CP Đồng Tháp.	Hoàn Kiếm	105,8	88,2			
119	25 Lý Quốc Sư	Cty TNHH Nguyễn Phước Hoàng.	Hoàn Kiếm	70,5	65		17,3	
120	11 Hàng Đồng	Cty TNHH Lê Giang.	Hoàn Kiếm	47,3	47,3			
121	31 Lãn Ông	Cty TNHH Sản xuất và Thương mại Mai Anh Phát.	Hoàn Kiếm	80,6	138,2			
122	68 Hàng Mã	HTX Công nghiệp Việt Hưng.	Hoàn Kiếm	46,9	46,9			
123	52 Hàng Mã	HTX Công nghiệp Việt Hưng.	Hoàn Kiếm	73,4	73,4			
124	76 Hàng Chiếu	HTX Công nghiệp Việt Hưng.	Hoàn Kiếm	86,9	86,9		52	
125	2 + 4 + 6 Lò Rèn	Cty CP Tập đoàn Khoáng sản Tam Cường	Hoàn Kiếm	44	44			
126	27 Lãn Ông	Công ty TNHH Hoàng Đạt.	Hoàn Kiếm	52,4	52,4		71,7	
127	38 Phan Đình Phùng	Cty TNHH Thái Sơn.	Ba Đình	2.600,6	487	516,6		
128	47 Hàng Ngang	Doanh nghiệp tư nhân Chân Phương.	Hoàn Kiếm	8,7	8,7			
129	54 Nguyễn Du	Công ty CP Du lịch và thương mại quốc tế Vinatour.	HBT	508,5	882,3	153		

**PHỤ LỤC 01B: TỔNG HỢP DIỆN TÍCH KINH DOANH DỊCH VỤ TẦNG 1
TẠI CÁC TÒA NHÀ CHUNG CƯ TÁI ĐỊNH CƯ**

Stt	Tòa nhà	Địa điểm	Tổng diện tích KDDV	Diện tích đang sử dụng (DT)					Diện tích còn trống	Ghi chú
				Tổng diện tích	Chuyển đổi thành phòng SHCD	Diện tích KDDV còn lại	Đã cho thuê	Bố trí khác		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
I	Ban Quản lý các công trình nhà ở và công sở									
1	Tòa nhà N01	7A Lê Đức Thọ, phường Mai Dịch, quận Cầu Giấy	1.256,0	943,84	160,20	783,64	468,15	3,35	312,14	
2	Tòa nhà N02	5A Lê Đức Thọ, phường Mai Dịch, quận Cầu Giấy	761,6	761,55	144,60	616,95	616,95	-	(0,00)	
3	Tòa nhà CTL1-1A	Khu nhà ở Vinh Hoàng, phường Vinh Hưng, quận Hoàng Mai	1.861,9	930,94	-	930,94	-	-	930,94	
4	Tòa nhà CTL1-1B	Khu nhà ở Vinh Hoàng, phường Vinh Hưng, quận Hoàng Mai	2.851,9	2.140,45	-	2.140,45	1.429,00	-	711,45	
5	Tòa nhà đơn nguyên 1 Lô OCT1	Khu nhà ở Bắc Linh Đàm mở rộng, phường Đại Kim, quận Hoàng Mai	303,2	151,60	-	151,60	-	-	151,60	
6	Tòa nhà đơn nguyên 2 Lô OCT1	Khu nhà ở Bắc Linh Đàm mở rộng, phường Đại Kim, quận Hoàng Mai	468,5	298,50	128,50	170,00	-	-	170,00	
7	Tòa nhà đơn nguyên 3 Lô OCT1	Khu nhà ở Bắc Linh Đàm mở rộng, phường Đại Kim, quận Hoàng Mai	407,9	203,96	-	203,96	-	-	203,96	
8	Tòa nhà CT3	Khu tái định cư tại ao Hoàng Cầu, phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa	1.122,4	603,22	-	603,22	84,00	-	519,22	
9	Tòa nhà CT2	Khu tái định cư tại ao Hoàng Cầu, phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa	2.443,4	1.732,20	-	1.732,20	1.021,00	-	711,20	
10	Tòa nhà Lô E	Khu đô thị Yên Hòa, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy	5.733,5	4.691,00	78,00	4.613,00	3.106,36	464,17	1.042,47	
11	Tòa nhà CTL2	Khu nhà ở Vinh Hoàng, phường Vinh Hưng, quận Hoàng Mai	2.753,3	1.376,63	-	1.376,63	-	-	1.376,63	
12	Tòa nhà N07	Khu 5.3ha phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy	415,0	415,00	108,00	307,00	307,00	-	-	
13	Tòa nhà C	Khu tái định cư phường Xuân La, quận Tây Hồ	750,0	750,00	-	750,00	654,00	96,00	-	
14	Tòa nhà A1	Khu tái định cư phường Kim Giang, quận Thanh Xuân	614,0	307,00	-	307,00	-	-	307,00	
15	Tòa nhà A2	Khu tái định cư phường Kim Giang, quận Thanh Xuân	1.242,0	621,00	-	621,00	-	-	621,00	
16	Tòa nhà CT2	Khu đô thị phường Hoàng Văn Thụ, quận Hoàng Mai	626,5	345,00	63,50	281,50	-	-	281,50	
17	Tòa nhà N016A	Phường Thượng Thanh, quận Long Biên	7.698,0	3.849,00	-	3.849,00	-	-	3.849,00	
18	Tòa nhà N016B	Phường Thượng Thanh, quận Long Biên	6.232,0	3.116,00	-	3.116,00	-	-	3.116,00	
	N6A 514,02	Khu Trung Hòa, Nhân Chính	432,3	432,31			432,31		-	
	N6B 425,75		463,0	463,00			463,00		-	
	N6C 433,71		421,6	421,58			421,58		-	
	N6D 425,75		466,0	225,00			225,00		241,00	
	N6E 514,02		417,8	417,82			417,82		-	
	N5A 109,95		132,7	132,70			132,70		-	
	N5BC 571,81		578,0	578,00			578,00		-	

Stt	Tòa nhà	Địa điểm	Tổng diện tích KDDV	Diện tích đang sử dụng (DT)					Diện tích còn trống	Ghi chú
				Tổng diện tích	Chuyển đổi thành phòng SHCB	Diện tích KDDV còn lại	Đã cho thuê	Bố trí khác		
19	N5D 161,67		134,8	134,80			134,80	-		
	17T10		531,8	-			-	531,84		
	17T11		353,9	-				353,90		
	N2B 274,64		243,5	243,50			243,50	-		
	N2A 274,64		287,6	287,60			287,60	-		
	N2E 237,83		243,0	243,00			243,00	-		
	N2F 239,02		296,0	-			-	296,00		
	N2C 274,46		125,0	125,00			125,00	-		
	N2D		549,9	549,90			549,90	-		
	N3A 425,38		281,0	233,00			233,00	48,04		
	N3B 368,82		356,8	282,70			282,70	74,14		
	N4AB 883,18		820,0	820,00			820,00	-		
	N4CD 883,18		584,0	584,00			584,00	-		
	N1AB 1061,53		972,9	972,87			972,87	-		
20	N11A 439,25	Dịch Vọng	378,9	162,28			162,28	216,58		
	N11B 324,38		284,0	-			-	284,04		
	N01 72,00		36,0	36,00			36,00	-		
	N02 835,07		644,5	644,50			644,50	-		
	N.03 2578,35		2.327,4	2.289,42			2.289,42	37,93		
	N06 445,40		519,9	519,90			519,90	-		
	N05 409,74		465,0	465,00			465,00	-		
	N08 96,60		207,5	-				207,50		
	N13		463,0	463,00			463,00	-		
	N16		142,4	-			-	142,43		
	N14		90,3	-			-	90,32		
	15B		Đông Quan - Dịch Vọng	397,6	-			-	397,63	
	21		No14A	Định Công	348,3	348,30			348,30	-
No 14B		417,5	-				-	417,51		
No14C		480,0	-				-	479,95		
CT1A		463,8	-				-	463,84		
CT1B		367,5	-				-	367,50		
22	A 1009,89	Đền Lừ	974,5	974,45			974,45	-		
	B 509,81		447,9	447,86			447,86	-		
	C		459,5	407,38			407,38	52,08		
	E 1046,88		960,6	773,38			773,38	187,20		
	G		580,0	580,00			580,00	-		
	H 465,94		467,1	467,12			467,12	-		
	A1 633,19		527,0	-			-	527,00		
	A2 2420		2.013,0	203,85			203,85	1.809,14		

Stt	Tòa nhà	Địa điểm	Tổng diện tích KDDV	Diện tích đang sử dụng (DT)					Diện tích còn trống	Ghi chú
				Tổng diện tích	Chuyển đổi thành phòng SHCD	Diện tích KDDV còn lại	Đã cho thuê	Bố trí khác		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	A3 462,47		459,2	-			-		459,17	
	A4 2338,68		1.966,0	1.550,00			1.550,00		415,98	
	A5 448,73		529,0	529,00			529,00		-	
23	A 0	Xuân La	80,6	-			-		80,56	
	C10 336,58		201,0	-			-		201,00	
	B 1249,83		1.106,1	1.106,11			1.106,11		-	
	CT1B 424,09		354,0	293,67			293,67		60,36	
	X2 405,69		368,3	368,30			368,30		-	
24	A	7,2ha Vĩnh Phúc	204,8	204,79			204,79		-	
	B		255,1	-			-		255,12	
	D1		290,3	290,30			290,30		-	
	D3		120,0	120,00			120,00		-	
	G		545,5	545,45			545,45		-	
	G3		310,0	310,00			310,00		-	
	E1		439,0	438,95			438,95		-	
	K3		546,4	546,44			546,44		-	
	N2		143,6	143,57			143,57		-	
25	I	Thanh Mai	1.030,0	1.030,00			1.030,00		-	
	K		670,0	670,00			670,00		-	
26	4F 2606,98	Trung Yên	2.468,9	1.343,33			1.343,33		1.125,56	
27	B	Hà Đình	475,0	475,00			475,00		-	
28	CT2-X2	Bắc Linh Đàm	334,8	-			-		334,82	
	CT1-X2		105,9	-			-		105,88	
29	N10 455,88	Đồng Tàu	352,8	-			-		352,77	
	N9 455,88		495,0	-			-		495,00	
	N1 719,04		430,0	-			-		430,00	
	N4		371,2	230,00			230,00		141,16	
	N5 392,8		375,9	375,90			375,90		-	
	CC2		3.305,1	2.799,80			2.799,80		505,25	
30	G9 1186,55	Xuân Đình	880,3	880,33			880,33		-	
31	CT14A1 1525,01	Nam TL	972,0	854,00			854,00		118,00	
	CT14A2 1520,01		1.329,5	1.329,51			1.329,51		-	
	CT13A		1.558,2	1.482,22			1.482,22		76,00	
	CT13B		1.556,9	1.556,88			1.556,88		-	
32	CT1 616,5	Hoàng Văn Thụ	510,8	-			-		510,80	
33	5B	ĐH Thương Mại	604,3	364,21			364,21		240,07	
34	B3 142,56	Cầu Diễn	111,2	-			-		111,21	
	B4 206,49		192,3	192,30			192,30		-	
	B5 177,02		107,0	-			-		107,02	
	C-NOCT 134,69		119,2	119,24			119,24		-	
35	A1 283,58	Phú Thượng	213,5	-			-		213,48	
	A2 362,19		242,7	100,00			100,00		142,72	
36	A1 90,64	Cánh Đàng Mơ	47,2	-			-		47,19	

Stt	Tòa nhà	Địa điểm	Tổng diện tích KDDV	Diện tích đang sử dụng (DT)					Diện tích còn trống	Ghi chú
				Tổng diện tích	Chuyển đổi thành phòng SHCB	Diện tích KDDV còn lại	Đã cho thuê	Bố trí khác		
36	A2 113.05	Chùa Đông Ngưu	78,7	-			-		78,67	
37	No6	Pháp Vân - Tứ Hiệp	223,7	-			-		223,70	
38	N02	Láng Thượng	416,9	347,40			347,40		69,50	
	N03		230,8	-			-		230,84	
	N01		1.196,5	-			-		1.196,46	
				-			-		-	
39	CT11	310 Minh Khai	454,0	-			-		453,96	
40	X1	Hạ Đình	82,1	-			0		82,11	
	A1-X2		47,7	-			0		47,68	
	A2-X2		81,8	-			0		81,83	
41	A1	Sống Hoàng	39,5	-					39,50	
	A2			25,57	25,57				-	
42	A 5 tầng	Ao Bát	187,6	-					187,59	
III	Tổng công ty Đầu tư và phát triển nhà Hà Nội									
1	B3D	KĐT Nam Trung Yên	27,5	27,50			27,5			
2	A6A		194,9	194,87			194,87			
3	B10A		804,3	804,34			804,34			
4	B10A		460,0	460,00			460			
5	B10A		897,9	897,94			897,94			
6	B10A		1.050,0	1.050,00			1050			
7	A6D		197,7	197,73			197,73			
8	B3C		17,5	17,48			17,48			
9	B3A		14,7	-					14,70	
10	21T1		650,9	-					650,90	
11	21T2		650,9	-					650,90	
12	B6A		3.588,7	-					3.588,70	
13	A6B, C		412,0	-					412,00	

**PHỤ LỤC 01C: TỔNG HỢP QUỸ NHÀ TẦNG 1 TẠI NHÀ CHUNG CƯ THƯƠNG MẠI
CÁC CHỦ ĐẦU TƯ PHẢI BÀN GIAO CHO THÀNH PHỐ**

Stt	Tên đơn vị quản lý/chủ đầu tư	Tên chung cư cao tầng/dự án	Tên ki ốt	Tổng diện tích	Diện tích đang cho thuê	Diện tích chủ đầu tư đã thu hồi, đủ điều kiện bàn giao cho Thành phố	Diện tích chủ đầu tư chưa thu hồi	Ghi chú
1	2	3	4	5=6+7+8	6	7	8	9
	TỔNG CỘNG			56.271,4	299,8	8.642,2	47.329,4	
1	Công ty Cổ phần kinh doanh và Phát triển nhà Hà Nội	Chung cư B6 Mỹ Đình		299,8	299,8			
2			Nhà ở cao tầng H2	Ki ốt số 1	30,3		30,3	
3		Ki ốt số 2		31,4			31,4	
4		Ki ốt số 3		32,0			32,0	
5		Ki ốt số 4		29,3			29,3	
6		Siêu thị		186,0			186,0	
7		Nhà ở cao tầng H3		Ki ốt số 1	17,6			17,6
8			Ki ốt số 2	17,5			17,5	
9			Siêu thị tầng 1	453,2			453,2	
10		Nhà ở cao tầng K1	Ki ốt số 1	20,4			20,4	
11			Ki ốt số 2	19,4			19,4	
12			Ki ốt số 3	19,4			19,4	
13			Ki ốt số 4	19,4			19,4	
14			Ki ốt số 5	19,4			19,4	
15			Ki ốt số 6	19,4			19,4	
16			Ki ốt số 7	26,7			26,7	
17			Ki ốt số 8	31,0			31,0	
18			Ki ốt số 9	31,3			31,3	
19			Ki ốt số 10	31,5			31,5	
20			Ki ốt số 11	36,9			36,9	
21			Ki ốt số 12	39,1			39,1	
22			Ki ốt số 13	39,6			39,6	
23			Ki ốt số 14	30,0			30,0	
24			Ki ốt số 15	31,2			31,2	
25			Ki ốt số 16	49,8			49,8	
26		Nhà dịch vụ 2 tầng (tầng 1)	624,1				624,1	
27		Nhà dịch vụ 2 tầng (tầng 2)	316,7				316,7	
28		Nhà ở cao tầng K2	Ki ốt số 1	30,2			30,2	
29			Ki ốt số 2	30,0			30,0	
30			Ki ốt số 3	30,0			30,0	
31			Ki ốt số 4	30,9			30,9	
32			Ki ốt số 5	31,0			31,0	
33			Ki ốt số 6	29,3			29,3	
34			Ki ốt số 7	43,2			43,2	
35			Ki ốt số 3+ k4-1	61,7			61,7	
36			Ki ốt số 2-1	19,9			19,9	
37		Ki ốt số 1-1	21,1			21,1		
38		Nhà ở cao tầng K3	Siêu thị	387,9			387,9	
39		Nhà ở cao tầng K5	Ki ốt số 1	25,7			25,7	
40			Ki ốt số 2	25,5			25,5	
41			Ki ốt số 3	24,8			24,8	
42			Ki ốt số 4	24,7			24,7	
43			Ki ốt số 5	72,5			72,5	

Sst	Tên đơn vị quản lý/chủ đầu tư	Tên chung cư cao tầng/dự án	Tên ki ốt	Tổng diện tích	Diện tích đang cho thuê	Diện tích chủ đầu tư đã thu hồi, đủ điều kiện bàn giao cho Thành phố	Diện tích chủ đầu tư chưa thu hồi	Ghi chú
44	CÔNG TY TNHH NN MTV THÀNH VIÊN DỊCH VỤ NHÀ Ở & KHU ĐÔ THỊ (HUDS)	Nhà ở cao tầng K6	Ki ốt số 1	28,6			28,6	
45			Ki ốt số 2	29,1			29,1	
46			Ki ốt số 3	118,9			118,9	
47			Ki ốt số 4	70,6			70,6	
48			Ki ốt số 5	29,1			29,1	
49			Ki ốt số 6	29,4			29,4	
50			Ki ốt số 7	90,7			90,7	
51		Nhà ở cao tầng P1	Ki ốt số 1	32,7			32,7	
52			Ki ốt số 2	28,3			28,3	
53			Ki ốt số 3	28,1		28,1		
54			Ki ốt số 4	30,1			30,1	
55			Siêu thị	51,1		51,1		
56			Siêu thị	654,1		654,1		
57		Nhà ở cao tầng P2	Ki ốt số 5 (1)	34,4			34,4	
58			Ki ốt số 6 (2)	29,3		29,3		
59			Ki ốt số 7 (3)	29,0		29,0		
60			Ki ốt số 8 (4)	33,1			33,1	
61			Siêu thị	416,5		416,5		
62		Siêu thị	140,4		140,4			
63		Nhà ở cao tầng P3	Ki ốt số 1	77,2			77,2	
64			Siêu thị	198,3			198,3	
65			Ki ốt số 3	60,8			60,8	
66			Ki ốt số 4	44,2		44,2		
67			Ki ốt số 5	44,1		44,1		
68			Ki ốt số 6	-			x	
69			Ki ốt số 7	-			x	
70		Nhà ở cao tầng CT-20A	Nhà dịch vụ 2 tầng CT-20A0	348,3			348,3	
71			Nhà dịch vụ 2 tầng CT-20A0	885,3			885,3	
72		Nhà ở cao tầng CT-20B	Ki ốt số 1	66,3			66,3	
73			Ki ốt số 2	63,1			63,1	
74			Ki ốt số 3	110,7			110,7	
75			Ki ốt số 4-1	54,9			54,9	
76			Ki ốt số 4-2	54,8			54,8	
77	Ki ốt số 4-3		28,5			28,5		
78	Ki ốt số 4-4	40,9			40,9			
79	Nhà ở cao tầng CT-20C	Nhà dịch vụ 1 tầng CT-20C1	647,6			647,6		
80		Ki ốt số 1	71,9			71,9		
81		Ki ốt số 2-1	29,8			29,8		
82	Ki ốt số 2-2	49,4			49,4			
83	Nhà ở cao tầng CT-20D	Ki ốt số 1	72,2			72,2		
84		Ki ốt số 2	76,9			76,9		
85	Nhà ở cao tầng CT-20E	Ki ốt 1	135,8			135,8		
86		Ki ốt 2	98,3			98,3		
87		Ki ốt 3	58,9			58,9		
88			Ki ốt số 1	67,9		67,9		
89			Ki ốt số 2	114,0		114,0		
90			Ki ốt số 3	136,6		136,6		

Stt	Tên đơn vị quản lý/chủ đầu tư	Tên chung cư cao tầng/dự án	Tên ki ốt	Tổng diện tích	Diện tích đang cho thuê	Diện tích chủ đầu tư đã thu hồi, đủ điều kiện bàn giao cho Thành phố	Diện tích chủ đầu tư chưa thu hồi	Ghi chú
1	2	3	4	5=6+7+8	6	7	8	9
91	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN BẤT ĐỘNG SẢN HUDLAND	Nhà ở cao tầng GH3, GH4	Ki ốt số 4	57,1		57,1		
92			Ki ốt số 5	52,9		52,9		
93			Ki ốt số 6	88,3		88,3		
94			Ki ốt số 7	56,0		56,0		
95			Ki ốt số 8	26,3		26,3		
96			Ki ốt số 9	28,9		28,9		
97			Ki ốt số 12	104,1		104,1		
98		Nhà ở cao tầng GH5, GH6	Ki ốt số 1	387,8			387,8	
99			Ki ốt số 2	154,2		154,2		
100			Ki ốt số 3	553,1			553,1	
101			Ki ốt số 4	183,4		183,4		
102			Ki ốt số 5	281,1		281,1		
103			Ki ốt số 6	170,7		170,7		
104				Ki 6	72,8			72,8
105	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG HUD3	Nhà chung cư T11	Ki ốt số 1	225,5		225,5		
106			Ki ốt số 2	178,0		178,0		
107	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NHÀ VÀ ĐÔ THỊ HUD6	CT-10	Khu vực 1.1	648,3		648,3		
108			Khu vực 1.2	458,8		458,8		
109			Khu vực 1.3	21,9		21,9		
110	TỔNG CÔNG TY HUD	CT-09	Nhà ở cao tầng CT-09A	86,2		86,2		
111			Nhà dịch vụ 1 tầng CT-09B	829,0		829,0		
112			Nhà ở cao tầng CT-09C	86,2		86,2		
113	Công ty cổ phần thi công cơ giới xây lắp	Khu nhà ở và làm việc 54 Hạ Đình		100,6			100,6	
114	Tổng công ty Viglacera	Khu đô thị Đặng Xá, huyện Gia Lâm		12.658,7			12.658,7	
115	Công ty Thương mại dịch vụ Tràng Thi	Khu trung tâm thương mại và nhà ở 173 Xuân Thủy		1.691,0			1.691,0	
116	Công ty Cổ phần Tu tạo và phát triển nhà	Khu đô thị Mễ Trì Hạ		1.123,7			1.123,7	
117	Công ty cổ phần xây dựng số 2 - Vinaconex2	Khu nhà ở Trung Văn mở rộng		537,3			537,3	
118	Công ty đầu tư phát triển công trình du lịch DETUOPPRO	Nhà chung cư N105 Nguyễn Phong Sắc		523,0			523,0	
119	Công ty CP lắp máy điện nước và xây dựng (Tổng Cty XD HN)	Công trình hỗn hợp VP kết hợp nhà ở bán		1.323,0			1.323,0	
120	Công ty CP tư vấn đầu tư dự án Quốc tế (ICC)	Siêu thị, VP và nhà ở để bán		692,0			692,0	
121	Công ty đầu tư xây lắp và phát triển nhà	Nhà ở để bán 39 Nguyễn Trãi		273,0			273,0	
122	Công ty CP xây dựng số 34 (Tổng công ty XD HN)	Khu VP kết hợp nhà ở cao tầng bán		111,2			111,2	
123	Công ty Hà Đô (Bộ Quốc Phòng)	Nhà ở để bán 34 TT Cầu Diễn		1.093,8			1.093,8	
124	Công ty TNHH dịch vụ đầu tư và du lịch Nghi Tâm (Bảo Sơn)	Khu nhà để bán 37 ngõ 67 Đức Giang		620,0			620,0	

Stt	Tên đơn vị quản lý/chủ đầu tư	Tên chung cư cao tầng/dự án	Tên kí ốt	Tổng diện tích	Diện tích đang cho thuê	Diện tích chủ đầu tư đã thu hồi, đủ điều kiện bàn giao cho Thành phố	Diện tích chủ đầu tư chưa thu hồi	Ghi chú
125	Công ty cổ phần đầu tư - xây dựng Hà Nội	Khu đô thị mới Trung Văn		3.225,0			3.225,0	
126	Công ty cổ phần đầu tư xây dựng Hà Nội	Khu nhà ở liên hợp để bán 46 ngõ 230 Lạc Trung		1.117,4			1.117,4	
127	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại Sông Hồng	Nhà ở chung cư cao tầng để bán 262 Nguyễn Huy Tường, Thanh Xuân		1.445,0			1.445,0	
128	Công ty xây dựng số 19 (Công ty Cổ phần LICOGI 19)	Nhà ở để bán số 25 Tân Mai		585,6			585,6	
129	Công ty CP tập đoàn Nam Cường	KĐT mới Cổ Nhuế, quận Bắc Từ Liêm		6.353,0			6.353,0	
130	Công ty Cổ phần kinh doanh và Phát triển nhà Hà Nội	Nhà ở để bán (Nhà chung cư 9 tầng)		320,6			320,6	
131	Công ty cơ giới và xây lắp số 13 (Tổng công ty Licogi)	Khu nhà ở LICOGI 13 đường Khuất Duy Tiến		796,0			796,0	
132	Công ty cổ phần Hanel	60 Nguyễn Đức Cảnh, Hoàng Mai, HN		8.000,0			8.000,0	

PHỤ LỤC 02: TỔNG HỢP PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP LẠI, XỬ LÝ NHÀ, ĐẤT CỦA CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ, DOANH NGHIỆP THUỘC THÀNH PHỐ VÀ TRUNG ƯƠNG TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ

STT	Cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp	Số lượng	Tổng diện tích đất (m ²)	Tổng diện tích nhà (m ²)	Phương án sắp xếp lại, xử lý nhà đất đã phê duyệt (lần cuối)															
					Giữ lại tiếp tục sử dụng		Thu hồi		Điều chuyển		Bán TS (trên đất, chuyển nhượng QSD đất)		Chuyển mục đích sử dụng		Chuyển giao về địa phương		Tạm giữ lại tiếp tục sử dụng		Phương án xử lý khác	
					Đất (m ²)	Nhà (m ²)	Đất (m ²)	Nhà (m ²)	Đất (m ²)	Nhà (m ²)	Đất (m ²)	Nhà (m ²)	Đất (m ²)	Nhà (m ²)	Đất (m ²)	Nhà (m ²)	Đất (m ²)	Nhà (m ²)	Đất (m ²)	Nhà (m ²)
A	ĐỊA PHƯƠNG	10.711	43.791.407	9.919.172	37.980.179	9.564.056	674.092	25.062	204.330	30.919	59.402	23.649	185.524	35.900	281.182	19.965	266.285	84.054	4.140.413	135.567
I	Khối Sở ban, ngành, đoàn thể, đơn vị	1.272	9.779.926	2.375.854	9.437.857	2.315.121	166.944	7.032	3.007	3.772	26.707	3.535	6.630		39.740	2.005	71.933	37.828	27.109	6.560
1	VP UBND Thành phố	13	39.652	23.261	14.923	20.014				148	206	24.493	2.949						88	92
2	Sở Công Thương	23	15.047	16.372	15.047	16.372														
3	Sở GD&ĐT	180	2.228.537	873.041	2.210.347	872.904					1.600	137			16.590					
4	Sở GTVT	18	82.669	23.857	82.469	23.802											200	55		
5	Sở KH&ĐT	3	1.895	6.011	1.895	6.011														
6	Sở KHCN	4	6.527	7.350	3.809	7.350	268						2.450							
7	Sở LĐT&XH	66	2.729.570	233.128	2.711.849	227.364	11.871	4.449	256	600					3.874	178	1.719	538		
8	Sở NN&PTNT	124	753.045	57.904	752.331	57.678			282	226									432	
9	Sở Nội vụ	3	2.874	14.188	2.874	14.188														
10	Sở QHKT	4	1.480	2.975	1.480	2.975														
11	Sở Tài chính	4	7.453	6.929	7.453	6.929														
12	Sở TN&MT	10	11.133	10.728	10.389	10.728													745	
13	Sở TTTT	2	4.740	10.161	4.740	10.161														
14	Sở Tư pháp	12	6.327	10.787	6.327	10.787														
15	Sở VHIT	34	695.532	115.968	695.532	115.968														
16	Sở Xây dựng	6	12.790	9.580	12.790	9.580														
17	Sở Y tế	703	2.206.999	758.587	2.007.356	747.709	154.805	2.583							18.993	1.827			25.845	6.468
18	Thành Đoàn Hà Nội	8	41.964	25.890	41.964	25.890														
19	Thanh tra Thành phố	2	1.470	3.076	1.470	3.076														
20	Ban Dân tộc Thành phố	1	598	913	598	913														
21	BQLDA ĐTXD CT Dân dụng và công nghiệp TPHN	1	312	736	312	736														
22	Ban Chỉ đạo GPMB TTP	2	1.107	2.192	1.107	2.192														
23	Ban Dự án đường sắt đô thị Hà Nội	1	500	632	500	632														
24	BQL KCN&CX	2	11.001	2.741	11.001	2.741														
25	Trường Cao đẳng cộng đồng Hà Nội	1	5.026	6.932	5.026	6.932														
26	Trường Cao đẳng cộng đồng Hà Tây	1	636.009	1.396	636.009	1.396														
27	Trường Cao đẳng điện tử - điện lạnh	1	9.620	8.760	9.620	8.760														
28	Trường Cao đẳng Nghề công nghệ cao	1	48.078		48.078															
29	Trường cao đẳng Nghề công nghiệp Hà Nội	3	24.632	19.110							174	218			283		24.175	18.892		
30	Trường cao đẳng Nghệ thuật Hà Nội	1	2.996	8.506	2.996	8.506														
31	Trường cao đẳng Sư phạm Hà Tây	3	77.035	32.665	32.165	15.635											44.870	17.030		
32	Trường Cao đẳng Y tế Hà Đông	1	15.644	11.643	15.644	11.643														
33	Trường Cao đẳng Y tế Hà Nội	2	19.210	13.762	19.210	13.762														
34	Trường Đại học Thủ đô Hà Nội	2	31.229	20.782	31.229	20.782														
35	Trường Đào tạo cán bộ Lê Hồng Phong	2	14.745	11.044	14.745	11.044														
36	UB MTTQ HN	4	613	1.693	613	1.693														
37	Đài Phát thanh truyền hình HN	5	13.259	9.366	6.319	6.394			2.321	2.740	440	232	4.180							
38	Hội Cựu chiến binh TPHN	2	475	1.321	475	1.321														

STT	Cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp	Số lượng	Tổng diện tích đất (m ²)	Tổng diện tích nhà (m ²)	Phương án sắp xếp lại, xử lý nhà đất đã phê duyệt (lần cuối)																
					Giữ lại tiếp tục sử dụng		Thu hồi		Điều chuyển		Bán TS trên đất, chuyển nhượng QSD đất		Chuyển mục đích sử dụng		Chuyển giao về địa phương		Tạm giữ lại tiếp tục sử dụng		Phương án xử lý khác		
					Đất (m ²)	Nhà (m ²)	Đất (m ²)	Nhà (m ²)	Đất (m ²)	Nhà (m ²)	Đất (m ²)	Nhà (m ²)	Đất (m ²)	Nhà (m ²)	Đất (m ²)	Nhà (m ²)	Đất (m ²)	Nhà (m ²)	Đất (m ²)	Nhà (m ²)	
39	Hội Chữ thập đỏ HN	1	183	963	183	963															
40	Hội Đồng Y HN	1	198	242	198	242															
41	Hội LHVN Hà Nội	3	10.755	3.269	9.786	1.956											969	1.313			
42	Hội Liên hiệp VHNT TP HN	2	846	1.421	846	1.421															
43	Hội Luật gia TP HN	2		166		166															
44	Hội Nông dân TP HN	2	2.653	2.449	2.653	2.449															
45	Hội Người mù TP HN	2	300	1.355	300	1.355															
46	Hội Nhà báo TP HN	1	1.520	91	1.520	91															
47	LH các hội KHKT HN	1	189	464	189	464															
48	LH các tổ chức hữu nghị HN	1	62	216	62	216															
49	Liên minh Hợp tác xã Hà Nội	1	1.426	1.230	1.426	1.230															
II	Khởi quản, huyện, thị xã	7.889	20.317.531	6.291.800	20.192.660	6.226.429	31.183	17.570	16.211	9.784	832	348	1.014	412	45.170	16.556	31.460	20.700			
50	Quận Ba Đình	172	285.572	150.789	285.279	150.549				152	149										
51	Quận Bắc Từ Liêm	285	608.569	193.707	605.933	192.405													2.059	1.082	
52	Quận Cầu Giấy	181	287.661	99.796	270.327	97.249															
53	Quận Đống Đa	95	208.195	174.989	208.018	174.571															
54	Quận Hà Đông	336	565.004	358.289	545.352	346.505	19.337	11.734													
55	Quận Hai Bà Trưng	262	192.890	198.067	191.951	196.969															
56	Quận Hoàn Kiếm	201	91.933	108.841	89.296	104.437	1.750	3.131						101	101						
57	Quận Hoàng Mai	225	395.491	71.659	393.399	71.393	2.092	265													
58	Quận Long Biên	249	477.390	228.258	477.390	228.258															
59	Quận Nam Từ Liêm	136	331.730	142.039	321.788	135.853								195					9.747	6.186	
60	Quận Tây Hồ	148	238.155	192.094	220.183	183.446	233	254					832	348			2.902	3.124	14.005	4.922	
61	Quận Thanh Xuân	145	285.718	151.018	285.461	150.249	256	769													
62	Thị xã Sơn Tây	275	535.303	179.984	524.600	178.315	78	69	8.641	957									1.984	644	
63	Huyện Ba Vì	384	1.220.665	233.266	1.220.023	226.548	642	151												6.567	
64	Huyện Chương Mỹ	503	1.413.690	349.691	1.408.775	349.691					3.030									1.886	
65	Huyện Đan Phượng	147	530.089	212.083	530.089	212.083															
66	Huyện Đông Anh	396	1.326.740	207.013	1.326.740	207.013															
67	Huyện Gia Lâm	301	814.687	231.593	814.107	231.224	445	371												135	
68	Huyện Hoài Đức	225	656.318	274.790	656.318	274.790															
69	Huyện Mê Linh	194	804.921	211.450	804.921	211.450															
70	Huyện Mỹ Đức	319	908.200	240.666	891.811	233.369	2.907	306										13.482	6.991		
71	Huyện Phú Xuyên	385	1.014.101	272.541	1.008.109	263.492	3.443	520	2.126	8.451										423	
72	Huyện Phúc Thọ	307	634.646	211.645	634.646	211.645															
73	Huyện Quốc Oai	278	725.665	171.805	725.665	171.805															
74	Huyện Sóc Sơn	315	1.601.416	348.032	1.601.416	348.032															
75	Huyện Thạch Thất	269	779.449	213.420	777.775	212.304														1.674	
76	Huyện Thanh Oai	275	772.311	201.560	763.769	200.299														1.116	
77	Huyện Thanh Trì	194	584.449	210.752	582.947	210.524					1.263	228								8.542	
78	Huyện Thường Tín	354	990.735	220.776	990.735	220.776														1.261	
79	Huyện Ứng Hòa	333	1.035.839	231.187	1.035.839	231.187															
III	Khởi doanh nghiệp	1.550	13.693.950	1.251.517	8.349.662	1.022.506	507.148	18.030	170.140	9.576	17.484	10.329	178.062	35.552	240.427	17.548	149.182	29.670	4.081.844	108.307	
80	TCT Du lịch HN	31	314.245	133.057	286.301	78.113	7.061	5.740							147	133	793	979	19.943	48.092	
81	TCT HANDICO	33	41.693	44.995	24.138	38.535	613	451		1.849	6.205	194	6.766	1.443			3.972	2.523			
82	TCT Thương Mại HN	207	605.024	129.293	549.069	102.415	1.313	1.416	10.887	7.727	1.065	98	7.786	3.935	22.711	6.690	10.968	5.828	1.224	1.184	
83	TCT UDIC	7	38.534	15.730	26.586	9.927															
84	TCT Vận tải HN	40	594.546	76.856	588.404	75.553					229	229			87	174	5.825	900			
85	CT Công viên Cây xanh	4	166.934	4.332	13.307	3.157	153.627	1.175													
86	CT Chiếu sáng và TBĐT HN	7	269.407	29.561	41.009	24.282	227.950	4.959											449	320	
87	CT Điện ảnh Hà Nội	8	9.942	7.438	7.763	5.374	2.179	2.064													
88	CT ĐT&PT NN HN	15	2.701.478	30.543	2.345.261	28.141			159.253				15.596	2.402	181.368						
89	CT MTV Môi trường đô thị Hà Nội	14	967.599	23.777	966.621	22.690												978	1.087		
90	CT Nước sạch Hà Đông	42	44.170	5.532	44.170	5.532															
91	CT Nước sạch Hà Nội	314	573.854	158.194	573.064	157.782	382	57												408	355
92	CT Nhà xuất bản Hà Nội	3	4.279	900	4.279	900															

STT	Cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp	Số lượng	Tổng diện tích đất (m2)	Tổng diện tích nhà (m2)	Phương án sắp xếp lại, xử lý nhà đất đã phê duyệt (lần cuối)																	
					Giữ lại tiếp tục sử dụng		Thu hồi		Điều chuyển		Bán TS trên đất, chuyển nhượng QSD đất		Chuyển mục đích sử dụng		Chuyển giao về địa phương		Tạm giữ lại tiếp tục sử dụng		Phương án xử lý khác			
					Đất (m2)	Nhà (m2)	Đất (m2)	Nhà (m2)	Đất (m2)	Nhà (m2)	Đất (m2)	Nhà (m2)	Đất (m2)	Nhà (m2)	Đất (m2)	Nhà (m2)	Đất (m2)	Nhà (m2)	Đất (m2)	Nhà (m2)		
93	CT QLPT Nhà HN	525	102.813	97.305	60.911	74.659	821	1.975				6.728	7.650	19	28			2.631	1.908	31.702	11.086	
94	CT TNHH MTV Đầu tư thương mại và dịch vụ quốc tế	3	34.285	70.871	13.422	23.842														20.863	47.029	
95	CT Thoát nước Hà Nội	12	174.855	33.733	174.472	33.597												383	136			
96	CT Thủy lợi Hà Nội	11	27.123	5.395	26.853	5.395												270				
97	CT Thủy lợi Sông Đáy	139	4.349.925	40.725	323.474	40.595	52.452													3.974.000	130	
98	CT Thủy lợi Sông Nhuệ	7	62.402	3.200	56.052	1.941														1.004	1.004	
99	CT Vườn thú Hà Nội	2	221.008	1.226	192.641	1.050																
100	CT XNK&ĐT XDPT HN	9	114.267	969	111.727	906					303	63			2.012							
101	CT Xổ số KTTD	7	7.154	15.155	7.011	15.100					143	56										
102	CTCP 18-4	3	8.806	8.000	8.806	8.000																
103	CTCP 19-12 Hà Nội	1	7.107	3.416										7.107	3.416							
104	CTCP 27/7 HN	3	52.079	31.822	52.079	31.822																
105	CTCP Công trình giao thông Hà Nội	2	9.002	7.372	9.002	7.372																
106	CTCP Cơ điện công trình	3	159.572	3.065	149.566	921								9.725	1.020					281	1.124	
107	CTCP Đất 19/5	1	38.163	21.210	38.163	21.210																
108	CTCP Địa chính Hà Nội	2	3.314	264	3.314	264																
109	CTCP Đồng Xuân	2	14.606	30.840	14.606	30.840																
110	CTCP Giấy Thủy Khuê	4	43.034	32.267	40.362	30.405					2.672	1.862										
111	CTCP Giấy Thương Đình	4	73.722	42.403	73.058	42.101														664	302	
112	CTCP Giống Gia súc	9	972.718	46.812	879.982	30.097								65.407	6.210	27.329	10.505					
113	CTCP Hanel	7	256.110	6.211	245.662	6.211								10.448								
114	CTCP Hồ Tây	4	75.321	1.826	3.317	1.826														72.005		
115	CTCP Kinh doanh và Đầu tư Việt Hà	8	27.417	7.978	6.169	4.746	195	194						21.054	3.038							
116	CTCP Mai Động	2	70.438	24.706	36.284	10.646								34.154	14.060							
117	CTCP Môi trường đô thị Đông Anh	1	24.661	1.236	24.661	1.236																
118	CTCP Môi trường đô thị Gia Lâm	7	117.243	9.242	117.196	9.195										47	47					
119	CTCP Môi trường đô thị Sóc Sơn	3	23.504	2.066	11.504	1.306														12.000	760	
120	CTCP Nội thất Xuân Hoà	3	24.581	7.553	243	1.007														24.337	6.546	
121	CTCP Nghe nhìn Hà Nội	4	1.017	435	872	291														144	144	
122	CTCP Sách Hà Nội	14	14.743	8.236	12.302	7.753										1.997				306	306	
123	CTCP Thống Nhất	9	53.894	23.262	53.894	23.262																
124	CTCP Vật tư kỹ thuật nông nghiệp Hà Tây	14	197.362	2.509	132.075	2.509	60.557									4.730						
B	TRUNG ƯƠNG	1.937	18.201.896	7.784.662	14.583.675	6.814.163	53.124	6.535	31.729	31.200	65.241	102.758	1.089.694	490.134	557.383	56.524	1.821.050	283.349	88.841	60.798	60.798	
I	Khối cơ quan, tổ chức, đơn vị	1.553	15.730.624	6.797.892	12.777.926	6.101.169	13.998	2.317	31.729	31.200	59.613	86.156	497.174	246.556	537.758	51.528	1.812.426	278.967	88.841	60.798	60.798	
1	VPTW Đảng	22	280.228	148.272	272.125	145.585																
2	Văn phòng Chính phủ	13	524.290	149.046	521.217	139.022			3.073	10.025												
3	Văn phòng Quốc hội	7	26.826	80.358	26.826	80.358																
4	Văn phòng Chủ tịch nước	1	23.010	4.892	23.010	4.892																
5	Bộ Công Thương	102	877.793	516.338	542.112	349.122	4.020	1.246	1.155	1.598	307	1.720	258.375	151.808	60.980	5.838	10.845	5.007	1.240	2.067		
6	Bộ GD&ĐT	44	699.097	638.220	688.821	631.489	796	1.071			90	60	4.148	5.350	5.242	250				10.784	1.036	
7	Bộ GTVT	237	3.475.356	770.176	2.169.081	540.041	9.182		1.522	4.040	9.610	6.391	21.612	3.907	87.607	20.010	1.176.743	195.787	46.809	31.247		
8	Bộ KHCN	15	114.622	67.817	114.143	67.574					479	244								1.268	3.910	
9	Bộ KHĐT	8	27.855	68.917	13.993	46.201									261					13.601	22.717	
10	Bộ LĐTB&XH	23	135.973	55.787	125.077	54.153									10.895	1.634				400	2.233	
11	Bộ Ngoại giao	131	268.597	220.796	263.793	211.203			1.313	1.546										3.492	8.047	
12	Bộ NN&PTNT	52	2.073.905	224.379	1.997.599	190.705					2.580	6.466	73.266	25.888	460	1.320					388	175
13	Bộ Nội vụ	22	171.723	191.961	169.097	185.163			2.626	6.798											9.943	
14	Bộ Tài chính	191	346.946	302.070	327.243	291.614			16.238	5.372	1.886	3.829			1.579	1.255						

STT	Cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp	Số lượng	Tổng diện tích đất (m2)	Tổng diện tích nhà (m2)	Phương án sắp xếp lại, xử lý nhà đất đã phê duyệt (lần cuối)															
					Giữ lại tiếp tục sử dụng		Thu hồi		Điều chuyển		Bán TS trên đất, chuyển nhượng QSD đất		Chuyển mục đích sử dụng		Chuyển giao về địa phương		Tạm giữ lại tiếp tục sử dụng		Phương án xử lý khác	
					Đất (m2)	Nhà (m2)	Đất (m2)	Nhà (m2)	Đất (m2)	Nhà (m2)	Đất (m2)	Nhà (m2)	Đất (m2)	Nhà (m2)	Đất (m2)	Nhà (m2)	Đất (m2)	Nhà (m2)	Đất (m2)	Nhà (m2)
15	Bộ TNMT	33	158.914	75.893	102.402	55.432					5.657	14.206			50.855	6.256				
16	Bộ TTTT	14	40.965	52.041	40.965	52.041														
17	Bộ Tư pháp	34	52.931	81.283	52.931	81.283														
18	Bộ VHTTDL	65	1.416.189	320.571	747.553	319.172									129.061	247	539.575	1.152	4.251	7.972
19	Bộ Xây dựng	62	1.169.572	482.523	925.752	424.960							61.158	54.405	164.563	938	18.099	2.220	6.266	
20	Bộ Y tế	76	1.076.614	909.252	1.046.748	867.206					11.600	12.749	6.162	2.983	2.596	1.290	9.508	25.025		
21	Thanh tra Chính phủ	7	34.668	34.179	24.520	27.234			3.176	718	6.972	6.227								
22	Kiểm toán Nhà nước	3	8.144	47.011	8.144	47.011														
23	Tòa án nhân dân tối cao	35	71.290	52.212	64.048	41.966					7.008	9.621			234	624				
24	Viện KSND tối cao	37	62.874	44.346	53.132	28.266			1.308	848	4.995	14.597			3.440	634				
25	Trung ương Đoàn TNCS HCM	22	84.956	73.754	81.803	73.569									3.153	185			1.347	956
26	Đại học Quốc gia	2	107.216	118.147	104.299	114.145									2.917	4.002				
27	Đài Tiếng nói Việt Nam	16	1.382.298	51.333	1.307.813	50.864							71.280		2.200		1.005	469		
28	Đài Truyền hình Việt Nam	7	78.576	149.096	78.576	149.096														
29	Hội Cựu chiến binh VN	2	28.646	15.156	28.646	15.156														
30	Hội Lâm vườn VN	1	1.400			1.400														
31	Hội Liên hiệp Phụ nữ VN	7	36.450	36.026	36.450	36.026														
32	Hội Nhà văn VN	3	4.439	10.972	4.439	10.972														
33	Hội Nông dân VN	3	10.277	24.282	10.277	24.282														
34	Hội Văn nghệ dân gian VN	3		770		526										243				
35	LH các hội KHKT VN	2	1.334	2.059	185	185											1.149	1.875		
36	LH các hội Văn học nghệ thuật VN	2	2.860	6.806	2.860	6.806														
37	LH các tổ chức hữu nghị VN	2	2.454	5.495	2.454	5.495														
38	Liên minh HTX VN	8	93.639	62.611	93.195	61.922									444	689			239	360
39	Ngân hàng nhà nước VN	144	331.692	350.349	294.458	333.704			85	255			1.173	2.216			35.975	14.175	3.377	7.098
40	Phòng Thương mại Công nghiệp VN (BVCC)	2	5.616	14.382	5.616	14.382														
41	Thông tấn xã VN	12	20.759	35.906	20.526	35.656									233	250				
42	Trung ương Hội Chữ thập đỏ VN	3	5.638	11.643	5.638	11.643														
43	Ủy ban Dân tộc	2	7.652	6.711	7.652	6.711														
44	Viện Hàn lâm KHCN Việt Nam	22	285.984	180.619	281.488	177.114									4.496	3.505				
45	Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam	17	73.680	75.834	63.145	63.623			1.234		6.867	9.718					2.435	2.493	754	731
46	BHXH VN	37	26.674	27.600	26.674	27.600					5.628	16.603	592.520	243.578	19.625	4.996	8.624	4.382		
II	Khối doanh nghiệp	384	2.471.272	986.770	1.805.749	712.994	39.126	4.218												
1	UB QLVN tại doanh nghiệp	96	757.136	183.903	509.764	128.641	17.936				3.716	3.708	218.176	48.401			7.545	3.154		
2	Tập đoàn BCVT	102	271.136	181.283	259.803	181.283									11.333					
3	Tập đoàn Dầu khí VN	11	34.445	82.726	33.040	70.136					1.405	12.590								
4	Tập đoàn Dệt may Việt Nam	23	457.015	258.310	73.648	62.725	13.495	103			507	305	369.222	195.177	142					
5	Tập đoàn Điện lực Việt Nam	129	771.849	212.900	764.889	209.196							5.121		760	2.476	1.079	1.228		
6	Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	14	155.551	46.851	145.289	42.736	7.695	4.115							2.567					
7	Tập đoàn Than - Khoáng sản VN	9	24.139	20.796	19.316	18.276									4.823	2.520				

PHỤ LỤC 03: TỔNG HỢP QUỸ ĐẤT ĐAI TỰ NHIÊN CỦA THÀNH PHỐ

Stt	Loại đất	Mã	Tổng diện tích	Cơ cấu so với tổng diện tích	Cơ cấu diện tích theo đối tượng sử dụng									Cơ cấu diện tích theo đối tượng quản lý		
					Hộ gia đình	Tổ chức trong nước (TCC)				Tổ chức nước ngoài (MNG)		Người VN định cư ở nước ngoài (CNN)	Cộng đồng dân cư và cơ sở tôn giáo (CDS)	UBND cấp xã (UBQ)	Tổ chức phát triển quỹ đất (TPQ)	Cộng đồng dân cư và Tổ chức khác (CTKQ)
						Tổ chức kinh tế (TXT)	Cơ quan, đơn vị QLNN (TCN)	Tổ chức sự nghiệp công lập (TSN)	Tổ chức khác (TKH)	Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (TVN)	Tổ chức ngoại giao (TNG)					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
	Tổng diện tích đất (=I+II+III)		335.984	100%	204.799	15.930	30.454	19.030	47	317	44		1.609	37.029	170	26.555
I	Đất nông nghiệp	NNP	197.793	58,87%	165.738	1.473	15.783	13.261	3				54	571	9	900
1	Đất sản xuất nông nghiệp	SXN	155.704	46,34%	146.551	567	8.250	178	3				24	373	6	1
1.1	Đất trồng cây hàng năm	CHN	126.329	37,60%	118.939	133	7	155	3				6	289	6	
1.1.1	Đất trồng lúa	LUA	100.566	29,93%	96.532	29	4.073						4	88		
1.1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	25.763	7,67%	22.457	104	2.934	155	3				2	201	6	
1.2	Đất trồng cây lâu năm	CLN	29.375	8,74%	27.562	435	1.243	22					18	84		1
2	Đất lâm nghiệp	LNP	20.332	6,05%	4.857	587	991	12.983					5	11		900
2.1	Đất rừng sản xuất	RSX	6.087	1,81%	4.857	289	480	442					5	11		4
2.2	Đất rừng phòng hộ	RPH	3.950	1,18%		258	511	3.138								4
2.3	Đất rừng đặc dụng	RDD	10.295	3,06%				9.403								892
3	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	15.010	4,47%	8.881	59	5.886	21					26	178		
4	Đất làm muối	LMU		0,00%												
5	Đất nông nghiệp khác	NKH	6.746	2,01%	5-760	260	636	79						8		
II	Đất phi nông nghiệp	PNN	135.674	40,38%	39.033	14.418	14.666	5.731	44	317	44		1.554	34.209	14	25.645
1	Đất ở	OCT	39.849	11,86%	38.463	1.176	7	36		53			1	9	7	
1.1	Đất ở tại nông thôn	ONT	28.682	8,54%	28.486	128							1	3	-	
1.2	Đất ở tại đô thị	ODT	11.167	3,32%	9.977	1.048	7	36		53				6	7	
2	Đất chuyên dùng	CĐG	68.230	20,31%	411	12.278	11.251	5.622	42	263	44		24	28.943	2	8.979
2.1	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	626	0,19%			590	29						-	-	2
2.2	Đất quốc phòng	CQP	7.289	2,17%			7.278	1								-
2.3	Đất an ninh	CAN	498	0,15%			486	1								
2.4	Đất xây dựng công trình sự nghiệp	DSN	7.925	2,36%	2	1.220	1.244	5.260	8	30	41			29		46
2.5	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSX	10.033	2,99%	377	9.354	15	1		182				1	1	-
2.6	Đất có mục đích công cộng	ccc	41.859	12,46%	33	1.704	1.637	331	34	52			24	28.912	1	8.931
3	Đất cơ sở tôn giáo	TON	804	0,24%									803	1		
4	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	718	0,21%									715			-
5	Đất nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	3.368	1,00%			3.319							46		-

Stt	Loại đất	Mã	Tổng diện tích	Cơ cấu so với tổng diện tích	Cơ cấu diện tích theo đối tượng sử dụng									Cơ cấu diện tích theo đối tượng quản lý		
					Hệ gia đình	Tổ chức trong nước (TCC)				Tổ chức nước ngoài (MNG)		Người VN định cư ở nước ngoài (CNN)	Cộng đồng dân cư và cơ sở tôn giáo (CDS)	UBND cấp xã (UBQ)	Tổ chức phát triển quỹ đất (TPQ)	Cộng đồng dân cư và Tổ chức khác (CTKQ)
						Tổ chức kinh tế (TXT)	Cơ quan, đơn vị QLNN (TCN)	Tổ chức sự nghiệp công lập (TSN)	Tổ chức khác (TKH)	Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (TVN)	Tổ chức ngoại giao (TNG)					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
6	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	15.034	4,47%										331		14.705
7	Đất mặt nước chuyên dùng	MNC	7.380	2,20%	22	594	1	35		1				4.866		1.843
8	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	290	0,09%	63	137	46		14					26	5	
III	Đất chưa sử dụng	CSD	2.517	0,75%	28	39	5	38						2.250	146	10
1	Đất bằng chưa sử dụng	8CS	2.197	0,65%	28	39	5	33						2.034	146	10
2	Đất đồi núi chưa sử dụng	DCS	56	0,02%										56		
3	Núi đá không có rừng cây	HCS	264	0,08%				5						259		

PHỤ LỤC 03A: TỔNG HỢP QUỸ ĐẤT CÔNG ÍCH 5% CỦA XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN

Đơn vị tính: ha

Stt	Tên đơn vị hành chính trực thuộc	Tổng diện tích quỹ đất nông nghiệp công ích	Diện tích đất nông nghiệp công ích đang sử dụng vào mục đích nông nghiệp tổng hợp theo các tiêu chí																					Đất công ích chưa đưa vào sử dụng	Diện tích đất công ích đã đăng ký vào sổ ĐC của VPĐK	
			Tổng số	Mức độ tập trung, phân tán			Mục đích sử dụng				Đối tượng sử dụng		Hình thức sử dụng		Diện tích chia theo thời gian sử dụng				Diện tích có hồ sơ quản lý hiện có							
				Tập trung	Thừa riêng	Chung với đất giao của hộ	Trồng cây hàng năm	Trồng cây lâu năm	Nuôi trồng thủy sản	Đất nông nghiệp p còn lại	Hộ gia đình	Tổ chức	Cho thuê	Cho mượn	Không xác định	Hàng năm	5 năm	Trên 5 năm	Hợp đồng	Bản đồ, sơ đồ	Có sổ theo dõi	Thuê qua đầu giá	Có QĐ giao đất			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	
1	Huyện Ba Vì	496	435	417			242	58	135				375		0	187	239	9	434						61	30
2	Huyện Chương Mỹ	1.518	1.081	403	593		396	116	514	55	240		626	183	409	332	243	96	474		352	49	31	437	64	
3	Huyện Đan Phượng	319	310	53	250		173	62	63	15			139		3	31	227	49	201	45	203	45	60	10	30	
4	Huyện Đông Anh	493	466	399	23		192	52	66	157	57		294		83	66	300	17	336			3		26		
5	Huyện Gia Lâm	726	549		549		202	139	176	33	527	22	548	1	3	295	196	55	548	64	540	73		177		
6	Huyện Hoài Đức	217	204	160	45		92	60	45	7	25		111	13	63	84	51	6	114		72			13		
7	Huyện Mê Linh																									
8	Huyện Mỹ Đức	1.924	1.846	360	910	45	672	57	950	167	182	1	652	177	877	36	640	292	653		752		23	78		
9	Huyện Phú Xuyên	1.670	1.633	597	164	872	609	18	857	149	1.579	1	720	610	867	123	595	49	640	1	395	118		37		
10	Huyện Phúc Thọ	510	395	344	11	5	158	42	195				285			81	230	85	141	1	244			114		
11	Huyện Quốc Oai	549	277	5	260		108	43	125		92		265		2	146	127	1	197				11	273		
12	Huyện Sóc Sơn	711	158	75	73		81	21	45	15	44		57	21	45	40	73		53		149			553		
13	Huyện Thạch Thất																									
14	Huyện Thanh Oai	345	196	90	73	33	91	3	76	27	196		196			55	141		145	16	55	2		149		
15	Huyện Thanh Trì	110	74	67	8		5	7	58	4	74		74		9	0	65		62	7	3	24		36		
16	Huyện Thường Tín	733	683	313	361	9	187	45	370	82	208	1	606	21	149	64	470		494		25			50		
17	Huyện Ứng Hòa	1.553	1.469	172	824	473	668	31	723	47	105		680	644	778	300	347	43	111		801			85		
18	Quận Ba Đình																									
19	Quận Bắc Từ Liêm	63	17	1		7	6	9		1	16		8		17					11	5			46		
20	Quận Cầu Giấy																									
21	Quận Đống Đa																									
22	Quận Hà Đông	100	57		57		37	3	17				57			35	22		5			40		44		
23	Quận Hai Bà Trưng																									
24	Quận Hoàn Kiếm																									
25	Quận Hoàng Mai	65	49	49	0		13	10	27		0		29		3	17	29							15		
26	Quận Long Biên																									
27	Quận Nam Từ Liêm																									
28	Quận Tây Hồ																									
29	Quận Thanh Xuân																									
30	Thị xã Sơn Tây																									

PHỤ LỤC 03B : QUỸ ĐẤT 20-25% DO TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT HÀ NỘI TIẾP NHẬN, QUẢN LÝ

Stt	Tên dự án - Địa chỉ dự án	Chủ đầu tư	Quỹ đất 20%		Chức năng quy hoạch	Hiện trạng	Ghi chú
			Ký hiệu ô đất	Diện tích m ²			
	TỔNG CỘNG			388.905			
I	QUỸ ĐẤT ĐÃ TIẾP NHẬN			178.652			
1	Khu đô thị mới Sài Đồng Phường Sài Đồng, phường Việt Hưng, phường Gia	Công ty cổ phần Xây dựng số 3	N010B N011B NO6	4.100 2.900 182	xây dựng nhà ở xây dựng nhà ở xây dựng nhà ở	Đã GPMB, xây dựng hạ tầng. Đã bàn giao về TTPT quỹ đất HN	Quyết định số 5568/QĐ-UB ngày 05/8/2005 (điều chỉnh tại Quyết định số 2978/QĐ-UBND ngày
2	Khu nhà ở và công trình công cộng Cổ Nhuế - Resco Phường Cổ Nhuế 2, Nam Từ Liêm	Công ty TNHH MTV Kinh doanh dịch vụ nhà HN	TT3	2.355	xây dựng nhà ở	Đã GPMB, xây dựng hạ tầng.	Quyết định số 5678/QĐ-UBND ngày 27/10/2015 của UBND Thành phố thu hồi, giao cho TT PT quỹ đất HN quản lý.
3	Khu nhà ở 154 Cầu Diễn Phường Phú Diễn, quận Bắc Từ Liêm	Công ty CPĐT&XD Việt Hà		424	xây dựng nhà ở	Đất trống	Quyết định số 1826/QĐ-UBND ngày 21/3/2017 của UBND Thành phố thu hồi, giao cho TT PT quỹ đất HN quản lý.
4	Khu nhà ở Xuân Đình - phường Xuân Đình, Bắc Từ Liêm	CTCP thi công cơ giới xây lắp		1.941	Xây dựng nhà ở cao tầng, 12 tầng, mật độ 33,27%	Trên đất còn một số công trình, nhà tồn tại từ trước đây	Quyết định số 2773/QĐ-UBND ngày 26/6/2020 của UBND Thành phố thu hồi, giao cho TT PT quỹ đất HN quản lý.
5	Khu nhà ở và khu phụ trợ công nghiệp thực phẩm Hapro, Xã Kim Sơn và Lê Chi huyện Gia Lâm	TCT Thương mại HN - CTCP	NOC1 NOC2 TDOTC1 TDOTC2	8.258 7.259 7.218 9.375	nhà ở cao tầng (5 tầng), mật độ toàn ô đất 40% nhà ở cao tầng (5 tầng), mật độ toàn ô đất 38% Xây dựng nhà ở cao tầng phục vụ tái định cư và nhà ở xã hội (03 tầng), mật độ 50%	Đất trống	Quyết định số 733/QĐ-UBND ngày 09/2/2018 của UBND Thành phố thu hồi, giao cho TT PT quỹ đất HN quản lý.
6	Khu nhà ở để bán, xã Quang Minh, huyện Mê Linh	TCT XNK Xây dựng VN (Vinaconex)	4.1.2	5.611	Xây dựng nhà ở, mật độ xây dựng 56%, chiều cao 03 tầng	Đất trống	Quyết định số 2884/QĐ-UBND ngày 16/6/2018 của UBND Thành phố thu hồi, giao cho TT PT quỹ đất HN quản lý.
7	Khu nhà ở Sơn Lộc, Sơn Tây	CTCP Puzolan Sơn Tây	A7	429	Xây dựng Bãi đỗ xe	Đất trống	Quyết định số 2657/QĐ-UBND ngày 31/5/2018 của UBND Thành phố thu hồi, giao cho TT PT quỹ đất HN quản lý.
8	KĐT Đông Nam đường Trần Duy Hưng, Phường Trung Hòa, Cầu Giấy	Liên danh: CTCP Xây dựng Công nghiệp và CTCP Tư vấn Kiến trúc đô thị HN	CQ	28.800	xây dựng trụ sở cơ quan	Đất trống	Đã lập hồ sơ thu hồi đất
9	Các ô đất E3, E4, E5, E6, E7 Khu vực bố trí trụ sở các TCT tại KĐT mới Cầu Giấy, quận Cầu Giấy	TCT phát triển nhà HN	23-E3 E4 E5 9-E6 DX E7(04,05_06,07) 11-E6	9.563 17.200 16.000 8.186 1.000 23.269 7.475	Đất TMDV	Đất trống	Đã lập hồ sơ thu hồi đất
10	Khu tái định cư Đông Hội, xã Đông Hội, Đông Anh	BQLDA ĐTXD công trình giao thông TPHN	5-A CC II-2 CCKV	6.722 10.385	Đất công cộng Đất công cộng	Đất trống Đất trống	Quyết định số 2051/QĐ-UBND ngày 26/4/2018 của UBND Thành phố giao TT PTQĐ HN quản lý
II	QUỸ ĐẤT ĐANG TIẾP NHẬN (ĐÃ CÓ QUYẾT ĐỊNH THU HỒI)			77.051			
1	Khu nhà ở Mai Lâm, xã Mai Lâm, Đông Anh	CTCP Tập đoàn đầu tư Ba Đình	NCC-2	994	Xây dựng nhà chung cư	Đã GPMB, chưa xây dựng hạ tầng. Hiện trạng đất trống đã san nền	Quyết định số 2220/QĐ-UBND ngày 11/5/2018 của UBND Thành phố thu hồi, giao cho TT PT quỹ đất HN quản lý.
2	KĐT mới Xuân phương Tesco, phường Xuân Phương, Nam Từ Liêm	CTCP Tesco	BT6 BT11 CC2-1	4.510 2.380 937	xây dựng nhà ở xây dựng nhà ở xây dựng công trình công cộng	Đã GPMB đã đầu tư hạ tầng kỹ thuật. Hiện trạng là đất trống Đã GPMB và HTKT, một phần diện tích nằm trong hành lang lưới điện 110kV. Hiện trạng là đất trống	Quyết định số 6364/QĐ-UBND ngày 21/11/2018 của UBND Thành phố thu hồi, giao cho TT PT quỹ đất HN quản lý.
3	KĐT Nam đường Vành 3, phường Đại Kim, quận Hoàng Mai và xã Thanh Liệt, huyện Thanh Trì	CTCP Bitexco	Ô đất số 13 Ô đất số 8 1-CC 12-CC	9.562 29.835 2.163 4.478	Nhà ở cao tầng Nhà ở cao tầng Xây dựng công trình công cộng đơn vị ở Xây dựng công trình công cộng đơn vị ở	Đã GPMB, xây dựng HTKT Đã GPMB, xây dựng HTKT Đã GPMB, xây dựng HTKT	Quyết định số 6829/QĐ-UBND ngày 28/11/2019 của UBND Thành phố thu hồi, giao cho TT PT quỹ đất HN quản lý.
4	Khu văn phòng và nhà ở Phú Diễn, phường Phú Diễn, quận Bắc Từ Liêm	CTCP Phát triển ĐTXD Việt Nam	Ô đất số 5	500	Nhà ở thấp tầng	Đã GPMB. Đã xây dựng đường nội bộ, hệ thống thoát nước. Hiện đang là đất trống	Quyết định số 7306/QĐ-UBND ngày 23/10/2017 của UBND Thành phố, trong đó bàn giao quỹ đất 25% cho TTPTQH HN quản lý

Stt	Tên dự án - Địa chỉ dự án	Chủ đầu tư	Quy đất 20%		Chức năng quy hoạch	Hiện trạng	Ghi chú
			Ký hiệu ở đất	Diện tích m2			
			Ô đất số 4	441	Nhà ở thấp tầng		
5	Khu nhà ở cán bộ, công nhân viên các ban trực thuộc Trung ương Đảng, phường Sài Đồng, Long Biên	BQL DA ĐTXD của Đảng ở Trung ương - Văn phòng Trung ương Đảng	Thừa H	375	Đất dịch vụ công cộng	Hiện trạng mặt bằng trên thửa đất H,K vẫn còn nhà khung thép chưa được tháo dỡ khỏi các thửa đất trên để tạo mặt bằng sạch	Quyết định số 26/11/2018 của UBND Thành phố, trong đó bàn giao cho TTPTQĐ HN quản lý
			Thừa K	1.011			
6	KĐT Nam Trung Yên, quận Cầu Giấy và Nam Từ Liêm	BQLDA ĐTXD CT VHXH TPHN	A3/NO*	2.586	Xây dựng nhà ở thấp tầng	Đã GPMB, xây dựng HTKT. Hiện trạng có công trình sử dụng làm cơ sở kinh doanh	Quyết định số 3744/QĐ-UBND ngày 28/7/2021 của UBND Thành phố giao cho TT PTQĐ HN quản lý
			A4/NO	6.362	Xây dựng nhà ở thấp tầng		
			A5/NO2	2.069	Xây dựng nhà ở thấp tầng		
7	Khu dân cư tái định cư X2 Đại Kim, phường Đại Kim, Hoàng Mai	Sở Xây dựng	TT3	8.849	Xây dựng nhà ở thấp tầng	Đã GPMB, xây dựng HTKT. Hiện trạng là đất trống	Quyết định số 3739/QĐ-UBND ngày 28/7/2021 của UBND Thành phố giao cho TT PTQĐ HN quản lý
III	QUỸ ĐẤT CHƯA TIẾP NHẬN (CHƯA HOÀN THÀNH GPMB)			133.201			
1	KĐT mới Cầu Bươu, xã Tân Triều, xã Thanh Liệt, xã Tả Thanh Oai, Thanh Trì	CTCP Kinh doanh phát triển nhà và đô thị HN	NC3	4.382	Xây dựng nhà ở cao tầng	Đã GPMB nhưng bị tái lấn chiếm khoảng 0,1ha (các hộ dân đã xây dựng nhà kiến cổ từ 2 đến 3 tầng). Hạ tầng kỹ thuật ô đất đã xây dựng được 01 phần	
			NC4	3.778	Xây dựng nhà ở cao tầng	Hiện trạng chưa GPMB trên đất các hộ dân đã xây dựng nhà kiến cổ từ 3 đến 5 tầng	
			NC5	4.287	Xây dựng nhà ở cao tầng		
2	Khu du lịch sinh thái Đông Anh xã Nam Hồng, Văn Nội, Đông Anh	CTĐT&PT công nghệ Mefrimex	CT2	4.210	Xây dựng chung cư cao tầng	Đã GPMB được 3.963,7 m2 còn khoảng 246,3 m2 đất chưa GPMB. Hạ tầng đã san lấp mặt bằng	Phải bàn giao về TTPTQĐ HN
3	Khu nhà ở Cầu Diễn mở rộng HACID, phường Phú Diễn, quận Bắc Từ Liêm	CT Thiết kế xây dựng nhà	CT1	2.515	xây dựng nhà chung cư cao tầng	Hiện trạng đang GPMB, còn khoảng 800 m2 đất chưa GPMB, trong đó có 165 m2 đất là đường dân sinh đang sử dụng, 400 m2 đất (phía bắc đường dân sinh) trên đất có nhà ở, công trình, phần còn lại là đất nông nghiệp	
4	Khu nhà ở ngõ 5 Láng Hạ, phường Thành Công	CTCP Đầu tư dự án phát triển đô thị		172	Xây dựng nhà ở	Dự án chưa triển khai thực hiện đầu tư	Dự án chưa triển khai thực hiện đầu tư
5	KĐT mới Thịnh Liệt, phường Thịnh Liệt, Hoàng Mai	TCT Licogi - CTCP	CT6	12.647	Nhà ở XH cao tầng (tầng 1-3 dịch vụ, thương mại)	Đang GPMB	Phải bàn giao về Thành phố theo QĐ số 3549/QĐ-UBND ngày 17/9/2007 của UBND Thành phố
6	Dự án KĐT Mai Trai - Nghĩa Phú, phường Trung Hưng, Quang Trung, Sơn Lộc thị xã Sơn Tây	TCT ĐTPT nhà và đô thị	TĐC-DV01	1.783	Xây dựng nhà ở	Đã GPMB khoảng 95%. Một số ô đất đã GPMB bị tái lấn chiếm	Phải bàn giao về Thành phố theo QĐ số 568/QĐ-UBND ngày 31/01/2012 của UBND Thành phố
			TĐC-DV02	1.762			
			TĐC-DV03	2.226			
			TĐC-DV04	1.446			
			TĐC-DV06	669			
			TĐC-DV07	1.256			
			TĐC-DV08	1.671			
			TĐC-DV05	1.207			
			TĐC-DV11	1.071			
			TĐC-DV09	1.359			
			TĐC-DV10	3.053			
			TĐC-DV12	2.720			
			TĐC-DV13	950			
7	Khu nhà ở để bán Quang Minh - Vinhomes 2, thị trấn	Đầu tư xây dựng nhà ở	3.2-1 đến 3.2-8 và 3.2-13 đến 3.2-20	5.178	Xây dựng nhà ở	Hiện trạng đang GPMB, đang xây	Phải bàn giao về TTPTQĐ HN
			từ 5.5-1 đến 5.5-8	1.503			
			từ 5.1-1 đến 5.1-5 và 5.1-12 đến 5.1-16	1.889			

Stt	Tên dự án - Địa chỉ dự án	Chủ đầu tư	Quy đất 20%		Chức năng quy hoạch	Hiện trạng	Ghi chú
			Ký hiệu ô đất	Diện tích m2			
	Quang Minh, Mê Linh		từ 5.3-1 đến 5.3-5	653		dùng hạ tầng	
			từ 5.4-1 đến 5.4-5 và 5.4-13 đến 5.4-17	3.468			
			từ 8.2-1 đến 8.2-5 và 8.2-13 đến 8.2-17	3.468			
8	Khu trung tâm KĐT Tây Hồ Tây, quận Tây Hồ, Cầu Giấy, Bắc Từ Liêm	CT TNHH Phát triển đô thị THT	C2TT1	14.523	Nhà ở thấp tầng	Đã GPMB, xây dựng HTKT	Chưa bàn giao
			C2TT2	12.707	Nhà ở thấp tầng	Đang GPMB	Chưa bàn giao
			K4TT1	36.650	Nhà ở thấp tầng	Đang GPMB	Chưa bàn giao

PHỤ LỤC 03C: QUỸ ĐẤT DỰ KIẾN ĐỐI ỨNG CHO CÁC DỰ ÁN BT NAY KHÔNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN TRIỂN KHAI THEO QUY ĐỊNH TẠI ĐIỀU 101 LUẬT ĐẦU TƯ THEO PHƯƠNG THỨC ĐỐI TÁC CÔNG TƯ

Stt	Tên công trình/dự án	Vị trí quỹ đất thanh toán	Diện tích quỹ đất thanh toán (ha)	Hiện trạng	Chức năng theo quy hoạch và chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc
TỔNG CỘNG			5.794		
I	DANH MỤC CÁC DỰ ÁN BT ĐÃ XÁC ĐỊNH ĐƯỢC QUỸ ĐẤT DỰ KIẾN ĐỐI ỨNG:		5.794		
1	Đường 70, đoạn từ Nhồn đến Đại lộ Thăng Long - Hà Đông theo hình thức BT - Quy mô: 4,77kmx40m - NĐT đề xuất: Công ty CP Bất động sản Thái An	Địa bàn phường Xuân Phương và phường Tây Mỗ, quận Nam Từ Liêm	70,02	Đất nông nghiệp	UBND Thành phố có Quyết định số 7121/QĐ-UBND Ngày 12/10/2017 phê duyệt điều chỉnh đề xuất Dự án nâng cấp, mở rộng đường 70 đoạn từ Nhồn đến Hà Đông theo hình thức hợp đồng BT do Công ty cổ phần bất động sản Thái An đề xuất. Quỹ đất dự kiến thanh toán cho dự án BT tại ô đất quy hoạch ký hiệu GS3-7 Quy hoạch phân khu đô thị GS và Quy hoạch phân khu S3 có diện tích khoảng 70,02ha thuộc địa bàn phường Xuân Phương và phường Tây Mỗ, quận Nam Từ Liêm (khu đất này bao gồm khu Cụm trường trung học chuyên nghiệp và dạy nghề Tây Mỗ)
2	Vành đai 3,5: Đoạn từ cầu Thượng Cát đến Quốc lộ 32 theo hình thức BT - Quy mô: 3,8kmx60m - NĐT đề xuất: Liên danh: Cty Gia Long - CT XNK Thăng Long	Ô B-1, B-2 PKĐT S1 xã Tân Lập, H.Đan Phượng và phường Thượng Cát, Bắc Từ Liêm	48,00	Đất nông nghiệp, đất nghĩa trang (khoảng 6.000m2)	Quỹ đất dự kiến thanh toán cho dự án Vành đai 3,5 đoạn từ cầu Thượng Cát đến Quốc lộ 32 theo hình thức BT nêu trên là khu đất số thứ tự 27 theo Văn bản số 1716/QHKT-KHHT ngày 28/3/2017 của Sở Quy hoạch - Kiến trúc gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư. Quỹ đất dự kiến thanh toán thuộc xã Tân Lập, huyện Đan Phượng, là một phần của ô quy hoạch ký hiệu B-1, B-3 thuộc Quy hoạch phân khu đô thị S1 tỷ lệ 1/5000 được duyệt tại Quyết định số 741/QĐ-UBND ngày 04/02/2013. Về việc cung cấp thông tin quy hoạch: + Tại một phần ô quy hoạch B-1 gồm các chức năng: trường mầm non, trường tiểu học, công cộng đơn vị ở, cây xanh đơn vị ở và đất nhóm ở, đường giao thông và bãi đỗ xe. + Tại một phần ô quy hoạch B-3 gồm các chức năng: cây xanh đơn vị ở, đất đất nhóm ở, đường giao thông và bãi đỗ xe. Chức năng sử dụng đất: Đất công cộng đơn vị ở: MĐXD:20 - 40%, Tầng cao:3 - 5; Đất cây xanh, TĐTT đơn vị ở; Đất trường mầm non: MĐXD: 14 - 40%, Tầng cao:1 - 2; Đất trường tiểu học: MĐXD:14 - 20%, Tầng cao:1 - 4; Đất ở mới: MĐXD: 30 - 53, Tầng cao:3 - 12; Đất bãi đỗ xe: 1,02ha
3	Vành đai 3,5: Xây dựng nút giao khác mức giữa đường vành đai 3,5 với Đại lộ Thăng Long theo hình thức BT - Quy mô: Cầu vượt và đảo xoay 03 tầng - NĐT đề xuất: Công ty CP Him Lam	Quỹ đất nằm ngoài ô đất sông Hồng (từ cầu Chương Dương đến cầu Thanh Trì) trên địa bàn các phường Long Biên, Cự Khối, Bồ Đề, Thạch Bàn, quận Long Biên và xã Đông Dư, huyện Gia Lâm	320,00	Khu đất ngoài bãi sông; đất nông nghiệp; đất sông, đất bãi bồi, đất ở	Tại Quyết định số 8393/QĐ-UBND ngày 01/12/2017 UBND Thành phố đã phê duyệt đề xuất Dự án đầu tư xây dựng nút giao khác mức giữa đường vành đai 3,5 với Đại lộ Thăng Long theo hình thức hợp đồng BT: - Quỹ đất dự kiến đối ứng là ô đất có ký hiệu H trong Quy hoạch phân khu đô thị N10 tỷ lệ 1/2000 thuộc quận Long Biên, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội; Đồng thời quỹ đất nêu trên cũng là quỹ đất dự kiến đối ứng cho Dự án nút giao thông trung tâm quận Long Biên được UBND Thành phố cho phép Nhà đầu tư nghiên cứu tại Công văn số 1776/UBND-KH&ĐT ngày 07/3/2013. Thực hiện chỉ đạo của UBND Thành phố, Sở Quy hoạch - Kiến trúc đã có văn bản báo cáo UBND Thành phố về việc triển khai lập Quy hoạch tại khu H nêu trên. - Theo Quy hoạch phân khu đô thị N10 được UBND Thành phố phê duyệt tại Quyết định số 6115/QĐ-UBND ngày 21/11/2014, khu vực đề xuất thực hiện dự án đối ứng Khu đô thị Him Lam Hà Nội nằm trên toàn bộ Khu H theo quy hoạch phân khu đô thị N10, được xác định gồm các chức năng sử dụng đất và các chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc chung sau: đất công cộng Thành phố: mật độ xây dựng 20-40%, tầng cao 2-5 tầng, đất cây xanh (Thành phố, khu ở, cây xanh đơn vị ở): mật độ xây dựng 5%, tầng cao 01 tầng; đất công cộng khu ở: mật độ xây dựng 20-40% tầng cao 3-5 tầng, đất công cộng đơn vị ở: mật độ 20-40%, tầng cao 3-4 tầng, đất trường trung học phổ thông 14-35%, tầng cao 2-4 tầng, đất trường tiểu học cấp 1+2: mật độ xây dựng 14-35%, tầng cao 2-3 tầng, đất trường mầm non: mật độ 14-35%, tầng cao 2-3 tầng, đất nhóm nhà ở xây dựng mới: mật độ 14-59%, tầng cao 2-4 tầng, đất nhóm nhà hiện có cải tạo chỉnh trang 14-59%, tầng cao 1-3 tầng, đất cơ quan viện nghiên cứu, trường đào tạo, đất hỗn hợp, đất di tích, tôn giáo, tín ngưỡng, đất công nghiệp, kho tàng, an ninh quốc phòng, đất đầu mối hạ tầng kỹ thuật, đất cây xanh phòng hộ.
4	Đầu tư xây dựng tuyến đường nối từ đường 70B thôn Tự Khoát đến đường liên thôn thuộc thôn Phương Nhị và đường nối từ đường gom phía Tây đường cao tốc Pháp Vân - Cầu Giẽ với Quốc lộ 1A theo hình thức BT - Quy mô: 2.926m x 30-50m - NĐT Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Hòa Bình	Dự án khu đô thị phức hợp nhà ở văn phòng tại xã Liên Ninh, huyện Thanh Trì	24,90	Đất nông nghiệp, đất ở, đất giao thông, đất nghĩa trang	UBND Thành phố đã có Quyết định số 2820/QĐ-UBND ngày 08/6/2018 phê duyệt Quy hoạch chi tiết Khu đô thị tại xã Liên Ninh, tỷ lệ 1/500, trong đó: - Quy mô nghiên cứu khoảng: 30,1ha. + Đất dân dụng 296.381m ² (đất đơn vị ở: 186.379m ² , đất cây xanh khu ở: 32.203m ² , đất giao thông khu ở: 77.799m ² , đất di tích: 4.594m ²). ++ Đất đơn vị ở (diện tích xây dựng: 52.571m ² , mật độ xây dựng: 28,21%, tầng cao: 1-30 tầng, dân số 4.500 người) ++ Đất cây xanh khu ở (kết hợp hồ nước và bãi đỗ xe ngầm): diện tích xây dựng 1.610m ² , mật độ xây dựng 5%, tầng cao 01 tầng. - Quy mô dân số khoảng: 4.500 người.

Stt	Tên công trình/dự án	Vị trí quỹ đất thanh toán	Diện tích quỹ đất thanh toán (ha)	Hiện trạng	Chức năng theo quy hoạch và chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc
5	<p>Xây dựng 03 tuyến đường: Đường Đa Tốn đi đường Hà Nội - Hải Phòng; đường từ khu đô thị Ecopark đi đường 179; đường 179 từ đường Nguyễn Huy Nhuận đến sông Bắc Hưng Hải theo hình thức BT</p> <p>- Quy mô: Tuyến số 1: 2,4km ; tuyến số 2: 2,3km; tuyến số 3: 260m; B=30m</p> <p>- NĐT đề xuất: Công ty CP Phát triển đô thị Việt Hưng</p>	Khu đô thị trung tâm xã Đa Tốn, Gia Lâm (phần khu N11)	74,60	Đất nông nghiệp, đất ao hồ, đất ở	<p>- Tại Công văn số 3471/QHKT-P2 ngày 12/6/2018, Sở QHKT đã báo cáo UBND Thành phố về việc Công ty CP Phát triển đô thị Việt Hưng đề xuất tự bỏ kinh phí lập QHCT Khu đô thị Trung tâm xã Đa Tốn, tại các xã Đông Dư và Đa Tốn, huyện Gia Lâm. Khu đất có quy mô khoảng 95ha; Theo QHPK đô thị N11, khu đất thuộc các ô quy hoạch ký hiệu C.3.1 và C.4.1 - khu vực dự án nằm trong hành lang xanh, được xác định gồm các chức năng: Đất công cộng (đô thị, đơn vị ở), đất hỗn hợp, đất cây xanh TĐTT (khu ở, đơn vị ở), đất trường học (mầm non, TH, THCS), đất nhóm nhà ở (làng xóm hiện có và xây dựng mới), đất mương thoát nước, đất tôn giáo, tín ngưỡng, đất hạ tầng kỹ thuật (đường giao thông, bãi đỗ xe, trạm bơm)</p> <p>- Tại Thông báo kết luận số 554/TB-UBND ngày 05/6/2020 UBND Thành phố đã thống nhất giao UBND huyện Gia Lâm tổ chức lập Quy hoạch chi tiết khu chức năng đô thị đầm Cầu Vưa, tỷ lệ 1/500, huyện Gia Lâm (với quy mô khoảng 95ha); Giao Sở KH&ĐT mời Công ty CP đầu tư phát triển đô thị Việt Hưng hợp, thông báo chủ trương của UBND Thành phố, thống nhất tham mưu UBND Thành phố văn bản chấm dứt hiệu lực các văn bản giao nhiệm vụ cho Công ty CP đầu tư phát triển đô thị Việt Hưng tổ chức lập quy hoạch chi tiết Khu đô thị Trung tâm xã Đa Tốn, huyện Gia Lâm và các văn bản liên quan đến chủ trương thực hiện dự án 03 tuyến đường (Đường Đa Tốn đi đường Hà Nội - Hải Phòng; đường từ khu đô thị Ecopark đi đường 179; đường 179 từ đường Nguyễn Huy Nhuận đến sông Bắc Hưng Hải); Giao Sở KH&ĐT hướng dẫn UBND huyện Gia Lâm trình tự thủ tục thực hiện dự án 03 tuyến đường nêu trên. Khu đất thuộc ô quy hoạch C3.1 và C4.1, phần khu N11</p> <p>- Đất công cộng đô thị: MĐXD tối đa 40%, tầng cao 1-5 tầng. Đất hỗn hợp: MĐXD 20-35%, tầng cao 3 tầng. Đất công cộng đơn vị ở: MĐXD 20-40%, tầng cao 3-5 tầng. Đất cây xanh TĐTT khu ở, đơn vị ở: MĐXD tối đa 5%, tầng cao tối đa 01 tầng. Đất trường TH, THCS: MĐXD 14-35%, tầng cao 1-4 tầng. Đất trường mầm non: MĐXD 14-35%, tầng cao 1-2 tầng. Đất nhóm nhà ở (hiện có và xây dựng mới): MĐXD gộp 20-30%, tầng cao 1-3 tầng. Đất mương thoát nước. Đất tôn giáo, tín ngưỡng. Đất hạ tầng kỹ thuật (đường giao thông, bãi đỗ xe, trạm bơm)</p>
6	<p>Đường trục phát triển kinh tế Miếu Môn - Hương Sơn theo hình thức BT</p> <p>- Quy mô: 25,63kmx27m.</p> <p>- NĐT đề xuất: Liên danh Công ty CP xuất nhập khẩu Hà Nội và Công ty TNHH Đầu tư xây dựng và phát triển hạ tầng (ICID)</p>	Khu du lịch Quan Sơn, xã Mỹ Đức	310,06	Đất nông nghiệp, đất ao hồ	<p>- Ngày 16/01/2018, Sở QHKT đã có Công văn số 325/QHKT-P1 gửi Công ty CP đầu tư phát triển hạ tầng Quang Sơn cung cấp TTQH các dự án có liên quan tới các quỹ đất nghiên cứu bổ sung thanh toán cho dự án.</p> <p>- Ngày 31/7/2018, Sở QHKT đã có Công văn số 4586/QHKT-HTKT gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư về việc rà soát quỹ đất đối ứng dự án đường trục phát triển kinh tế Miếu Môn - Hương Sơn, huyện Mỹ Đức theo hình thức BT. trong đó, Sở QHKT có ý kiến: Quỹ đất dự kiến đối ứng đề xuất tổng cộng khoảng 310,06ha bao gồm 200ha đất sản xuất và dịch vụ thuộc khu du lịch sinh thái tổng hợp hồ Quan Sơn và các khu đất bổ sung trên địa phận huyện Hoài Đức, huyện Thanh Trì và quận Nam Từ Liêm với tổng diện tích khoảng 110,06ha. Tuy nhiên hồ sơ không có sơ đồ vị trí, ranh giới cụ thể của các khu đất, do đó Sở QHKT không đủ cơ sở để rà soát, có ý kiến.</p>
7	<p>Cải tạo, nâng cấp hệ thống trạm bơm tiêu Đông Mỹ theo hình thức BT</p> <p>- Quy mô: Tiêu úng cho 1995 ha, lưu lượng thiết kế trạm 35m³/s</p> <p>- Đơn vị lập đề xuất: BQLDA ĐTXD công trình Nông nghiệp và PTNT Thành phố</p>	<p>- Khu đất 14ha tại ô B3-3 phân khu đô thị S5 xã Tứ Hiệp, Ngũ Hiệp huyện Thanh Trì;</p> <p>- Khu đất 9ha thuộc xã Thanh Liệt, huyện Thanh Trì là trại giống thủy sản do Trung tâm khuyến nông Hà Nội và Chi cục Thủy sản Hà Nội thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý</p>	23,00	<p>- Đất nông nghiệp (khu đất 14ha tại ô B3-3 phân khu đô thị S5 xã Tứ Hiệp, Ngũ Hiệp huyện Thanh Trì);</p> <p>- Trại giống thủy sản (khu đất 9ha tại xã Thanh Liệt, huyện Thanh Trì)</p>	<p>- Tại Thông báo kết luận số 829/TB-UBND ngày 28/8/2018 của UBND Thành phố chỉ đạo giao Viện Quy hoạch xây dựng Hà Nội thực hiện việc lập, trình duyệt quy hoạch chi tiết; kinh phí thực hiện do Công ty CP Đầu tư và xây dựng Xuân Mai tự nguyện tài trợ.</p> <p>- Sở QHKT đã có Công văn số 3004/QHKT-P2 ngày 11/6/2019 và số 5079/QHKT-P2 ngày 11/9/2019 gửi Viện QHXD Hà Nội hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ Nhiệm vụ QHCT Khu đô thị Tứ Hiệp-Ngũ Hiệp, huyện Thanh Trì.</p> <p>- Sở QHKT đã có Tờ trình số 3570/TT-QHKT ngày 04/7/2019 báo cáo UBND Thành phố xem xét phê duyệt Nhiệm vụ QHCT Khu nhà ở thấp tầng tại xã Thanh Liệt và xã Tân Triều. Chức năng sử dụng đất: Đất hỗn hợp, Đất cây xanh đơn vị ở, Đất công cộng đơn vị ở, Đất trường mầm non, Đất trường tiểu học, Đất ở sinh thái và đất đường giao thông, bãi đỗ xe và hạ tầng kỹ thuật khác. Quy mô khu đất nghiên cứu quy hoạch có diện tích khoảng 12,26ha, Quy mô dân số 850 người. Mật độ xây dựng: Đất hỗn hợp: ≤ 30%; Đất cây xanh đơn vị ở: ≤ 5%; Đất công cộng đơn vị ở: ≤ 40%; Đất trường mầm non: ≤ 40%; Đất trường tiểu học: ≤ 40%; Đất ở sinh thái: ≤ 30%; (Tuy nhiên, hiện nay đang vướng mắc về tài trợ)</p>

Stt	Tên công trình/dự án	Vị trí quỹ đất thanh toán	Diện tích quỹ đất thanh toán (ha)	Hiện trạng	Chức năng theo quy hoạch và chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc
8	<p>Xây dựng hệ thống thu gom nước thải lưu vực sông Cầu Báy và Nhà máy XLNT Phúc Đông, quận Long Biên theo hình thức BT/BOO</p> <p>- Quy mô: 40.000-55.000 m³/ngày đêm</p> <p>- NĐT đề xuất: Công ty CP Đầu tư Xây dựng và Thương mại Phú Điện</p>	<p>Khu đất 4,6ha và 7,8ha phường Tây Tựu và khu đất 1,3ha vị trí A2/NO15, quận Bắc Từ Liêm</p>	13,70	Đất nông nghiệp	<p>1. Khu đất có diện tích 4,6ha tại phường Tây Tựu, quận Bắc Từ Liêm: Theo Quy hoạch phân khu đô thị S2, tỷ lệ 1/5000 đã được UBND Thành phố phê duyệt tại Quyết định số 405/QĐ-UBND ngày 16/01/2014, khu đất nằm trong ô quy hoạch ký hiệu B-1, được xác định chức năng đất nhóm nhà ở xây dựng mới với các chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc: Mật độ xây dựng: 30% + 53%; Tầng cao công trình xây dựng: 03 + 30 tầng.</p> <p>2. Khu đất có diện tích 7,8ha tại phường Tây Tựu, quận Bắc Từ Liêm: Theo Quy hoạch phân khu đô thị GS, tỷ lệ 1/5000 đã được UBND Thành phố phê duyệt tại Quyết định số 3976/QĐ-UBND ngày 13/08/2015, khu đất nêu trên nằm trong ô quy hoạch ký hiệu GS 8.4, được xác định chức năng đất dành cho địa phương (là quỹ đất dành cho các nhu cầu phát triển của khu vực dân cư hiện có nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của địa phương như đi dân giải phóng mặt bằng tại chỗ, giãn dân trong khu vực, chuyển đổi công ăn việc làm, bổ sung hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật...) kết hợp bãi đỗ xe phục vụ khu vực (gồm 02 bãi đỗ xe với quy mô tổng diện tích đất khoảng 1,6ha) với các chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc: Mật độ xây dựng tối đa 55%; Tầng cao công trình xây dựng tối đa 03 tầng.</p> <p>3. Khu đất ký hiệu A.2/NO15 nằm trong Quy hoạch phân khu đô thị H2-1: Theo quy hoạch chi tiết khu vực Bắc Cổ Nhuế - Chèm được duyệt, khu đất nêu trên được xác định chức năng là đất ở cao tầng với các chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc như sau: Diện tích đất khoảng 12.944m², mật độ xây dựng khoảng 24,24%, hệ số sử dụng đất khoảng 2,84 lần, tầng cao trung bình khoảng 11,71 tầng (công trình cao nhất 15 tầng), dân số khoảng 700 người; Tầng 01 sử dụng mục đích công cộng (dành 2171m² sàn làm bãi đỗ xe).</p>
9	<p>Xây dựng cụm công trình đầu mối Liên Mạc theo hình thức BT</p> <p>- Quy mô: Tuyến: 72m3/s - 40.483ha; Tiêu: 170m3/s, trong đó GDI: 70m3/s; 9.200ha</p> <p>- Đơn vị lập đề xuất: BQLDA ĐTXD Công trình nông nghiệp</p>	<p>15 ô đất chưa giao nhà đầu tư tại khu đô thị mới Nam hồ Linh Đàm, quận Hoàng Mai (10,1ha) và Khu đất thuộc DA Parkcity Lakeside tại xã Nam Hồng, huyện Đông Anh (35,23ha)</p>	45,33	Đất nông nghiệp	<p>Sở QHKT đã có Công văn số 5180/QHKT-P7 ngày 04/11/2015 gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư, cung cấp TTQH các ô đất (15 ô đất) thuộc QHCT khu đô thị Nam Hồ Linh Đàm.</p> <p>Theo Quy hoạch chi tiết Khu đô thị mới Nam hồ Linh Đàm tỷ lệ 1/500 đã được UBND Thành phố phê duyệt tại Quyết định số 3758/QĐ-UBND ngày 14/7/2014, 15 ô đất với các chỉ tiêu QHKT sau:</p> <p>1. Đất ở thấp tầng: Lô TT-05: diện tích đất: 4032m²; MĐXD: 50-70%; tầng cao: 4 tầng; dân số 187 người. Lô TT-06: diện tích đất: 5720m²; MĐXD: 50-70%; tầng cao: 4 tầng; dân số 200 người. Lô TT-07: diện tích đất: 3756m²; MĐXD: 50-70%; tầng cao: 4 tầng; dân số 120 người. Lô TT-08: diện tích đất: 840m²; MĐXD: 50-70%; tầng cao: 4 tầng; dân số 20 người. Lô TT-09: diện tích đất: 1010m²; MĐXD: 50-70%; tầng cao: 4 tầng; dân số 40 người. Lô TT-10: diện tích đất: 1402m²; MĐXD: 53%; tầng cao: 3 tầng; dân số 50 người. Lô TT-13: diện tích đất: 5027m²; MĐXD: 50-70%; tầng cao: 4 tầng; dân số 230 người. Lô TT-15: diện tích đất: 4593m²; MĐXD: 50-70%; tầng cao: 4 tầng; dân số 230 người.</p> <p>2. Đất công trình hỗn hợp: Lô HH-01: diện tích đất: 10053m²; MĐXD: 39,29%; tầng cao: 15-25 tầng; dân số 250 người. Lô HH-04: diện tích đất: 15522m²; MĐXD: 50,71%; tầng cao: 3-15 tầng; dân số 258 người. Lô HH-05: diện tích đất: 7174m²; MĐXD: 47,11%; tầng cao: 3-15 tầng; dân số 122 người. Lô HH-07: diện tích đất: 10768m²; MĐXD: 47,22%; tầng cao: 3-22 tầng; dân số 249 người. Lô HH-08: diện tích đất: 14627m²; MĐXD: 51,96%; tầng cao: 3-18 tầng; dân số 236 người. Lô HH-09: diện tích đất: 8193m²; MĐXD: 55,05%; tầng cao: 2-8 tầng; dân số 143 người. Lô HH-12: diện tích đất: 13217m²; MĐXD: 52,96%; tầng cao: 3-35 tầng; dân số 338 người.</p>
10	<p>Hệ thống thoát nước động lực phía Tây Nam quận Hà Đông: đoạn qua các phường Phú La, Phú Lương và Kiến Hưng theo hình thức BT</p> <p>- Quy mô: Tuyến cống cấp 2, 17km phục vụ lưu vực 2.200ha</p> <p>- NĐT đề xuất: Công ty CP Đầu tư Trung Việt</p>	<p>Đất hạ ngầm tuyến điện 110kV Ba La - Xa La đoạn qua phường Kiến Hưng</p>	9,00	Đất nông nghiệp	<p>- Khu đất đề xuất dự án đối ứng nằm trên 02 đồ án Quy hoạch phân khu đô thị GS, tỷ lệ 1/5000 và Quy hoạch phân khu đô thị S4, tỷ lệ 1/5000 đã được UBND Thành phố phê duyệt, cụ thể:</p> <p>+ Phần đất phía Bắc đường Đa Sỹ: Theo Quy hoạch phân khu đô thị GS, tỷ lệ 1/5000 đã được duyệt, phần đất này nằm trong khu vực quy hoạch có chức năng sử dụng đất là đất hỗn hợp (công cộng dịch vụ, văn phòng, khách sạn, thương mại...) thuộc ô quy hoạch ký hiệu GS 5-1 có các chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc chính: Diện tích đất khoảng 0,68ha; Mật độ xây dựng ≤ 30%; Tầng cao công trình ≤ 03 tầng.</p> <p>+ Phần đất phía Nam đường Đa Sỹ: Theo Quy hoạch phân khu đô thị S4, tỷ lệ 1/5000, đồ án Thiết kế đô thị hai bên tuyến đường từ đường 2,5 đến Vành đai 4 (kéo dài của phố Tôn Thất Tùng), tỷ lệ 1/500 (Đoạn 2: Từ Vành đai xanh sông Nhuế đến Vành đai 4) được UBND Thành phố phê duyệt, phần đất này nằm trong khu vực quy hoạch có các chức năng sử dụng đất: Đất nhóm nhà ở xây dựng mới (bao gồm đất ở, đất đường giao thông nội bộ, đất cây xanh nhóm nhà ở, đất công cộng nhóm nhà ở, đất bãi đỗ xe...) gồm 02 ô quy hoạch ký hiệu: 13-2-NOM01 (có bố trí bãi đỗ xe khu vực, tích xây dựng: 53%, tầng cao công trình: 01-21 tầng); 13-2-NOM02 (diện tích đất: 16.190m², diện tích xây dựng: 53%, tầng cao công trình: 01-21 tầng); Đất trường Tiểu học ký hiệu 13-2-TH02 (diện tích đất: 14.752m², diện tích xây dựng: 40%, tầng cao: 03 tầng); Đất trường mầm non ký hiệu 13-2-MN01 (diện tích đất: 6046m², mật độ xây dựng: 40%, tầng cao: 03 tầng); Đất công trình hỗn hợp gồm 02 ô quy hoạch ký hiệu 13-2-HH01 (diện tích đất: 3.433,7m², mật độ xây dựng: 65%, tầng cao: 01-09 tầng) và 13-2-HH02 (có bố trí bãi đỗ xe khu vực, diện tích đất: 21.928m², mật độ xây dựng: 65%, tầng cao: 01-21 tầng); Đất cây xanh TĐTT, đơn vị ở, nhóm nhà ở gồm 02 ô đất quy hoạch ký hiệu 13-2-CX01 (diện tích đất: 618,5m², mật độ xây dựng: 5%, tầng cao: 01 tầng), 13-2-CX02 (diện tích đất: 7775m², mật độ xây dựng: 5%, tầng cao: 01 tầng). Đất đường giao thông đơn vị ở.</p>

Stt	Tên công trình/dự án	Vị trí quỹ đất thanh toán	Diện tích quỹ đất thanh toán (ha)	Hiện trạng	Chức năng theo quy hoạch và chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc
11	Trường cao đẳng nghề công nghiệp tại xã Nguyễn Khuê, huyện Đông Anh theo hình thức BT - Quy mô: 10ha - Đơn vị lập đề xuất: Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng và công nghiệp	Khu đất số 131 Thái Thịnh, quận Đống Đa	2,26	Trường Cao đẳng công nghiệp, hiện đang thực hiện sắp xếp theo Nghị định số 167	- Khu đất số 131 Thái Thịnh, quận Đống Đa nằm trong khu vực hạn chế phát triển (A7), tầng cao xây dựng đặc trưng 5+7 tầng (hạn chế xây dựng nhà cao tầng). - Thực hiện chủ trương của Thủ tướng Chính phủ, UBND Thành phố và các quy hoạch, quy định liên quan, Sở QHKT đã cấp giấy phép quy hoạch số 1031/GPQH ngày 28/02/2017 và chấp thuận TMB và PAKT Dự án đầu tư xây dựng khu hỗn hợp và trường học tại khu đất nêu trên tại Công văn số 47/QHKT-TMB-PAKT ngày 03/01/2018, với các nội dung chính: Diện tích khu đất nghiên cứu khoảng 22.784,8m ² (bao gồm 22.775,3m ² đất đang quản lý sử dụng và 9,5m ² đất xen kẹt giữa ranh giới khu đất và chỉ giới đường đỏ), trong đó: Diện tích đất thuộc phạm vi mở đường quy hoạch khoảng 1.135,5m ² ; Diện tích đất lập Dự án khoảng 21.649,3 m ² ; Chức năng sử dụng đất: Trường Trung học phổ thông và khu hỗn hợp (gồm nhà ở thấp tầng, nhà ở kết hợp dịch vụ thương mại, cây xanh, điểm sinh hoạt văn hóa, bãi đỗ xe ngầm và đường giao thông nội bộ); Nhà đầu tư: Công ty Cổ phần Phát triển đô thị và Thương mại (TUDI). Khu trường trung học phổ thông cao 5 tầng + tum thang kỹ thuật và 01 tầng hầm (diện tích đất khoảng 4.501,5m ² , diện tích xây dựng công trình khoảng 1.576m ² , mật độ xây dựng khoảng 35%). Khu hỗn hợp (Diện tích đất khoảng 17.147,8m ² , mật độ xây dựng khoảng 50,5%, Tổng sản xây dựng khoảng 42.733,2m ² ...).
12	Vành đai 2,5: Ngụy Như Kon Tum - Nguyễn Trãi - Đàm Hồng theo hình thức BT - NĐT đề xuất: Công ty CP Đầu tư hạ tầng và Công trình kiến trúc Hà Nội (HATECO)	Khu đô thị Hồ Tây - Hà Nội	32,00	Đất nông nghiệp	Sở QHKT đã có Công văn số 6106/QHKT-HTKT ngày 13/9/2017 gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư, cung cấp TTQH vị trí quỹ đất thanh toán. Cụ thể: - Các ô đất ký hiệu K1-K8 và C2-TT1, C2-TT2, C2-CX3 theo đồ án Điều chỉnh tổng thể QHCT Khu vực trung tâm khu đô thị mới Tây Hồ Tây đã được UBND Thành phố phê duyệt tại Quyết định số 5581/QĐ-UBND ngày 13/9/2013. Đến nay nội dung thông tin quy hoạch tại các ô đất nêu trên không có sự thay đổi. Cụ thể: + Ô C2-TT1: Nhà ở thấp tầng (bàn giao cho Thành phố - thực hiện theo dự án riêng); Diện tích đất 14.523m ² ; Mật độ xây dựng 51,80%; Tầng cao 4 tầng. Ô C2-TT2: Nhà ở thấp tầng (bàn giao cho Thành phố - thực hiện theo dự án riêng); Diện tích đất 12.707m ² ; Mật độ xây dựng 48,40%; Tầng cao 4 tầng. Ô C2-CX3: Đất cây xanh đường dạo đơn vị ở (thuộc khu vực đất bàn giao cho Thành phố - thực hiện theo dự án riêng); Diện tích đất 2.143m ² . + Ô K1-HH1: Dịch vụ công cộng, thương mại kết hợp nhà ở cao cấp; Diện tích đất 11.296m ² ; Mật độ xây dựng 40%; Tầng cao 3-32 tầng; Ô K1-HH2: Dịch vụ công cộng, thương mại kết hợp nhà ở cao cấp; Diện tích đất 11.483m ² ; Mật độ xây dựng 40%; Tầng cao 3-32 tầng; Ô K1-CX1: Đất cây xanh đường dạo đơn vị ở; Diện tích đất 1.809m ² ; Ô K1-HH1: Dịch vụ công cộng, thương mại kết hợp nhà ở cao cấp; Diện tích đất 14.657m ² ; Mật độ xây dựng 40%; Tầng cao 3-23 tầng. + Ô K2-CT1: Nhà ở cao tầng; Diện tích đất 27.769m ² ; Mật độ xây dựng 32%; Tầng cao 3-26 tầng. Ô K2-HT1: Đất dự trữ hạ tầng kỹ thuật; Diện tích đất 600m ² . Ô K2-CX1: Đất cây xanh đường dạo đơn vị ở; Diện tích đất 5.775m ² . + Ô K3-TT1: Nhà ở thấp tầng; Diện tích đất 16.446m ² ; Mật độ xây dựng 38%; Tầng cao 3-4 tầng; Ô K3-TT2: Nhà ở thấp tầng; Diện tích đất 16.618m ² ; Mật độ xây dựng 36,3%; Tầng cao 3 tầng; Ô K3-CX1: Đất cây xanh đường dạo đơn vị ở; Diện tích đất 1.184m ² ; Ô K3-CX2: Đất cây xanh đường dạo đơn vị ở; Diện tích đất 1.010m ² . + Ô K4-TT1: Nhà ở thấp tầng (bàn giao cho Thành phố - thực hiện theo dự án riêng); Diện tích đất 36.650m ² ; Mật độ xây dựng 40%; Tầng cao 4 tầng. Ô K4-CX1: Đất cây xanh đường dạo đơn vị ở (thuộc khu vực đất bàn giao cho Thành phố - thực hiện theo dự án riêng); Diện tích đất 4.605m ² . + Ô K5-TT1: Nhà ở thấp tầng; Diện tích đất 16.805m ² ; Mật độ xây dựng 38,5%; Tầng cao 3-4 tầng. Ô K5-CX1: Đất cây xanh đường dạo đơn vị ở; Diện tích đất 1.024m ² . Ô K5-TT1: Trường mẫu giáo; Diện tích đất 9.284m ² ; Mật độ xây dựng 30%; Tầng cao 3 tầng. + Ô K6-TH1: Trường Tiểu học; Diện tích đất 12.322m ² ; Mật độ xây dựng 30%; Tầng cao 3 tầng. Ô K6-CCV1: Đất công cộng đơn vị ở (Hành chính, văn hóa, y tế...); Diện tích đất 6.194m ² ; Mật độ xây dựng 40%; Tầng cao 5 tầng. Ô K7-TT1: Nhà ở thấp tầng; Diện tích đất 23.406m ² ; Mật độ xây dựng 36,80%; Tầng cao 3-4 tầng. Ô K7-CX1: Đất cây xanh đường dạo đơn vị ở; Diện tích đất 1.443m ² .
13	Vành đai 2,5: đoạn từ Khu đô thị mới Dịch Vọng - Dương Đình Nghệ theo hình thức BT - NĐT đề xuất: Công ty CP xuất nhập khẩu tổng hợp Hà Nội GELEXIMCO	Khu đất thuộc phân khu N7 và phân khu N9, huyện Đông Anh	111,80	Đất nông nghiệp	Sở QHKT đã có Công văn số 8818/QHKT-KHHT-P2 ngày 25/12/2017 gửi Tổ công tác liên ngành Thành phố (Khu đất tại QHPK đô thị N7 và QHPK đô thị N9 trùng lặp với các khu đất đối ứng do các đơn vị đã đề xuất trước đây). - Tại QHPK N9 là các ô quy hoạch (tương đương ĐVO) ký hiệu 1.1, 1.2, 1.3. Thực hiện giao việc của UBND Thành phố, hiện nay Viện QHXD HN đang triển khai lập QHCT khu vực thôn Lại Đã, báo cáo UBND Thành phố điều chỉnh quy hoạch khu vực này. Do vậy tại thời điểm này chưa xác định được các chỉ tiêu QHKT tại các khu đất. - Tại QHPK N7, quỹ đất NĐT đề xuất cơ bản đã được xác định là Khu NOXH tập trung của Thành phố, dự án Trường học Nhật Bản, do vậy không phù hợp, không cung cấp chỉ tiêu QHKT.
14	Vành đai 3: đoạn từ nút giao QL3 đến nút giao với đường cao tốc Hà Nội - Thái Nguyên theo hình thức BT - Quy mô: 6km x 68m - NĐT đề xuất: Tổng công ty ĐTPT Nhà và Đô thị - Bộ Quốc phòng	Khu đất tại xã Uy Nỗ và Việt Hùng, Đông Anh	38,46	Đất nông nghiệp	Sở QHKT đã có Công văn số 6506/QHKT-HTKT ngày 28/9/2017 gửi Sở KH&ĐT (Khu đất tại xã Uy Nỗ nằm trong ô Quy hoạch ký hiệu VIL.5.2 thuộc QHPK đô thị N7 được UBND Thành phố phê duyệt QHCT Khu nhà ở để giải quyết chính sách nhà ở, đất ở cho cán bộ quân đội, với quy mô khoảng 38,46ha. Tổng công ty Đầu tư phát triển nhà và đô thị - Bộ Quốc phòng là đơn vị chủ trì lập QHCT); MĐXD gộp 15,26%, tầng cao 3-9 tầng, dân số 5.600 người.

Stt	Tên công trình/dự án	Vị trí quỹ đất thanh toán	Diện tích quỹ đất thanh toán (ha)	Hiện trạng	Chức năng theo quy hoạch và chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc
15	<p>Công trình trọng điểm Đường vành đai 3,5: đoạn từ Phú La - Văn Phú đến cao tốc Pháp Vân - Cầu Giẽ theo hình thức BT</p> <p>- Quy mô: 10,8km, B=60-80m</p> <p>- NĐT đề xuất: Liên danh: Công ty CP Eurowindow Holding, Công ty CP Đầu tư Xây dựng và Phát triển Đông Dương, Công ty CP Đầu tư thương mại và BĐS Thế Vinh</p>	<p>Một phần ô quy hoạch C1 của phân khu S5 xã Đại Áng, huyện Thanh Trì</p>	176,00	Đất nông nghiệp	<p>Sở QHKT đã có Công văn số 7822/QHKT-HTKT-P1-P2 ngày 13/11/2017 gửi Tổ công tác liên ngành Thành phố. Cơ bản: Các khu đất thuộc Quy hoạch phân khu đô thị S5:</p> <p>a. Khu quy hoạch ký hiệu C1:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quy mô diện tích đất khoảng: 273,22ha. - Về chức năng sử dụng đất: Đất dân dụng (công cộng thành phố, cây xanh thành phố, Giao thông, Khu ở); các loại đất khác trong phạm vi dân dụng (Hỗn hợp, cơ quan - viện nghiên cứu - trường đào tạo, di tích, dự án trong HLX-VĐX); đất ngoài phạm vi dân dụng (Công nghiệp, anh ninh - quốc phòng, đầu mối HTKT, giao thông, nghĩa trang, cây xanh cách ly). - Chỉ tiêu quy hoạch cho cả khu: Mật độ xây dựng tối đa 40%; Tầng cao tối đa 40 tầng (các chỉ tiêu cụ thể sẽ xác định chính xác đối với từng loại chức năng sử dụng đất). <p>b. Ô quy hoạch ký hiệu A5-4:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Về quy hoạch: quy mô diện tích đất khoảng: 67,22ha; chức năng sử dụng đất: gồm đất đơn vị ở; đất làng xóm hiện có; đất chuyển đổi nghề-tái định cư cho khu vực làng xóm; đất trường học; đất cây xanh đơn vị ở; đất công cộng đơn vị ở; đất di tích, công trình tôn giáo; đất hạ tầng kỹ thuật, bãi đỗ xe; đất đường giao thông. Chỉ tiêu quy hoạch cho cả ô: mật độ xây dựng 3-45%; tầng cao 1-30 tầng. <p>c. Ô quy hoạch C3-1 (thuộc địa giới hành chính huyện Thanh Trì và Thường Tín):</p> <p>Quy mô diện tích đất khoảng: 108,41ha. Về chức năng sử dụng đất: gồm đất đơn vị ở; đất làng xóm hiện có; đất chuyển đổi nghề-tái định cư cho khu vực làng xóm; đất trường học; đất cây xanh đơn vị ở; đất công cộng đơn vị ở; đất di tích, công trình tôn giáo; đất hạ tầng kỹ thuật, bãi đỗ xe; đất đường giao thông. Chỉ tiêu quy hoạch cho cả ô: mật độ xây dựng 3-45%; tầng cao 1-20 tầng.</p>
16	<p>Công trình trọng điểm Vành đai 4 theo hình thức BT:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đoạn từ cao tốc Hà Nội - Lào Cai (Km3+650) đến QL32 (Km19+500) (Quy mô 20kmx17m) - Đoạn từ Quốc lộ 32 đến cao tốc Pháp Vân - Cầu Giẽ <p>- Quy mô: 34kmx17m; 04 nút giao khác mức liên thông</p> <p>- NĐT đề xuất: Cty CP Tập đoàn T&T</p>	<p>Các khu đất trên địa bàn huyện Thanh Trì, Hoài Đức, Thường Tín và các khu đất trên địa bàn huyện Đan Phượng, Đông Anh và quận Bắc Từ Liêm</p>	1.092,00	Đất nông nghiệp, đất ở	<p>Ngày 11/12/2017, Sở QHKT đã có Công văn số 8522/QHKT-HTKT-P1-P2 góp ý thẩm định hồ sơ đề xuất Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường Vành đai 4 đoạn từ cao tốc Hà Nội - Lào Cai đến QL32 theo hình thức hợp đồng BT, gửi Tổ Liên ngành Thành phố, trong đó: đã cung cấp TTQH đối với các khu đất dự kiến đề xuất Dự án đối ứng.</p> <p>a. Quỹ đất đối ứng vị trí 1 - địa bàn huyện Thanh Trì, Thường Tín:</p> <p>Theo hồ sơ đề xuất khu đất có diện tích khoảng 293ha trong Quy hoạch phân khu đô thị S5 thuộc xã Ngọc Hồi, huyện Thanh Trì và xã Khánh Hà, huyện Thường Tín.</p> <p>Theo Quy hoạch phân khu đô thị S5 tỷ lệ 1/5000 đã được UBND Thành phố phê duyệt tại Quyết định số 3765/QĐ-UBND ngày 22/8/2012, phần lớn khu đất thuộc ô quy hoạch C1, một phần thuộc các khu quy hoạch C3 và A5, cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> * Chức năng sử dụng đất: Đất dân dụng (công cộng thành phố, cây xanh thành phố, Giao thông, Khu ở); các loại đất khác trong phạm vi dân dụng (Hỗn hợp, cơ quan - viện nghiên cứu - trường đào tạo, di tích, dự án trong HLX-VĐX); đất ngoài phạm vi dân dụng (Công nghiệp, anh ninh - quốc phòng, đầu mối HTKT, giao thông, nghĩa trang, cây xanh cách ly). * Chỉ tiêu quy hoạch chung cho cả ô: Mật độ xây dựng tối đa 40%; Tầng cao tối đa 40 tầng (các chỉ tiêu cụ thể sẽ xác định chính xác đối với từng loại chức năng sử dụng đất) <p>b) Quỹ đất tại địa bàn Đông Anh.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tại QHPK N4: ô QH 1.1 - Tổng diện tích 98,38ha, MĐXD 9,92%-17,05%, tầng cao từ 02-25 tầng, dân số 9520 người; ô QH 1.2 - Tổng diện tích 80,13ha, MĐXD 16,11%-29,26%, tầng cao từ 01-35 tầng, dân số 8810 người; ô QH 2.1 - Tổng diện tích 112,32ha, MĐXD 13,27%-21,61%, tầng cao từ 01-30 tầng, dân số 16500 người; ô QH 2.2 - Tổng diện tích 95,76ha, MĐXD 15,72%-26,13%, tầng cao từ 02-35 tầng, dân số 11320 người; - Tại QHPK N8: ô QH VIII-2.4 - Tổng diện tích 43,15ha, MĐXD 13,1%-23,7%, tầng cao từ 02-36 tầng, dân số 8800 người; ô QH VIII-2.5 - Tổng diện tích 62,66ha, MĐXD 14,1%-26,0%, tầng cao từ 02-24 tầng, dân số 14200 người; ô QH VIII-2.6 - Tổng diện tích 49,07ha, MĐXD 13,2%-24,5%, tầng cao từ 02-24 tầng, dân số 9600 người; ô QH VIII-2.7 - Tổng diện tích 36,08ha, MĐXD 16,1%-28%, tầng cao từ 02-24 tầng, dân số 9300 người; <p>Lưu ý: Tại hồ sơ NĐT chi đề xuất theo khu vực chưa có phạm vi và nội dung cụ thể do vậy Sở QHKT cũng cần các chỉ tiêu của khu vực. Trong</p>
17	<p>Công trình trọng điểm Cầu Trần Hưng Đạo qua Sông Hồng theo hình thức BT</p> <p>- Quy mô: 3kmx20m.</p> <p>- NĐT đề xuất: Công ty CP Hím Lam</p>	<p>Quỹ đất thanh toán chung cho 03DA: Nút giao trung tâm Long Biên, Nút giao 3,5 với Đại lộ Thăng Long</p>	120,00	Khu đất ngoài bãi sông; Đất nông nghiệp, đất bãi bồi, đất ở	<ul style="list-style-type: none"> - Công ty CP Hím Lam có Công văn số 13/21/CV-HL ngày 05/01/2021 báo cáo, đề xuất UBND Thành phố về việc thực hiện Dự án Cầu Trần Hưng Đạo và hạ tầng kết nối liên quan theo hình thức PPP hợp đồng BOT... - Văn phòng UBND Thành phố đã có Công văn số 1297/VP-ĐT, trong đó: Phó Chủ tịch UBND Thành phố chỉ đạo giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các Sở ngành xem xét đề nghị của Công ty CP Hím Lam.

Stt	Tên công trình/dự án	Vị trí quỹ đất thanh toán	Diện tích quỹ đất thanh toán (ha)	Hiện trạng	Chức năng theo quy hoạch và chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc
18	<p>Công trình trọng điểm Cầu Giang Biên và đường nối hai đầu cầu (Nối cầu Vĩnh Tuy, Vành đai 2 đến tiếp giáp Ninh Hiệp, Bắc Ninh) theo hình thức BT - Quy mô: 5,4kmx40m - NĐT đề xuất: Công ty CP Phát triển đô thị Việt Hưng</p>	<p>Ô quy hoạch 5-4 và 7-2 PKĐT N9 xã Đình Xuyên, Phù Đổng, H. Gia Lâm</p>	62,30	<p>Đất nông nghiệp, đất nghĩa trang, đất do Công ty Giống gia súc Phù Đổng quản lý</p>	<p>- Sở QHKT đã có Công văn số 7302/QHKT-P2 ngày 25/10/2017 cung cấp TTQH cho ô đất ký hiệu 5-4 thuộc QHPK đô thị N9. Hiện nay UBND huyện Gia Lâm đang lập Quy hoạch XD HTKT đầu giá QSDĐ. - Đối với ô đất có ký hiệu 7-2, Trước đây Sở đã rà soát các quỹ đất dự kiến đối ứng cho các Dự án công trình giao thông, đường sắt đô thị. - Ô quy hoạch 5-4 quy mô khoảng 25ha, gồm các chức năng: + Đất công cộng Thành phố: MĐXD 20-40%, tầng cao 3-9 tầng + Đất công cộng khu ở: MĐXD 20-40%, tầng cao 2-7 tầng + Đất công cộng đơn vị ở: MĐXD 20-40%, tầng cao 3-7 tầng + Đất trường mầm non: MĐXD 14-40%, tầng cao 1-2 tầng + Đất trường tiểu học: MĐXD 14-20%, tầng cao 1-4 tầng + Đất trường THCS: MĐXD 14-20%, tầng cao 1-4 tầng + Đất cây xanh (thành phố, đơn vị ở): MĐXD 5% + Đất nhóm nhà ở: MĐXD 35-57%, tầng cao 2-5 tầng + Đất bãi đỗ xe + Đường giao thông. - Ô quy hoạch 7-2 quy mô khoảng 39ha, gồm các chức năng: + Đất công cộng khu ở: MĐXD 20-40%, tầng cao 3-9 tầng + Đất công cộng đơn vị ở: MĐXD 20-40%, tầng cao 3-5 tầng + Đất trường mầm non: MĐXD 14-40%, tầng cao 1-2 tầng + Đất trường tiểu học: MĐXD 14-20%, tầng cao 1-4 tầng + Đất trường THCS: MĐXD 14-20%, tầng cao 1-4 tầng + Đất cây xanh (thành phố, đơn vị ở): MĐXD 5% + Đất nhóm nhà ở: MĐXD 30-49%, tầng cao 2-7 tầng + Đất HTKT</p>
19	<p>Công trình trọng điểm Trục Hồ Tây - Ba Vi: Đoạn từ Vành đai 3 (Hoàng Quốc Việt) đến Quốc lộ 32 theo hình thức BT - Quy mô: 3,26kmx50m - NĐT đề xuất: Liên danh: Tổng công ty cổ phần sông Hồng - Công ty cổ phần tư vấn và đầu tư Đông Sơn Vàng - Công ty CP Đầu tư địa ốc Sông Hồng - Công ty CP Công nghệ Quốc Gia</p>	<p>Ô E9, PKĐT S3 xã An Khánh, La Phù, huyện Hoài Đức (VB 4132/QHKT-P8 ngày 27/7/2016)</p>	11,00	<p>Đất nông nghiệp</p>	<p>Sở QHKT đã có Văn bản số 188/QHKT-HTKT-P1 ngày 09/01/2018 tham gia ý kiến Tổ Công tác liên ngành Thành phố về đề xuất dự án đầu tư xây dựng trục Hồ Tây - Ba Vi: Đoạn từ Vành đai 3 (Hoàng Quốc Việt) đến Quốc lộ 32 theo hình thức BT: Đối với vị trí đề xuất dự án đối ứng tại khu đất số 14 thuộc ô quy hoạch ký hiệu E9 trong Quy hoạch phân khu đô thị S3: Có quy mô diện tích khoảng 11ha với các chức năng sử dụng đất: đất trường tiểu học, đất trường THCS, đất trường mầm non, bãi đỗ xe, đất nhóm nhà ở xây dựng mới, đất giao thông. Chồng lấn dự án: Khu TMDV phục vụ làng nghề truyền thống La Phù.</p>
20	<p>Tuyến trục Tây Thăng Long, đoạn qua địa bàn huyện Phúc Thọ theo hình thức BT - Quy mô: 13,7km x 40m - NĐT đề xuất: Công ty CP Đầu tư và hợp tác quốc tế Việt Nam</p>	<p>Khu đô thị Western, Ô đất F1, Hoài Đức</p>	35,00	<p>Đất nông nghiệp, đất ở</p>	<p>Sở QHKT đã có văn bản số 8957/QHKT-HTKT-P1-P2 ngày 29/12/2017 gửi Tổ Công tác liên ngành Thành phố, cung cấp TTQH các khu đất đối ứng. - Khu đất 5: Khu đô thị Western, huyện Hoài Đức (quy mô đề xuất khoảng 35 ha) Vị trí khu đất đề xuất dự kiến nằm trong ô quy hoạch ký hiệu A1, A2 thuộc Quy hoạch phân khu đô thị S2 tỷ lệ 1/5.000 đã được UBND Thành phố phê duyệt có chức năng sử dụng đất là đất công cộng Thành phố, đất công cộng đơn vị ở, đất cây xanh khu ở và đơn vị ở, đất nhóm nhà ở xây dựng mới, đất nhóm nhà ở hiện có, đất trường tiểu học, trung học cơ sở, trường trung học phổ thông, đất trường mầm non, đất đường giao thông, đất bãi đỗ xe, đất công trình kỹ thuật đầu mối.</p>
21	<p>Trục Tây Thăng Long đoạn qua địa bàn huyện Đan Phượng theo hình thức BT - Quy mô: 10km x 40m - NĐT đề xuất: Công ty TNHH đầu tư Louis Land</p>	<p>Khu đất vị trí S1, xã Tân Lập, huyện Đan Phượng</p>	156,40	<p>Đất nông nghiệp</p>	<p>Sở QHKT đã có Công văn số 367/QHKT-P1-P2-HTKT ngày 18/01/2018 gửi Tổ Công tác Liên ngành TPHN, cung cấp TTQH các quỹ đất thanh toán đề xuất bổ sung cho dự án, gồm: Các ô đất chức năng công cộng (CC1, CC2, CC3), các ô đất ở cao tầng (CT1 - CT5), các ô đất ở thấp tầng (IT1, IT2) thuộc QHCT khu vực Miếu Nha được UBND Thành phố phê duyệt tại QĐ số 4401/QĐ-UBND ngày 15/8/2016; Khu đất thuộc ô quy hoạch V.2.2 phân khu đô thị N5 xã nguyên Khê, huyện Đông Anh, gồm các chức năng: đất công cộng đô thị, cây xanh đô thị, đường giao thông, đất nhóm nhà ở mới (nhà ở, công cộng, cây xanh, nhà trẻ, mẫu giáo, đường nội bộ,...); Khu đất thuộc ô quy hoạch V.2.6 phân khu đô thị N5 xã nguyên Khê, huyện Đông Anh, gồm các chức năng: cây xanh đô thị, cây xanh đơn vị ở, trường tiểu học, đường giao thông, nhóm nhà ở mới (nhà ở, công cộng, cây xanh, nhà trẻ, mẫu giáo, đường nội bộ,...)</p>

Stt	Tên công trình/dự án	Vị trí quỹ đất thanh toán	Diện tích quỹ đất thanh toán (ha)	Hiện trạng	Chức năng theo quy hoạch và chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc
1	2	3	4	5	6
22	<p>Đường trục trung tâm huyện Đông Anh theo hình thức BT</p> <p>- Quy mô: Mặt cắt 30-120m, Nối từ QL5 kéo dài đến nút giao đường 18 với chiều dài khoảng 11km</p> <p>- NBT đề xuất: Liên danh: Công ty CP tập đoàn được phẩm VIMEDIMEX và Công ty CP BDS Đông Anh</p>	<p>Dự án 1: Xây dựng khu đô thị tại xã Tiên Dương, huyện Đông Anh (129,2ha)</p> <p>Dự án 2: Xây dựng khu đô thị Uy Nỗ tại xã Uy Nỗ, huyện Đông Anh (80,37ha)</p>	209,57	Đất nông nghiệp	<p>UBND Thành phố đã có Thông báo Kết luận số 43/TB-UBND ngày 08/02/2017 thống nhất bố trí quỹ đất đối ứng. Tuy nhiên hiện nay tại các khu đất này UBND huyện Đông Anh đã phê duyệt các đồ án QHCT và TMB để tổ chức Đấu giá QSDD. Huyện Đông Anh đã phê duyệt QHCT và tổ chức đấu giá QSDD, không còn quỹ đất đối ứng, trường hợp cần cung cấp chỉ tiêu QHKT đề nghị liên hệ với UBND huyện Đông Anh.</p>

Stt	Tên công trình/dự án	Vị trí quỹ đất thanh toán	Diện tích quỹ đất thanh toán (ha)	Hiện trạng	Chức năng theo quy hoạch và chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc
23	Cải tạo, nâng cấp đê tá sông Hồng kết hợp giao thông từ huyện Mê Linh đến quận Long Biên theo hình thức BT do NĐT đề xuất - Quy mô: 43,8km, mặt cắt 24m) - NĐT đề xuất: Công ty cổ phần tập đoàn Phúc Sơn	Khu N4, huyện Đông Anh	80,46	Đất nông nghiệp	Sở QHKT đã có Công văn số 8717/QHKT-HTKT ngày 19/12/2017 cung cấp thông tin vị trí quỹ đất cho Dự án. Tuy nhiên quỹ đất báo cáo UBND Thành phố tại QHPK đô thị N4 không phải tại QHPK đô thị N3. Khu đất đề xuất có ký hiệu IV.5.3 thuộc QHPK đô thị N4 đã được UBND Thành phố phê duyệt tại Quyết định số 4761/QĐ-UBND ngày 22/10/2012. Có quy mô diện tích khoảng 80,46ha, bao gồm các chức năng như sau: Đất công cộng Thành phố, đơn vị ở (khoảng 14,57ha); đất cơ quan, trường đào tạo, viện nghiên cứu (khoảng 7,74ha), đất làng xóm hiện có thôn Bàu (khoảng 19,37ha), đất cây xanh khu vực, đơn vị ở (khoảng 7,65ha), đất trường học (khoảng 4,05ha), đất nhóm nhà ở xây dựng mới (khoảng 19,37ha), đất giao thông (khoảng 12,71ha). Các chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc đối với đất xây dựng nhà ở (13,52ha): mật độ xây dựng từ 30% - 47,49%; công trình cao tối đa đến 35 tầng
24	Xây dựng đường Tô Hữu kéo dài từ Km7+800 đến Km27+200 (kéo dài tiếp từ đường Vành đai 4 đến Quốc lộ 21) theo hình thức BT - NĐT đề xuất: Liên danh: Công ty CP ĐT Hát Phát - Công ty CP Tập đoàn Phú Mỹ - Công ty CP Đầu tư Phát triển đô thị Đại Việt - Công ty CP Phát triển Hạ tầng Hoàng Thành Land	Khu đô thị mới Tây Nam An Khánh (125ha), Khu đô thị nhà vườn sinh thái nông nghiệp Yên Nghĩa (300ha); Khu đô thị nhà vườn sinh thái nông nghiệp Chương Mỹ - Quốc Oai (300ha)	725,00	Đất nông nghiệp, đất ở	Sở QHKT đã có văn bản số 552/QHKT-HTKT-P1 ngày 26/01/2018 tham gia ý kiến về hồ sơ đề xuất dự án theo đề nghị của Tổ công tác liên ngành Thành phố: 1. Đối với khu đất thuộc các khu đô thị Yên Nghĩa và Hoài Đức - Quốc Oai thuộc địa giới hành chính huyện Hoài Đức: Theo Quy hoạch chung xây dựng Thủ đô được duyệt, phần diện tích thuộc địa phận huyện Hoài Đức (phía Tây đường vành đai 4), thuộc khu vực hành lang xanh nằm ngoài vùng phát triển đô thị có chức năng sử dụng đất chủ yếu là đất nông nghiệp và một phần là đất làng xóm hiện có; phía Đông khu đất có khả năng bị ảnh hưởng bởi hành lang bảo vệ tuyến đường sắt Quốc gia chạy dọc phía Tây đường vành đai 4 (Hiện chưa có nghiên cứu cụ thể về vị trí, phương án hướng tuyến); bị ảnh hưởng hệ thống phòng chống lũ và đê điều sông Đáy. Do đó, việc dự án đề xuất khai thác các quỹ đất đối ứng nêu trên với chức năng đất đô thị là chưa phù hợp với Luật đê điều, Quy hoạch chung xây dựng Thủ đô, Quy hoạch phòng và chống lũ và đê điều hệ thống sông Đáy đã được phê duyệt. 2. Đối với khu đất thuộc các khu đô thị: Yên Nghĩa; Hoài Đức - Quốc Oai và Chương Mỹ - Quốc Oai thuộc địa giới hành chính huyện Quốc Oai: Khu đô thị Yên Nghĩa: có vị trí tại các xã Yên Sơn, Cộng Hòa, Tân Phú, Đại Thành, Thị trấn sinh thái Quốc Oai có quy mô diện tích khoảng 868,4ha. Khu đô thị Hoài Đức - Quốc Oai: có vị trí tại xã Yên Sơn, Phương Cách, huyện Quốc Oai, quy mô diện tích khoảng 215,17 ha. Khu đô thị Chương Mỹ - Quốc Oai: có vị trí tại xã Đông Yên, huyện Quốc Oai, quy mô diện tích khoảng 718,62 ha. Theo Quy hoạch chung đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050, tỷ lệ 1/25.000 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; Quy hoạch chung xây dựng huyện Quốc Oai, tỷ lệ 1/10.000 đã được UBND Thành phố phê duyệt tại Quyết định số 6660/QĐ-UBND ngày 03/12/2015: Các khu đất đề xuất nêu trên nằm ngoài ranh giới phát triển đô thị, thuộc khu vực hành lang xanh (định hướng các chức năng sử dụng đất: phần lớn là đất nông nghiệp và một phần là đất làng xóm hiện trạng, cải tạo; công cộng, hỗn hợp, mặt nước...) 3. Đối với khu đất thuộc các khu đô thị: Chương Mỹ và Chương Mỹ - Quốc Oai thuộc địa giới hành chính huyện Chương Mỹ: Khu đô thị Chương Mỹ: Quy mô nghiên cứu khoảng 1.032 ha, Vị trí: Thuộc xã Đông Phương Yên, Phú Nghĩa, Tiên Phương, huyện Chương Mỹ, Hà Nội. + Đối chiếu quy hoạch: Trong phạm vi ranh giới đề xuất Khu đô thị Chương Mỹ nêu trên có một phần diện tích nằm trong đô thị sinh thái Chúc Sơn đã được UBND Thành phố phê duyệt và một phần thuộc phạm vi nông thôn tại các xã: Tiên Phương, Phú Nghĩa, Đông Phương Yên, Đông Sơn nằm trong Quy hoạch chung xây dựng huyện Chương Mỹ được UBND Thành phố phê duyệt. + Theo Quy hoạch chung đô thị sinh thái Chúc Sơn đến năm 2030 được duyệt, phần diện tích đất thuộc phạm vi đô thị sinh thái Chúc Sơn nêu trên có

Stt	Tên công trình/dự án	Vị trí quỹ đất thanh toán	Diện tích quỹ đất thanh toán (ha)	Hiện trạng	Chức năng theo quy hoạch và chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc
25	<p>Tuyến đường Lê Quang Đạo kéo dài (đoạn từ Đại lộ Thăng Long đến khu đô thị Dương Nội) theo hình thức BT</p> <p>- Quy mô: 2,88km x 40m</p> <p>- NĐT đề xuất: Liên danh: Công ty CP 216 - Công ty CP Văn Phú Invest - Công ty CP đầu tư Văn Phú CIC - Công ty CP đầu tư Văn Phú số 2</p>	<p>Các khu đất trên địa bàn quận Nam Từ Liêm</p>	14,20	Đất nông nghiệp	<p>UBND Thành phố có Văn bản số 1944/UBND-KH&ĐT ngày 25/5/2020 giao Sở GTVT là cơ quan lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án xây dựng tuyến đường Lê Quang Đạo kéo dài theo quy định của Luật Đầu tư công. Theo hồ sơ và Công văn số 30/CV-LD ngày 25/4/2017, Liên danh Công ty đề nghị điều chỉnh lại các khu đất dự kiến thanh toán thực hiện dự án tuyến đường Lê Quang Đạo kéo dài (đoạn từ Đại lộ Thăng Long tới Khu đô thị mới Dương Nội) gồm 05 khu:</p> <p>- Khu đất số 01 (quy mô khoảng 4,4ha): thuộc phường Đại Mỗ, quận Nam Từ Liêm, phía Tây Nam giáp ranh giới Khu đô thị mới Dương Nội. Theo Quy hoạch phân khu đô thị S4 tỷ lệ 1/5000 đã được UBND Thành phố phê duyệt tại Quyết định số 4324/QĐ-UBND ngày 16/7/2013, khu đất trên thuộc ô quy hoạch 4-1, xác định chức năng đất công cộng thành phố, công cộng khu ở (có chỉ tiêu: mật độ xây dựng 20-40%, tầng cao 3-12 tầng) và đường giao thông.</p> <p>- Khu đất số 02 (quy mô khoảng 1,36ha): thuộc phường Đại Mỗ, quận Nam Từ Liêm, phía Tây giáp ranh giới quận Hà Đông, phía Tây Bắc giáp đường quy hoạch 40m. Theo Quy hoạch phân khu đô thị S4 được duyệt, khu đất trên thuộc ô quy hoạch 4-1, xác định chức năng đất công cộng thành phố, công cộng khu ở (có chỉ tiêu: mật độ xây dựng 20-40%, tầng cao 3-12 tầng) và bãi đỗ xe.</p> <p>- Khu đất số 03 (quy mô khoảng 1,3ha): thuộc phường Đại Mỗ, quận Nam Từ Liêm tiếp giáp khu đất số 02 nêu trên. Theo Quy hoạch phân khu đô thị S4 được duyệt, khu đất trên thuộc ô quy hoạch 4-1 được xác định gồm các chức năng đất nhóm nhà ở xây dựng mới (quy mô khoảng 0,87ha với chỉ tiêu mật độ xây dựng 30-58%, tầng cao 3 - 45 tầng) và đất công cộng đơn vị ở (khoảng 0,43ha, có chỉ tiêu mật độ xây dựng 20-40%, tầng cao 1-3 tầng).</p> <p>- Khu đất số 04 (quy mô khoảng 0,6ha): thuộc phường Đại Mỗ, quận Nam Từ Liêm, phía Đông Bắc giáp đường quy hoạch và khu đất dự án đầu tư giá quyền sử dụng đất ĐM2, phía Tây Nam giáp ranh giới quận Hà Đông. Theo Quy hoạch phân khu đô thị S4 được duyệt, khu đất trên thuộc ô quy hoạch 3-1 được xác định chức năng đất nhóm nhà ở xây dựng mới (có chỉ tiêu mật độ xây dựng 25-57,5%, tầng cao 3-30 tầng).</p> <p>- Khu đất số 05 (quy mô khoảng 5,87ha): thuộc phường Đại Mỗ, quận Nam Từ Liêm, phía Đông Bắc giáp tuyến đường quy hoạch 27m và khu đất đầu tư giá quyền sử dụng đất ĐM1, phía Đông Nam giáp tuyến đường quy hoạch 40m và Khu chức năng đô thị Tây Nam đường 70. Theo Quy hoạch phân khu S4 được duyệt, khu đất nằm trong ô quy hoạch ký hiệu 3-2 được xác định gồm các chức năng: Đất nhóm nhà ở xây dựng mới (có chỉ tiêu mật độ xây dựng 25-57,5%, tầng cao 3-12 tầng) và bãi đỗ xe, diện tích khoảng 5,56ha; Đất đường giao thông (mặt cắt 15m), diện tích khoảng 0,31ha. Khu đất này UBND Thành phố đã có Quyết định số 2570/QĐ-UBND ngày 05/6/2015 phê duyệt nhiệm vụ giải phóng mặt bằng tan quỹ đất sạch ĐM2 nhưng</p>
26	<p>Xây dựng tuyến đường trên cao nối từ đường Vành đai 2 đến Vành đai 3 theo hình thức BT</p> <p>- NĐT đề xuất: Liên danh: Công ty CP Phát triển nguồn nhân lực LOD - Công ty CP Đầu tư xây dựng và kinh doanh B&S HTL Việt Nam</p>	<p>- Khu A: 590ha tại các xã Phú Mãn và Thanh Hòa, huyện Quốc Oai</p> <p>- Khu B: 723ha tại các xã Tiến Xuân, Yên Bình, huyện Thạch Thất (Chồng lấn ranh giới dự án)</p>	590,00	Đất nông nghiệp	<p>Sở QHKT đã có Công văn số 492/QHKT-HTKT-P1 ngày 25/01/2018 gửi Tổ Công tác Liên ngành TP, cung cấp TTQH các khu đất dự kiến đề xuất dự án đối ứng:</p> <p>Theo hồ sơ, bản vẽ đề xuất kèm theo, dự kiến các quỹ đất đối ứng tại 02 khu:</p> <p>+ Khu A: tại các xã Phú Mãn, Phú Cát, Hòa Thạch, huyện Quốc Oai. Quy mô diện tích khoảng 590ha.</p> <p>Theo đồ án Quy hoạch chung đô thị Hòa Lạc tỷ lệ 1/10.000, Khu A có các chức năng sử dụng đất: đất phát triển đô thị (Trung tâm y tế cấp vùng; đất trung tâm công cộng khu vực; đất đơn vị ở; đất làng xóm ven đô, ngoại thành; đất cây xanh cảnh quan, trung tâm thể dục thể thao, mặt nước...);</p> <p>+ Khu B: tại các xã Tiến Xuân, Yên Bình huyện Thạch Thất. Quy mô nghiên cứu khoảng 723,124ha.</p> <p>Theo đồ án Quy hoạch chung đô thị Hòa Lạc tỷ lệ 1/10.000, Khu B có các chức năng sử dụng đất: đất đơn vị ở, đất cơ quan, đất công cộng hỗn hợp, công cộng khu vực, đất lâm nghiệp, đất làng xóm, đất mặt nước, đất cây xanh cảnh quan, đất di tích và đường giao thông</p>
27	<p>Tuyến đường liên khu vực khu vực nối từ đường 23B</p> <p>- Văn Trì - Quốc lộ 3 theo hình thức BT</p> <p>- Quy mô: 6,3km x 40m</p> <p>- NĐT đề xuất: Công ty CP Đô thị sinh thái Văn Nội</p>	<p>- Khu đô thị Văn Trì: 216,93ha (thuộc các xã Nam Hồng, Văn Nội, Tiên Dương.</p> <p>- Khu đô thị Hải Bối: 41,54ha R56 thuộc các xã Hải Bối, Kim Nỗ, Vĩnh Ngọc (Chồng lấn ranh giới dự án)</p>	216,93	Đất nông nghiệp	<p>Tại Công văn số 7688/VP-XDGT ngày 11/11/2014 UBND Thành phố chấp thuận chủ trương đề Công ty CP Đô thị sinh thái Văn Nội thực hiện dự án và dự án đối ứng. Tuy nhiên tài liệu dạng sơ đồ vị trí, chưa có ranh giới chính xác.</p> <p>Đối với Khu đất tại Hải Bối, hiện Sở QHKT chưa nhận được hồ sơ đề xuất của NĐT, tuy nhiên khu vực này hiện UBND Thành phố đã giao các đơn vị Cty CP KOSY, Tập đoàn BRG nghiên cứu.</p>

Stt	Tên công trình/dự án	Vị trí quỹ đất thanh toán	Diện tích quỹ đất thanh toán (ha)	Hiện trạng	Chức năng theo quy hoạch và chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc
28	<p>Công trình trọng điểm Đường 70: đoạn từ Văn Điển đến đường cao tốc Pháp Vân - Cầu Giẽ (đường nối QL1A cũ và đường cao tốc Pháp Vân - Cầu Giẽ) theo hình thức BT</p> <p>- Quy mô: 1km và nút giao QL1A cũ</p> <p>- NĐT đề xuất: Công ty CP Bitexco</p>	<p>Ô quy hoạch số 18 (quỹ đất 20%) nằm trong Khu đô thị Nam đường Vành đai 3</p>	3,00	Đất trống đã GPMB	<p>- Sở KH&ĐT đã có báo cáo thẩm định số 865/BC-KHĐT ngày 20/6/2017 trình UBND TP và công văn số 5269/KH&ĐT-ĐTCT ngày 24/8/2017 dự thảo văn bản BCS Đảng báo cáo TTU. Sở QHKT đã có văn bản báo cáo về quỹ đất theo 6772/QHKT-HTKT ngày 06/10/2017 theo thông báo số 702/TB-UBND của UBND Thành phố.</p> <p>- UBND Thành phố đã có Báo cáo số 294/BC-UBND ngày 26/9/2019 và Báo cáo số 111/BC-UBND ngày 28/4/2020 báo cáo Thủ tướng Chính phủ đề nghị chấp thuận chủ trương giao 3 địa điểm đất cho Văn phòng Trung ương Đảng và Văn phòng Quốc hội để xây dựng nhà ở cho cán bộ cao cấp của Đảng và Nhà nước, lãnh đạo các cơ quan của Quốc hội, đại biểu Quốc hội, cán bộ công chức và người lao động thuộc Văn phòng Quốc hội, trong đó có ô đất số 18 thuộc Khu đô thị Nam đường Vành đai 3 để Văn phòng Quốc hội nghiên cứu đầu tư xây dựng công trình (Văn phòng Chính phủ đã có TB số 258/TB-VPCP ngày 11/8/2020 giao Bộ Xây dựng nghiên cứu). Ngày 24/3/2021 đã họp tại Văn phòng Chính phủ.</p> <p>- Theo Điều chỉnh tổng thể Quy hoạch chi tiết Khu chức năng đô thị Nam đường vành đai 3, tỷ lệ 1/500 đã được UBND Thành phố phê duyệt tại Quyết định số 5873/QĐ-UBND ngày 17/12/2012, xác định Ô quy hoạch số 18 có tổng diện tích đất khoảng 29.835m², các chức năng sử dụng đất và chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc như sau:</p> <p>+ Đất Nhóm nhà ở thấp tầng (ký hiệu: 18-TM1, 18-TM2, 18-TM3, 18-NV, 18-BS1, 18-BS2, 18-BS3, 18-BS4, 18-BS5, 18-BS6): tổng diện tích đất 11.075m²; tổng diện tích xây dựng 8.810m²; mật độ xây dựng 79,5%; tổng diện tích sàn 39.520m²; tầng cao công trình 4-5 tầng; tổng dân số 408 người.</p> <p>+ Đất Nhóm nhà ở cao tầng (ký hiệu: 18-CT1, 18-CT2, 18-CT3): tổng diện tích đất 8.715m²; tổng diện tích xây dựng 3.844m²; mật độ xây dựng 44,1%; tổng diện tích sàn 131.800m² (sàn ở 116.424m², sàn công cộng dịch vụ, văn phòng 15.376m²); tầng cao công trình 4-40 tầng; tổng dân số 1.831 người.</p> <p>+ Đất Nhà trẻ (ký hiệu: 18-NT): diện tích đất 2.112m²; diện tích xây dựng 759m²; mật độ xây dựng 35,9%; tổng diện tích sàn 2.277m²; tầng cao công trình 03 tầng; quy mô khoảng 141 trẻ.</p> <p>+ Cây xanh, sân đường nội bộ (ký hiệu: 18-CX và các diện tích sân đường vào nhà, khoảng ngắt giữa các lô nhà): diện tích đất 3.325m².</p> <p>+ Đất giao thông nội bộ: diện tích đất 4.608m².</p>
29	<p>Đường trục kinh tế Bắc Nam tỉnh Hà Tây (cũ) theo hình thức BT</p> <p>- Quy mô: 20kmx42m</p> <p>- NĐT đề xuất: Công ty CP Tập đoàn Nam Cường</p>	<p>Khu đô thị mới thị trấn sinh thái Phúc Thọ và dự án thị trấn sinh thái Quốc Oai</p>	940,70	Đất nông nghiệp	<p>Ngày 16/7/2013, UBND Thành phố đã có Công văn số 5157/UBND-TNMT giao Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp UBND huyện Quốc Oai lập hồ sơ thu hồi theo quy định của Luật Đất đai 2003 đối với diện tích 9.407.377m² đất đã giao Công ty TNHH Tập đoàn Nam Cường tại Quyết định số 2996/QĐ-UBND ngày 28/7/2008</p>
30	<p>Tuyến đường Cầu Bậy - Thạch Bàn theo hình thức BT</p> <p>- Quy mô: 2,8km x 17,5-40m</p> <p>- NĐT: Công ty CP Đầu tư và tư vấn Doanh nghiệp VNS</p>	<p>Các ô đất có ký hiệu G.5/NO3; G.5/NO4; G.5/NO5; G.5/NO15; G.5/NO3; G.5/CCKO, Long Biên</p>	10,90	Đất nông nghiệp, đất ở	<p>- Theo Quy hoạch phân khu đô thị N10, tỷ lệ 1/2000 được UBND Thành phố phê duyệt tại Quyết định số 6115/QĐ-UBND ngày 21/11/2014, 16 ô đất nêu trên gồm các chức năng sử dụng đất như sau: Đất nhóm nhà ở xây dựng mới: ô G.4/NO3 (diện tích khoảng 1,57ha) định hướng mật độ xây dựng khoảng từ 14-59%, tầng cao từ 02 tầng đến tối đa 25 tầng; các ô: G.5/NO3 (diện tích khoảng 0,48ha), G.5/NO4 (khoảng 1,21ha), G.5/NO5 (khoảng 2,02ha), G.5/NO15 (khoảng 1,33ha), định hướng mật độ xây dựng khoảng từ 14-59%, tầng cao từ 02 tầng đến tối đa 35 tầng. Đất công cộng Thành phố: ô G.4/CCTP2 (diện tích khoảng 1,91ha), G.4/CCTP3 (diện tích khoảng 1,13ha), G.5/CCTP1 (diện tích khoảng 1,9ha), G.5/CCTP2 (diện tích khoảng 1,13ha), các chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc cơ bản như sau: mật độ xây dựng 20-40%, tầng cao 3-45 tầng. Đất công cộng khu ở: ô G.4/CCKO (diện tích khoảng 4,25ha), mật độ xây dựng khoảng từ 20-40%, tầng cao từ 03-35 tầng, gồm các chức năng: trung tâm thương mại, văn hóa, y tế, văn phòng, khách sạn, nhà nghỉ, cơ sở nghiên cứu đào tạo... phục vụ người dân trong khu ở và khu vực lân cận. Đất công cộng đơn vị ở G.5/CC1 (diện tích khoảng 0,6ha), các chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc cơ bản như sau: mật độ xây dựng 20-40%, tầng cao 3-5 tầng. Đất cây xanh: cây xanh khu ở G.4/CXKO2 (diện tích khoảng 4,16ha). Đất cây xanh đơn vị ở G.5/CX4 (diện tích khoảng 0,86ha), các chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc: mật độ xây dựng tối đa 5%, tầng cao 01 tầng. Đất bãi đỗ xe: ô G.4/P1 (diện tích khoảng 0,99ha), G.5/P1 (diện tích khoảng 0,26ha). Đất trường mầm non: G.5/NT3 (diện tích khoảng 0,7ha), các chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc như sau: 14-40%, tầng cao 2-3 tầng.</p> <p>- Tại Công văn số 10825/VP-ĐT ngày 09/12/2020, UBND Thành phố đã giao UBND quận Long Biên lập QHCT (TMB) các ô đất tại ô G.4, G.5 nêu trên.</p>

Stt	Tên công trình/dự án	Vị trí quỹ đất thanh toán	Diện tích quỹ đất thanh toán (ha)	Hiện trạng	Chức năng theo quy hoạch và chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc
31	<p>Xây dựng đường Chiến Thắng kéo dài đến đường Nguyễn Xiển - Xa La và đường nối từ đường Nguyễn Xiển - Xa La đến Kim Giang theo hình thức BT</p> <p>- Quy mô: 3km đường giao thông và hệ thống tiêu thoát nước</p> <p>- NĐT đề xuất: Công ty CP Đầu tư xây dựng và Kinh doanh nhà ở số 35</p>	E5-ODK14; E5-ODK15; E5-HH3; E5-HH4; E5-HH2	8,00	Đất nông nghiệp	<p>Sở QHKT đã có Công văn số 2056/QHKT-HTKT ngày 11/4/2017 cung cấp TTQH cho các khu đất, đối ứng:</p> <p>Theo QHPK H2-3 đã được phê duyệt tại Quyết định số 6665/QĐ-UBND ngày 03/12/2015 các khu đất thuộc ô quy hoạch E5, cụ thể:</p> <p>- Khu 1: Ô quy hoạch E5/HH3 có chức năng là đất công cộng hỗn hợp (đất dự kiến bố trí quỹ nhà ở xã hội, tái định cư thành phố và khu vực), diện tích khoảng 1,76ha; MĐXD 30-53%, tầng cao 3-40 tầng.</p> <p>- Khu 2: Ô quy hoạch E5/ODK15 có chức năng đất nhóm nhà ở xây dựng mới, diện tích khoảng 2,59ha; MĐXD 30-40%, tầng cao 3-15 tầng.</p> <p>- Khu 3: Bao gồm các Ô quy hoạch ký hiệu E5/CX15 và E5/CX16 được xác định đất cây xanh, thỏ đục thể thao đơn vị ở, diện tích khoảng 2,45ha, trong đó: Ô quy hoạch E5/CX15 thuộc quy hoạch chi tiết Khu nhà ở xã hội, tỷ lệ 1/500 tại xã Tân Triều, huyện Thanh Trì, Hà Nội do Tổng công ty Đầu tư phát triển Nhà và Đô thị - Bộ Quốc phòng và các thành viên liên danh đang nghiên cứu lập. Các chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc chung cho toàn Ô quy hoạch E5: Đất công cộng hỗn hợp; Mật độ xây dựng 30-53%, tầng cao 3-40 tầng; Đất ở dự kiến: Mật độ xây dựng 30-40%, tầng cao 3-15 tầng; Đất cây xanh đơn vị ở: Mật độ xây dựng 5%, tầng cao 1 tầng; Tổng quy mô dân số toàn Ô quy hoạch E5: giai đoạn đến 2050 là 18.930 người; giai đoạn 2020 đến 2025 là 26.430 người. Các chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất, dân số... cụ thể cho từng ô quy hoạch sẽ được xác định cụ thể trong giai đoạn sau.</p>
32	<p>Tuyến đường nối đường Phan Trọng Tuệ với đường Tà Thanh Oai - Đại Áng - Liên Ninh theo hình thức BT</p> <p>- Quy mô: 5km x 25m</p> <p>- NĐT đề xuất: Liên danh Tổng công ty cổ phần Sông Hồng - Công ty CP Đầu tư và Kinh doanh BĐS Hà Nội Sông Hồng - Công ty CP Đầu tư XD Hưng Phú</p>	Lô đất ký hiệu B4-8 và một phần diện tích lô đất B4-1	26,80	Đất nông nghiệp	<p>- Sở QHKT đã có Công văn số 2962/QHKT-HTKT ngày 18/5/2017 cung cấp TTQH liên quan đến quỹ đất thanh toán (dự kiến).</p> <p>- Tại Công văn số 7202/QHKT-P2 ngày 23/10/2017 Sở QHKT đã báo cáo UBND Thành phố bổ sung quỹ đất thanh toán tại quận Hoàng Mai.</p> <p>- TTQH quỹ đất đối ứng:</p> <p>+ Điểm X1 (quy mô diện tích khoảng 5,7ha), Điểm X2 (quy mô diện tích khoảng 1,1ha), Điểm X3 (quy mô diện tích khoảng 6,7ha): Thuộc ô quy hoạch ký hiệu A5-2, có chức năng là đất đơn vị ở (Trong đó, các điểm đất đề xuất nêu trên được xác định là đất nhóm nhà ở, bao gồm: Đất ở, cây xanh, dịch vụ công cộng nhóm nhà ở, trường mầm non, vườn hoa, đường nội bộ, sân chơi luyện tập TDTT, bãi đỗ xe... Trong đất ở bao gồm nhà ở chung cư, liên kế, biệt thự, nhà vườn); Các chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc chung cho cả ô: Tổng quy mô dân số 16.405 người, tầng cao từ 1 + 30 tầng, mật độ xây dựng từ 3 + 45%.</p> <p>+ Điểm X4 (quy mô diện tích khoảng 7,4ha): Thuộc ô quy hoạch ký hiệu A5-4 có chức năng là đất đơn vị ở (Trong đó, điểm đất đề xuất nêu trên được xác định là đất nhóm nhà ở, bao gồm: Đất ở, cây xanh, dịch vụ công cộng nhóm nhà ở, trường mầm non, vườn hoa, đường nội bộ, sân chơi luyện tập TDTT, bãi đỗ xe... Trong đất ở bao gồm nhà ở chung cư, liên kế, biệt thự, nhà vườn) và đất hạ tầng kỹ thuật (bãi đỗ xe); Các chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc chung cho cả ô: Tổng quy mô dân số 9.055 người, tầng cao từ 1 + 30 tầng, mật độ xây dựng từ 3 + 45%.</p> <p>+ Điểm X5 (quy mô diện tích khoảng 4,5ha), điểm X6 (quy mô diện tích khoảng 2,4ha): Thuộc ô quy hoạch ký hiệu C1-1, có chức năng là đất đơn vị ở (Trong đó, các điểm đất đề xuất nêu trên được xác định là đất nhóm nhà ở, bao gồm: Đất ở, cây xanh, dịch vụ công cộng nhóm nhà ở, trường mầm non, vườn hoa, đường nội bộ, sân chơi luyện tập TDTT, bãi đỗ xe... Trong đất ở bao gồm nhà ở chung cư, liên kế, biệt thự, nhà vườn); Các chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc chung cho cả ô: Tổng quy mô dân số 7.445 người, tầng cao từ 1 + 30 tầng, mật độ xây dựng từ 3 + 45%.</p> <p>+ Điểm X7 (quy mô diện tích khoảng 6,1ha): Thuộc ô đất thuộc khu quy hoạch ký hiệu C1, có chức năng là đất cơ quan, trường đào tạo, viện nghiên cứu. Tại điểm đất trên, Sở Quy hoạch - Kiến trúc đã chấp thuận Tổng mặt bằng và phương án kiến trúc công trình xây dựng Mở rộng diện tích đất để nâng cấp Trường Trung cấp Công thương Hà Nội lên hệ cao đẳng (Giai đoạn 2) tại thôn Vĩnh Thịnh, xã Đại Áng, huyện Thanh Trì, Hà Nội cho Chủ đầu tư là Trường Cao đẳng Công thương Hà Nội tại công văn số 2243/QHKT-TMB-PAKT(P10) ngày 05/6/2015.</p> <p>+ Điểm X8 (quy mô diện tích khoảng 5,6ha): Thuộc ô quy hoạch ký hiệu C1-2, có chức năng là đất đơn vị ở (Trong đó, điểm đất đề xuất nêu trên được xác định là đất nhóm nhà ở, bao gồm: Đất ở, cây xanh, dịch vụ công cộng nhóm nhà ở, trường mầm non, vườn hoa, đường nội bộ, sân chơi luyện tập TDTT, bãi đỗ xe... Trong đất ở bao gồm nhà ở chung cư, liên kế, biệt thự, nhà vườn) và đất hạ tầng kỹ thuật (bãi đỗ xe); Các chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc chung cho cả ô: Tổng quy mô dân số 11.115 người, tầng cao từ 1 + 30 tầng, mật độ xây dựng từ 3 + 45%.</p>
33	<p>Đầu tư một số công trình giao thông chính, dịch vụ công và HIKT thị trấn Thường Tín theo hình thức BT</p> <p>- NĐT đề xuất: Công ty CP Công nghệ Cơ - Điện lạnh</p>	Các ô đất trên địa bàn các xã Văn Phú, Hà Hồi và thị trấn Thường Tín, huyện Thường Tín	35,79	Đất nông nghiệp	<p>Sở QHKT đã có Công văn số 3572/QHKT-P2 ngày 18/6/2018 gửi Tổ Công tác liên ngành tham gia ý kiến thẩm định chủ trương Dự án, trong đó cung cấp thông tin quy hoạch và các dự án liên quan, trong đó:</p> <p>- Các khu đất nêu trên thuộc Khu quy hoạch K1 với ký hiệu O1.1, O1.2, O1.3 và DT có quy mô, chức năng và các chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc như sau: Các khu đất ký hiệu O1.1, O1.2, O1.3 có tổng diện tích đất khoảng 2,89 ha (trong đó: O1.1 khoảng 0,31ha; O1.2 khoảng 0,98ha; O1.3 khoảng 1,6ha) có chức năng sử dụng là đất nhóm ở mới; Khu đất ký hiệu DT có diện tích đất khoảng 3,82ha có chức năng sử dụng là đất dự trữ phát triển (được định hướng phát triển cho đô thị ngoài thời gian quy hoạch của đô án). Chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc chung Khu quy hoạch K1: mật độ xây dựng 5 + 80%; tầng cao 1 + 11 tầng.</p> <p>- Ô đất ký hiệu O3.1 có vị trí ở phía Tây tuyến đường sắt tốc độ cao Bắc - Nam theo quy hoạch, với diện tích ô đất khoảng 1,14ha, với chức năng sử dụng đất là đất nhóm ở mới, với các chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc chung Khu quy hoạch K1: mật độ xây dựng 5 + 80%; tầng cao 1 + 9 tầng.</p> <p>- Đối với khu đất đề xuất tại lô đất nhóm ở mới O3.2 thuộc ô quy hoạch K3, có chức năng đất nhóm ở mới với quy mô diện tích ô đất khoảng 2,48ha; ô đất ký hiệu HT3.1 (có chức năng đất hạ tầng với diện tích ô đất khoảng 0,09ha) và phần đường giao thông theo quy hoạch (diện tích đất khoảng 0,8ha).</p> <p>- Đối với lô đất thuộc địa bàn xã Văn Phú, với diện tích đề xuất khoảng 13,27ha: Chức năng: đất dự trữ phát triển.</p> <p>- Đối với lô đất thuộc địa bàn xã Hà Hồi, với diện tích đề xuất khoảng 8,71ha: Chức năng: đất dự trữ phát triển (quy mô khoảng 3ha) và đất nông nghiệp.</p>

Stt	Tên công trình/dự án	Vị trí quỹ đất thanh toán	Diện tích quỹ đất thanh toán (ha)	Hiện trạng	Chức năng theo quy hoạch và chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc
34	<p>Xây dựng tuyến đường nối từ đường Tam Trinh đến đường Vành đai 3 đoạn bao quanh khu dân cư hiện hữu làng Sờ Thượng, phường Yên Sở, quận Hoàng Mai</p> <p>- Quy mô: 1km x 25m</p> <p>- NĐT đề xuất: Công ty CP đầu tư T&M Việt Nam</p>	<p>Ô đất ký hiệu B3/HH1 Với quy mô 1,06ha và ô đất C3/ODK1 quy mô 1,05ha</p>	2,11	Đất nông nghiệp	<p>Sở QHKT đã có Công văn số 7525/QHKT-HTKT ngày 31/10/2017 cung cấp TTQH 02 ô đất ký hiệu B3/HH1 và C3/ODK1 theo QHPK đô thị H2-4.</p> <p>- Theo QHPK đô thị H2-4 được UBND Thành phố phê duyệt tại QĐ số 6499/QĐ-UBND ngày 27/11/2015:</p> <p>+ Khu đất ký hiệu B3/HH1 được xác định chức năng hỗn hợp (dịch vụ, thương mại, văn phòng, ô,...) với chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc chung: mật độ xây dựng 20-70%, tầng cao công trình: 3-35 tầng.</p> <p>+ Khu đất ký hiệu C3/ODK1 được xác định chức năng đất nhóm nhà ở dự kiến với chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc chung: mật độ xây dựng 30-60%, tầng cao công trình 1-35 tầng.</p>
35	<p>Hệ thống thoát nước động lực phía Tây Nam quận Hà Đông theo hình thức BT (phần còn lại)</p> <p>- NĐT đề xuất: Liên danh: Tổng công ty xây dựng công trình giao thông Clenco 5- CTCP, Công ty CP Đầu tư UDIC và Công ty CP Quản lý xây dựng và thương mại Trường Thịnh</p>	<p>Quỹ đất phường Phú Lương, Phú Lãm, quận Hà Đông</p>	9,80	Đất nông nghiệp	<p>Sở QHKT đã có Công văn số 6561/QHKT-HTKT-P1 ngày 29/9/2017 gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư, cung cấp TTQH vị trí quỹ đất đối ứng, cụ thể như sau:</p> <p>- Khu đất đề xuất tại phường Phú Lãm, quận Hà Đông (Khu 1- khoảng 26,4ha): Theo Quy hoạch phân khu đô thị S4 được duyệt, khu đất thuộc các ô quy hoạch có ký hiệu: 17-1 (chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc chung toàn ô: Diện tích đất khoảng 109,7ha; Dân số khoảng 14.213 người; Mật độ xây dựng 14-70%; Tầng cao công trình 01-21 tầng); 17-2 (chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc chung toàn ô: Diện tích đất khoảng 65,36ha; Dân số khoảng 11090 người; Mật độ xây dựng 14-60%; Tầng cao công trình 01-15 tầng) và một phần đất đường giao thông khu vực, trong đó:</p> <p>+ Đối với phần diện tích đất thuộc ô quy hoạch 17-1 có các chức năng sử dụng đất gồm: đất nhóm nhà ở xây dựng mới (bao gồm cả đất đường giao thông nội bộ, đất cây xanh nhóm nhà ở, đất công cộng nhóm nhà ở) có diện tích khoảng 6,1ha, đất công cộng Thành phố, khu ở (có bố trí trường mầm non, bãi đỗ xe khu vực) có diện tích khoảng 7,63ha, đất cây xanh thể dục thể thao, đơn vị ở, nhóm nhà ở có diện tích khoảng 1,19ha, đất trường trung học phổ thông có diện tích khoảng 2,43ha và đất đường giao thông đơn vị ở.</p> <p>+ Đối với phần diện tích đất thuộc ô quy hoạch 17-2 có chức năng sử dụng đất là: đất nhóm nhà ở xây dựng mới (bao gồm cả đất đường giao thông nội bộ, đất cây xanh nhóm nhà ở, đất công cộng nhóm nhà ở, bãi đỗ xe khu vực) có diện tích khoảng 7,91ha. Tại phần lớn diện tích khu đất 27ha nhà đầu tư đề xuất nêu trên, UBND tỉnh Hà Tây (trước đây) đã phê duyệt quy hoạch chi tiết Khu đô thị mới Phú Lãm tại Quyết định số 24128/QĐ-UBND ngày 14/7/2008, Chủ đầu tư: Công ty cổ phần Sông Đà Thăng Long; Tổng diện tích đất lập quy hoạch khoảng 270.782m², dân số khoảng 7.176 người, nay phải điều chỉnh tổng thể để phù hợp Quy hoạch phân khu đô thị S4, tỷ lệ 1/5000 được duyệt tuy nhiên đến nay chủ đầu tư chưa thực hiện.</p> <p>- Khu đất đề xuất tại phường Phú Lương, quận Hà Đông (Khu 2- khoảng 43,8ha). Theo Quy hoạch phân khu đô thị S4 được duyệt, khu đất thuộc các ô quy hoạch có ký hiệu: 19-2 (chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc chung toàn ô: Diện tích đất khoảng 75,02ha; Dân số khoảng 8797 người; Mật độ xây dựng 14-55%; Tầng cao công trình 01-15 tầng); 19-3 (Chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc chung toàn ô: Diện tích đất khoảng 104,25ha; Dân số khoảng 13.900 người; Mật độ xây dựng 14-55%; Tầng cao công trình 01-21 tầng) và một phần đất đường giao thông khu vực, trong đó:</p> <p>+ Đối với phần diện tích đất thuộc ô quy hoạch 19-2 có các chức năng sử dụng đất gồm: đất nhóm nhà ở xây dựng mới (bao gồm cả đất đường giao thông nội bộ, đất cây xanh nhóm nhà ở, đất công cộng nhóm nhà ở) có diện tích khoảng 8,53ha, đất công cộng Thành phố, khu ở có diện tích khoảng 2,2ha, đất bãi đỗ xe khu vực có diện tích khoảng 1,32ha, đất công cộng đơn vị ở có diện tích khoảng 0,9ha, đất di tích, công trình tôn giáo có diện tích khoảng 0,19ha và đất đường giao thông đơn vị ở.</p> <p>- Sở Kế hoạch và Đầu tư có Thông báo số 15/TB-KHĐT ngày 05/01/2018 thông báo kết quả thẩm định, có nêu việc đề xuất quỹ đất thanh toán cho dự án BT bằng quỹ đất thực hiện dự án Khu đô thị nhà vườn biệt thự Bình Minh tại thị trấn Phùng là chưa khả thi, không phù hợp với quy định hiện hành.</p> <p>- Liên quan đến khu đất đề xuất: Sở QHKT đã có công văn số 8716/QHKT-HTKT-P1 ngày 19/12/2017 và số 5440/QHKT-HTKT-P1 ngày 06/9/2018 gửi TCT Liên ngành TP thông tin quy hoạch, đối với khu đất dự kiến đối ứng:</p> <p>+ Khu đất đề xuất nằm phía Tây đường Vành đai 4; Phía Bắc giáp cụm công nghiệp thị trấn Phùng; Phía Nam giáp Quốc lộ 32; Phía Tây giáp khu đất nhà ở-dịch vụ thương mại và Trường PTTH tư thục Bình Minh. Khu đất đề xuất nêu trên là dự án Khu đô thị nhà vườn, biệt thự Bình Minh tại trấn Phùng đã được UBND tỉnh Hà Tây giao cho Công ty cổ phần Tập đoàn Xây dựng và Du lịch Bình Minh làm chủ đầu tư và được UBND huyện Đan Phượng phê duyệt quy hoạch chi tiết năm 2008 (quy mô 53,17ha).</p> <p>+ Theo Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu đô thị nhà vườn biệt thự Bình Minh đã được UBND huyện Đan Phượng phê duyệt năm 2008, quy mô lập quy hoạch khoảng 53,17 ha, dân số khoảng 7.000 người. Trong đó: Đất khu đô thị khoảng 47,3 ha gồm đất xây dựng nhà ở, đất công trình công cộng, đất cây xanh mặt nước và hạ tầng kỹ thuật; Đất cơ chế dịch vụ khoảng 5,25 ha; Đất dân cư hiện có: khoảng 0,62 ha.</p> <p>+ Theo Quy hoạch chung xây dựng Thủ đô Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1259/QĐ-TTg ngày 26/7/2011, khu đất dự án Khu đô thị nhà vườn, biệt thự Bình Minh có vị trí nằm ngoài đường vành đai 4, trong đó:</p> <p>++ Khoảng 9,5 ha nằm trong khu vực phát triển đô thị gồm: khoảng 8,5 ha xác định là đất cây xanh công viên vui chơi giải trí, khoảng 01 ha là đất công cộng hỗn hợp.</p> <p>++ Khoảng 44,8 ha nằm ngoài khu vực phát triển đô thị gồm: khoảng 22 ha là đất cây xanh công viên vui chơi giải trí; khoảng 22,8 ha là đất nông nghiệp và bến xe khách. Phần đất ngoài khu vực phát triển đô thị thuộc khu vực hành lang xanh với định hướng chính: "khuyến khích phát triển loại hình du lịch sinh thái, tham quan dã ngoại, vui chơi giải trí mật độ thấp; Hạn chế xây dựng công trình có quy mô lớn, phá vỡ cảnh quan tự nhiên. Nghiêm cấm phát triển đô thị tại các khu vực này; Phát triển hệ thống hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật chung cho toàn đô thị...".</p> <p>+ Theo Quy hoạch chung xây dựng huyện Đan Phượng đến năm 2030, tỷ lệ 1/10000 được UBND Thành phố phê duyệt tại Quyết định số 5515/QĐ-UBND ngày 20/10/2015 và Quy hoạch chung thị trấn Phùng tỷ lệ 1/5.000 được UBND Thành phố phê duyệt tại Quyết định số 4398/QĐ-UBND ngày 03/9/2015, khu vực dự án Khu đô thị nhà vườn Bình Minh được xác định chức năng:</p> <p>++ Phần đất trong phạm vi phát triển đô thị thuộc khu quy hoạch ký hiệu Khu 3 có các chức năng: đất nhóm nhà ở (có diện tích khoảng 5,9ha), đất</p>
36	<p>Chuyển nước từ sông Tích sang sông Đáy qua hệ thống kênh tiêu Sần - Thụy Đức theo hình thức BT</p> <p>- Quy mô: Cải tạo 10,2km kênh đáy dưới B=10m, hệ số mái m =1m5m bờ kênh kết hợp đường giao thông)</p> <p>- NĐT đề xuất: Công ty CP Du lịch Bình Minh</p>	<p>Khu đô thị nhà vườn, biệt thự Bình Minh tại thị trấn Phùng, Đan Phượng</p>	53,00	Đất nông nghiệp, đất ở, đất giao thông, đất chuyển dùng khác	<p>- Sở Kế hoạch và Đầu tư có Thông báo số 15/TB-KHĐT ngày 05/01/2018 thông báo kết quả thẩm định, có nêu việc đề xuất quỹ đất thanh toán cho dự án BT bằng quỹ đất thực hiện dự án Khu đô thị nhà vườn biệt thự Bình Minh tại thị trấn Phùng là chưa khả thi, không phù hợp với quy định hiện hành.</p> <p>- Liên quan đến khu đất đề xuất: Sở QHKT đã có công văn số 8716/QHKT-HTKT-P1 ngày 19/12/2017 và số 5440/QHKT-HTKT-P1 ngày 06/9/2018 gửi TCT Liên ngành TP thông tin quy hoạch, đối với khu đất dự kiến đối ứng:</p> <p>+ Khu đất đề xuất nằm phía Tây đường Vành đai 4; Phía Bắc giáp cụm công nghiệp thị trấn Phùng; Phía Nam giáp Quốc lộ 32; Phía Tây giáp khu đất nhà ở-dịch vụ thương mại và Trường PTTH tư thục Bình Minh. Khu đất đề xuất nêu trên là dự án Khu đô thị nhà vườn, biệt thự Bình Minh tại trấn Phùng đã được UBND tỉnh Hà Tây giao cho Công ty cổ phần Tập đoàn Xây dựng và Du lịch Bình Minh làm chủ đầu tư và được UBND huyện Đan Phượng phê duyệt quy hoạch chi tiết năm 2008 (quy mô 53,17ha).</p> <p>+ Theo Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu đô thị nhà vườn biệt thự Bình Minh đã được UBND huyện Đan Phượng phê duyệt năm 2008, quy mô lập quy hoạch khoảng 53,17 ha, dân số khoảng 7.000 người. Trong đó: Đất khu đô thị khoảng 47,3 ha gồm đất xây dựng nhà ở, đất công trình công cộng, đất cây xanh mặt nước và hạ tầng kỹ thuật; Đất cơ chế dịch vụ khoảng 5,25 ha; Đất dân cư hiện có: khoảng 0,62 ha.</p> <p>+ Theo Quy hoạch chung xây dựng Thủ đô Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1259/QĐ-TTg ngày 26/7/2011, khu đất dự án Khu đô thị nhà vườn, biệt thự Bình Minh có vị trí nằm ngoài đường vành đai 4, trong đó:</p> <p>++ Khoảng 9,5 ha nằm trong khu vực phát triển đô thị gồm: khoảng 8,5 ha xác định là đất cây xanh công viên vui chơi giải trí, khoảng 01 ha là đất công cộng hỗn hợp.</p> <p>++ Khoảng 44,8 ha nằm ngoài khu vực phát triển đô thị gồm: khoảng 22 ha là đất cây xanh công viên vui chơi giải trí; khoảng 22,8 ha là đất nông nghiệp và bến xe khách. Phần đất ngoài khu vực phát triển đô thị thuộc khu vực hành lang xanh với định hướng chính: "khuyến khích phát triển loại hình du lịch sinh thái, tham quan dã ngoại, vui chơi giải trí mật độ thấp; Hạn chế xây dựng công trình có quy mô lớn, phá vỡ cảnh quan tự nhiên. Nghiêm cấm phát triển đô thị tại các khu vực này; Phát triển hệ thống hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật chung cho toàn đô thị...".</p> <p>+ Theo Quy hoạch chung xây dựng huyện Đan Phượng đến năm 2030, tỷ lệ 1/10000 được UBND Thành phố phê duyệt tại Quyết định số 5515/QĐ-UBND ngày 20/10/2015 và Quy hoạch chung thị trấn Phùng tỷ lệ 1/5.000 được UBND Thành phố phê duyệt tại Quyết định số 4398/QĐ-UBND ngày 03/9/2015, khu vực dự án Khu đô thị nhà vườn Bình Minh được xác định chức năng:</p> <p>++ Phần đất trong phạm vi phát triển đô thị thuộc khu quy hoạch ký hiệu Khu 3 có các chức năng: đất nhóm nhà ở (có diện tích khoảng 5,9ha), đất</p>

Stt	Tên công trình/dự án	Vị trí quỹ đất thanh toán	Diện tích quỹ đất thanh toán (ha)	Hiện trạng	Chức năng theo quy hoạch và chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc
37	Khu trung tâm chính trị - hành chính, khu liên hợp Văn hóa - Thể thao huyện Quốc Oai theo hình thức BT - Quy mô: Khu trung tâm chính trị 3ha, Khu văn hóa 6ha - NĐT đề xuất: Công ty CP Tập đoàn CEO	Khu đất tại Đô thị sinh thái Quốc Oai giáp khu đô thị N1 + N3	78,00	Đất nông nghiệp	- Sở QHKT chưa nhận được văn bản đề nghị giải quyết có liên quan đến đề xuất dự án BT. - Về điều chỉnh quy hoạch chi tiết mở rộng Khu Chính trị - Hành chính, Khu liên hợp Văn hóa - Thể thao huyện Quốc Oai, tỷ lệ 1/500: Sở Quy hoạch - Kiến trúc và UBND Thành phố đã có Tờ trình số 94/TTr-QHKT-P1-HTKT ngày 06/01/2021 và Báo cáo thẩm định số 95/BC-QHKT-P1-HTKT ngày 06/01/2021 trình UBND Thành phố xem xét, phê duyệt Nhiệm vụ quy hoạch. - Liên quan đến khu đất, Sở QHKT đã có văn bản số 2858/QHKT-P1 ngày 10/6/2020 gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư tham gia ý kiến về hồ sơ đề xuất dự án Khu đô thị mới CEO HOMES GARDEN tại Thị trấn sinh thái Quốc Oai, huyện Quốc Oai là chưa đủ cơ sở để xem xét, giải quyết. UBND Thành phố đã có công văn số 7246/VP-ĐT ngày 26/8/2020 chấp thuận chủ trương đề xuất của Sở Quy hoạch - Kiến trúc tại văn bản số 3848/QHKT-P1 ngày 31/7/2020 về việc triển khai và lập quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 tại Khu đô thị Monaco Garden, thị trấn Quốc Oai. Hiện nay các Nhà đầu tư đã tổ chức lập nhiệm vụ quy hoạch, đang lấy ý kiến Hội đồng QHXD Thành phố. Do đó, đề nghị Sở Kế hoạch và Đầu tư kiểm tra rà soát sự phù hợp của dự án đề xuất.
38	Trường đào tạo cán bộ Lê Hồng Phong thành phố Hà Nội (cơ sở Hà Đông) theo hình thức BT - Quy mô: 4,2ha, đào tạo 18000 học viên/năm - Đơn vị lập đề xuất: Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng và công nghiệp	Khu đất 220 đường Láng, Đống Đa và 16 đường Thanh Bình, Hà Đông	1,47	Đất do Trường đào tạo cán bộ Lê Hồng Phong đang quản lý, sử dụng đã được sắp xếp sử lý cơ sở thuộc sở hữu nhà nước theo Quyết định số 7267/QĐ-UBND ngày 02/12/2013 của UBND Thành phố	- Theo QHPK đô thị H1-3, tỷ lệ 1/2000 được UBND Thành phố phê duyệt tại Quyết định số 1356/QĐ-UBND ngày 19/3/2021, khu đất có địa chỉ số 220 đường Láng được xác định chức năng là đất cơ quan, viện nghiên cứu, trường đào tạo. - Khu đất tại địa chỉ số 16 đường Thanh Bình, quận Hà Đông: Ngày 29/3/2021, Thành ủy Hà Nội đã có Thông báo số 199-TB/TU về Kết luận của đồng chí Vương Đình Huệ, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Thành ủy Hà Nội làm việc với trường Đào tạo cán bộ Lê Hồng Phong, trong đó có chỉ đạo: "Việc quản lý sử dụng đất công, việc lựa chọn chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng nhà ở trên đất công phải được thực hiện theo quy định của Pháp luật và các Nghị định của Chính phủ, vì vậy, đề nghị trường ĐTCB Lê Hồng Phong nghiên cứu, thực hiện theo quy định". Trường hợp dự án chưa được cấp thẩm quyền chấp thuận chủ trương nên Sở QHKT không có đủ cơ sở xem xét, thông tin quy hoạch.
39	Hạ ngầm đường cao thế 110kV và 220kV đoạn Chèm - Tây Hồ theo hình thức BT - Quy mô: Gồm 3 lộ, chiều dài khoảng 3km - NĐT đx: Công ty CP Phát triển đô thị Việt Hưng	Đội ứng tại chỗ khu vực Chèm - Tây Hồ (12ha)	12,00	Đất nông nghiệp	Khu vực Chèm thuộc địa giới hành chính quận Bắc Từ Liêm. Đề nghị Sở KHĐT rà soát kiểm tra rõ khu đất đề xuất dự án BT, bổ sung sơ đồ vị trí để Sở QHKT có cơ sở tham gia ý kiến về quy hoạch kiến trúc

Stt	Tên công trình/dự án	Vị trí quỹ đất thanh toán	Diện tích quỹ đất thanh toán (ha)	Hiện trạng	Chức năng theo quy hoạch và chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc
II	DANH MỤC CÁC DỰ ÁN BT CHƯA XÁC ĐỊNH RÕ RANH GIỚI, QUY MÔ QUỸ ĐẤT ĐỐI ỨNG/QUỸ ĐẤT ĐỐI ỨNG CHƯA PHÙ HỢP/CHÔNG LẤN RANH GIỚI DỰ ÁN:				
1	Vành đai 2,5: đoạn từ Trung Kính đến cuối đường Trần Duy Hưng theo hình thức BT - <i>NDT đề xuất: Liên danh: Công ty CP thương mại Ngôi nhà mới - Công ty CP đầu tư xây dựng Mekong E&C, Công ty CP đầu tư phát triển đô thị Đại Việt</i>	Quỹ đất chưa phù hợp			
2	Vành đai 3: Xây dựng đường Vành đai 3 đoạn từ đường Bắc Thăng Long - Nội Bài đến nút giao Quốc lộ 3 theo hình thức BT - <i>NDT đề xuất: Công ty TNHH Đầu tư địa ốc Thành phố CITYLAND</i>	Quỹ đất chưa phù hợp			
3	Vành đai 3,5: Đoạn từ cầu Thượng Cát đến Quốc lộ 5 kéo dài theo hình thức BT - <i>Quy mô: 4km x 60m</i> - <i>NDT đề xuất: Công ty CP Tập đoàn T&T</i>	Quỹ đất chưa phù hợp (Quỹ đất 2 bên sông Hồng)			
4	Đường vành đai 5 đoạn đi qua địa bàn thị xã Sơn Tây theo hình thức BT - <i>Quy mô: 10,5km x 100-120m</i> - <i>NDT đề xuất: Công ty CP ĐTXD Hoàng Dương</i>	280ha xã Cổ Đông, thị xã Sơn Tây và 150ha xã Yên Bái, huyện Ba Vì (<i>Chưa xác định rõ ranh giới, quy mô quỹ đất đối ứng</i>)	430		
5	<i>Công trình trọng điểm</i> Cầu Từ Liêm và đường từ cầu Từ Liêm đến cao tốc Hà Nội - Thái Nguyên theo hình thức BT - <i>Quy mô: Cầu 3,0kmx29,5m; Đường 9kmx60m</i> - <i>NDT đề xuất: Cty CP Tập đoàn Mặt Trời - Sun Group</i>	Phân khu N9, Đông Anh và Gia Lâm	193		
6	<i>Công trình trọng điểm</i> Cầu Thượng Cát (bao gồm đường hai đầu cầu) theo hình thức BT (thuộc Vành đai 3,5) - <i>Quy mô: 4,5kmx60m</i> - <i>NDT đề xuất: Liên danh: Tập đoàn Cường Thịnh Thi - Tập đoàn Xây dựng Miền Trung</i>	Chưa xác định được quy mô quỹ đất thanh toán			
7	<i>Công trình trọng điểm</i> Cầu Đường 2 và đường nối đến địa phận tỉnh Bắc Ninh theo hình thức BT/BOT - <i>Quy mô: Cầu 0,5kmx33m; Đường Bắc 4,2kmx48m</i> - <i>NDT đề xuất: Liên danh: CIENCO 1 - Đức Bình - Cát Mép</i>	Quỹ đất đề xuất chưa phù hợp			
8	Cầu Hồng Hà và đường dẫn 2 đầu cầu thuộc đường Vành đai 4 theo hình thức BT - <i>NDT đề xuất: Công ty CP Tập đoàn Hoàn H Sơn</i>	Quỹ đất đề xuất chưa phù hợp			

Stt	Tên công trình/dự án	Vị trí quỹ đất thanh toán	Diện tích quỹ đất thanh toán (ha)	Hiện trạng	Chức năng theo quy hoạch và chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc
9	Cải tạo, mở rộng QL3 đoạn qua địa bàn huyện Sóc Sơn theo hình thức BT - Quy mô: 14km x 52m) - NĐT đề xuất: Công ty CP Đầu tư và Tư vấn Hà Long	Quỹ đất chưa phù hợp			
10	Đường liên khu vực phía Đông Khu công nghiệp Nguyễn Khế - Quy mô: 7km x 40m - NĐT đề xuất: Liên danh: Công ty CP đầu tư và phát triển hạ tầng Hoàng Thành - CapitalLand	Lô IV.7.3-1A, IV.7.4-1B, IV.7.3-2A, IV.7.3-2B, IV.8.3, VII.2.1 và VII.2.2, xã Kim Nỗ, Tiên Dương và Hải Bối; Lô D5, Long Biên; Lô XH, Bắc Từ Liêm (Chồng lấn ranh giới Dự án)			
11	Tuyến đường liên khu vực LK39 nối Quang Minh – Bắc Hồng – Tiên Dương, đoạn từ Võ Văn Kiệt đến QL3 theo hình thức BT - Quy mô: 7,1km x 40m - NĐT đề xuất: Liên danh: Công ty CP Logistics Hàng Không (ALS) – Công ty CP Đầu tư thương mại và Dịch vụ quốc tế (INTERSERCO)	Khu đô thị ALS City 1 -2, Khu TTTC và TMDV Ga Bắc Hồng (Chồng lấn ranh giới Dự án)			
12	Các tuyến đường giao thông liên khu vực nối từ đường 32 đến Đại lộ Thăng Long, huyện Hoài Đức theo hình thức BT do NĐT đề xuất - Quy mô: Tuyến 1: 8,020km x 50m; Tuyến 2: 4,655km x 50m - NĐT tập đề xuất: Liên danh: Công ty CP xây dựng Đất Việt - Công ty CP Minh Dương - Công ty CP HSTC - Công ty CP Thành Long - Công ty CP Bắc Cổ Nhuế - Công ty TNHH Bắc Thăng Long	9 khu đất của các công ty trong Liên danh đã được giao nhưng chưa sử dụng + quỹ đất thuộc ô quy hoạch VIII.1.2 phần khu N8, xã Vĩnh Ngọc, Đông Anh (Chồng lấn ranh giới Dự án)			
13	Đầu tư xây dựng đường vành đai thị trấn Quốc Oai (từ đường Bắc Nam đô thị Quốc Oai đến đường tỉnh 421B) theo hình thức BT - Quy mô: 5,7km x 42m - NĐT đề xuất: Công ty CP TASCO	Khu đất tại đô thị sinh thái Quốc Oai và Khu đô thị vệ tinh hòa lạc (Chưa rõ ranh giới, quy mô quỹ đất đối ứng)			
14	Tuyến đường liên khu vực phía Nam sông Cà Lồ (Đường BTL-NB đến QL3) thuộc nhóm Hạ tầng khung Nhật Tân - Nội Bài theo hình thức BT - NĐT đề xuất: 1. Công ty CP đầu tư xây dựng Hải Đăng; 2. Liên danh: Công ty CP đầu tư và thương mại Thủ đô - Công ty CP đầu tư Bất động sản Bắc 9	Chưa xác định được quỹ đất đối ứng			
15	Xây dựng hạ tầng giao thông chủ yếu theo quy hoạch chung thị trấn Thường Tín theo hình thức BT - Quy mô: 6,3km x 16m - NĐT đề xuất: Liên danh HTC-TRAINCO	Khu nhà ở hỗn hợp thị trấn Thường Tín (Chồng lấn ranh giới Dự án)			

Stt	Tên công trình/dự án	Vị trí quỹ đất thanh toán	Diện tích quỹ đất thanh toán (ha)	Hiện trạng	Chức năng theo quy hoạch và chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc
16	Đầu tư xây dựng 02 tuyến đường Minh Khai - Vĩnh Hưng - Sông Gạo - Linh Nam và Linh Nam - Đê Nguyễn Khoái, quận Hoàng Mai theo hình thức BT do NĐT đề xuất - Quy mô: Tuyến 1: 1.340m x 30m; Tuyến 2: 920m x 17,5m) - NĐT đề xuất: Liên danh: Công ty CP Sông Hồng - Geo Vietnam	Quỹ đất chưa phù hợp			
17	Tuyến đường Quốc lộ 3 đi Hồ Đồng Quan (qua tỉnh lộ 131) - Quy mô: 16km x 9m - NĐT đề xuất: Công ty CP đầu tư và phát triển đô thị Tây Hồ	Đất ở đô thị C2.TT1, C2.TT2; Khu đất xen kẹt phường Xuân La, Tây Hồ; Khu AA-5 Sóc Sơn (Chồng lấn ranh giới Dự án)			
18	Tuyến đường Quốc lộ 3 đi Làng Đại học - Quy mô: 4km x 50m. - NĐT đề xuất: Công ty CP địa ốc Bách Việt	Quỹ đất chưa phù hợp			
19	Đường tỉnh 422B đi Cầu Khum, huyện Hoài Đức - Quy mô: 2,55km x 40-50m - NĐT đề xuất: Liên danh: Công ty CP địa ốc Bách Việt - Công ty CP Long Giang	Quỹ đất chưa phù hợp			
20	Xây dựng tuyến đường có mặt cắt 40m nổi từ phố Hàm Nghi đến QL70 trên địa bàn quận Nam Từ Liêm theo hình thức BT - Quy mô: 3km, bao gồm cầu qua sông Nhuệ 120m - NĐT đề xuất: Công ty TNHH Bình An	Các khu đất thuộc khu vực Miếu Nha, quận Nam Từ Liêm (Chưa rõ ranh giới, quy mô quỹ đất đối ứng)			
21	Tuyến đường trục từ Vĩnh Ngọc - Cò Loa - Việt Hùng - Nguyễn Khê huyện Đông Anh - Quy mô: 11km x 40m) - NĐT đề xuất: Công ty CP Bưu chính viễn thông NVT	170ha xã Mỹ Hưng, và 120ha thị trấn Kim Bài, huyện Thanh Oai (Chưa rõ ranh giới, quy mô quỹ đất đối ứng)			
22	Xây dựng tuyến đường từ Thành cổ Sơn Tây tới phía Bắc Đền Và (và một số tuyến đường khu Trung tâm hành chính mới Thị xã) theo hình thức BT - Quy mô: 2,23km x 38-45m - NĐT đề xuất: Công ty CP Tập đoàn T&T	Khu đô thị mới Trung Hưng (Chưa rõ ranh giới, quy mô quỹ đất đối ứng)			
23	Đầu tư xây dựng tuyến đường nổi từ QL5 kéo dài đến đường 23B huyện Đông Anh theo hình thức BT - NĐT đề xuất: Công ty CP đầu tư xây dựng và phát triển Nam Việt	Các ô đất thuộc ô quy hoạch IV.7.4 và IV.5.1 phân khu N4 (100ha) và ô đất thuộc V.2.1 phân khu N5 (34,5ha), huyện Đông Anh (Chưa rõ ranh giới, quy mô quỹ đất đối ứng)			
24	Đường Võ Thị Sáu kéo dài theo hình thức BT - NĐT đề xuất: CT CP Tập đoàn Mặt Trời Sungroup	Chưa xác định được quỹ đất đối ứng			

Stt	Tên công trình/dự án	Vị trí quỹ đất thanh toán	Diện tích quỹ đất thanh toán (ha)	Hiện trạng	Chức năng theo quy hoạch và chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc
25	Đường liên khu vực phía Bắc Khu công nghiệp Nguyễn Khê theo hình thức BT - NĐT đề xuất: Công ty CP đầu tư xây dựng Hải Đăng	Chưa xác định được quỹ đất đối ứng			
26	Tuyến đường chính khu vực số 2 thuộc nhóm hạ tầng khung Nhật Tân Nội Bài theo hình thức BT - NĐT đề xuất: Công ty CP đầu tư xây dựng Hải Đăng	Chưa xác định được quỹ đất đối ứng			
27	Tuyến đường chính khu vực số 1 thuộc nhóm Hạ tầng khung Nhật Tân - Nội Bài theo hình thức BT - NĐT đề xuất: 1. Công ty CP đầu tư xây dựng Hải Đăng; 2. Liên danh: Công ty CP đầu tư và thương mại Thủ đô - Công ty CP đầu tư Bất động sản Bắc 9	Chưa xác định được quỹ đất đối ứng			
28	Đường nối giữa Đường từ Hoàng Quốc Việt kéo dài đi khu CN Nam Thăng Long đến Đường vành đai 3,5, phường Tây Tựu theo hình thức BT - Quy mô: 4,5km x 40m - NĐT đề xuất: Liên danh: Tổng công ty xây dựng Hà Nội - Công ty CPĐT Thịnh Phát - Công ty CPDV Hàng không Thăng Long	Khu đô thị Tây Tựu	15,35		
29	Đường từ Đại lộ Thăng Long – đầu nối vào đường Tỉnh lộ 419 đi Tân Xã (đường ĐH08) và đoạn từ đường TL 419 đi Tân Xã – đường TL420 (Đường ĐH11) - Quy mô: 7km - NĐT đề xuất: Công ty CP Tư vấn và Xây dựng Phú Xuân	Chưa xác định được quỹ đất đối ứng			
30	Đường từ TL419 – Chang Sơn – Tỉnh Lộ 420 – Đi Quốc lộ 32 (Đường ĐH 04) - Quy mô: 7,1km - NĐT đề xuất: Công ty CP Tư vấn và Xây dựng Phú Xuân	Chưa xác định được quỹ đất đối ứng			
31	Đầu tư xây dựng đường nối từ Đường trục phía Nam tỉnh Hà Tây (cũ) đến đường Hương Sơn - Tam Chúc, tiếp giáp tỉnh Hà Nam (thuộc trục tuyến Mỹ Đình - Ba Sao - Bái Đình) theo hình thức BOT - Quy mô: 12,7kmx40m - NĐT đề xuất: Liên danh CIENCO1 - Thiên Phú Hưng	Chưa xác định được quỹ đất đối ứng			
32	Tuyến đường mặt cắt 48m khu đô thị Mê Linh tại xã Tiên Phong, huyện Mê Linh theo hình thức BT - Quy mô: 2,5km x 48m - NĐT đề xuất: Công ty TNHH Minh Giang	Khu nhà ở Minh Giang - Đầm Và giai đoạn 2 và 3 (khoảng 21ha)	21		

Stt	Tên công trình/dự án	Vị trí quy đất thanh toán	Diện tích quy đất thanh toán (ha)	Hiện trạng	Chức năng theo quy hoạch và chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc
33	Xây dựng tuyến đường tại phường Yên Sở (từ đường Tam Trinh đến đường Minh Khai - Vĩnh Tuy - Yên Duyệt), quận Hoàng Mai theo hình thức BT - NĐT đề xuất: Công ty CP đầu tư xây dựng và kinh doanh nhà số 35	B11/ODK1 và B7-HH11, quận Hoàng Mai (Chưa làm rõ ranh giới, quy mô quỹ đất đối ứng)			
34	Đường Đỗ Xá - Quan Sơn theo hình thức BOT (Quy mô: 28,87kmx35m)	Chưa xác định được quỹ đất đối ứng			
35	Trục phát triển kinh tế huyện Thanh Oai (Quy mô: 7km x 22,5m)	Chưa xác định được quỹ đất đối ứng			
36	Công trình trọng điểm Tuyến đường sắt đô thị TPHN tuyến 2, đoạn Trần Hưng Đạo - Thượng Đình	Chưa xác định được quỹ đất đối ứng			
37	Công trình trọng điểm Tuyến đường sắt đô thị số 4 giai đoạn I (đoạn từ Thượng Đình - Hoàng Quốc Việt)	Chưa xác định được quỹ đất đối ứng			
38	Công trình trọng điểm Tuyến đường sắt đô thị số 5 giai đoạn I (đoạn từ Văn Cao đến đường vành đai 4)	Chưa xác định được quỹ đất đối ứng			
39	Công trình trọng điểm Tuyến đường sắt đô thị số 8: Mai Dịch - Vành đai 3 - Lĩnh Nam - Dương Xá	Chưa xác định được quỹ đất đối ứng			
40	Công trình trọng điểm Tuyến đường sắt đô thị TPHN đoạn Nam Thăng Long - Nội Bài	Chưa xác định được quỹ đất đối ứng			
41	Nâng cấp trục chính sông Nhuệ kết hợp làm đường giao thông, cải thiện môi trường gắn với chỉnh trang đô thị theo hình thức BT (từ Liên Mạc đến cống Hà Đông) - Quy mô: 17,7km x 40-50m - NĐT đề xuất: Công ty CP TASCOCO	Quy đất đơn vị ở 1, Nam Từ Liêm (7ha); Quy đất phường Phú Đô, Nhà ở xã hội Khu sinh thái Xuân Phương; các quỹ đất dọc hai bên bờ sông Nhuệ (Chưa xác định rõ ranh giới, quy mô quỹ đất đối ứng)			
42	Nâng cấp trục chính sông Nhuệ kết hợp làm đường giao thông, cải thiện môi trường gắn với chỉnh trang đô thị (đoạn từ cống Hà Đông đến vành đai 4) - NĐT đề xuất: Công ty CP ĐT An Thịnh	Chưa xác định được quy mô quỹ đất đối ứng			
43	Hệ thống thu gom nước thải về Nhà máy xử lý nước thải Yên Sở theo hình thức BT - NĐT đề xuất: Công ty CP Đầu tư Xây dựng và Thương mại Phú Điền	Chưa xác định được quy mô quỹ đất đối ứng			

Stt	Tên công trình/dự án	Vị trí quỹ đất thanh toán	Diện tích quỹ đất thanh toán (ha)	Hiện trạng	Chức năng theo quy hoạch và chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc
44	<p>Hệ thống thu gom và Nhà máy xử lý nước thải lưu vực S3, đồng thời bổ cập thải sau xử lý cho sông Tô Lịch thực hiện theo hình thức BT kết hợp BOT</p> <p>- Quy mô: Thu gom và xử lý nước thải lưu vực S3, diện tích khoảng 2.394ha</p> <p>- NĐT đề xuất: Công ty CP Đầu tư Xây dựng và Thương mại Phú Điền</p>	<p>Dự kiến Khu A, khu B tại quỹ đất còn lại Khu đô thị công viên công nghệ phần mềm (Chưa rõ ranh giới, quy mô quỹ đất đối ứng)</p>			
46	<p>Xây dựng trạm bơm tiêu Yên Thái, huyện Hoài Đức theo hình thức BT</p> <p>(Quy mô: 54,3m³/h)</p> <p>- NĐT đề xuất: Công ty CP Năng lượng Thiên Ân</p>	<p>Chưa xác định được quy mô</p>			
47	<p>Hệ thống thu gom và xử lý nước thải đô thị khu vực quận Hà Đông và Sơn Tây theo hình thức BLT hoặc BOT:</p> <p>- Khu vực Hà Đông (Quy mô: 20.000m³/ngđ)</p> <p>- Khu vực Sơn Tây (Quy mô: 9.000m³/ngđ)</p> <p>- Đơn vị lập đề xuất: Ban QLDA cấp thoát nước và Môi trường</p>				
48	<p>Đầu tư xây dựng khu liên hợp xử lý bùn, phế thải Yên Sở theo hình thức BOO</p> <p>- Quy mô: 1.100 tấn / ngđ</p> <p>- NĐT đề xuất: Công ty TNHH MTV thoát nước Hà Nội</p>				
49	<p>Xây dựng tuyến mương Việt Hưng - Cầu Bấy, hồ điều hòa và trạm bơm Cự Khối theo hình thức BT</p> <p>- NĐT đề xuất: Công ty CPHT và BDS Việt Nam</p>	<p>Chưa xác định được quy mô quỹ đất đối ứng</p>			
50	<p>Cải tạo sông Đáy theo hình thức BT do NĐT đề xuất</p> <p>- NĐT đề xuất: Công ty CP ĐT PT Đô thị Việt Hưng</p>	<p>Các khu đất dự kiến phát triển đô thị trên địa bàn huyện Hoài Đức (Chưa xác định rõ ranh giới, quy mô quỹ đất đối ứng)</p>			
51	<p>Xây dựng Nhà máy xử lý nước thải Hải Bối - Sơn Du - Cỗ Loa và mạng lưới đường ống thoát nước Hải Chính theo hình thức BT/BOO</p> <p>- Quy mô: 1 ha, 250.000m³/ngđ</p> <p>- Công ty CP Đầu tư Xây dựng và Thương mại Phú Điền</p>	<p>Chưa xác định được quy mô quỹ đất đối ứng</p>			
52	<p>Tiếp nước, cải tạo khôi phục sông Tích</p> <p>- Đoạn từ Lương Phú, xã Thuận Mỹ, huyện Ba Vì từ Cầu Trắng (thị xã Sơn Tây) đến cầu Ó (huyện Phúc Thọ) (Quy mô: 13,2km)</p> <p>- Đoạn từ Cầu Ó (huyện Phúc Thọ) đến Ba Thá (huyện Mỹ Đức) (Quy mô: 69,7km)</p> <p>- NĐT đề xuất: Tổng công ty CP đầu tư phát triển Hải Sơn - Tổng công ty 86</p>	<p>Chưa xác định được quy mô quỹ đất đối ứng</p>			

PHỤ LỤC 03D: DANH MỤC 09 CƠ SỞ NHÀ, ĐẤT DO CÁC DOANH NGHIỆP DO NHÀ NƯỚC NẮM GIỮ 100% VỐN ĐIỀU LỆ, CÔNG TY CỔ PHẦN VÀ CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN DO NHÀ NƯỚC NẮM GIỮ TRÊN 50% VỐN ĐIỀU LỆ ĐANG QUẢN LÝ, SỬ DỤNG PHẢI DI DỜI THEO QUY HOẠCH

TT	Tên đơn vị có cơ sở sản xuất	Địa chỉ sản xuất	Diện tích (m2)	Ngành nghề sản xuất trên khu đất	Hiện trạng	Rà soát quy hoạch	Chủ trương	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9
1	Công ty In báo Nhân dân Hà Nội	15 Hàng Tre, quận Hoàn Kiếm	1.554,0	In ấn	Vẫn còn hoạt động in ấn	Theo QH quận HK UBND Tp đã phê duyệt tại QĐ số 96/2000/QĐ-UB ngày 07/11/2000: Đất công nghiệp không độc hại. Theo QHPK H1-1A (cụ thể hóa QHC xây dựng Thủ đô Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại QĐ số 1259/QĐ-TTg ngày 26/7/2011, đang được Viện QHXD Hà Nội hoàn thiện trình UBND Tp phê duyệt): Vị trí khu đất dự kiến quy hoạch là đất công cộng. (Theo Quy hoạch hệ thống bến xe, bãi đỗ xe, trung tâm tiếp vận và trạm dừng nghỉ trên địa bàn thành phố Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050 do Viện Quy hoạch xây dựng Hà Nội nghiên cứu lập, đang hoàn chỉnh để trình phê duyệt: Dự kiến bố trí bãi đỗ xe tập trung của Thành phố (xây dựng ngầm).	Công ty có kế hoạch chuyển bộ phận SX ra khỏi nội đô	
2	Công ty TNHH 1TV In báo Hà Nội Mới	35 Nhà Chung, quận Hoàn Kiếm	1.844,9		Trụ sở công ty (có sản xuất, người dân kiến nghị có tiếng ồn)	Theo QH quận HK UBND Tp đã phê duyệt tại QĐ số 96/2000/QĐ-UB ngày 07/11/2000: Đất trường học. Theo QHPK H1-1B (cụ thể hóa QHC xây dựng Thủ đô Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại QĐ số 1259/QĐ-TTg ngày 26/7/2011), đang được Viện QHXD Hà Nội hoàn thiện trình UBND Tp phê duyệt: Vị trí khu đất dự kiến quy hoạch là đất trường học và đất cơ quan.	Đã có chủ trương xây dựng nhà máy để chuyển nhà máy ra khỏi nội đô	
3	Nhà máy Bia Hà Nội – Tổng công ty CP Bia – rượu- nước giải khát Hà Nội	183 Hoàng Hoa Thám, phường Ngọc Hà, quận Ba Đình	52.230,0	Sản xuất bia	Đang hoạt động SX và trưng bày giới thiệu sản phẩm	Theo QHXD Thủ đô: Khu đất có chức năng đất dân dụng hiện trạng; Theo QHPK H1-2 đang trình phê duyệt: Đất hỗn hợp+Công cộng+Trường THPT+Cây xanh + nhà ở + bãi đỗ xe	Ngày 16/12/2009, Bộ Công thương có Văn bản số 12707/BCT-CNN đồng ý về chủ trương của Tổng Công ty Bia – Rượu – Nước giải khát Hà Nội chuyển đổi mục đích sử dụng khu đất tại số 183 Hoàng Hoa Thám, quận Ba Đình nhằm giảm bớt công suất sản xuất bia trong khu vực nội thành, nhằm khắc phục 6 nhiệm vụ môi trường trong Thành phố phù hợp với chủ trương của Nhà nước và quy hoạch của Thành phố	
4	Công ty TNHH MTV Thuộc lá Thăng Long	235 Nguyễn Trãi, phường Thượng Đình, quận Thanh Xuân	64.226,0	Ngành sản xuất thuộc lá		Thuộc QHPK H2-3: Công cộng Thành phố và khu vực, Hỗn hợp (DVTM, ở), công cộng đơn vị ở, Nhà trẻ, Trường Tiểu học, cây xanh	UBND Thành phố đã phê duyệt Quy hoạch chi tiết khu chức năng đô thị tại Quyết định số 3638/QĐ-UBND ngày 30/7/2015	
5	Công ty TNHH MTV In và TM Thông tấn xã Việt Nam	Số 70/342 Khương Đình, phường Hạ Đình, quận Thanh Xuân	5.000,0	Ngành in	Đang sử dụng làm xưởng in, văn phòng làm việc và kho chứa hàng	- Không phù hợp quy hoạch - Theo Quy hoạch phân khu đô thị H2-3, khu đất thuộc ô quy hoạch số C1-HH11 quy hoạch là đất hỗn hợp, 1 phần thuộc ô quy hoạch số C1-CC6 quy hoạch là đất công cộng, 1 phần thuộc ô quy hoạch C1-CX10 quy hoạch là đất cây xanh		
6	Nhà máy xe lửa Gia Lâm - Cty Vận tải hành khách đường sắt HN	Số 551 Nguyễn Văn Cừ, phường Gia Thụy, quận Long Biên	203.873,0	Sửa chữa toa xe, cho thuê nhà xưởng		Thuộc QHPK N10: Đất công cộng Thành phố		
7	Tổng kho xăng dầu Đức Giang	Số 26 phố Đức Giang Phường Đức Giang, quận Long Biên	159.351,0	Kho xăng dầu		Thuộc QHPK N10: Đất hỗn hợp (B.2/HH6, B.2/HH7), đất nhóm nhà ở (B.2/NO6), đất cây xanh ĐVO (B.2/CX9), đất bãi đỗ xe (B.2/P4), đất đường giao thông		

TT	Tên đơn vị cơ sở sản xuất	Địa chỉ sản xuất	Diện tích (m ²)	Ngành nghề sản xuất trên khu đất	Hiện trạng	Rà soát quy hoạch	Chủ trương	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9
8	Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Nông nghiệp	Số 167/6 phố Phương Mai, phường Phương Mai, quận Đống Đa	821,0	In ấn báo, tạp chí...		- Theo QHCT quận Đống Đa, tỷ lệ 1/2000 đã được UBND Thành phố phê duyệt: Đất cơ quan dự kiến - Theo QHPK đô thị H1-3, tỷ lệ 1/2000 (đang hoàn chỉnh): Dự kiến chức năng đất cơ quan - Hiện nằm trong phạm vi ranh giới nghiên cứu lập QHCT Cải tạo, xây dựng lại KTT Phương Mai, tỷ lệ 1/500 chưa được cấp thẩm quyền phê duyệt.		
9	Viện Hóa học công nghiệp Việt Nam	P Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm	30.000,0	SX thuốc tuyền quặng, thực phẩm chức năng từ nghệ	1 phần đã phân cho cán bộ, công nhân viên; 1 phần sản xuất	QHPK GS: Đất cơ quan, viện nghiên cứu		

PHỤ LỤC 03E: QUỸ NHÀ, ĐẤT DO TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT HÀ NỘI TIẾP NHẬN QUẢN LÝ

Stt	Tên và vị trí quỹ đất	Chủ đầu tư/Cơ quan bàn giao	Diện tích (m ²)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	Tổng số		10.353	
1	64 Đội Cấn phường Đội Cấn, Ba Đình	Tổng Công ty thương mại Hà Nội	21,9	Quyết định số 6565/QĐ-UBND ngày 20/9/2017 của UBND Thành phố thu hồi, giao cho Trung tâm PTQĐ HN quản lý
2	Số 4 ngõ 173 Hoàng Hoa Thám, phường Ngọc Hà, Ba Đình	Tổng Công ty thương mại Hà Nội	31,2	Quyết định số 6565/QĐ-UBND ngày 20/9/2017 của UBND Thành phố thu hồi, giao cho Trung tâm PTQĐ HN quản lý
3	Số 1 Nguyễn Trường Tộ, phường Nguyễn Trung Trực, Hoàn Kiếm	Tổng Công ty thương mại Hà Nội	22,6	Quyết định số 6565/QĐ-UBND ngày 20/9/2017 của UBND Thành phố thu hồi, giao cho Trung tâm PTQĐ HN quản lý
4	12 Phan Phù Tiên, phường Cát Linh, Đống Đa.	Tổng Công ty thương mại Hà Nội	29,1	Quyết định số 6565/QĐ-UBND ngày 20/9/2017 của UBND Thành phố thu hồi, giao cho Trung tâm PTQĐ HN quản lý
5	199 Lò Đúc, phường Đông Mác, Hai Bà Trưng	Tổng Công ty thương mại Hà Nội	22,0	Quyết định số 6565/QĐ-UBND ngày 20/9/2017 của UBND Thành phố thu hồi, giao cho Trung tâm PTQĐ HN quản lý
6	Số 2 ngõ 61 Lê Văn Hưu, phường Ngô Thì Nhậm, Hai Bà Trưng	Tổng Công ty thương mại Hà Nội	29,9	Quyết định số 6565/QĐ-UBND ngày 20/9/2017 của UBND Thành phố thu hồi, giao cho Trung tâm PTQĐ HN quản lý
7	76 Lò Đúc phường Phạm Đình Hổ, Hai Bà Trưng	Tổng Công ty thương mại Hà Nội	26,3	Quyết định số 6565/QĐ-UBND ngày 20/9/2017 của UBND Thành phố thu hồi, giao cho Trung tâm PTQĐ HN quản lý
8	214 Hàng Bông phường Hàng Bông, Hoàn Kiếm	Tổng Công ty thương mại Hà Nội	51,0	Quyết định số 6565/QĐ-UBND ngày 20/9/2017 của UBND Thành phố thu hồi, giao cho Trung tâm PTQĐ HN quản lý
9	142 Hàng Bông phường Hàng Bông, Hoàn Kiếm	Tổng Công ty thương mại Hà Nội	28,0	Quyết định số 6565/QĐ-UBND ngày 20/9/2017 của UBND Thành phố thu hồi đất, giao cho Trung tâm PTQĐ HN quản lý
10	84 Trần Nhật Duật phường Hàng Buồm, Hoàn Kiếm	Tổng Công ty thương mại Hà Nội	257,0	Quyết định số 6565/QĐ-UBND ngày 20/9/2017 của UBND Thành phố thu hồi, giao cho Trung tâm PTQĐ HN quản lý
11	80 Hàng Đào phường Hàng Đào Hoàn Kiếm	Tổng Công ty thương mại Hà Nội	12,0	Quyết định số 6565/QĐ-UBND ngày 20/9/2017 của UBND Thành phố thu hồi, giao cho Trung tâm PTQĐ HN quản lý
12	104 Hàng Gai phường Hàng Gai, Hoàn Kiếm	Tổng Công ty thương mại Hà Nội	28,4	Quyết định số 6565/QĐ-UBND ngày 20/9/2017 của UBND Thành phố thu hồi, giao cho Trung tâm PTQĐ HN quản lý
13	23 Hàng Trống phường Hàng Trống, Hoàn Kiếm	Tổng Công ty thương mại Hà Nội	32,0	Quyết định số 6565/QĐ-UBND ngày 20/9/2017 của UBND Thành phố thu hồi, giao cho Trung tâm đấu giá QSD đất
14	102 Nguyễn Hữu Huân phường Lý Thái Tổ, Hoàn Kiếm	Tổng Công ty thương mại Hà Nội	20,0	Quyết định số 6565/QĐ-UBND ngày 20/9/2017 của UBND Thành phố thu hồi đất, giao cho Trung tâm PTQĐ HN quản lý
15	25 Hàng Thùng phường Lý Thái Tổ, Hoàn Kiếm	Tổng Công ty thương mại Hà Nội	27,0	Quyết định số 6565/QĐ-UBND ngày 20/9/2017 của UBND Thành phố thu hồi, giao cho Trung tâm PTQĐ HN quản lý
16	20 Hàng Gai phường Hàng Gai, Hoàn Kiếm	Tổng Công ty thương mại Hà Nội	48,7	Quyết định số 6565/QĐ-UBND ngày 20/9/2017 của UBND Thành phố thu hồi, giao cho Trung tâm PTQĐ HN quản lý
17	24 Hàng Bò, phường Hàng Bò, Hoàn Kiếm	Tổng Công ty thương mại Hà Nội	28,2	Quyết định số 6565/QĐ-UBND ngày 20/9/2017 của UBND Thành phố thu hồi đất, giao cho Trung tâm PTQĐ HN quản lý
18	21 Hàng Trống, phường Hàng Trống, Hoàn Kiếm	Tổng Công ty thương mại Hà Nội	12,8	Quyết định số 8333/QĐ-UBND ngày 30/11/2017 của UBND Thành phố thu hồi, giao cho Trung tâm PTQĐ HN quản lý
19	20 Hàng Đào phường Hàng Đào, Hoàn Kiếm	Tổng Công ty thương mại Hà Nội	35,9	Quyết định số 1478/QĐ-UBND ngày 28/03/2019 của UBND Thành phố thu hồi, giao cho Trung tâm PTQĐ HN quản lý
20	45 Mã Mây phường Hàng Buồm, Hoàn Kiếm	Tổng Công ty thương mại Hà Nội	19,8	Quyết định số 1476/QĐ-UBND ngày 28/03/2018 của UBND Thành phố thu hồi, giao cho Trung tâm PTQĐ HN quản lý
21	68 Tạ Quang Bửu (số 2 Tạ Quang Bửu cũ) phường Bạch Mai, Hai Bà Trưng	Tổng Công ty thương mại Hà Nội	32,1	Quyết định số 4568/QĐ-UBND ngày 31/08/2018 của UBND Thành phố thu hồi, giao cho Trung tâm PTQĐ HN quản lý
22	217 Hàng Bông phường Hàng Bông, Hoàn Kiếm	Tổng Công ty thương mại Hà Nội	39,4	Quyết định số 5676/QĐ-UBND ngày 23/10/2018 của UBND Thành phố thu hồi, giao cho Trung tâm PTQĐ HN quản lý

Stt	Tên và vị trí quỹ đất	Chủ đầu tư/Cơ quan bàn giao	Diện tích (m ²)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
23	Ngõ Chợ Khâm Thiên phường Khâm Thiên, Đống Đa	Tổng Công ty thương mại Hà Nội	46,8	Quyết định số 4896/QĐ-UBND ngày 17/09/2018 của UBND Thành phố thu hồi, giao cho Trung tâm PTQĐ HN quản lý
24	7 Thuốc Bắc phường Hàng Bồ, Hoàn Kiếm	Tổng Công ty thương mại Hà Nội	26,9	Quyết định số 6130/QĐ-UBND ngày 07/11/2018 của UBND Thành phố thu hồi, giao cho Trung tâm PTQĐ HN quản lý
25	7 Hàng Khay phường Tràng Tiền, Hoàn Kiếm	Tổng Công ty thương mại Hà Nội	81,7	Quyết định số 5550/QĐ-UBND ngày 11/08/2018 của UBND Thành phố thu hồi, giao cho Trung tâm PTQĐ HN quản lý
26	33 Hàng Trống phường Hàng Trống, Hoàn Kiếm	Tổng Công ty thương mại Hà Nội	47,9	
27	63 Hàng Giấy phường Đồng Xuân, Hoàn Kiếm	Tổng Công ty thương mại Hà Nội	28,7	
28	44 Bà Triệu phường Hàng Bài, Hoàn Kiếm	Tổng Công ty thương mại Hà Nội	32,7	
29	55 Nguyễn Trãi Khuong Trung, Thanh Xuân	Tổng Công ty thương mại Hà Nội	74,2	
30	Đội Thuế Đồng Mai, phường Đồng Mai, quận Hà Đông	Cục Thuế Hà Nội	39,5	Quyết định số 6758/QĐ-UBND ngày 28/9/2017 của UBND Thành phố thu hồi, giao cho Trung tâm PTQĐ HN quản lý
31	Trạm thuế Đồng Quang, xã Phương Dục, huyện Phú Xuyên	Cục Thuế Hà Nội	91,0	Quyết định số 6286/QĐ-UBND ngày 28/9/2017 của UBND Thành phố thu hồi, giao cho Trung tâm PTQĐ HN quản lý
32	Trạm đội thuế Sơn Đà, xã Sơn Đà, huyện Ba Vì	Cục Thuế Hà Nội	147,5	Quyết định số 6285/QĐ-UBND ngày 28/9/2017 của UBND Thành phố thu hồi, giao cho Trung tâm PTQĐ HN quản lý
33	Đội thuế Vạn Thắng, xã Vạn Thắng, huyện Ba Vì	Cục Thuế Hà Nội	174,2	Quyết định số 6284/QĐ-UBND ngày 28/9/2017 của UBND Thành phố thu hồi, giao cho Trung tâm PTQĐ HN quản lý
34	Đội Thuế Hòa Nam, xã Hòa Nam, huyện Ứng Hòa	Cục Thuế Hà Nội	105,6	Quyết định số 6384/QĐ-UBND ngày 28/9/2017 của UBND Thành phố thu hồi, giao cho Trung tâm PTQĐ HN quản lý
35	Đội thuế Viên An, xã Viên An, huyện Ứng Hòa	Cục Thuế Hà Nội	136,0	
36	Khu đất tại xã Uy Nỗ, huyện Đông Anh	Công ty Điện Ảnh Hà Nội	84,5	Quyết định số 4745 ngày 06/9/2018 của UBND Thành phố thu hồi, giao cho Trung tâm PTQĐ HN quản lý
37	Khu đất tại số 17-19 Đặng Dung	Công ty Điện Ảnh Hà Nội	724,8	Còn lại 120,8m ² chưa tiếp nhận được do có các hộ dân vẫn đang ở
38	23 Thái Thịnh, Đống Đa	Công ty Điện Ảnh Hà Nội	1.764,5	
39	Tầng 1, số 46 Phan Đình Phùng	Nhà khách UBND Thành phố	61,3	Quyết định số 3080 ngày 10/6/2019 của UBND Thành phố thu hồi, giao cho Trung tâm PTQĐ HN quản lý
40	Tầng 1 số 110 Quán Thánh	Nhà khách UBND Thành phố	33,8	Quyết định số 2960/QĐ-UBND ngày 05/6/2019 của UBND Thành phố thu hồi, giao cho Trung tâm PTQĐ HN quản lý
41	Thu hồi đất tại 153 Yên Phụ	Tổng Công ty Du lịch	2.678,0	Quyết định số 2843/QĐ-UBND ngày 29/6/2020 của UBND Thành phố thu hồi, giao cho Trung tâm PTQĐ HN quản lý
42	Tiếp nhận cơ sở nhà đất cũ của Trường Cán bộ Thanh tra. Phường Đông Ngạc, quận Bắc Từ Liêm	Trường Cán bộ Thanh tra	2.960,0	Tiếp nhận ngày 03/11/2017
43	18 Phùng Khắc Khoan, Hai Bà Trưng	Nhà khách UBND Thành phố	158,2	Quyết định số 3029/QĐ-UBND ngày 06/6/2019 của UBND Thành phố thu hồi, giao cho Trung tâm PTQĐ HN quản lý

PHỤ LỤC 03F: QUỸ ĐẤT ĐÀU GIÁ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT GIAI ĐOẠN 2022 - 2023

Stt	Đơn vị tổ chức đấu giá QSDĐ	Nguồn vốn đầu tư		NĂM 2022					KẾ HOẠCH NĂM 2023				
		Ngân sách cấp huyện	Quỹ ĐTPT Thành phố	Số dự án	Diện tích (m2)	Số tiền dự kiến trúng đấu giá	Chi phí đầu tư hoàn trả	Tiền nộp ngân sách dự kiến	Số dự án	Diện tích (m2)	Số tiền dự kiến trúng đấu giá	Chi phí đầu tư hoàn trả	Tiền nộp ngân sách dự kiến
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
1	Thường Tín (A+B)	1.563,55	0,00	45	368.249,61	973,73	609,93	363,79	18	259.827,00	981,42	665,99	315,44
	Dự án trên 5000m2 (A)	1.395,72	0,00	17	314.694,34	735,11	489,93	245,18	12	251.627,00	956,82	647,95	308,88
	Dự án dưới 5000m2 (B)	167,83	0,00	28	53.555,27	238,61	120,00	118,61	6	8.200,00	24,60	18,04	6,56
2	Mỹ Đức (A+B)	23,80	0,00	7	5.843,10	7,98	0,00	7,98	2	3.160,60	3,50	0,00	3,50
	Dự án trên 5000m2 (A)	0,00	0,00	0	0,00	0,00	0,00	0,00	0	0,00	0,00	0,00	0,00
	Dự án dưới 5000m2 (B)	23,80	0,00	7	5.843,10	7,98	0,00	7,98	2	3.160,60	3,50	0,00	3,50
3	Thanh Oai (A+B)	0,00	0,00	8	99.308,00	180,00	0,00	180,00	71	742.910,00	200,00	0,00	200,00
	Dự án trên 5000m2 (A)	0,00	0,00	8	97.308,00	180,00	0,00	180,00	59	719.950,00	184,00	0,00	184,00
	Dự án dưới 5000m2 (B)	0,00	0,00	0	2.000,00	0,00	0,00	0,00	12	22.960,00	16,00	0,00	16,00
4	Chương Mỹ (A+B)	248,63	1.662,57	40	86.984,62	857,53	201,41	656,12	31	467.737,97	2.343,57	1.624,47	719,10
	Dự án trên 5000m2 (A)	132,70	1.652,91	9	59.481,32	707,22	155,99	551,23	12	440.770,29	2.191,80	1.556,63	635,17
	Dự án dưới 5000m2 (B)	115,93	9,65	31	27.503,30	150,31	45,42	104,89	19	26.967,68	151,77	67,84	83,93
5	Đông Anh (A+B)	5.432,34	2.022,00	35	372.606,00	6.279,40	598,03	5.681,37	37	534.950,00	10.073,77	2.331,12	7.742,65
	Dự án trên 5000m2 (A)	1.630,26	2.022,00	23	349.918,00	5.667,24	539,33	5.127,91	32	518.450,00	9.930,77	2.313,12	7.617,65
	Dự án dưới 5000m2 (B)	3.802,08	0,00	12	22.688,00	612,16	58,70	553,46	5	16.500,00	143,00	18,00	125,00
6	Thanh Trì (A+B)	0,00	0,00	7	39.460,00	923,61	161,70	761,91	3	78.916,00	1.682,94	359,77	1.323,17
	Dự án trên 5000m2 (A)	0,00	0,00	4	34.590,00	783,41	161,70	621,71	2	78.000,00	1.669,20	355,63	1.313,58
	Dự án dưới 5000m2 (B)	0,00	0,00	3	4.870,00	140,20	0,00	140,20	1	916,00	13,74	4,15	9,59
7	Phú Xuyên (A+B)	2.359,90	157,49	126	107.855,10	441,12	82,08	359,04	131	120.081,70	471,18	83,84	387,34
	Dự án trên 5000m2 (A)	2.280,50	156,85	83	80.775,00	356,77	69,31	287,45	97	97.025,00	416,25	72,94	343,31
	Dự án dưới 5000m2 (B)	79,40	0,64	43	27.080,10	84,35	12,76	71,59	34	23.056,70	54,93	10,89	44,04
8	Phúc Thọ (A+B)	270,46	435,82	15	21.692,00	252,71	90,00	162,72	15	31.756,00	359,66	196,70	162,96
	Dự án trên 5000m2 (A)	218,56	390,29	6	11.004,00	112,85	55,60	57,25	10	21.326,00	287,50	173,20	114,30

Stt	Đơn vị tổ chức đấu giá QSDĐ	Nguồn vốn đầu tư		NĂM 2022					KẾ HOẠCH NĂM 2023				
		Ngân sách cấp huyện	Quỹ ĐTPT Thành phố	Số dự án	Diện tích (m2)	Số tiền dự kiến trúng đấu giá	Chi phí đầu tư hoàn trả	Tiền nộp ngân sách dự kiến	Số dự án	Diện tích (m2)	Số tiền dự kiến trúng đấu giá	Chi phí đầu tư hoàn trả	Tiền nộp ngân sách dự kiến
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
	Dự án dưới 5000m2 (B)	51,90	45,54	9	10.688,00	139,86	34,40	105,46	5	10.430,00	72,16	23,50	48,66
9	Hoài Đức (A+B)	0,00	0,00	15	93.000,00	696,84	546,67	150,17	8	89.000,00	446,27	222,59	223,69
	Dự án trên 5000m2 (A)	0,00	0,00	14	90.000,00	671,84	532,03	139,81	8	89.000,00	446,27	222,59	223,69
	Dự án dưới 5000m2 (B)	0,00	0,00	1	3.000,00	25,00	14,64	10,37	0	0,00	0,00	0,00	0,00
10	Hoàng Mai (A+B)	342,76	851,10	4	35.306,60	1.100,80	146,94	953,86	3	128.368,00	1.967,00	492,18	1.474,82
	Dự án trên 5000m2 (A)	342,76	851,10	4	35.306,60	1.100,80	146,94	953,86	3	128.368,00	1.967,00	492,18	1.474,82
	Dự án dưới 5000m2 (B)	0,00	0,00	0	0,00	0,00	0,00	0,00	0	0,00	0,00	0,00	0,00
11	Ứng Hòa (A+B)	398,56	803,06	27	110.800,58	855,32	587,33	267,99	18	79.532,67	568,12	214,68	353,44
	Dự án trên 5000m2 (A)	379,05	803,06	26	108.550,58	837,32	581,07	256,25	18	79.532,67	568,12	214,68	353,44
	Dự án dưới 5000m2 (B)	19,51	0,00	1	2.250,00	18,00	6,27	11,74	0	0,00	0,00	0,00	0,00
12	Long Biên (A+B)	467,653	0,00	21	134.312,30	1.436,51	441,65	994,86	13	84.186,48	1.123,86	772,01	351,85
	Dự án trên 5000m2 (A)	388,01	0,00	12	125.724,64	1.265,55	425,47	840,08	11	83.510,47	1.110,34	769,96	340,38
	Dự án dưới 5000m2 (B)	79,64	0,00	9	8.587,66	170,95	16,17	154,78	2	676,01	13,52	2,05	11,47
13	Ba Vì (A+B)	315,60	1.059,80	28	47.270,50	254,82	116,60	138,22	38	54.830,80	285,83	129,46	156,38
	Dự án trên 5000m2 (A)	200,24	1.059,30	10	30.500,00	177,00	89,17	87,83	11	34.000,00	197,75	94,53	103,22
	Dự án dưới 5000m2 (B)	115,36	0,50	18	16.770,50	77,82	27,43	50,39	27	20.830,80	88,08	34,92	53,16
14	Gia Lâm (A+B)	5.052,81	0,00	23	1.573.935,18	4.277,15	0,00	4.299,38	21	537.831,95	3.000,99	0,00	134,25
	Dự án trên 5000m2 (A)	4.088,40	0,00	14	1.522.983,00	4.000,42	0,00	3.906,10	8	317.864,75	1.686,07	0,00	42,41
	Dự án dưới 5000m2 (B)	964,41	0,00	9	50.952,18	276,73	0,00	393,28	13	219.967,20	1.314,92	0,00	91,83
15	Sơn Tây (A+B)	21,16	598,40	10	15.184,00	145,76	112,33	33,43	18	27.932,50	256,06	155,04	101,02
	Dự án trên 5000m2 (A)	0,00	598,40	4	12.000,00	132,00	102,00	30,00	9	22.000,00	222,00	147,00	75,00
	Dự án dưới 5000m2 (B)	21,16	0,00	6	3.184,00	13,76	10,33	3,43	9	5.932,50	34,06	8,04	26,02
16	Quốc Oai	289,20	472,33	18	82.084,75	783,34	230,16	553,19	23	96.108,08	973,21	418,63	554,59
	Dự án trên 5000m2 (A)	248,65	460,28	11	64.004,45	668,44	200,76	467,68	22	93.027,18	927,00	406,58	520,42

Stt	Đơn vị tổ chức đấu giá QSDĐ	Nguồn vốn đầu tư		NĂM 2022					KẾ HOẠCH NĂM 2023				
		Ngân sách cấp huyện	Quý ĐTPT Thành phố	Số dự án	Diện tích (m2)	Số tiền dự kiến trúng đấu giá	Chi phí đầu tư hoàn trả	Tiền nộp ngân sách dự kiến	Số dự án	Diện tích (m2)	Số tiền dự kiến trúng đấu giá	Chi phí đầu tư hoàn trả	Tiền nộp ngân sách dự kiến
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
	Dự án dưới 5000m2 (B)	40,55	12,05	7	18.080,30	114,90	29,40	85,50	1	3.080,90	46,21	12,05	34,16
17	Ba Đình	0,00	0,00	0	0,00	0,00	0,00	0,00	0	0,00	0,00	0,00	0,00
	Dự án trên 5000m2 (A)	0,00	0,00	0	0,00	0,00	0,00	0,00	0	0,00	0,00	0,00	0,00
	Dự án dưới 5000m2 (B)	0,00	0,00	0	0,00	0,00	0,00	0,00	0	0,00	0,00	0,00	0,00
18	Mê Linh	81,24	1.088,48	7	69.241,00	508,65	222,47	286,18	7	118.017,00	698,04	443,68	254,35
	Dự án trên 5000m2 (A)	37,03	1.075,03	6	67.041,00	491,05	216,95	274,10	7	118.017,00	698,04	443,68	254,35
	Dự án dưới 5000m2 (B)	44,22	13,45	1	2.200,00	17,60	5,52	12,08	0	0,00	0,00	0,00	0,00
19	Bắc Từ Liêm	8,36	340,29	12	203.465,00	4.888,12	717,63	4.170,49	7	110.770,00	2.725,87	390,80	2.335,07
	Dự án trên 5000m2 (A)	0,00	340,29	10	200.765,00	4.830,52	706,83	4.123,69	7	110.770,00	2.725,87	390,80	2.335,07
	Dự án dưới 5000m2 (B)	8,36	0,00	2	2.700,00	57,60	10,80	46,80	0	0,00	0,00	0,00	0,00
20	Đan Phượng	2.840,77	0,00	15	133.914,00	1.384,65	610,39	774,26	11	354.690,00	3.522,92	1.702,51	1.820,41
	Dự án trên 5000m2 (A)	193,49	0,00	8	19.555,00	128,10	61,46	66,64	2	3.620,00	41,07	17,38	23,69
	Dự án dưới 5000m2 (B)	2.647,28	0,00	7	114.359,00	1.256,55	548,92	707,63	9	351.070,00	3.481,85	1.685,13	1.796,72
21	Cầu Giấy	0,00	0,00	1	447,60	49,24	0,00	49,24	1	645,20	70,97	0,00	70,97
	Dự án trên 5000m2 (A)	0,00	0,00	0	0,00	0,00	0,00	0,00	0	0,00	0,00	0,00	0,00
	Dự án dưới 5000m2 (B)	0,00	0,00	1	447,60	49,24	0,00	49,24	1	645,20	70,97	0,00	70,97
22	Nam Từ Liêm	734,56	0,00	3	51.790,00	2.589,50	364,02	2.225,48	7	28.200,00	4.100,00	302,87	3.797,13
	Dự án trên 5000m2 (A)	710,97	0,00	2	50.790,00	2.539,50	352,40	2.187,10	6	27.000,00	4.040,00	290,90	3.749,10
	Dự án dưới 5000m2 (B)	23,59	0,00	1	1.000,00	50,00	11,62	38,38	1	1.200,00	60,00	11,97	48,03
23	Sóc Sơn	124,30	100,00	17	100.860,00	1.933,50	879,73	1.053,77	15	205.040,00	2.376,93	996,76	1.380,17
	Dự án trên 5000m2 (A)	116,20	100,00	15	94.360,00	1.883,50	867,68	1.015,82	14	203.040,00	2.366,93	996,76	1.370,17
	Dự án dưới 5000m2 (B)	8,10	0,00	2	6.500,00	50,00	12,05	37,95	1	2.000,00	10,00	0,00	10,00
24	Thạch Thất	0,00	1219,66	8	55.400,00	406,40	170,70	235,70	19	257.854,00	1.570,42	1.018,58	551,84
	Dự án trên 5000m2 (A)	0,00	1.163,78	6	50.500,00	355,00	158,50	196,50	18	253.830,00	1.544,42	1.005,18	539,24

Stt	Đơn vị tổ chức đấu giá QSDD	Nguồn vốn đầu tư		NĂM 2022					KẾ HOẠCH NĂM 2023				
		Ngân sách cấp huyện	Quỹ ĐTPT Thành phố	Số dự án	Diện tích (m2)	Số tiền dự kiến trúng đấu giá	Chi phí đầu tư hoàn trả	Tiền nộp ngân sách dự kiến	Số dự án	Diện tích (m2)	Số tiền dự kiến trúng đấu giá	Chi phí đầu tư hoàn trả	Tiền nộp ngân sách dự kiến
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
	Dự án dưới 5000m2 (B)	0,00	55,88	2	4.900,00	51,40	12,20	39,20	1	4.024,00	26,00	13,40	12,60
25	Hà Đông												
	Dự án trên 5000m2 (A)												
	Dự án dưới 5000m2 (B)												
25	Tây Hồ	28,6	0,00	2	4.040,00	272,38	100,00	172,38	1	50,00	0,85	0,00	0,85
	Dự án trên 5000m2 (A)	0,00	0,00	0	0,00	0,00	0,00	0,00	0	0,00	0,00	0,00	0,00
	Dự án dưới 5000m2 (B)	28,6	0,00	2	4.040,00	272,38	100,00	172,38	1	50,00	0,85	0,00	0,85
T Ó N G	(A+B)	20.604,25	10.811,00	494,00	3.813.049,94	31.499,05	6.989,76	24.531,52	518,00	4.412.395,95	39.803,39	12.521,66	24.414,99
	A	12.362,54	10.673,29	292,00	3.419.850,93	27.623,64	5.913,13	21.616,19	368,00	3.690.728,36	34.177,24	10.611,68	21.921,90
	B	8.241,72	137,71	202,00	393.199,01	3.875,41	1.076,62	2.915,33	150,00	721.667,59	5.626,15	1.909,98	2.493,09

PHỤ LỤC 04A: TỔNG HỢP KẾT CẤU CÁC CÔNG TRÌNH HẠ TẦNG ĐƯỜNG BỘ THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA THÀNH PHỐ

Stt	Tên tài sản KCHT giao thông	Đơn vị tính	Số lượng/ khối lượng	Đối tượng, hình thức giao quản lý tài sản	Đối tượng, phương thức khai thác tài sản	Đối tượng thực hiện hạch toán, kế toán tài sản/vấn bản áp dụng	Chế độ quản lý, tính hao mòn/ khấu hao tài sản	Bảo trì tài sản	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
I	TÀI SẢN KCHT GIAO THÔNG ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA								
1	Tuyến đường thủy nội địa Suối Yến	m	9.750	Sở GTVT, đấu thầu	Mục đích công cộng	Sở Giao thông vận tải	Thông tư số 75/2018/TT-BTC	Khối lượng thực tế; NSTP	
2	Tuyến đường thủy nội địa Hồ Suối Hai	m	12.119	Sở GTVT, đấu thầu	Mục đích công cộng	Sở Giao thông vận tải	Thông tư số 75/2018/TT-BTC	Khối lượng thực tế; NSTP	
3	Tuyến đường thủy nội địa Sông Đáy	m	20.600	Sở GTVT, đấu thầu	Mục đích công cộng	Sở Giao thông vận tải	Thông tư số 75/2018/TT-BTC	Khối lượng thực tế; NSTP	
4	Tuyến đường thủy nội địa Sông Cà Lồ	m	21.000	Sở GTVT, đấu thầu	Mục đích công cộng	Sở Giao thông vận tải	Thông tư số 75/2018/TT-BTC	Khối lượng thực tế; NSTP	
5	Cảng du lịch Bát Tràng, Gia Lâm	Cảng	1				Thông tư số 75/2018/TT-BTC	Khối lượng thực tế; NSTP	Hiện Sở Giao thông vận tải đang lập Đề án cho thuê quyền khai thác
II	TÀI SẢN KCHT GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ								
1	Tài sản KCHT GTĐB do Sở Giao thông vận tải quản lý								
1.1	Đường cao tốc, quốc lộ, vành đai, đường trên cao, đường tỉnh	m	1.185.369	Sở Giao thông vận tải, đấu thầu	Mục đích công cộng	Sở Giao thông vận tải	Thông tư 35/2022/TT-BTC	Khối lượng thực tế; NSTP	105 tuyến

Stt	Tên tài sản KCHT giao thông	Đơn vị tính	Số lượng/ khối lượng	Đối tượng, hình thức giao quản lý tài sản	Đối tượng, phương thức khai thác tài sản	Đối tượng thực hiện hạch toán, kế toán tài sản/văn bản áp dụng	Chế độ quản lý, tính hao mòn/ khấu hao tài sản	Bảo trì tài sản	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1.2	Đường phố trong địa bàn 12 quận, huyện	m	912.259	Sở Giao thông vận tải, đấu thầu	Mục đích công cộng	Sở Giao thông vận tải	Thông tư 35/2022/TT-BTC	Khối lượng thực tế; NSTP	965 tuyến
1.3	Đường tuyến chính, quan trọng trên địa bàn các huyện và thị xã Sơn Tây	m	116.514,06	Sở Giao thông vận tải, đấu thầu	Mục đích công cộng	Sở Giao thông vận tải	Thông tư 35/2022/TT-BTC	Khối lượng thực tế; NSTP	37 tuyến
1.4	Đường trong các khu đô thị	m	73.651,32	Sở Giao thông vận tải, đấu thầu	Mục đích công cộng	Sở Giao thông vận tải	Thông tư 35/2022/TT-BTC	Khối lượng thực tế; NSTP	235 tuyến
1.5	Đường đô thị trên địa bàn 5 huyện có Đề án thành lập Quận	m	45.553,00	Sở Giao thông vận tải, đấu thầu	Mục đích công cộng	Sở Giao thông vận tải	Thông tư 35/2022/TT-BTC	Khối lượng thực tế; NSTP	28 tuyến
1.6	Cầu								
	Cầu lớn	m	17.078,26	Sở Giao thông vận tải, đấu thầu	Mục đích công cộng	Sở Giao thông vận tải	Thông tư 35/2022/TT-BTC	Khối lượng thực tế; NSTP	7 chiếc
	Cầu nhỏ, trung	m	36.564,91	Sở Giao thông vận tải, đấu thầu	Mục đích công cộng	Sở Giao thông vận tải	Thông tư 35/2022/TT-BTC	Khối lượng thực tế; NSTP	483 chiếc
	Cầu vượt nhẹ	m	4.910,40	Sở Giao thông vận tải, đấu thầu	Mục đích công cộng	Sở Giao thông vận tải	Thông tư 35/2022/TT-BTC	Khối lượng thực tế; NSTP	13 chiếc
	Cầu đi bộ	m	3.462,37	Sở Giao thông vận tải, đấu thầu	Mục đích công cộng	Sở Giao thông vận tải	Thông tư 35/2022/TT-BTC	Khối lượng thực tế; NSTP	70 chiếc
1.7	Hầm								
	Hầm cơ giới	m	3.280,90	Sở Giao thông vận tải, đấu thầu	Mục đích công cộng	Sở Giao thông vận tải	Thông tư 35/2022/TT-BTC	Khối lượng thực tế; NSTP	9 chiếc
	Hầm chui dân sinh	m	2.901,54	Sở Giao thông vận tải, đấu thầu	Mục đích công cộng	Sở Giao thông vận tải	Thông tư 35/2022/TT-BTC	Khối lượng thực tế; NSTP	67 chiếc

Stt	Tên tài sản KCHT giao thông	Đơn vị tính	Số lượng/ khối lượng	Đối tượng, hình thức giao quản lý tài sản	Đối tượng, phương thức khai thác tài sản	Đối tượng thực hiện hạch toán, kế toán tài sản/văn bản áp dụng	Chế độ quản lý, tính hao mòn/ khấu hao tài sản	Bảo trì tài sản	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
	Hầm đi bộ	m	2.572,49	Sở Giao thông vận tải, đấu thầu	Mục đích công cộng	Sở Giao thông vận tải	Thông tư 35/2022/TT-BTC	Khối lượng thực tế; NSTP	39 chiếc
1.8	Đèn tín hiệu giao thông	chiếc	621	Trung tâm điều khiển giao thông (Công an Thành phố)	Mục đích công cộng	Trung tâm điều khiển giao thông (Công an Thành phố)	Thông tư 35/2022/TT-BTC	Khối lượng thực tế; NSTP (Ban duy tu các công trình giao thông thực hiện duy tu, sửa chữa)	
1.9	Bến, bãi đỗ xe								
	Bến xe khách	m2	158.709	Tổng công ty Vận tải Hà Nội	Mục đích công cộng	Tổng công ty Vận tải Hà Nội	Thông tư 35/2022/TT-BTC; pháp luật về doanh nghiệp	Khối lượng thực tế	6 bến
	Bến xe hàng hóa	m2	10.000	Tổng công ty Vận tải Hà Nội	Mục đích công cộng	Tổng công ty Vận tải Hà Nội	Thông tư 35/2022/TT-BTC; pháp luật về doanh nghiệp	Khối lượng thực tế	1 bến
	Bãi đỗ xe công cộng tập trung	m2	339.430	Tổng công ty Vận tải Hà Nội; Công ty TNHH MTV Khai thác điểm đỗ xe Hà Nội	Mục đích công cộng	Tổng công ty Vận tải Hà Nội; Công ty TNHH MTV Khai thác điểm đỗ xe Hà Nội	Thông tư 35/2022/TT-BTC; pháp luật về doanh nghiệp	Khối lượng thực tế	11 bãi
2	TSKCHT GTĐB do quận, huyện quản lý								
	Đường bộ	m	19.282.570,00	UBND cấp huyện, UBND xã	Mục đích công cộng	UBND cấp huyện, UBND xã	Thông tư 35/2022/TT-BTC	Khối lượng thực tế; NSQH	

PHỤ LỤC 04B: TỔNG HỢP KẾT CẤU CÁC CÔNG TRÌNH HẠ TẦNG THỦY LỢI THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA THÀNH PHỐ

Stt	Đơn vị	Trạm bơm (trạm)										Kênh, mương (tuyến)								Hồ chứa	Bãi, đập dâng
		Tưới		Tiêu		Kết hợp		Dã chiến		Tổng cộng		Tưới		Tiêu		Kết hợp		Tổng cộng			
		Số trạm	Số máy	Số trạm	Số máy	Số trạm	Số máy	Số trạm	Số máy	Số trạm	Số máy	Số tuyến	Chiều dài (km)	Số tuyến	Chiều dài (km)	Số tuyến	Chiều dài (km)	Số tuyến	Chiều dài (km)		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
	Tổng cộng	1.262	1.949	263	1.109	313	1.138	291	446	2.129	4.642	20.368	11.363,74	4.660	3.860,44	8.703	5.495,66	33.725	19.130,03	110	408
I	Hệ thống Sông Nhuệ															6	114	6	114		
II	Trên địa bàn các quận, huyện, thị xã																				
1	Thanh Trì	42	70	9	99	14	26	4	8	69	203	64	89,13	26	23,95	35	68,59	125	181,67		
	Thành phố QL	3	8	7	57	2	7	3	7	15	79	15	26,54	2	5,28	12	35,94	29	67,76		
	Huyện QL	39	62	2	42	12	19	1	1	54	124	49	62,59	24	18,67	23	32,65	96	113,91		
2	Thường Tín	41	64	26	111	43	132	2	4	112	311	745	427,61	340	253,55	204	147,37	1.289	828,53		
	Thành phố QL	8	29	10	84	16	83	2	4	36	200	159	150,73	81	110,23	23	42,29	263	303,25		
	Huyện QL	33	35	16	27	27	49			76	111	586	276,88	259	143,32	181	105,08	1.026	525,28		
3	Phủ Xuyên	37	60	14	42	79	334	32	35	162	471	904	308,40	204	196,08	1.544	748,69	2.652	1.253,17		
	Thành phố QL	25	48	11	38	73	321	20	23	129	430	103	94,85	55	78,96	59	122,74	217	296,55		
	Huyện QL	12	12	3	4	6	13	12	12	33	41	801	213,55	149	117,12	1.485	625,95	2.435	956,62		
4	Ứng Hòa	77	148	28	105	64	177	84	105	253	535	488	242,37	132	86,33	1.597	751,48	2.217	1.080,18		
	Thành phố QL	24	85	13	82	21	104	3	6	61	277	18	37,03	6	9,31	40	159,30	64	205,64		
	Huyện QL	53	63	15	23	43	73	81	99	192	258	470	205,34	126	77,02	1.557	592,18	2.153	874,54		
5	Bắc Từ Liêm	13	43	3	10					16	53	27	28,01	83	60,25	1	6,48	111	94,74		
	Thành phố QL	4	28	3	10					7	38	11	17,65	8	13,68	1	6,48	20	37,81		
	Quận QL	9	15							9	15	16	10,36	75	46,57			91	56,93		
6	Nam Từ Liêm	5	13	7	24					12	37	9	7,29	20	16,80	1	3,24	30	27,32		
	Thành phố QL	4	12	5	22					9	34	9	7,29	7	4,63	1	3,24	17	15,15		
	Quận QL	1	1	2	2					3	3			13	12,17			13	12,17		
7	Hoàng Mai	1	3							1	3	3	2,30	1	0,54	1	6,50	5	9,34		
	Thành phố QL															1	6,50	1	6,50		
	Huyện QL	1	3							1	3	3	2,30	1	0,54			4	2,84		
8	Đông Anh	81	113	15	66	18	56	5	32	119	267	795	461,19	65	90,15	19	10,28	879	561,62		
	Thành phố QL	55	81	9	58	15	52	2	29	81	220	88	96,04	44	83,45			132	179,49		
	Huyện QL	26	32	6	8	3	4	3	3	38	47	707	365,15	21	6,70	19	10,28	747	382,13		
9	Gia Lâm	56	91	2	12	2	35	3	3	63	141	971	479,78	232	175,78	353	173,04	1.556	828,60		
	Thành phố QL	13	45	2	12	2	35			17	92	72	74,53	15	41,78	4	15,07	91	131,38		
	Huyện QL	43	46					3	3	46	49	899	405,25	217	134,00	349	157,97	1.465	697,22		
10	Mê Linh	103	148	10	45					113	193	1.609	1.204,53	155	170,82	109	83,99	1.873	1.459,34		
	Thành phố QL	10	42	3	33					13	75	127	132,08	56	107,60			183	239,68		
	Huyện QL	93	106	7	12					100	118	1.482	1.072,45	99	63,22	109	83,99	1.690	1.219,66		
11	Sóc Sơn	159	221	7	34	3	26	15	19	184	300	1.172	604,94	18	63,66	8	8,27	1.198	676,87	26	
	Thành phố QL	11	45	3	29	2	25	2	6	18	105	57	110,93	14	53,96	6	7,37	77	172,26	8	
	Huyện QL	148	176	4	5	1	1	13	13	166	195	1.115	494,01	4	9,70	2	0,90	1.121	504,61	18	
12	Lạng Giang	1	4							1	4	2	5,70	2	3,32	1	12,73	5	21,75		
	Thành phố QL	1	4							1	4	2	5,70	2	3,32	1	12,73	5	21,75		
	Quận QL																				
13	Thanh Oai	34	52	20	76	26	90	22	49	102	267	664	360,64	336	246,01	421	301,92	1.421	908,57		
	Thành phố QL	9	24	13	64	15	62	15	37	52	187	52	65,94	30	45,58	25	75,64	107	187,16		
	Huyện QL	25	28	7	12	11	28	7	12	50	80	612	294,70	306	200,43	396	226,28	1.314	721,41		
14	Đan Phượng	28	65	2	7					30	72	818	270,88	324	170,17	17	6,84	1.159	447,89		
	Thành phố QL	4	39			2	7			6	46	33	48,77	28	60,26	1	0,74	62	109,77		
	Huyện QL	24	26							24	26	785	222,11	296	109,91	16	6,10	1.097	338,12		
15	Hoài Đức	31	46	8	28	6	58			45	132	1.053	399,00	229	170,00	86	47,00	1.368	616,00		
	Thành phố QL	2	8	4	22	5	56			11	86	19	47,17	23	63,09			42	110,26		
	Huyện QL	29	38	4	6	1	2			34	46	1.034	351,88	206	107,27	86	46,97	1.326	506,12		
16	Hà Đông	11	24	4	18			1	5	16	47	124	57,25	24	14,77	128	46,05	276	118,07		1
	Thành phố QL	2	8	2	15			1	5	5	28	8	20,13	3	9,32			11	29,45		1

Stt	Đơn vị	Trạm bơm (trạm)										Kênh, mương (tuyến)								Hồ chứa	Bãi, đập dâng
		Tưới		Tiêu		Kết hợp		Đã chiến		Tổng cộng		Tưới		Tiêu		Kết hợp		Tổng cộng			
		Số trạm	Số máy	Số trạm	Số máy	Số trạm	Số máy	Số trạm	Số máy	Số trạm	Số máy	Số tuyến	Chiều dài (km)	Số tuyến	Chiều dài (km)	Số tuyến	Chiều dài (km)	Số tuyến	Chiều dài (km)		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
	Quần QL	9	16	2	3					11	19	116	37,12	21	5,45	128	46,05	265	88,62		
17	Chương Mỹ	155	209	27	137	13	44	32	30	227	420	1.720	1.216,31	467	476,45	942	619,49	3.129	2.312,25	20	19
	Thành phố QL	17	48	19	113	3	19			39	180	63	97,58	78	144,37	4	4,69	145	246,64	3	2
	Huyện QL	138	161	8	24	10	25	32	30	188	240	1.657	1.118,73	389	332,08	938	614,80	2.984	2.065,61	17	17
18	Mỹ Đức	46	85	32	111	16	72	19	42	113	310	783	1.345,99	502	670,77	971	1.185,46	2.256	3.202,22	4	14
	Thành phố QL	10	33	19	83	7	54	17	23	53	193	68	707,79	82	386,17	31	622,05	181	1.716,01	1	2
	Huyện QL	36	52	13	28	9	18	2	19	60	117	715	638,20	420	284,60	940	563,41	2.075	1.486,21	3	12
19	Ba Vì	84	145	11	29	4	6	7	9	106	189	2.761	1.316,37	498	303,74	590	331,41	3.849	1.951,52	38	158
	Thành phố QL	42	95	11	29	3	4	4	6	60	134	51	109,10	23	72,58	3	1,95	77	183,63	8	1
	Huyện QL	42	50			1	2	3	3	46	55	2.710	1.207,27	475	231,16	587	329,46	3.772	1.767,89	30	157
20	Sơn Tây	45	55	1	4	1	7	7	38	54	104	772	348,41	72	39,03	27	7,61	871	395,05	4	35
	Thành phố QL	10	19	1	4	1	7	1	32	13	62	28	39,14	4	9,59			32	48,73	2	
	Thị xã QL	35	36					6	6	41	42	744	309,27	68	29,44	27	7,61	839	346,32	2	35
21	Phúc Thọ	56	85	3	16	6	18	12	22	77	141	1.768	809,36	257	171,96	985	432,52	3.010	1.413,84		
	Thành phố QL	32	47	3	16	4	15	2	10	41	88	48	82,54	20	68,81	1	2,60	69	153,95		
	Huyện QL	24	38			2	3	10	12	36	53	1.720	726,82	237	103,15	984	429,92	2.941	1.259,89		
22	Thạch Thất	71	84	22	84	6	23	28	27	127	218	1.027	587,01	280	204,79	151	77,31	1.458	869,11	5	110
	Thành phố QL	22	38	14	73	2	13	1	1	39	125	76	103,00	39	73,00			115	176,44	5	
	Huyện QL	49	46	8	11	4	10	27	26	88	93	951	483,88	241	131,48	151	77,31	1.343	692,67		110
23	Quốc Oai	85	121	14	58	10	27	18	18	127	224	2.089	791,23	393	251,16	500	192,22	2.982	1.234,61	13	71
	Thành phố QL	17	34	11	53	4	17	1	1	33	105	38	60,00	65	98,00			103	157,76	1	
	Huyện QL	68	87	3	5	6	10	17	17	94	119	2.051	731,45	328	153,18	500	192,22	2.879	1.076,85	12	71

PHỤ LỤC 04C: BẢNG TỔNG HỢP CÔNG TRÌNH HẠ TẦNG CẤP NƯỚC SẠCH TẬP TRUNG NÔNG THÔN CÓ SỬ DỤNG VỐN NSNN DO THÀNH PHỐ QUẢN LÝ

TT	Tên công trình	Địa điểm	Chủ đầu tư	Đơn vị được giao quản lý, vận hành	Thời gian đầu tư	Tổng mức đầu tư (nghìn đồng)	Nguồn vốn đầu tư	Giá trị quyết toán (nghìn đồng)	Diện tích đất(m ²)	Tình trạng hoạt động	Tình trạng tài sản	Công suất (m ³ /ngày)	
												Thiết kế	Thực tế
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
I	Huyện Thanh Trì												
1	TCN Huỳnh Cung I	Xã Tam Hiệp	Trung tâm nước sạch và VSMT	HTX	1996	485.000	Ngân sách	413.707	226	Đang hoạt động	Chất lượng giếng khoan, khu xử lý, hệ thống đường ống cần cải tạo, nâng cấp	Không thể hiện trong hồ	16m ³ /h
2	TCN Yên Ngưu	Xã Tam Hiệp	BQL dự án huyện Thanh Trì	HTX	1999	974.584	Ngân sách	862.255	196	Đang hoạt động	Chất lượng giếng khoan, khu xử lý, hệ thống đường ống cần cải tạo, nâng cấp	700m ³ /ngày	30m ³ /h
3	TCN Nhị Châu	Xã Liên Ninh	BQL dự án huyện Thanh Trì	HTX	2001	4.436.000	Ngân sách	3.549.502	388	Đang hoạt động	Chất lượng giếng khoan, khu xử lý, hệ thống đường ống cần cải tạo, nâng cấp	60m ³ /h	40m ³ /h
4	TCN Yên Phú								400				
5	TCN Triều Khúc I	Xã Tân Triều	BQL dự án huyện Thanh Trì	HTX	1999	528.627	Ngân sách	501.173	196	Đang hoạt động	Chất lượng giếng khoan, khu xử lý, hệ thống đường ống cần cải tạo, nâng cấp	20m ³ /h	20m ³ /h
6	TCN Yên Xá	Xã Tân Triều	BQL dự án huyện Thanh Trì	HTX	2001	5.365.000	Ngân sách	4.406.696	400	Đang hoạt động	Chất lượng giếng khoan, khu xử lý, hệ thống đường ống cần cải tạo, nâng cấp. Đầu tư thêm 2 giếng và 2 máy bơm chìm 100m ³ /h và 150m ³ /h vào năm 2007 và 2009.	30m ³ /h	70m ³ /h
7	TCN Triều Khúc II								500	Dừng hoạt động	Công trình, chất lượng giếng khoan, khu xử lý, hệ thống đã hư hỏng, không thể phục hồi.	50m ³ /h	
8	TCN Yên Kiện	Xã Ngọc Hồi	BQL dự án huyện Thanh Trì	UBND xã Ngọc Hồi	2001	722.000	Ngân sách	604.815	192	Đang hoạt động	Chất lượng giếng khoan, khu xử lý, hệ thống đường ống cần cải tạo, nâng cấp	25m ³ /h	20m ³ /h
	TCN Lạc Thị (cũ)								192				
9	TCN Thôn Nọc Hồi	Xã Ngọc Hồi	BQL dự án huyện Thanh Trì	HTX	2003	2.588.633	Ngân sách	2.138.974	532	Đang hoạt động	Chất lượng giếng khoan, khu xử lý, hệ thống đường ống cần cải tạo, nâng cấp	720M ³ /ngày đêm	40m ³ /h
10	TCN tại khu tái định cư Lạc Thị - ngọc Hồi	Xã Ngọc Hồi	BQL dự án huyện Thanh Trì	UBND xã Ngọc Hồi	2013	20.147.942	Ngân sách	19.472.725		Đang hoạt động	Chất lượng giếng khoan, khu xử lý, hệ thống đường ống cần cải tạo, nâng cấp	500m ³ /ngày/đêm	60m ³ /h
11	TCN thôn Vĩnh Thới	Xã Đại Áng	BQL dự án huyện Thanh Trì	HTX	2002	3.952.000	Ngân sách	3.716.851	600	Đang hoạt động	Chất lượng giếng khoan, khu xử lý, hệ thống đường ống cần cải tạo, nâng cấp	30m ³ /h	30m ³ /h
12	TCN thôn Đại Áng								170				
13	TCN thôn Vĩnh Trại	Xã Đại Áng	BQL dự án huyện Thanh Trì	HTX	1998	559.430	Ngân sách	519.850	350	Đang hoạt động	Chất lượng giếng khoan, khu xử lý, hệ thống đường ống cần cải tạo, nâng cấp	Không thể hiện trong hồ sơ	40m ³ /h
14	TCN Hữu Từ	Xã Hữu Hòa	BQL dự án huyện Thanh Trì	HTX	2002	4.579.000	Ngân sách	3.485.613	330	Đang hoạt động	Chất lượng giếng khoan, khu xử lý, hệ thống đường ống cần cải tạo, nâng cấp	80m ³ /h	50m ³ /h
15	TCN thôn Phú Diệt								400				30m ³ /h
16	TCN thôn Siêu Quần	Xã Tả Thanh Oai	BQL dự án huyện Thanh Trì	HTX	2002	3.473.000	Ngân sách	3.224.349	532	Đang hoạt động	Chất lượng giếng khoan, khu xử lý, hệ thống đường ống cần cải tạo, nâng cấp	30m ³ /h	35m ³ /h
17	TCN Nhân Hòa								337				30m ³ /h
18	TCN Tả Thanh Oai	xã Tả Thanh Oai	BQL dự án huyện Thanh Trì	HTX	1999	733.716	Ngân sách	705.599	196	Đang hoạt động	Chất lượng giếng khoan, khu xử lý, hệ thống đường ống cần cải tạo, nâng cấp	25m ³ /h	16m ³ /h
19	TCN Thọ Am	xã Liên Ninh	BQL dự án huyện Thanh Trì	UBND xã	1998	683.000	Ngân sách	683.000	303	Đang hoạt động	Chất lượng giếng khoan, khu xử lý, hệ thống đường ống cần cải tạo, nâng cấp	40m ³ /h	65m ³ /h
20	TCN thôn 3	Xã Vạn Phúc	BQL dự án huyện Thanh Trì	UBND xã	2001	994.000	Ngân sách	947.630	185	Đang hoạt động	Chất lượng giếng khoan, khu xử lý, hệ thống đường ống cần cải tạo, nâng cấp	30m ³ /h	Dừng hoạt động từ năm 2014
21	TCN thôn 1,2	xã Vạn Phúc	BQL dự án huyện Thanh Trì	UBND xã	2001		Ngân sách	1.093.192	336	Dừng hoạt động	Chất lượng giếng khoan, khu xử lý, hệ thống đường ống cần cải tạo, nâng cấp		Dừng hoạt động từ năm 2014
22	TCN thôn 4	Xã Vạn Phúc	BQL dự án huyện Thanh Trì	HTX	2005	2.254.736	Ngân sách	1.923.530	357	Dừng hoạt động	Chất lượng giếng khoan, khu xử lý, hệ thống đường ống cần cải tạo, nâng cấp	10m ³ /h	
23	TCN chợ Quang (thôn Trung)	Xã Thanh Liệt	BQL dự án huyện Thanh Trì	UBND xã	2001	861.000	Ngân sách	703.658	210	Dừng hoạt động	Công trình, chất lượng giếng khoan, khu xử lý, hệ thống đường ống đã hư hỏng không thể phục hồi	700m ³ /ngày	đã dừng hoạt động
24	TCN thôn Thượng	Xã Thanh Liệt	BQL dự án huyện Thanh Trì	HTX	2003	4.195.000	Ngân sách	3.200.509	500	Đang hoạt động	Chất lượng giếng khoan, khu xử lý, hệ thống đường ống cần cải tạo, nâng cấp	600m ³ /ngày đêm	Không có hồ sơ
25	TCN Văn Uyển	xã Duyên Hà	BQL dự án huyện Thanh Trì	HTX	2001	1.029.949	Ngân sách	978.988	221	Dừng hoạt động	Chất lượng giếng khoan, khu xử lý, hệ thống đường ống cần cải tạo, nâng cấp	25m ³ /h	Dừng hoạt động từ năm 2014

TT	Tên công trình	Địa điểm	Chủ đầu tư	Đơn vị được giao quản lý, vận hành	Thời gian đầu tư	Tổng mức đầu tư (nghìn đồng)	Nguồn vốn đầu tư	Giá trị quyết toán (nghìn đồng)	Diện tích đất(m ²)	Tình trạng hoạt động	Tình trạng tài sản	Công suất (m ³ /ngày)	
												Thiết kế	Thực tế
26	TCN Xóm Mới	xã Duyên Hà	BQL dự án huyện Thanh Trì	HTX	2004	3.217.591	Ngân sách	3.132.815	353	Dừng hoạt động	Công trình, chất lượng giếng khoan, khu xử lý, hệ thống đường ống đa hư hỏng không thể phục hồi	20m ³ /h	Dừng hoạt động từ năm 2015
27	TCN Yên Mỹ	xã Yên Mỹ	BQL dự án huyện Thanh Trì	UBND xã	2003	2.582.140	Ngân sách	2.116.664	313	Đang hoạt động	Chất lượng giếng khoan, khu xử lý, hệ thống đường ống cần cải tạo, nâng cấp	600m ³ /ngày đêm	900m ³ /ngày đêm
28	TCN Tương Chúc	xã Ngũ Hiệp	BQL dự án huyện Thanh Trì	UBND xã	2002	4.350.192	Ngân sách	3.240.315	520	Đang hoạt động	Chất lượng giếng khoan, khu xử lý, hệ thống đường ống cần cải tạo, nâng cấp	50m ³ /h	Lượng dùng ít, đơn vị không nắm
29	TCN thôn Lưu Phú	xã Ngũ Hiệp	BQL dự án huyện Thanh Trì	UBND xã	2002	1.064.202	Ngân sách	997.537	256	Đang hoạt động	Chất lượng giếng khoan, khu xử lý, hệ thống đường ống cần cải tạo, nâng cấp	30m ³ /h	Sử dụng rất ít, nên đơn vị không nắm rõ công suất
30	TCN Đông Mỹ	xã Đông Mỹ	BQL dự án huyện Thanh Trì	Đã bán giao cho TP	2003	3.791.967	Ngân sách	3.280.829	Không thể hiện	Dừng hoạt động	Công trình, chất lượng giếng khoan, khu xử lý, hệ thống đường ống đã hư hỏng không thể phục hồi	30m ³ /h	
II Huyện Gia Lâm													
31	TCN Phù Đổng	xã Phù Đổng	BQL dự án huyện	UBND xã	2000-2002	4.467.000	Ngân sách	3.753.551	621	Đang hoạt động	Hệ Thống giếng khoan, khu xử lý, hệ thống đường ống hoạt động tốt	2.880	400
32	TCN Xã Bát Tràng	xã Bát Tràng	BQL dự án huyện	UBND xã	2002-2003	6.690.000	Ngân sách	5.619.693	650	Đang hoạt động	Hệ Thống giếng khoan, khu xử lý, hệ thống đường ống hoạt động tốt	2.000	2.000
33	TCN xã Ninh Hiệp	xã Ninh Hiệp	BQL dự án huyện	UBND xã	2015-2016	8.946.000	Ngân sách	7.599.000	1.090	Đang hoạt động	Hệ Thống giếng khoan, khu xử lý, hệ thống đường ống hoạt động tốt	3.300	1.000
34	TCN xã Kim Lan	xã Kim Lan	BQL dự án huyện	UBND xã	2003-2005	5.889.000	Ngân sách	4.612.546	780	Đang hoạt động	Hệ Thống giếng khoan, khu xử lý, hệ thống đường ống hoạt động tốt	1.500	600
III Huyện Đan Phượng													
35	CN thị Trấn Phùng	Thị Trấn Phùng	UBND Huyện Đan Phượng	BQLDA vệ sinh môi trường nông thôn huyện	2006	7.978.793	Ngân sách	964.528		Đang hoạt động	Hệ Thống giếng khoan, khu xử lý, hệ thống đường ống hoạt động tốt	2	2.700
IV Huyện Thường Tín													
36	TCN Thị Trấn Thường Tín	Thị Trấn Thường Tín	UBND Huyện Thường Tín	BQLDA huyện	2006	6.868.820	Chương trình MTQG về nước sạch	6.868.820		Đang hoạt động	Hệ Thống giếng khoan, khu xử lý, hệ thống đường ống hoạt động tốt	820	820
V Huyện Chương Mỹ													
37	TCN thôn Tiên Lữ và thôn Quyết Tiến xã Tiên	Thôn Tiên Lữ và thôn Quyết Tiến	UBND Huyện Chương Mỹ	Công ty môi trường đô thị Xuân	2010	8.694.227	Ngân sách Thành phố	7.064.095	282	Chưa hoạt động	Hệ Thống giếng khoan, khu xử lý, hệ thống đường ống còn tốt	450	
38	TCN Phú Nam An, xã Phú Nam An	xã Phú Nam An	UBND Huyện Chương Mỹ	UBND xã Phú Nam An	2012	16.981.186	Ngân sách Thành phố	12.612.292	300	Chưa hoạt động	Hệ Thống giếng khoan, khu xử lý, hệ thống đường ống còn tốt	1.440	
39	Hệ thống cấp nước sạch TT Chúc Sơn (Giai đoạn	TT Chúc Sơn	UBND Huyện Chương Mỹ	Công ty môi trường đô thị Xuân	2009	4.874.105	Ngân sách Thành phố	2.717.524		Chưa hoạt động	Một số đường ống và đồng hồ đã bị hỏng		
40	TCN Tiên Tiến xã Tiên Tiến	Thôn Tiên Tiến xã Tiên Tiến	UBND Huyện Chương Mỹ	UBND xã Tiên Tiến	2010	4.215.024	Ngân sách Thành phố	4.098.712	202	Chưa hoạt động	Hệ Thống giếng khoan, khu xử lý, hệ thống đường ống còn tốt	450	
41	TCN Hoàng Diệu, xã Hoàng Diệu	xã Hoàng Diệu	UBND Huyện Chương Mỹ	UBND xã Hoàng Diệu	2012	16.826.113	Ngân sách Thành phố	8.547.121	1.200	Chưa hoạt động	Hệ Thống giếng khoan, khu xử lý, hệ thống đường ống còn tốt	1.440	
42	TCN Thái Hòa, Xã Hợp Đồng	Xã Hợp Đồng	UBND Huyện Chương Mỹ	UBND xã Hợp Đồng	2003	407.938	Ngân sách Thành phố và ngân sách huyện	303.983	100	Đang hoạt động	Bể lắng lọc đã xuống cấp Năm 2006 UBND Thành phố đa đầu tư cụm thiết bị lọc mới	160	96
43	TCN thôn Nhân Lý, xã Nam Phương Tiến	xã Nam Phương Tiến	UBND Huyện Chương Mỹ	UBND xã Nam Phương Tiến	2004	815.532	Ngân sách Thành phố và ngân sách huyện	573.664	188	Chưa hoạt động	Nhà Trạm bơm đã xuống cấp (không còn thiết bị)	265	
44	TCNSH thôn Đồng Ké, xã Trần Phú	Thôn Đồng Ké, xã Trần Phú	UBND xã Trần Phú	UBND xã Trần Phú	2007-2008	1.035.996	Ngân sách Thành phố và ngân sách huyện	759.511	132	Ngừng hoạt động 2009	Một số đường ống và đồng hồ đã bị hỏng	250	

TT	Tên công trình	Địa điểm	Chủ đầu tư	Đơn vị được giao quản lý, vận hành	Thời gian đầu tư	Tổng mức đầu tư (nghìn đồng)	Nguồn vốn đầu tư	Giá trị quyết toán (nghìn đồng)	Diện tích đất(m ²)	Tình trạng hoạt động	Tình trạng tài sản	Công suất (m ³ /ngày)	
												Thiết kế	Thực tế
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
45	TCN Phương Hạnh và Tân Hội xã Tân Tiến	Thôn Phương Hạnh và Tân Hội xã Tân Tiến	UBND xã Tân Tiến	UBND xã Tân Tiến	2005		Ngân sách xã		264	Số hộ sử dụng ít; Thời gian sử dụng không thường xuyên	Hệ thống giếng khoan, khu xử lý, hệ thống đường ống hoạt động không tốt		
46	TCN thôn An Phú, thị Trấn Chúc Sơn	Thôn An Phú, thị Trấn Chúc Sơn	UBND thị Trấn Chúc Sơn	Thôn An Phú	1995		Unicef, nhân dân đóng góp		88	Đang hoạt động	Khu xử lý, mạng lưới đường ống đa xuống cấp		96
VI	Huyện Phú Xuyên												
47	TCN Thị Trấn Phú Xuyên	Thị Trấn Phú Xuyên	UBND Huyện Phú Xuyên	Công ty nước sạch Hà Đông	2008	12.241.000	Ngân Sách Thành phố, ngân sách IBIC	12.046.103	2.900	Đang hoạt động	Hệ thống giếng khoan, khu xử lý, hệ thống đường ống hoạt động tốt	2.000	1.500
VII	Huyện Đông Anh												
48	TCN thôn Kim Tiến, xã Xuân Nộn, huyện Đông Anh	Thôn Kim Tiến, xã Xuân Nộn,	UBND Huyện Đông Anh	UBND xã Xuân Nộn	2011				215	Chưa hoạt động	Phần lớn hệ thống đường ống đã hỏng		
VIII	Sở Nông Nghiệp và PTNN Hà Nội												
49	TCN Cẩm Hà xã Tân Hưng Huyện Sóc Sơn	Thôn Cẩm Hà xã Tân Hưng Huyện Sóc Sơn	Chỉ cục phát triển nông thôn Sở nông Nghiệp	UBND Xã Tân Hưng	2011	11.871.569	Ngân sách Thành phố	11.203.705	833	Ngừng hoạt động	Hệ thống giếng khoan, khu xử lý, hệ thống đường ống còn tốt		
50	TCN Hiệu Chấn Xã Tân Hưng, huyện Sóc Sơn	Thôn Hiệu Chấn Xã Tân Hưng, huyện Sóc Sơn											
51	TCN thôn Thượng, xã Hồng Phong, huyện Chương Mỹ	Thôn Thượng, xã Hồng Phong, huyện Chương Mỹ	Trung tâm nước sạch và VSMT nông thôn	UBND xã Hồng Phong	2000	170.972	Ngân sách Thành phố, + nhân dân đóng góp	140.971	120	Đang hoạt động	Mạng lưới đường ống đã hỏng, khu xử lý xuống cấp	300	
52	TCN Đại Vỹ, xã Liên Hà, Đông Anh	Thôn Đại Vỹ, xã Liên Hà	Trung tâm nước sạch và VSMT nông	UBND Xã Liên Hà	1996	392.607	Ngân sách TW, unicef và nhân dân đóng góp	360.039	145	Hoạt động tốt	Hệ thống giếng khoan, khu xử lý, hệ thống đường ống đang hoạt động tốt	300	200
53	TCN Đoàn Nữ, xã An Mỹ, huyện Mỹ Đức	Thôn Đoàn Nữ, xã An Mỹ	Trung tâm nước sạch và VSMT nông	UBND Xã An Mỹ	1997	553.160	Ngân sách TW và nhân dân đóng góp	335.097	153	Chưa hoạt động	Mạng lưới đường ống đã hỏng, khu xử lý xuống cấp	300	
54	TCN Đại Đồng, thị Trấn Phú Xuyên, huyện Phú Xuyên	Thôn Đại Đồng, thị Trấn Phú Xuyên,	Trung tâm nước sạch và VSMT nông	Công ty nước sạch Hà Đông	1997	1.526.778	Ngân sách TW và nhân dân đóng góp	809.235	762	Hoạt động tốt	Hệ thống giếng khoan, khu xử lý, hệ thống đường ống đang hoạt động tốt	500	300
55	TCN TT Phúc Thọ, thị Trấn Phúc Thọ, huyện Phúc	TT Phúc Thọ, thị Trấn Phúc Thọ	Trung tâm nước sạch và VSMT nông	HIX Nông Nghiệp thị Trấn Phúc Thọ	1999	350.158	Ngân sách TW và nhân dân đóng góp	289.207	225	Hoạt động tốt	Hệ thống giếng khoan, khu xử lý, hệ thống đường ống đang hoạt động tốt	500	400
56	CTCN sạch liên xã Cò Đò, Phong Vân	Xã Cò Đò	Sở NNPTNT	BQL chương trình nước sạch tạm quản lý (UBNDTP có văn bản giao Công Ty nước sạch Hà Nội)	2015	82.433.000	Ngân sách TW 60%, Vay WB36%, nhân dân	78.228.340	11.000	Hoạt động tốt	Hệ thống giếng khoan, khu xử lý, hệ thống đường ống còn tốt	2.800	
57	CTCN sạch xã Hương Sơn, huyện Mỹ Đức	Xã Hương Sơn	Sở NNPTNT	BQL chương trình nước sạch tạm quản lý (UBNDTP có văn bản giao Công Ty nước sạch Hà Nội)		89.992.000	Ngân sách TW 60%, Vay WB36%, nhân dân	70.736.727	10.500	Hoạt động tốt	Hệ thống giếng khoan, khu xử lý, hệ thống đường ống còn tốt	3.500	
58	CTCN sạch liên xã Hiệp Thuận, Liên Hiệp, huyện Phúc Thọ	Xã Hiệp Thuận	Sở NNPTNT	BQL nước sạch tạm quản lý		93.030.000	Ngân sách TW 60%, Vay WB36%, nhân dân	76.062.075	5.250	Hoạt động tốt	Hệ thống giếng khoan, khu xử lý, hệ thống đường ống còn tốt	2.950	

TT	Tên công trình	Địa điểm	Chủ đầu tư	Đơn vị được giao quản lý, vận hành	Thời gian đầu tư	Tổng mức đầu tư (nghìn đồng)	Nguồn vốn đầu tư	Giá trị quyết toán (nghìn đồng)	Diện tích đất(m2)	Tình trạng hoạt động	Tình trạng tài sản	Công suất (m3/ngày)	
												Thiết kế	Thực tế
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
59	CTCN sạch liên xã Trung Hòa, Trường Yên, huyện Chương	xã Trung Hòa	Sở NNPTNT	BQL nước sạch tạm quản lý		97.799.000	Ngân sách TW 60%, Vay WB30%, nhân dân	Chưa quyết toán	8.515	Hoạt động tốt	Hệ thống giếng khoan, khu xử lý, hệ thống đường ống còn tốt	3.600	
60	CTCN sạch liên xã Tam Hưng, Thanh Thủy Thanh Oai	Xã Tam Hưng	Sở NNPTNT	BQL nước sạch tạm quản lý		94.315.000	Ngân sách TW 60%, Vay WB30%, nhân dân	Chưa quyết toán	7.800	Hoạt động tốt	Hệ thống giếng khoan, khu xử lý, hệ thống đường ống còn tốt	3.300	
61	CTCN sạch liên xã Hồng Vân, Thư Phú, Hà Nội, Văn Tân, huyện	Xã Liên Phương	Sở NNPTNT	BQL nước sạch tạm quản lý		168.481.000	Ngân sách TW 60%, Vay WB30%, nhân dân	Chưa quyết toán	8.700	Hoạt động tốt	Hệ thống giếng khoan, khu xử lý, hệ thống đường ống còn tốt	4.900	
62	TCN Xã Thanh Lâm, huyện Mê Linh, Vĩnh Phúc (nay là Mê Linh Hà Nội)	xã Thanh Lâm	Tỉnh Vĩnh Phúc	UBND Xã Mê Linh		2.054.573	Ngân Sách TW	1.688.050	678	Hoạt động tốt	Hệ thống giếng khoan, khu xử lý, hệ thống đường ống còn tốt	600	400
IX Huyện Sóc Sơn													
63	TCN sạch Bắc Sơn	xã Bắc Sơn		UBND xã					1.028	Hoạt động tốt	Giếng khoan, trạm bơm giếng, trạm bơm nước sạch và bơm rửa lọc, tháp làm thoáng cao tải, bể lắng, bể lọc, bể chứa, nhà điều hành, hệ thống điện, hệ thống đường nội bộ, sân, cổng, tường rào đang hoạt động tốt	500	220
64	Trạm cấp Nước sạch Hồng Kỳ	xã Hồng Kỳ	Sở Xây dựng	Công ty nước sạch số 2 Hà Nội	2008-2016	49.522.000	Ngân Sách TP	Chưa quyết toán A-B	1.019	Hoạt động tốt	Giếng khoan, trạm bơm giếng, trạm bơm nước sạch và bơm rửa lọc, tháp làm thoáng cao tải, bể lắng, bể lọc, bể chứa, nhà điều hành, hệ thống điện, hệ thống đường nội bộ, sân, cổng, tường rào đang hoạt động tốt	200	70
65	Trạm cấp Nước sạch Nam Sơn	Xã Nam Sơn							763			300	110
X Huyện Thanh Oai													
66	Trạm cấp nước sạch Cự Khê	Xã Cự Khê	UBND xã Cự Khê	Công ty TNHH Đầu tư Nhất Phát	2007-2012	6.504.000	Ngân sách TW+xã	5.232.000		Không hoạt động		500	
					2013-2016	27.219.000	Doanh Nghiệp	360	Hoạt động tốt	Giếng khoan, trạm bơm giếng, trạm bơm nước sạch và bơm rửa lọc, tháp làm thoáng cao tải, bể lắng, bể lọc, bể chứa, nhà điều hành, hệ thống điện, hệ thống đường nội bộ, sân, cổng, tường rào đang hoạt động tốt	1.500	1.200	
67	TCN sạch Xuân Dương	Xã Xuân Dương	UBND Xã Xuân Dương	Công Ty CP ĐTXD Vietcom	2008-2012	15.969.000	Ngân sách TP+xã	10.965.000	1.200	Không hoạt động		850	
			Công Ty CP ĐTXD Vietcom		2012-2014	3.500.000	Doanh Nghiệp		Hoạt động tốt	Giếng khoan, trạm bơm giếng, trạm bơm nước sạch và bơm rửa lọc, tháp làm thoáng cao tải, bể lắng, bể lọc, bể chứa, nhà điều hành, hệ thống điện, hệ thống đường nội bộ, sân, cổng, tường rào đang hoạt động tốt		150	
68	TCN sạch Kim Bài	Thị trấn Kim Bài	UBND Huyện Thanh Oai	Công ty nước sạch và môi trường Hùng Thành	1999-2003	2.600.000	Ngân sách TW +huyện	2.190.000	1.300	Không hoạt động		1.260	
			Công ty nước sạch và môi trường Hùng Thành		2009	22.311.000	Doanh Nghiệp		Hoạt động tốt	Giếng khoan, trạm bơm giếng, trạm bơm nước sạch và bơm rửa lọc, tháp làm thoáng cao tải, bể lắng, bể lọc, bể chứa, nhà điều hành, hệ thống điện, hệ thống đường nội bộ, sân, cổng, tường rào đang hoạt động tốt	2.200	600	
XI Huyện Ứng Hòa													

TT	Tên công trình	Địa điểm	Chủ đầu tư	Đơn vị được giao quản lý, vận hành	Thời gian đầu tư	Tổng mức đầu tư (nghìn đồng)	Nguồn vốn đầu tư	Giá trị quyết toán (nghìn đồng)	Diện tích đất(m ²)	Tình trạng hoạt động	Tình trạng tài sản	Công suất (m ³ /ngày)	
												Thiết kế	Thực tế
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
69	Thôn Phú TCN Phú Lương Thượng	Thôn Phú Lương Thượng	UBND xã Quảng Phú Cầu	Công ty TNHH MTV nước sạch Hà Đông	2013	13.809.271	Ngân sách huyện	4.010.000	1.487	Chưa hoạt động	Giếng khoan, trạm bơm giếng, trạm bơm nước sạch và bơm rửa lọc, tháp làm thoáng cao tải, bể lắng, bể lọc, bể chứa, nhà điều hành, hệ thống điện, hệ thống đường nội bộ, sân, cổng, tường rào đang hoạt động tốt	1260	
			Công ty TNHH MTV nước sạch Hà		Thg 10/2014	4.456.000	Doanh Nghiệp	4.456.000	Hoạt động tốt		2.200	600	
70	TCN Quảng Nguyên	Thôn Quảng	UBND xã Quảng Phú Cầu	Công ty TNHH MTV nước sạch Hà Đông	07/2010-01/2011	11.993.149	Ngân sách huyện	5.867.000	1.200	Chưa hoạt động		460	
		Nguyễn, xã Quảng Phú Cầu	Công ty TNHH MTV nước sạch Hà Đông		12/015	3.869.000	Doanh Nghiệp	3.869.000	1.200	Hoạt động tốt	Trạm bơm cấp 1 gồm 03 giếng khoan khai thác, 03 giếng khai thác, trạm xử lý 01 bể chứa nước sạch	1.500	460
71	TCN Liên Bạt	Xã Liên Bạt	UBND xã Liên Bạt	Công ty TNHH MTV nước sạch Hà Đông	2011-2013	19.284.397	Ngân sách huyện	11.396.000	1.087	Chưa hoạt động			
			Công ty TNHH MTV nước sạch Hà Đông		Thg 12/2013	1.422.000	Doanh Nghiệp	1.422.000	1.087	Hoạt động tốt	Trạm bơm cấp 1 gồm 03 giếng khoan khai thác, 03 máy bơm cs 35m ³ /h, hệ thống điện;	1.500	600
72	TCN Văn Đình 1 và đường ống	Số 01 Phố Quang Trung, Thị Trấn Văn Đình	UBND thị Trấn Văn Đình	Công ty TNHH MTV nước sạch Hà Đông	2013	12.458.000	Ngân sách huyện	Chưa quyết toán	1.187	Không hoạt động		1.600	
			Công ty TNHH MTV nước sạch Hà Đông		Thg 4/2017	5.774.000	Doanh Nghiệp		Hoạt động tốt	Đơn nguyên 1 có các hạng mục gồm: Giauif Mưa, cụm lắng lọc, bể chứa, giếng	1.600	1.000	
73	TCN Văn Đình 2	Thôn Văn Đình, thị Trấn Văn Đình	UBND thị Trấn Văn Đình	Công ty TNHH MTV nước sạch Hà Đông	2006-2007	5.506.000	Ngân sách TW+ huyện	Chưa quyết toán	758	Tạm dừng hoạt động			
			Công ty TNHH MTV nước sạch Hà Đông		2016-2018	14.673.000	Doanh Nghiệp		Đang nâng cấp	Giếng khoan, trạm bơm giếng, trạm bơm nước sạch và bơm rửa lọc, tháp làm thoáng cao tải, bể lắng, bể lọc, bể chứa, nhà điều hành, hệ thống điện, hệ thống đường nội bộ, sân, cổng, tường rào đang hoạt động tốt			
XII	Huyện Mỹ Đức												
74	TCN Thiên Trù	Xã Hương Sơn	UBND Xã Hương Sơn	Công ty CP Chủ Thủy Béo	2013-2014	14.917.669	Ngân sách xã	14.575.000	6.000	Hoạt động tốt	Công trình thu nước mặt, hồ thu nước, Hồ sơ lắng, trạm bơm cấp 1, đường ống nước thô về trạm xử lý, trạm xử lý nước mặt, Nhà hóa chất; Nhà trạm bơm cấp 2, sân đường, cổng rào, hệ thống điện, hệ thống thoát nước... hoạt động	900	700
75	TCN Đại Nghĩa	Thị Trấn Đại Nghĩa	UBND Huyện Mỹ Đức	Công ty TNHH MTV nước sạch Hà Đông	2011-2012	49.937.510	Ngân sách TP+huyện	16.998.000		Chưa hoạt động		2.000	
			Công ty CP DT&PT Công nghệ Minh Quân		2014	21.300.000	Doanh Nghiệp		9.405	Chưa hoạt động	Có các hạng mục gồm: Hồ sơ lắng, trạm bơm nước hồ, sân đường, công tường rào, bể chức nước sạch 500m ³ ; Nhà hóa chất; Nhà trạm bơm cấp 1; Nhà điều hành sản xuất; Nhà bảo vệ; Nhà kho; Nhà đồ xe; Bệ đặt thiết bị lắng lọc; Đường ống kỹ thuật; Sân phơi bùn, hệ thống điện, hệ thống thoát nước nhưng chưa hoạt động.	2.000	
XIII	Huyện Ba Vì												
76	Dự án nước sinh hoạt tự chảy thôn Hợp Sơn	Thôn Hợp Sơn, xã Ba Vì	BQL các dự án NVH huyện, UBND Huyện Ba Vì	BQL các dự án NVH huyện Ba Vì quản lý	2015-2017	2.557.733	NSTP	2.554.300	300	Hoạt động tốt	Tài sản vẫn do BQL các dự án nhà văn hóa huyện Ba Vì quản lý, còn tốt.	230	100/124 (hệ)

TT	Tên công trình	Địa điểm	Chủ đầu tư	Đơn vị được giao quản lý, vận hành	Thời gian đầu tư	Tổng mức đầu tư (nghìn đồng)	Nguồn vốn đầu tư	Giá trị quyết toán (nghìn đồng)	Diện tích đất(m ²)	Tình trạng hoạt động	Tình trạng tài sản	Công suất (m ³ /ngày)	
												Thiết kế	Thực tế
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
77	Cải tạo nâng cấp hệ thống nước tự chảy thôn Hợp Nhất xây dựng năm 2015	Thôn Hợp Nhất, Xã Ba Vi	BQL các dự án NVH huyện, UBND Huyện Ba Vi	BQL các dự án NVH huyện Ba Vi quản lý	2015-2016	1.935.308	Ngân sách TP	1.935.308		Hoạt động tốt	Tài sản vẫn do BQL các dự án nhà văn hóa huyện Ba Vi quản lý, còn . X . tot	58	100/124 (hộ)
78	Dự án nước sinh hoạt tự chảy thôn Yên Sơn (giai đoạn II)	Thôn Yên Sơn, xã Ba Vi	BQL các dự án NVH huyện, UBND Huyện Ba Vi	BQL các dự án NVH huyện Ba Vi quản lý	2005-2006	1.038.794	Ngân sách TP	988.357	200	Hoạt động tốt	Xuống cấp, đã được thay thế cải tạo, nâng cấp	133	78/134 (hộ)
	Cải tạo nâng cấp hệ thống nước tự chảy thôn Yên Sơn (giai đoạn I)	Thôn Yên Sơn, xã Ba Vi	BQL các dự án NVH huyện, UBND Huyện Ba Vi	BQL các dự án NVH huyện Ba Vi quản lý	2015-2016	1.959.217	Ngân sách TP	1.959.217		Hoạt động tốt	Tài sản vẫn do BQL các dự án nhà văn hóa huyện Ba Vi quản lý	58	200/240 (hộ)
79	Dự án nước sinh hoạt thôn Quýt	Thôn Quýt xã Yên Bái	BQL các dự án NVH huyện, UBND Huyện Ba Vi	BQL các dự án NVH huyện Ba Vi quản lý	2007-2008	1.120.413	Ngân sách TP	1.038.613		Ngừng hoạt động năm 2009	Hệ thống xử lý đã xuống cấp Đường ống, van, học gi máy bơm mất. Hệ thống đường ống dịch vụ không xác định được	250	79/253 (hộ)
80	Dự án nước sinh hoạt thôn Mỏ Đồi	Thôn Mỏ Đồi, xã Văn Hòa	Ban QLDA Đầu tư XDCB huyện Ba Vi	UBND xã Văn Hòa	2007-2008	1.149.818	Ngân sách TP	1.063.957	600	Ngừng hoạt động năm 2014	Hệ thống xử lý đã xuống cấp Đường ống, van, học gi máy bơm mất. Hệ thống đường ống dịch vụ không xác định được	192	
81	Dự án nước sinh hoạt tự chảy thôn Dy	Thôn Dy, xã Quang Minh	Ban QLDA Đầu tư XDCB huyện Ba Vi	UBND xã Minh Quang	2005-2006	931.020	Ngân sách TP	885.416	200	Hoạt động tốt	Toàn bộ máy móc, ống xả, van đã bị mất, hỏng, không có khả năng khôi phục. Khu nhà trạm bị xuống cấp trầm trọng	424	
82	Dự án nước sinh hoạt tự chảy thôn Lật	Thôn Lật, xã Quang Minh	Ban QL các DANH huyện, UBND	UBND xã Minh Quang	2013-2015	1.980.008	Ngân sách TP	1.975.742	282	Hoạt động tốt	Mới bàn giao còn nguyên vẹn.	73	35/176 (hộ)
83	Dự án nước sinh hoạt tự chảy thôn Víp	Thôn Víp, xã Quang Minh	Ban QLDA Đầu tư XDCB huyện Ba Vi	UBND xã Minh Quang	2007	974.038	Ngân sách TP	863.649	500	Bị tắc đường ống dịch vụ	Tài sản trạm còn, nhưng xuống cấp, các van khóa không còn đóng mở được	240	<10 (hộ)
84	Dự án xây dựng đường ống cấp nước sinh hoạt thôn 8, xã Ba Trại (giai đoạn 1)	xã Ba Trại	Ban QLDA Đầu tư XDCB huyện Ba Vi	UBND xã Ba Trại	2013-2015	680.272	Ngân sách TP	609.398	690	Hoạt động tốt	Xuống cấp, đã được thay thế cải tạo, nâng cấp	250	114/384 và Trường nội trú dân tộc miền núi
	Dự án xây dựng đường ống cấp nước sinh hoạt thôn 8, xã Ba Trại (giai đoạn 2)	xã Ba Trại	Ban QL các DA NVH huyện, UBND huyện Ba Vi	UBND xã Tân Lĩnh	2007-2008	1.999.489	Ngân sách TP	1.446.154		Hoạt động tốt	Mới bàn giao còn nguyên vẹn.	700	
85	Dự án nước sinh hoạt tự chảy thôn Cửa Chu	Xã Tân Lĩnh	Ban QLDA Đầu tư XDCB huyện Ba Vi	UBND xã Tân Lĩnh	2007-2008	1.415.637	Ngân sách TP	1.387.217	240	Hoạt động tốt	Đã xuống cấp	500	40/140 (hộ)
86	Dự án nước sinh hoạt tự chảy thôn Sui Mít (Giai đoạn 1)	Xã Khánh Thượng	Ban QLDA Đầu tư XDCB huyện Ba Vi	UBND xã Khánh Thượng	2007-2009	999.573	Ngân sách TP	877.532		Hoạt động tốt	Xuống cấp, đã được thay thế cải tạo, nâng cấp	145	60/92 (hộ)
	Cải tạo, hệ thống cấp nước sinh hoạt thôn Mít (giai đoạn 2)	Xã Khánh Thượng	Ban QL các DA NVH huyện, UBND huyện Ba Vi		2015-2016	1.997.563	Ngân sách TP	1.599.355	480	Hoạt động tốt	Mới bàn giao còn nguyên vẹn.	240	40/356 (hộ)
87	Hệ thống cấp nước tự chảy thôn hương canh xã Khánh Thượng	Xã Khánh Thượng	Hệ thống cấp nước tự chảy thôn Hương Canh, xã Khánh Thượng	UBND Xã Khánh Thượng	2010-2011	5.248.467	Ngân sách TP	4.800.850	600	Hoạt động tốt	Mới bàn giao còn nguyên vẹn.	260	
88	TCN Thôn Bần, xã Văn Hòa	Thôn Bần, xã Văn Hòa	TCN Thôn Bần, xã Văn Hòa	UBND Xã Văn Hòa	2007-2008	65.106	Ngân sách TP	33.654	Mất công trình	Ngừng hoạt động (không rõ thời gian)	Mặt bằng đã được xây dựng công trình khác thay thế	61	

TT	Tên công trình	Địa điểm	Chủ đầu tư	Đơn vị được giao quản lý, vận hành	Thời gian đầu tư	Tổng mức đầu tư (nghìn đồng)	Nguồn vốn đầu tư	Giá trị quyết toán (nghìn đồng)	Diện tích đất(m ²)	Tình trạng hoạt động	Tình trạng tài sản	Công suất (m ³ /ngày)	
												Thiết kế	Thực tế
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
89	Dự án nước sinh hoạt tự chảy xóm lễ Ao vua	Xóm lễ Ao vua, Thôn Yên Sơn, xã Ba Vi	UBND xã Ba Vi, huyện Ba Vi	UBND xã Ba Vi	2007	70.022	Ngân sách TP	31.000	Ngừng hoạt động	Ngừng hoạt động năm 2007	Chỉ còn bể chứa, xuống cấp		
90	Dự án nước sinh hoạt tự chảy Thôn Hợp Nhất năm 2003	Thôn Hợp Nhất năm 2004	UBND xã Ba Vi, huyện Ba Vi	UBND xã Ba Vi	2003	355.000	Ngân sách TP	341.419	Ngừng hoạt động	Ngừng hoạt động (không rõ thời gian)	Nhà trạm bơm đã xuống cấp, nút không có khả năng phục hồi. Hệ thống ống dẫn bị mất. Hệ thống ống dịch vụ không xác định được do bị chôn vùi không có hồ	90	
91	TCN Gia Khánh	Xã Vật Lại	Doanh nghiệp-Công ty TNHH cấp nước sạch Gia Khánh	Công ty TNHH cấp nước sạch Gia Khánh	2003-2011	11.367.682	Vốn Doanh nghiệp và vốn vay hỗ trợ sau đầu tư	10.584.535		Hoạt động tốt	Do Doanh nghiệp đầu tư, sửa chữa thường xuyên.	2.000	
XIV Huyện Phúc Thọ													
92	TCN Tam Hiệp	Xã Tam Hiệp	Ban QLDA nước sạch huyện Phúc Thọ	Công ty TNHH Xây dựng và Thương Mại Toàn Cầu	2009-2011	10.373.882	NSTP và Doanh Nghiệp	Chưa quyết toán công trình	3.031	Hoạt động tốt	Công trình được Doanh nghiệp nhận bàn giao cài tạo, sửa chữa nên chất lượng tài sản tốt	1.500	900
93	TCN Vông Xuyên	Xã Vông Xuyên;	UBND Xã Vông Xuyên;	Công ty CP TM&DV nước sạch Tuấn Minh	2010-2013	28.783.208	NSTP và Doanh Nghiệp	Chưa quyết toán công trình	510	Hoạt động tốt	Chất lượng tài sản kém, do: Quá trình xây dựng Trạm còn thiếu khối lượng công việc (đường ống, hệ thống van phân phối, bể lắng tải trọng...). Đơn vị nhận bàn giao đã có Biên bản ghi nhận những thiếu sót trên với Chủ đầu tư và Đơn vị xây dựng; Doanh nghiệp nhận bàn giao chỉ bổ xung bể lắng tải trọng và một số tuyến ống, còn lại vẫn sử dụng hệ thống ống cũ nên tỷ lệ thất thoát nước cao	1.000	300
XV Huyện Quốc Oai													
94	TCN sạch thôn Yên Nội, xã Đồng Quang (giai đoạn I)	Xã Đồng Quang	Nhân dân tự khoan giếng	UBND xã Đồng Quang	2011		Nhân dân đóng góp và UNICEP hỗ trợ			Hoạt động cầm chừng	Xuống cấp, bể chứa nước sạch bị ngập nước thải xung quanh. Hệ thống Ống cung cấp xuống cấp, thường xuyên bị vỡ hệ thống khử trùng không có.	20	150
	Cài tạo và mở rộng hệ thống cấp nước thôn Yên Nội, xã Đồng Quang, Chủ đầu tư: UBND xã Đồng Quang (giai đoạn I)	Xã Đồng Quang	UBND xã Đồng Quang	UBND xã Đồng Quang	2005-2007	4.812.084	NSTP và Doanh Nghiệp	3.519.832	75	Hoạt động cầm chừng	Xuống cấp, bể chứa nước sạch bị ngập nước thải xung quanh. Hệ thống ống cung cấp xuống cấp, thường xuyên bị vỡ hệ thống khử trùng không có.	200	
95	Đầu tư hệ thống cấp nước thị trấn Quốc Oai (Giai đoạn I)	Thị trấn Quốc Oai	Ban QLDA cấp nước Sạch huyện Quốc Oai	Doanh nghiệp-Công ty CPSX&T M Ngọc Hải	2004-2007	5.173.000	NS huyện			Hoạt động tốt	Hệ thống tài sản được đầu tư từ NSNN đã xuống cấp, chỉ còn các công trình xây dựng, như: Nhà Trạm, bể chứa, nhà máy bơm, nhà khử trùng. Hệ thống tiết bị đã được Doanh Nghiệp thay thế do hỏng, hệ thống ống nước bị thay	2.000	1.200
	Cài tạo nâng cấp hệ thống nước sạch thị trấn Quốc Oai (giai đoạn II)		Doanh nghiệp-Công ty CPSX&TM Ngọc Hải				NS huyện			Hoạt động tốt	Chất lượng tài sản đã xuống cấp. Tuy nhiên DN nhận bàn giao đã đầu tư, sửa chữa cải tạo nâng cấp		
96	Hệ thống cấp nước sạch thôn Thôn Làng Trên xã Phú Mãn	Xã Phú Mãn	UBND xã Phú Mãn	UBND xã Phú Mãn	2016	3.213.526	NS huyện	1.542.406		Hoạt động tốt	Mới đầu tư, Đơn vị thi công vẫn đang quản lý chưa bàn giao cho UBND xã Phú Mãn. Chất lượng tốt	260	Đang hoạt động thử
	Trạm cấp nước sạch thôn Trán voi, xã Phú Mãn; Chủ Đầu tư: UBND xã Phú Mãn	Xã Phú Mãn	UBND xã Phú Mãn	UBND xã Phú Mãn	2016	2.624.068	NS huyện	2.623.263		Hoạt động tốt	Mới đầu tư, Đơn vị thi công vẫn đang quản lý chưa bàn giao cho UBND xã Phú Mãn. Chất lượng tốt		Đang hoạt động thử

TT	Tên công trình	Địa điểm	Chủ đầu tư	Đơn vị được giao quản lý, vận hành	Thời gian đầu tư	Tổng mức đầu tư (nghìn đồng)	Nguồn vốn đầu tư	Giá trị quyết toán (nghìn đồng)	Diện tích đất(m ²)	Tình trạng hoạt động	Tình trạng tài sản	Công suất (m ³ /ngày)	
												Thiết kế	Thực tế
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
97	Trạm cấp nước sạch thôn Đông Vờ, xã Phú Mãn, huyện Quốc Oai	Xã Phú Mãn	UBND xã Phú Mãn	UBND xã Phú Mãn	1993-1996		NS huyện			Hoạt động tốt	Xuống cấp không còn khả năng phục hồi hệ thống tuyến ống đầu nguồn bị vỡ nứt phần, mất một phần; hệ thống ống dịch vụ bị vỡ hoàn toàn.		
XVI	Huyện Thạch Thất												
98	Dự án Trạm cấp nước sạch xã Phùng Xá	xã Phùng Xá	Ban QLDA cấp nước Sạch huyện Thạch Thất	Công Ty CP kinh doanh nước sạch T.H.T	2001-2012	1.643.196	NS huyện và Doanh Nghiệp	1.150.000		Hoạt động tốt	Chất lượng tài sản: Khi bàn giao 05 giếng khoan thì có 01 cái không có nước; 04 cái có nước. Qua khai thác, thì 02 cái mất nước, 01 cái chất lượng kém, 01 cái cho chất lượng nước tốt. Doanh Nghiệp nhận bàn giao đa đầu tư, cải tạo, sửa chữa nâng cấp đáp ứng đủ nhu cầu dùng nước cho nhân dân trong thời gian hiện tại.	2.000	1.400

**PHỤ LỤC 05a: TỔNG HỢP HIỆN TRẠNG QUẢN LÝ, SỬ DỤNG XE Ô TÔ
THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA THÀNH PHỐ**

Stt	Tên cơ quan, đơn vị	Xe chức danh	Xe phục vụ công tác chung	Xe chuyên dùng	Ghi chú
1	2	3	4	5	6
	TỔNG CỘNG	23	454	655	
I	KHỐI VĂN PHÒNG CẤP TỈNH				
	Văn phòng UBND Thành phố	11	-	3	
	Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và HĐND Thành phố	2	4	3	
	Văn phòng Thành ủy	5	11	9	
II	KHỐI BAN, ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC THÀNH ỦY				
	Ủy ban kiểm tra Thành ủy	1	4		
	Ban tổ chức Thành ủy	1	2	1	
	Ban Nội chính Thành ủy	1	2		
	Ban Tuyên giáo Thành ủy	1	2	1	
	Ban Dân vận Thành ủy	1	3		
	Đảng ủy khối doanh nghiệp Hà Nội		5		
	Đảng ủy khối các cơ quan thành phố Hà Nội		3		
	Đảng ủy khối các trường đại học, cao đẳng Hà Nội		2		
	Đảng ủy các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội		1		
	Báo Hà Nội mới		2	2	
III	KHỐI SỞ, BAN, NGÀNH				
1	Sở Công Thương				
	Văn phòng Sở Công Thương		7	2	
	Trung tâm khuyến công và tư vấn phát triển nông nghiệp		2		
2	Sở Giáo dục và Đào tạo				
	Văn phòng Sở Giáo dục và Đào tạo		4	1	
	Trường Bồi dưỡng cán bộ giáo dục		1	1	
	Trường THPT chuyên Nguyễn Huệ		1		
	Trường THPT Sơn Tây		1		
	Trường THPT Lê Quý Đôn-Hà Đông		1		
	Trường THPT chuyên Hà Nội Amsterdam			1	
	Trường THPT Chu Văn An			2	
	Trường PTCS Nguyễn Đình Chiểu			1	
	Trường Phổ thông dân tộc nội trú			1	
	Trường PTCS Xã Đàn			1	
3	Sở Lao động Thương binh và Xã hội				
	Chi cục Phòng chống Tệ nạn xã hội		2	1	
	Trường Trung cấp nghề Cơ khí I Hà Nội		2		
	Trường Trung cấp kỹ thuật tin học Hà Nội (ESTIH)		1		
	Trường Trung cấp Kinh tế Tài chính Hà Nội		1	1	
	Trường Trung cấp Kinh tế Kỹ thuật Bắc Thăng Long		2		
	Trường Trung cấp nghề số 1 Hà Nội		2		
	Trường Trung cấp Kinh tế Hà Nội		1		
	Trường Trung cấp Xây Dựng Hà Nội		1		
	Trường Trung Cấp Nghề Tổng Hợp Hà Nội		2		
	Trung tâm Dịch vụ việc làm Hà Nội		2	1	
	Trung tâm Bảo trợ xã hội I Hà Nội			2	
	Trung tâm Bảo trợ xã hội II Hà Nội		1	1	
	Trung tâm Bảo trợ xã hội III Hà Nội			1	
				1	

Stt	Tên cơ quan, đơn vị	Xe chức danh	Xe phục vụ công tác chung	Xe chuyên dùng	Ghi chú
1	2	3	4	5	6
	Trung tâm Bảo trợ xã hội IV Hà Nội			1	
				1	
	Trung tâm nuôi dưỡng người già và trẻ tàn tật HN			1	
				1	
				1	
	Trung tâm Chăm sóc và Nuôi dưỡng Người tâm thần Hà Nội		1	1	
				1	
	Trung tâm Chăm sóc và Nuôi dưỡng người tâm thần số 2 Hà Nội		1	1	
	Trung tâm nuôi dưỡng Trẻ khuyết tật Hà Nội		1		
	Làng trẻ em Birla HN			1	
	Trung tâm Phục hồi chức năng Việt Hàn		1		
	Cơ sở cai nghiện Ma Túy số 1 Hà Nội			1	
				1	
				1	
	Cơ sở cai nghiện Ma Túy số 2 Hà Nội			1	
				1	
				1	
	Cơ sở cai nghiện Ma Túy số 3 Hà Nội			1	
				1	
				1	
	Cơ sở cai nghiện Ma Túy số 4 Hà Nội			1	
				1	
				1	
	Cơ sở cai nghiện Ma Túy số 5 Hà Nội			1	
				1	
				1	
	Cơ sở cai nghiện Ma Túy số 6 Hà Nội		1	1	
				1	
				1	
	Cơ sở Cai nghiện ma túy số 7 Hà Nội		1	1	
				1	
	Trung tâm CS ND&ĐT NN bị nhiễm CĐ da cam/dioxin TPHN			1	
	Trung tâm Điều dưỡng người có công số 1 HN			1	
				1	
				2	
	Trung tâm Điều dưỡng người có công số 2 HN			1	
				1	
				1	

Stt	Tên cơ quan, đơn vị	Xe chức danh	Xe phục vụ công tác chung	Xe chuyên dùng	Ghi chú
1	2	3	4	5	6
	Trung tâm Điều dưỡng người có công số 3 HN			1	
				1	
				1	
	Trung tâm Nuôi dưỡng và Điều dưỡng người có công HN			1	
				1	
				1	
	Trung tâm Nuôi dưỡng và Điều dưỡng người có công số 2 HN			1	
				1	
				1	
	Ban phục vụ lễ tang HN			85	
	Trường Trung cấp nghề Giao thông công chính HN			29	
	Quỹ bảo trợ trẻ em HN				
	Trường Trung cấp nghề nấu ăn - nghiệp vụ du lịch và thời trang HN			1	
	Trung tâm cung cấp dịch vụ công tác xã hội HN			1	
	Trường PTDL Herman Gmeiner (đơn vị thuộc Bộ TP k giao biên chế)			1	
	Làng trẻ em SOS HN (đơn vị thuộc Bộ TP k giao biên chế)			3	
	Trung tâm Kiểm định kỹ thuật An toàn HN				
4	Sở Kế hoạch và Đầu tư				
	Văn phòng Sở Kế hoạch và Đầu tư			-	
	Trung tâm hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa Hà Nội			1	
5	Sở Tài chính				
	Văn phòng Sở Tài chính			-	
				1	
	Chi cục Tài chính doanh nghiệp			1	
	Trung tâm Mua sắm TSC&TTTTVC				
6	Sở Giao thông vận tải				
	Văn phòng Sở Giao thông vận tải			1	
	Thanh tra Sở Giao thông vận tải			1	53
	Trung tâm đăng kiểm xe cơ giới Hà Nội			1	2
	Văn phòng ban an toàn giao thông				3
	Ban duy tu các công trình hạ tầng giao thông				3
	Trung tâm quản lý giao thông công cộng				2
	Trung tâm Nghiên cứu KH&ĐT (đã sáp nhập vào TT quản lý giao thông công cộng)				1
7	Sở Ngoại vụ				
	Văn phòng Sở Ngoại vụ			1	-
8	Sở Nội vụ				
	Văn phòng Sở Nội vụ			5	
	Chi cục Văn thư lưu trữ			1	
	Ban Thi đua khen thưởng			2	
	Ban Tôn giáo Thành phố			1	
9	Sở Khoa học và Công nghệ				
	Văn phòng Sở Khoa học và Công nghệ HN			4	
					1
	Trung tâm ứng dụng tiến bộ KHCN			1	1

Stt	Tên cơ quan, đơn vị	Xe chức danh	Xe phục vụ công tác chung	Xe chuyên dùng	Ghi chú
	Chỉ cục tiêu chuẩn đo lường chất lượng			4	
10	Sở NN&PTNT				
	Văn phòng Sở NN & PTNT		6	2	
	Thanh tra Sở		-		
	Chỉ cục Kiểm lâm		6	6	
	Ban quản lý Dự án LIPSAP (biên chế tính trong khối VP Sở)				
	Chỉ cục Thủy sản Hà Nội		1		
	Trung tâm Khuyến nông Hà Nội		3	1	
	Trung tâm Bảo vệ môi trường trong sản xuất nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới		1		
	Ban Duy tu các công trình Nông nghiệp và PTNT		2		
	Chỉ cục Chăn nuôi & Thú y		3	4	
	Chỉ cục Đê điều và PCLB		3		
	Chỉ cục Quản lý chất lượng Nông lâm sản và thủy sản Hà Nội		1	1	
	Ban quản lý rừng Phòng hộ-Đặc dụng		2		
	Chỉ cục Thủy lợi		1	1	
	Chỉ cục phát triển nông thôn		3		
	Ban quản lý dịch vụ thủy lợi Hà Nội		1		
	Ban quản lý công trình phân lũ sông Đáy (sáp nhập vào BQL dịch vụ Thủy lợi HN)		1	2	
	Trung tâm phát triển nông nghiệp Hà Nội		3	3	
	Chỉ cục Trồng trọt và BVTV		3	1	
	Trung tâm cứu hộ động vật hoang dã			1	
	Trung tâm phân tích và chứng nhận chất lượng sản phẩm NN HN				
11	Sở Tài nguyên môi trường				
	Văn phòng Sở Tài nguyên môi trường		6		
	Thanh tra Sở TNMT				
	Trung tâm phát triển quỹ đất HN				
	Trung tâm quan trắc tài nguyên môi trường			2	
	Văn phòng đăng ký đất đai HN			1	
12	Sở Thông tin và truyền thông				
	Văn phòng Sở Thông tin và truyền thông		3	1	
				1	
13	Sở Văn hóa và Thể thao				
	Văn phòng Sở Văn hóa và Thể thao		7	1	
	Ban quản lý di tích danh thắng		1		
	Trung tâm văn hóa thành phố Hà Nội		1	3	
				1	
	Thanh tra Sở VH TT			3	
	Trung tâm thông tin triển lãm Thành phố			2	
	Nhà hát kịch HN			1	
	Nhà hát cải lương HN			1	
				2	
	Nhà hát nghệ thuật xiếc và tạp kỹ HN			1	
				1	

Stt	Tên cơ quan, đơn vị	Xe chức danh	Xe phục vụ công tác chung	Xe chuyên dùng	Ghi chú
1	2	3	4	5	6
	Nhà hát chèo HN			1	
	Bảo tàng HN			1	
	Trung tâm huấn luyện và thi đấu thể dục thể thao HN			-	
	Nhà hát ca múa nhạc Thăng Long			4	
14	Sở Xây dựng				
	Văn phòng Sở Xây dựng		2	2	
	Thanh tra Sở XD			4	
	Ban duy tu các công trình hạ tầng kỹ thuật		1	2	
	BQL các công trình nhà ở và công sở			1	
	Viện KHCN và KTXH		1		
15	Sở Du lịch				
	Văn phòng Sở Du lịch		1		
16	Sở Tư pháp				
	Văn phòng Sở Tư pháp		4	1	
	Phòng Công chứng số 1		1		
	Phòng Công chứng số 2		1		
	Phòng Công chứng số 3		1		
	Phòng Công chứng số 4		1		
	Phòng Công chứng số 5		1		
	Phòng Công chứng số 7		1		
	Phòng Công chứng số 9		1		
	Trung tâm dịch vụ bán đấu giá tài sản		1		
	Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước		1		
17	Sở Quy hoạch-Kiến trúc				
	Văn phòng Sở Quy hoạch-Kiến trúc		5		
18	Sở Y tế				
	Văn phòng Sở y tế		3	3	
	Bệnh viện ĐK Ba Vì		1	1	
	Bệnh viện Bắc Thăng Long		-	3	
	Bệnh viện ĐK Chương Mỹ		1	2	
	Bệnh viện đa khoa Đan Phượng			3	
	Bệnh viện ĐK Đông Anh		1	3	
	Bệnh viện Đa khoa Đông Đa		1	2	
	Bệnh viện đa khoa Đức Giang		1	3	
	Bệnh viện đa khoa Gia Lâm		1	1	
	Bệnh viện đa khoa Hà Đông			2	
	Bệnh viện Hữu nghị Việt Nam - Cuba			1	
	Bệnh viện đa khoa Hoài Đức			2	
	Bệnh viện đa khoa Hòe Nhai		1	1	
	Bệnh viện Đa khoa huyện Mê Linh		1	3	
	Bệnh viện ĐK Mỹ Đức		1	2	
	Bệnh viện Đa khoa huyện Phú Xuyên		1	2	
	Bệnh viện đa khoa Phúc Thọ			2	
	Bệnh viện ĐK Quốc Oai		1	2	
	Bệnh viện đa khoa Sóc Sơn		1	5	
	Bệnh viện Đa khoa Sơn Tây		1	3	

Stt	Tên cơ quan, đơn vị	Xe chức danh	Xe phục vụ công tác chung	Xe chuyên dùng	Ghi chú
	2	3	4	5	6
	Bệnh viện ĐK Thạch Thất		1	1	
	Bệnh viện Thanh Nhàn		4	5	
	Bệnh viện đa khoa Thanh Oai		1	2	
	Bệnh viện đa khoa Thanh Trì		1	1	
	Bệnh viện đa khoa Thường Tín			2	
	Bệnh viện ĐK Vân Đình		1	2	
	Bệnh viện Đa khoa Xanh Pôn		2	6	
	Bệnh viện 09		1	1	
	Bệnh viện Phổi HN		3	3	
	Bệnh viện Da Liễu HN			1	
	Bệnh viện Mắt Hà Đông		1	1	
	Bệnh viện Mắt Hà Nội		-	2	
	Bệnh viện Phụ sản HN			4	
	Bệnh viện phục hồi chức năng		1	1	
	Bệnh viện Tâm thần ban ngày Mai Hương			1	
	Bệnh viện Tâm thần Hà Nội		1	3	
	Bệnh viện Tâm thần Mỹ Đức			1	
	Bệnh viện thần Hà Nội		2	2	
	Bệnh viện Tim Hà Nội			2	
	Bệnh viện Ung bướu		2	1	
	Bệnh viện YHCT Hà Đông			1	
	Bệnh viện Đa khoa Y học Cổ truyền Hà Nội		-	3	
	Chi cục Dân Số KHHGD		3		
	Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm Hà Nội		-	6	
	Trung tâm cấp cứu 115		1	21	
	Trung tâm giám định y khoa		1	1	
	Trung tâm kiểm nghiệm mỹ phẩm, thực phẩm		1		
	Trung tâm kiểm soát bệnh tật		7	9	
	Trung tâm Pháp Y			1	
	Trung tâm y tế quận Ba Đình			1	
	Trung tâm y tế huyện Ba Vì			-	
				2	
	Trung tâm y tế Bắc Từ Liêm				
	Trung tâm y tế quận Cầu Giấy			1	
				1	
	Trung tâm y tế Chương Mỹ			2	
				1	
	Trung tâm y tế huyện Đan Phượng			1	
	Trung tâm y tế Đông Anh			1	
				1	
	Trung tâm y tế quận Đống Đa			1	
	Trung tâm y tế Gia Lâm			1	
	Trung tâm y tế Hà Đông			1	
				1	
	Trung tâm y tế Hai bà Trưng			1	
				1	
	Trung tâm y tế Hoài Đức			1	
				1	

Stt	Tên cơ quan, đơn vị	Xe chức danh	Xe phục vụ công tác chung	Xe chuyên dùng	Ghi chú
1	2	3	4	5	6
	Trung tâm y tế Hoàn Kiếm			1	
				1	
	Trung tâm y tế Hoàng Mai			1	
				1	
	Trung tâm y tế quận Long Biên			1	
				1	
	Trung tâm y tế huyện Mê Linh			1	
				1	
	Trung tâm y tế huyện Mỹ Đức		1	1	
				1	
	Trung tâm y tế quận Nam Từ Liêm			1	
				1	
	Trung tâm y tế huyện Phú Xuyên		-	1	
				1	
	Trung tâm y tế Phúc Thọ		-	1	
				1	
	Trung tâm y tế Quốc Oai			1	
				2	
	Trung tâm y tế Sóc Sơn			1	
				1	
	Trung tâm y tế Sơn Tây			1	
				1	
	Trung tâm y tế Tây Hồ			1	
				1	
	Trung tâm y tế huyện Thạch Thất			1	
				1	
	Trung tâm y tế Thanh Oai			1	
				1	
	Trung tâm y tế huyện Thanh Trì			1	
				1	
	Trung tâm y tế quận Thanh Xuân			1	
				1	
	Trung tâm y tế Thường Tín			1	
				1	
	Trung tâm y tế Ứng Hòa			1	
				1	
19	Thành đoàn Hà Nội				
	Văn phòng Thành đoàn		3	2	
	Báo Tuổi trẻ Thủ đô		1		
	Cung văn hóa thể thao và thanh niên		1	1	
	Trường đội Lê Duẩn			1	
	Cung thiếu nhi Hà Nội			1	
	Trung tâm dịch vụ việc làm và hỗ trợ thanh niên HN			2	
20	Thanh Tra TPHN		3	1	
21	Ủy ban MTTQ TPHN		2	2	
22	Ban QLDA ĐTXD công trình cấp nước, thoát nước và môi trường Hà Nội			1	
23	Ban QLDA ĐTXD Công trình giao thông TPHN		3	2	
24	Ban QLDA ĐTXD công trình nông nghiệp và PTNT TPHN		1	2	
25	Ban QLDA ĐTXD công trình văn hóa xã hội TPHN		3	1	

Stt	Tên cơ quan, đơn vị	Xe chức danh	Xe phục vụ công tác chung	Xe chuyên dùng	Ghi chú
26	Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng và công nghiệp TPHN		2	-	
27	Liên hiệp các hội khoa học và kỹ thuật TPHN		1		
28	Viện nghiên cứu phát triển kinh tế xã hội thành phố Hà Nội		1		
29	Viện Quy hoạch xây dựng Hà Nội				
	Văn phòng Viện Quy hoạch xây dựng Hà Nội		3		
	Trung tâm nghiên cứu kiến trúc và quy hoạch đô thị, nông thôn		2		
30	Quỹ Đầu tư phát triển Thành phố		6	2	
31	Trung tâm bảo tồn di sản Thăng Long		2	2	
32	Trường Cao đẳng công đồng Hà Nội		1		
33	Trường Cao đẳng công đồng Hà Tây		1	2	
34	Trường Cao đẳng điện tử-điện lạnh Hà Nội				
35	Trường Cao đẳng nghề công nghiệp Hà Nội		2		
36	Trường Cao đẳng nghệ thuật Hà Nội		1	1	
37	Trường Đại học Thủ đô Hà Nội		1	2	
38	Trường Cao đẳng sư phạm Hà Tây		2		
39	Trường Cao đẳng y tế Hà Nội		1		
40	Trường Cao đẳng y tế Hà Đông		1		
41	Trường Đào tạo cán bộ Lê Hồng Phong		5	2	
42	Trường CĐ nghề Công nghệ cao Hà Nội		1		
43	Trường cao đẳng Công nghệ và Môi trường Hà Nội		2		
44	Trường Cao đẳng nghề Việt Nam-Hàn Quốc		1		
45	Trường Cao đẳng thương mại và du lịch Hà Nội		1	-	
46	Trung tâm xúc tiến đầu tư thương mại, du lịch Hà Nội		2		
47	BQL khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội		3	1	
48	Ban dự án đường sắt đô thị Hà Nội		1		
49	Đài Phát thanh & Truyền hình HN		1	27	
50	Hội liên hiệp phụ nữ thành phố Hà Nội				
	Hội liên hiệp phụ nữ thành phố Hà Nội		2		
	Trung tâm hỗ trợ phụ nữ phát triển		1		
	Báo Phụ nữ thủ đô		1		
51	Hội Cựu Chiến binh		5		
52	Hội Nông dân		2	1	
53	Ban Dân tộc thành phố Hà Nội		1		
54	Báo Kinh tế đô thị		3		
55	Ban chỉ đạo GPMB TP (đã giải thể)		2	1	
IV	KHỐI QUẬN, HUYỆN, THỊ XÃ				
1	Quận Ba Đình				
	Văn phòng HĐND&UBND quận Ba Đình		3	1	
	Văn phòng Quận ủy Ba Đình		2		
	Đội QLTTXDĐT Ba Đình			1	
2	Quận Cầu Giấy				
	Văn phòng HĐND&UBND quận Cầu Giấy		2	1	
	Văn phòng Quận ủy Cầu Giấy		1		
	Trung tâm dịch vụ xổ số, và dịch vụ cầu giấy		1	1	
	Đội QLTTXDĐT Cầu Giấy			2	
3	Quận Đống Đa				
	Văn phòng HĐND&UBND Quận Đống Đa		4		
	Văn phòng quận ủy Đống Đa		3	1	

Stt	Tên cơ quan, đơn vị	Xe chức danh	Xe phục vụ công tác chung	Xe chuyên dùng	Ghi chú
1	2	3	4	5	6
	BQLDA quận Đống Đa			1	
	Đội QLTTXDĐT Đống Đa			1	
4	Quận Hai Bà Trưng				
	Văn phòng HĐND&UBND quận Hai Bà Trưng		3	1	
	Văn phòng Quận ủy Hai Bà Trưng		2		
	Ban QLDA ĐTXD quận Hai Bà Trưng		1		
	Đội QLTTXDĐT Hai Bà Trưng			1	
5	Quận Hoàn Kiếm				
	Văn phòng HĐND&UBND quận Hoàn Kiếm		3	2	
	Văn phòng Quận ủy Hoàn Kiếm		2	1	
	Ban quản lý phố cổ Hà Nội		1		
	Trung tâm VH-TTTT quận Hoàn Kiếm			1	
	Trung tâm GDTX Nguyễn Văn Tố			1	
	BQL khu vực Hồ Hoàn Kiếm			1	
	Đội QLTTXDĐT Hoàn Kiếm			1	
6	Quận Hoàng Mai				
	Văn phòng HĐND&UBND quận Hoàng Mai		3	1	
	Văn phòng Quận ủy Hoàng Mai		2	1	
	Đội QLTTXDĐT Hoàng Mai			1	
7	Quận Long Biên				
	Văn phòng HĐND&UBND quận Long Biên		-	2	
	Đội QLTTXDĐT Long Biên			2	
8	Quận Tây Hồ				
	Văn phòng HĐND&UBND quận Tây Hồ		3	2	
	Văn phòng Quận ủy Tây Hồ		4		
	Đội QLTTXDĐT Tây Hồ			1	
9	Quận Thanh Xuân				
	Văn phòng HĐND&UBND Thanh Xuân		2	2	
	Văn phòng quận ủy Thanh Xuân		2	-	
	Đội QLTTXDĐT Thanh Xuân			1	
10	Quận Hà Đông				
	Văn phòng HĐND&UBND quận Hà Đông		-	2	
	Văn phòng Quận ủy Hà Đông		-	1	
	Ban QLDA quận Hà Đông		1		
	Đội QLTTXDĐT Hà Đông			1	
	Trung tâm GDTX-GDHN quận Hà Đông		1		
11	Quận Nam Từ Liêm				
	Văn phòng HĐND-UBND quận Nam Từ Liêm		4	1	
	Văn phòng Quận ủy Nam Từ Liêm		2	1	
	Trung tâm phát triển quỹ đất quận Nam Từ Liêm			1	
	UBND phường Tây Mỗ			1	
	UBND phường Phương Canh			1	
12	Quận Bắc Từ Liêm				
	Văn phòng HĐND&UBND quận Bắc Từ Liêm		3	2	
	Văn phòng quận ủy Bắc Từ Liêm		1		
	Ban QLDA ĐTXD quận Bắc Từ Liêm			1	
	Đội QLTTXDĐT Bắc Từ Liêm			1	
	Trung tâm VH-TT quận Bắc Từ Liêm			1	
13	Thị xã Sơn Tây				
	Văn phòng HĐND&UBND thị xã Sơn Tây		2	1	
	Văn phòng thị ủy Sơn Tây		3		
	Phòng Quản lý đô thị Sơn Tây			1	
	Ban QLDA ĐTXD thị xã Sơn Tây			1	

Stt	Tên cơ quan, đơn vị	Xe chức danh	Xe phục vụ công tác chung	Xe chuyên dùng	Ghi chú
1	2	3	4	5	6
14	Huyện Đông Anh				
	Văn phòng HĐND&UBND huyện Đông Anh		3	2	
	Văn phòng huyện ủy Đông Anh		3		
	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Đông Anh		1		
	Đội QLTTXDĐT Đông Anh			1	
	Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện Đông Anh			1	
	Trung tâm GDNN-GDTX huyện Đông Anh			2	
	Trung tâm phát triển quỹ đất huyện Đông Anh			1	
15	Huyện Gia Lâm				
	Văn phòng HĐND&UBND huyện Gia Lâm		-	2	
	Đội QLTTXDĐT Gia Lâm			1	
16	Huyện Sóc Sơn				
	Văn phòng HĐND&UBND huyện Sóc Sơn		4	2	
	Văn phòng Huyện ủy Sóc Sơn		3		
	Đội QLTTXDĐT Sóc Sơn			1	
17	Huyện Thanh Trì				
	Văn phòng HĐND&UBND huyện Thanh Trì		-	1	
	Văn phòng Huyện ủy Thanh Trì		-	1	
	Đội QLTTXDĐT Thanh Trì			1	
18	Huyện Mỹ Đức				
	Văn phòng HĐND&UBND huyện Mỹ Đức		-	1	
	Văn phòng Huyện ủy Mỹ Đức		1	1	
	BQL Khu di tích thắng cảnh Hương Sơn		1		
19	Huyện Ứng Hòa				
	Văn phòng HĐND&UBND huyện Ứng Hòa		3	1	
	Văn phòng Huyện ủy Ứng Hòa		2		
20	Huyện Thanh Oai				
	Văn phòng HĐND&UBND huyện Thanh Oai		3	1	
	Văn phòng Huyện ủy Thanh Oai		1		
21	Huyện Chương Mỹ				
	Văn phòng HĐND&UBND huyện Chương Mỹ		5	1	
	Văn phòng Huyện ủy Chương Mỹ		2		
22	Huyện Phú Xuyên				
	Văn phòng HĐND&UBND huyện Phú Xuyên		3	1	
	Văn phòng Huyện ủy Phú Xuyên		3		
23	Huyện Thường Tín				
	Văn phòng HĐND&UBND huyện Thường Tín		-	1	
24	Huyện Ba Vì				
	Văn phòng HĐND và UBND huyện Ba Vì		5		
	Văn phòng Huyện ủy Ba Vì		4		
	Trung tâm bồi dưỡng Chính trị huyện Ba Vì		1		
	Ban ATGT huyện Ba Vì (biên chế tính trong VPUB Ba Vì)			1	
25	Huyện Quốc Oai				
	Văn phòng HĐND&UBND huyện Quốc Oai		4		
	Văn phòng Huyện ủy Quốc Oai		2		
26	Huyện Hoài Đức				
	Văn phòng HĐND&UBND huyện Hoài Đức		1	1	
	Văn phòng Huyện ủy Hoài Đức		3		
27	Huyện Phúc Thọ				
	Văn phòng HĐND&UBND huyện Phúc Thọ		2	2	
	Văn phòng Huyện ủy Phúc Thọ		3		
28	Huyện Thạch Thất				

Stt	Tên cơ quan, đơn vị	Xe chức danh	Xe phục vụ công tác chung	Xe chuyên dùng	Ghi chú
			5	1	
	Văn phòng HĐND&UBND huyện Thạch Thất		2	1	
	Văn phòng Huyện ủy Thạch Thất			1	
	Đội QLTXDDĐT Thạch Thất				
29	Huyện Đan Phượng				
	Văn phòng HĐND&UBND huyện Đan Phượng		2	1	
	Văn phòng Huyện ủy Đan Phượng		2		
30	Huyện Mê Linh				
	Văn phòng HĐND&UBND huyện Mê Linh		5		
	Văn phòng Huyện ủy Mê Linh		3	1	

**PHỤ LỤC 05b: TỔNG HỢP TÀI SẢN KHÁC (NGOÀI NHÀ, ĐẤT, Ô TÔ)
TẠI CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA THÀNH PHỐ**

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Số lượng đơn vị tài sản	Nguyên giá (nghìn đồng)	Giá trị còn lại (nghìn đồng)
1	2	3	4	5
	TỔNG CỘNG	797.643	25.711.477.281	17.755.074.601
A	KHỐI SỞ, BAN, NGÀNH	543.508	13.199.302.170	12.465.581.089
I	Khối các cơ quan Đảng thuộc Thành phố và các tổ chức chính trị-xã hội			
1	Văn phòng Thành ủy			
	Tài sản có nguyên giá từ 500 triệu đồng trở lên/đơn vị tài sản	18	24.312.464	3.547.086
	Tài sản có nguyên giá dưới 500 triệu đồng/đơn vị tài sản	1.065	30.865.395	2.656.085
2	Đảng ủy khối doanh nghiệp Hà Nội			
	Tài sản có nguyên giá từ 500 triệu đồng trở lên/đơn vị tài sản			
	Tài sản có nguyên giá dưới 500 triệu đồng/đơn vị tài sản	218	3.798.997	129.858
3	Đảng ủy khối các cơ quan thành phố Hà Nội			
	Tài sản có nguyên giá từ 500 triệu đồng trở lên/đơn vị tài sản			
	Tài sản có nguyên giá dưới 500 triệu đồng/đơn vị tài sản	137	2.651.145	177.076
4	Đảng ủy khối các trường đại học, cao đẳng Hà Nội			
	Tài sản có nguyên giá từ 500 triệu đồng trở lên/đơn vị tài sản			
	Tài sản có nguyên giá dưới 500 triệu đồng/đơn vị tài sản	93	1.918.751	79.744
5	Đảng ủy các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội			
	Tài sản có nguyên giá từ 500 triệu đồng trở lên/đơn vị tài sản			
	Tài sản có nguyên giá dưới 500 triệu đồng/đơn vị tài sản	57	1.019.684	227.852
6	Báo Hà Nội mới			
	Tài sản có nguyên giá từ 500 triệu đồng trở lên/đơn vị tài sản	2	1.449.205	1.449.205
	Tài sản có nguyên giá dưới 500 triệu đồng/đơn vị tài sản	453	8.836.718	856.411
7	Hội liên hiệp phụ nữ thành phố Hà Nội			
	Tài sản có nguyên giá từ 500 triệu đồng trở lên/đơn vị tài sản	5	17.195.576	2.149.447
	Tài sản có nguyên giá dưới 500 triệu đồng/đơn vị tài sản	1.298	133.536.571	112.631.641
8	Hội Cựu Chiến binh			
	Tài sản có nguyên giá từ 500 triệu đồng trở lên/đơn vị tài sản			
	Tài sản có nguyên giá dưới 500 triệu đồng/đơn vị tài sản	826	3.713.344	746.675
9	Hội Nông dân			
	Tài sản có nguyên giá từ 500 triệu đồng trở lên/đơn vị tài sản			
	Tài sản có nguyên giá dưới 500 triệu đồng/đơn vị tài sản			
10	Thành đoàn Hà Nội			
	Tài sản có nguyên giá từ 500 triệu đồng trở lên/đơn vị tài sản			
	Tài sản có nguyên giá dưới 500 triệu đồng/đơn vị tài sản			
II	Khối Sở, ban, ngành, đơn vị thuộc Thành phố			
11	Văn phòng UBND Thành phố			
	Tài sản có nguyên giá từ 500 triệu đồng trở lên/đơn vị tài sản	5	9.953.418	811.226
	Tài sản có nguyên giá dưới 500 triệu đồng/đơn vị tài sản	779	13.438.986	1.992.569
12	Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và HĐND Thành phố			
	Tài sản có nguyên giá từ 500 triệu đồng trở lên/đơn vị tài sản			
	Tài sản có nguyên giá dưới 500 triệu đồng/đơn vị tài sản	583	16.243.812	3.082.546
13	Sở Công Thương			
	Tài sản có nguyên giá từ 500 triệu đồng trở lên/đơn vị tài sản	1	500.000	500.000
	Tài sản có nguyên giá dưới 500 triệu đồng/đơn vị tài sản	666	12.756.132	1.324.362
14	Sở Giáo dục và Đào tạo			
	Tài sản có nguyên giá từ 500 triệu đồng trở lên/đơn vị tài sản	152	407.615.445	180.261.108
	Tài sản có nguyên giá dưới 500 triệu đồng/đơn vị tài sản	21.383	523.248.014	116.779.251
15	Sở Lao động Thương binh và Xã hội			
	Tài sản có nguyên giá từ 500 triệu đồng trở lên/đơn vị tài sản	125	211.231.336	65.426.838
	Tài sản có nguyên giá dưới 500 triệu đồng/đơn vị tài sản	16.374	194.722.889	48.910.609
16	Sở Kế hoạch và Đầu tư			
	Tài sản có nguyên giá từ 500 triệu đồng trở lên/đơn vị tài sản	6	11.131.000	6.738.000
	Tài sản có nguyên giá dưới 500 triệu đồng/đơn vị tài sản	1.607	17.753.100	2.110.000
17	Sở Tài chính			
	Tài sản có nguyên giá từ 500 triệu đồng trở lên/đơn vị tài sản	27	33.113.229	8.176.181
	Tài sản có nguyên giá dưới 500 triệu đồng/đơn vị tài sản	711	24.303.641	2.580.549
18	Sở Giao thông vận tải			
	Tài sản có nguyên giá từ 500 triệu đồng trở lên/đơn vị tài sản	11	16.791.095	6.837.748
	Tài sản có nguyên giá dưới 500 triệu đồng/đơn vị tài sản	790	24.459.522	9.356.559
19	Sở Ngoại vụ			
	Tài sản có nguyên giá từ 500 triệu đồng trở lên/đơn vị tài sản	2	2.073.758	1.183.000
	Tài sản có nguyên giá dưới 500 triệu đồng/đơn vị tài sản	128	2.170.995	568.986
20	Sở Nội vụ			
	Tài sản có nguyên giá từ 500 triệu đồng trở lên/đơn vị tài sản	10	20.877.474	14.107.003
	Tài sản có nguyên giá dưới 500 triệu đồng/đơn vị tài sản	1.648	19.021.075	5.768.326
21	Sở Khoa học và Công nghệ			
	Tài sản có nguyên giá từ 500 triệu đồng trở lên/đơn vị tài sản	479	509.122.266	168.564.272

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Số lượng đơn vị tài sản	Nguyên giá (nghìn đồng)	Giá trị còn lại (nghìn đồng)
	Tài sản có nguyên giá dưới 500 triệu đồng/đơn vị tài sản	1.237	183.694.920	78.644.814
22	Sở Thông tin và Truyền thông			
	Tài sản có nguyên giá từ 500 triệu đồng trở lên/đơn vị tài sản	82	420.453.749	193.057.125
	Tài sản có nguyên giá dưới 500 triệu đồng/đơn vị tài sản	889	78.058.510	5.569.498
23	Sở Văn hóa và Thể thao			
	Tài sản có nguyên giá từ 500 triệu đồng trở lên/đơn vị tài sản	104	292.342.074	144.558.505
	Tài sản có nguyên giá dưới 500 triệu đồng/đơn vị tài sản	6.087	180.360.058	62.346.427
24	Sở Xây dựng			
	Tài sản có nguyên giá từ 500 triệu đồng trở lên/đơn vị tài sản	11	10.857.773	
	Tài sản có nguyên giá dưới 500 triệu đồng/đơn vị tài sản	881	22.765.678	7.582.497.962
25	Sở Quy hoạch-Kiến trúc			
	Tài sản có nguyên giá từ 500 triệu đồng trở lên/đơn vị tài sản	4	3.112.486	1.160.838
	Tài sản có nguyên giá dưới 500 triệu đồng/đơn vị tài sản	577	11.472.560	1.968.696
26	Sở Y tế			
	Tài sản có nguyên giá từ 500 triệu đồng trở lên/đơn vị tài sản	2.711	4.878.836.142	1.869.036.800
	Tài sản có nguyên giá dưới 500 triệu đồng/đơn vị tài sản	123.061	2.603.681.886	687.211.725
27	Ban QLDA ĐTXD công trình hạ tầng kỹ thuật và nông nghiệp TPHN			
	Tài sản có nguyên giá từ 500 triệu đồng trở lên/đơn vị tài sản	1	3.448.224	2.913.324
	Tài sản có nguyên giá dưới 500 triệu đồng/đơn vị tài sản	248	4.184.579	546.025
28	Ban QLDA ĐTXD Công trình giao thông TPHN			
	Tài sản có nguyên giá từ 500 triệu đồng trở lên/đơn vị tài sản			
	Tài sản có nguyên giá dưới 500 triệu đồng/đơn vị tài sản	239	40.690.025	609.544
29	Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng TPHN			
	Tài sản có nguyên giá từ 500 triệu đồng trở lên/đơn vị tài sản			
	Tài sản có nguyên giá dưới 500 triệu đồng/đơn vị tài sản	2.130	9.974.084	1.693.314
30	Viện Quy hoạch xây dựng Hà Nội			
	Tài sản có nguyên giá từ 500 triệu đồng trở lên/đơn vị tài sản	2	18.069.778	
	Tài sản có nguyên giá dưới 500 triệu đồng/đơn vị tài sản	41	3.037.815	276.065
31	Quỹ Đầu tư phát triển Thành phố			
	Tài sản có nguyên giá từ 500 triệu đồng trở lên/đơn vị tài sản			
	Tài sản có nguyên giá dưới 500 triệu đồng/đơn vị tài sản	250	8.625.126	1.530.060
32	Trung tâm bảo tồn di sản Thăng Long			
	Tài sản có nguyên giá từ 500 triệu đồng trở lên/đơn vị tài sản	4	3.626.925	1.247.642
	Tài sản có nguyên giá dưới 500 triệu đồng/đơn vị tài sản	883	27.698.833	16.678.230
33	Trường Cao đẳng điện tử-điện lạnh Hà Nội			
	Tài sản có nguyên giá từ 500 triệu đồng trở lên/đơn vị tài sản	7	4.936.073	2.214.909
	Tài sản có nguyên giá dưới 500 triệu đồng/đơn vị tài sản	946	27.346.234	6.932.379
34	Trường Cao đẳng nghệ thuật Hà Nội			
	Tài sản có nguyên giá từ 500 triệu đồng trở lên/đơn vị tài sản	9	20.941.518	6.518.086
	Tài sản có nguyên giá dưới 500 triệu đồng/đơn vị tài sản	849	479.353.367	7.137.803
35	Trường Đại học Thủ đô Hà Nội			
	Tài sản có nguyên giá từ 500 triệu đồng trở lên/đơn vị tài sản	11	12.257.908	6.998.304
	Tài sản có nguyên giá dưới 500 triệu đồng/đơn vị tài sản	6.146	47.483.854	17.382.804
36	Trường Cao đẳng y tế Hà Đông			
	Tài sản có nguyên giá từ 500 triệu đồng trở lên/đơn vị tài sản	12	12.903.202	1.353.150
	Tài sản có nguyên giá dưới 500 triệu đồng/đơn vị tài sản	944	40.521.965	7.930.599
37	Trường Đào tạo cán bộ Lê Hồng Phong			
	Tài sản có nguyên giá từ 500 triệu đồng trở lên/đơn vị tài sản	5	6.748.314	650.176
	Tài sản có nguyên giá dưới 500 triệu đồng/đơn vị tài sản	8.886	15.478.543	2.273.669
38	Trường CĐ nghề Công nghệ cao Hà Nội			
	Tài sản có nguyên giá từ 500 triệu đồng trở lên/đơn vị tài sản	298	230.363.211	142.862.169
	Tài sản có nguyên giá dưới 500 triệu đồng/đơn vị tài sản	4.654	69.952.936	39.103.404
39	Trường Cao đẳng nghề Việt Nam-Hàn Quốc			
	Tài sản có nguyên giá từ 500 triệu đồng trở lên/đơn vị tài sản	923	186.815.843	93.555.084
	Tài sản có nguyên giá dưới 500 triệu đồng/đơn vị tài sản	319.786	51.957.389	29.789.696
40	Đài Phát thanh & Truyền hình HN			
	Tài sản có nguyên giá từ 500 triệu đồng trở lên/đơn vị tài sản	8.113	777.436.813	630.933.903
	Tài sản có nguyên giá dưới 500 triệu đồng/đơn vị tài sản	2.720	107.048.107	47.970.548
41	Bảo Kinh tế đô thị			
	Tài sản có nguyên giá từ 500 triệu đồng trở lên/đơn vị tài sản			
	Tài sản có nguyên giá dưới 500 triệu đồng/đơn vị tài sản	98	2.940.631	697.599
B	KHỐI QUẬN, HUYỆN, THỊ XÃ	254.135	12.512.175.111	5.289.493.512
42	Quận Ba Đình			
	Tài sản có nguyên giá từ 500 triệu đồng trở lên/đơn vị tài sản	108	130.218.932	59.272.463
	Tài sản có nguyên giá dưới 500 triệu đồng/đơn vị tài sản	15.667	324.113.092	134.459.208
43	Quận Cầu Giấy			
	Tài sản có nguyên giá từ 500 triệu đồng trở lên/đơn vị tài sản	121	167.325.371	56.800.137
	Tài sản có nguyên giá dưới 500 triệu đồng/đơn vị tài sản	10.660	253.446.618	65.862.340
44	Quận Đống Đa			

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Số lượng đơn vị tài sản	Nguyên giá (nghìn đồng)	Giá trị còn lại (nghìn đồng)
	Tài sản có nguyên giá từ 500 triệu đồng trở lên/đơn vị tài sản	75	110.207.042	54.066.948
	Tài sản có nguyên giá dưới 500 triệu đồng/đơn vị tài sản	12.718	271.171.076	71.589.508
45	Quận Hai Bà Trưng			
	Tài sản có nguyên giá từ 500 triệu đồng trở lên/đơn vị tài sản	38	62.172.516	33.558.298
	Tài sản có nguyên giá dưới 500 triệu đồng/đơn vị tài sản	15.519	386.458.562	155.366.873
46	Quận Hoàn Kiếm			
	Tài sản có nguyên giá từ 500 triệu đồng trở lên/đơn vị tài sản	447	171.360.472	40.739.519
	Tài sản có nguyên giá dưới 500 triệu đồng/đơn vị tài sản	10.807	307.505.210	90.756.680
47	Quận Hoàng Mai			
	Tài sản có nguyên giá từ 500 triệu đồng trở lên/đơn vị tài sản	68	115.355.536	63.573.099
	Tài sản có nguyên giá dưới 500 triệu đồng/đơn vị tài sản	9.036	208.013.039	75.542.730
48	Quận Long Biên			
	Tài sản có nguyên giá từ 500 triệu đồng trở lên/đơn vị tài sản	122	419.506.757	275.206.135
	Tài sản có nguyên giá dưới 500 triệu đồng/đơn vị tài sản	18.592	420.336.969	96.256.834
49	Quận Tây Hồ			
	Tài sản có nguyên giá từ 500 triệu đồng trở lên/đơn vị tài sản	94	120.833.838	35.905.698
	Tài sản có nguyên giá dưới 500 triệu đồng/đơn vị tài sản	8.420	205.160.965	65.384.475
50	Quận Thanh Xuân			
	Tài sản có nguyên giá từ 500 triệu đồng trở lên/đơn vị tài sản	129	204.504.771	119.428.499
	Tài sản có nguyên giá dưới 500 triệu đồng/đơn vị tài sản	16.598	393.745.138	139.301.540
51	Quận Hà Đông			
	Tài sản có nguyên giá từ 500 triệu đồng trở lên/đơn vị tài sản	36	124.509.124	68.288.902
	Tài sản có nguyên giá dưới 500 triệu đồng/đơn vị tài sản	1.758	37.193.365	11.493.003
52	Quận Nam Từ Liêm			
	Tài sản có nguyên giá từ 500 triệu đồng trở lên/đơn vị tài sản	187	375.903.230	172.639.713
	Tài sản có nguyên giá dưới 500 triệu đồng/đơn vị tài sản	12.342	272.278.173	71.787.427
53	Quận Bắc Từ Liêm			
	Tài sản có nguyên giá từ 500 triệu đồng trở lên/đơn vị tài sản	275	725.139.478	345.085.425
	Tài sản có nguyên giá dưới 500 triệu đồng/đơn vị tài sản	9.816	288.549.817	98.309.402
54	Thị xã Sơn Tây			
	Tài sản có nguyên giá từ 500 triệu đồng trở lên/đơn vị tài sản	136	348.281.270	230.751.069
	Tài sản có nguyên giá dưới 500 triệu đồng/đơn vị tài sản	4.977	116.573.502	28.985.716
55	Huyện Đông Anh			
	Tài sản có nguyên giá từ 500 triệu đồng trở lên/đơn vị tài sản	359	934.324.818	658.240.819
	Tài sản có nguyên giá dưới 500 triệu đồng/đơn vị tài sản	9.366	155.487.796	69.784.076
56	Huyện Gia Lâm			
	Tài sản có nguyên giá từ 500 triệu đồng trở lên/đơn vị tài sản	110	184.123.511	100.073.882
	Tài sản có nguyên giá dưới 500 triệu đồng/đơn vị tài sản	10.396	274.692.402	98.077.989
57	Huyện Sóc Sơn			
	Tài sản có nguyên giá từ 500 triệu đồng trở lên/đơn vị tài sản	107	243.237.802	124.960.376
	Tài sản có nguyên giá dưới 500 triệu đồng/đơn vị tài sản	9.191	235.298.226	77.529.420
58	Huyện Thanh Trì			
	Tài sản có nguyên giá từ 500 triệu đồng trở lên/đơn vị tài sản	179	348.595.214	128.621.913
	Tài sản có nguyên giá dưới 500 triệu đồng/đơn vị tài sản	8.900	212.127.315	66.317.969
59	Huyện Mỹ Đức			
	Tài sản có nguyên giá từ 500 triệu đồng trở lên/đơn vị tài sản	97	278.813.940	175.638.506
	Tài sản có nguyên giá dưới 500 triệu đồng/đơn vị tài sản	1.576	32.913.842	5.416.560
60	Huyện Ứng Hòa			
	Tài sản có nguyên giá từ 500 triệu đồng trở lên/đơn vị tài sản	7	7.759.258	3.071.087
	Tài sản có nguyên giá dưới 500 triệu đồng/đơn vị tài sản	2.010	32.669.049	8.765.600
61	Huyện Thanh Oai			
	Tài sản có nguyên giá từ 500 triệu đồng trở lên/đơn vị tài sản	6	7.741.870	5.141.089
	Tài sản có nguyên giá dưới 500 triệu đồng/đơn vị tài sản	1.156	18.391.136	7.725.812
62	Huyện Chương Mỹ			
	Tài sản có nguyên giá từ 500 triệu đồng trở lên/đơn vị tài sản	52	82.192.076	40.025.504
	Tài sản có nguyên giá dưới 500 triệu đồng/đơn vị tài sản	8.810	188.889.183	62.284.897
63	Huyện Phú Xuyên			
	Tài sản có nguyên giá từ 500 triệu đồng trở lên/đơn vị tài sản	25	32.755.385	21.797.527
	Tài sản có nguyên giá dưới 500 triệu đồng/đơn vị tài sản	6.188	120.202.784	35.598.246
64	Huyện Thường Tín			
	Tài sản có nguyên giá từ 500 triệu đồng trở lên/đơn vị tài sản	96	149.049.664	115.557.440
	Tài sản có nguyên giá dưới 500 triệu đồng/đơn vị tài sản	6.501	137.442.992	36.928.691
65	Huyện Ba Vì			
	Tài sản có nguyên giá từ 500 triệu đồng trở lên/đơn vị tài sản	118	73.785.153	31.675.980
	Tài sản có nguyên giá dưới 500 triệu đồng/đơn vị tài sản			
66	Huyện Quốc Oai			
	Tài sản có nguyên giá từ 500 triệu đồng trở lên/đơn vị tài sản	18	25.796.694	12.199.811
	Tài sản có nguyên giá dưới 500 triệu đồng/đơn vị tài sản	10.948	251.550.858	76.092.488
67	Huyện Hoài Đức			

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Số lượng đơn vị tài sản	Nguyên giá (nghìn đồng)	Giá trị còn lại (nghìn đồng)
	<i>Tài sản có nguyên giá từ 500 triệu đồng trở lên/đơn vị tài sản</i>	73	330.148.716	241.538.180
	<i>Tài sản có nguyên giá dưới 500 triệu đồng/đơn vị tài sản</i>	12.717	243.958.824	77.562.399
68	Huyện Phúc Thọ			
	<i>Tài sản có nguyên giá từ 500 triệu đồng trở lên/đơn vị tài sản</i>	144	329.024.331	173.794.642
	<i>Tài sản có nguyên giá dưới 500 triệu đồng/đơn vị tài sản</i>	6.409	125.171.904	23.887.824
69	Huyện Thạch Thất			
	<i>Tài sản có nguyên giá từ 500 triệu đồng trở lên/đơn vị tài sản</i>	6	12.593.553	9.277.760
	<i>Tài sản có nguyên giá dưới 500 triệu đồng/đơn vị tài sản</i>	611	14.458.413	3.273.879
70	Huyện Đan Phượng			
	<i>Tài sản có nguyên giá từ 500 triệu đồng trở lên/đơn vị tài sản</i>	12	16.205.193	6.616.628
	<i>Tài sản có nguyên giá dưới 500 triệu đồng/đơn vị tài sản</i>	1.033	19.794.922	5.194.973
71	Huyện Mê Linh			
	<i>Tài sản có nguyên giá từ 500 triệu đồng trở lên/đơn vị tài sản</i>	86	701.383.530	90.366.683
	<i>Tài sản có nguyên giá dưới 500 triệu đồng/đơn vị tài sản</i>	8.082	131.730.894	36.043.221

**PHỤ LỤC 06a: TỔNG HỢP CƠ CHẾ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ, SỬ DỤNG, KHAI THÁC QUỸ NHÀ THUỘC SỞ HỮU NHÀ NƯỚC
GIAO CƠ QUAN, ĐƠN VỊ, DOANH NGHIỆP QUẢN LÝ, VẬN HÀNH**

STT	Nhóm quỹ nhà thuộc sở hữu nhà nước	Cơ chế chính sách	
		Trung ương	Thành phố
1	Quỹ nhà thuộc sở hữu nhà nước sử dụng vào mục đích kinh doanh, dịch vụ, trụ sở làm việc và các mục đích khác không phải để ở (quỹ nhà chuyên dùng)	- Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;	<ul style="list-style-type: none"> ❖ Về quản lý, ký hợp đồng thuê nhà: <ul style="list-style-type: none"> - Quyết định số 32/2012/QĐ-UBND ngày 12/11/2012 của UBND thành phố Hà Nội quy định về quản lý, sử dụng nhà thuộc sở hữu nhà nước sử dụng vào mục đích kinh doanh; dịch vụ trên địa bàn thành phố Hà Nội; - Quyết định số 38/2012/QĐ-UBND ngày 14/12/2012 của UBND thành phố Hà Nội về đơn giá thuê nhà, đất thuộc sở hữu nhà nước do Công ty TNHH MTV Quản lý và phát triển nhà Hà Nội được giao quản lý cho các tổ chức, cá nhân thuê làm cơ sở kinh doanh dịch vụ trên địa bàn thành phố Hà Nội. ❖ Về quản lý nhà biệt thự: <ul style="list-style-type: none"> - Nghị quyết số 18/2008/NQ-HĐND ngày 10/12/2008 của Hội đồng nhân dân Thành phố về Đề án Quản lý quỹ nhà biệt thự trên địa bàn thành phố Hà Nội; - Quyết định số 52/2013/QĐ-UBND ngày 28/11/2013 của UBND thành phố Hà Nội về việc ban hành Quy chế quản lý, sử dụng nhà biệt thự cũ được xây dựng từ trước năm 1954 trên địa bàn thành phố Hà Nội; - Quyết định số 7177/QĐ-UBND ngày 28/11/2013 của UBND thành phố Hà Nội về việc ban hành Danh mục nhà biệt thự thuộc đối tượng quản lý, sử dụng theo “Quy chế quản lý, sử dụng nhà biệt thự cũ được xây dựng từ trước năm 1954 trên địa bàn thành phố Hà Nội”; - Nghị quyết số 24/2013/NQ-HĐND ngày 04/12/2013 của Hội đồng nhân dân Thành phố về việc ban hành Danh mục phố cổ, làng cổ, làng nghề truyền thống tiêu biểu, biệt thự cũ, công trình kiến trúc khác xây dựng từ trước năm 1954 và di sản văn hóa phi vật thể trên địa bàn Thủ đô cần tập trung nguồn lực để bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa; - Nghị quyết số 04/NQ-HĐND ngày 04/7/2017 của Hội đồng nhân dân Thành phố về việc điều chỉnh danh mục biệt thự kèm theo Nghị quyết số 18/2008/NQ-HĐND ngày 10/12/2008 và Nghị quyết số 24/2013/NQ-HĐND ngày 04/12/2013 của Hội đồng nhân dân Thành phố
2	Quỹ nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Nhà ở năm 2014; - Luật Quản lý, sử dụng tài sản công 2017; - Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật Nhà ở; - Nghị định số 30/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật Nhà ở; - Quyết định số 17/2008/QĐ-TTg ngày 28/1/2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bảng giá chuẩn cho thuê nhà ở thuộc sở hữu nhà nước chưa cải tạo, xây dựng lại; - Thông tư số 02/2016/TT-BXD ngày 15/02/2016 của Bộ Xây dựng ban hành quy chế quản lý, sử dụng nhà chung cư; - Thông tư số 19/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Luật Nhà ở và Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật Nhà ở; - Thông tư số 06/2019/TT-BXD ngày 30/10/2019 của Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2016/TT-BTX ngày 15/02/2021; - Thông tư số 124/2016/TT-BTC ngày 03/8/2016 của Bộ Tài chính về quản lý số tiền thu được từ cho thuê, cho thuê mua và bán nhà ở thuộc sở hữu Nhà nước; Thanh toán tiền chênh lệch khi thuê nhà ở công vụ và quản lý tiền thu được từ cho thuê nhà ở công vụ theo quy định tại Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật Nhà ở 	<ul style="list-style-type: none"> - Quyết định số 12/2017/QĐ-UBND ngày 31/3/2017 của UBND thành phố Hà Nội ban hành quy định một số nội dung về đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất cho hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, cá nhân nước ngoài; chuyển mục đích sử dụng đất vườn, ao liền kề và đất nông nghiệp xen kẹt trong khu dân cư sang đất ở trên địa bàn thành phố Hà Nội; - Quyết định số 17/2018/QĐ-UBND ngày 06/8/2018 của UBND thành phố Hà Nội ban hành quy định chi tiết một số nội dung thuộc thẩm quyền của UBND Thành phố về quản lý, sử dụng nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước trên địa bàn thành phố Hà Nội; - Quyết định số 24/2018/QĐ-UBND ngày 15/10/2018 của UBND Thành phố Hà Nội sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất cho hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, cá nhân nước ngoài; chuyển mục đích sử dụng đất vườn, ao liền kề và đất nông nghiệp xen kẹt trong khu dân cư sang đất ở trên địa bàn thành phố Hà Nội ban hành kèm theo Quyết định số 12/2017/QĐ-UBND ngày 31/3/2017 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội

STT	Nhóm quỹ nhà thuộc sở hữu nhà nước	Cơ chế chính sách	
		Trung ương	Thành phố
3	Quỹ điện tích kinh doanh dịch vụ tại các nhà chung cư thương mại các chủ đầu tư phải bàn giao cho Thành phố	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Nhà ở năm 2014; - Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017 và các Nghị định, Thông tư hướng dẫn; - Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật Nhà ở; - Nghị định số 30/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật Nhà ở; - Thông tư số 02/2016/TT-BXD ngày 15/02/2016 của Bộ Xây dựng ban hành quy chế quản lý, sử dụng nhà chung cư; - Thông tư số 19/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Luật Nhà ở và Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật Nhà ở; - Thông tư số 06/2019/TT-BXD ngày 30/10/2019 của Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2016/TT-BXD ngày 15/02/2021; 	<ul style="list-style-type: none"> - Quyết định số 123/2001/QĐ-UB ngày 6/12/2001 của UBND Thành phố về việc ban hành quy định những nguyên tắc về quản lý đầu tư và xây dựng các khu đô thị mới, cải tạo, sửa chữa nhà ở trên địa bàn thành phố Hà Nội; - Quyết định số 65/2004/QĐ-UB ngày 7/5/2004 của UBND Thành phố ban hành Quy định tổ chức dịch vụ quản lý, vận hành, khai thác khu đô thị mới; nhà chung cư cao tầng trên địa bàn Thành phố Hà Nội; - Quyết định số 76/2004/QĐ-UB ngày 19/5/2004 của UBND Thành phố về việc ban hành quy định quản lý thực hiện đầu tư các dự án cải tạo, xây dựng khu nhà ở và khu đô thị trên địa bàn thành phố Hà Nội; - Quyết định số 32/2012/QĐ-UBND ngày 12/11/2012 của UBND Thành phố quy định về quản lý, sử dụng nhà thuộc sở hữu nhà nước sử dụng vào mục đích kinh doanh; dịch vụ trên địa bàn thành phố Hà Nội; - Quyết định số 03/2021/QĐ-UBND ngày 10/3/2021 của UBND Thành phố về ban hành Quy định đấu giá cho thuê điện tích diện tích kinh doanh dịch vụ tại các nhà chung cư tái định cư, nhà ở xã hội và điện tích kinh doanh dịch vụ do các chủ đầu tư dự án nhà ở bàn giao lại cho UBND thành phố Hà Nội.
4	Quỹ nhà tái định cư	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Nhà ở năm 2014; - Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017 và các Nghị định, Thông tư hướng dẫn; - Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật Nhà ở; - Nghị định số 30/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật Nhà ở; - Thông tư số 02/2016/TT-BXD ngày 15/02/2016 của Bộ Xây dựng ban hành quy chế quản lý, sử dụng nhà chung cư; - Thông tư số 19/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Luật Nhà ở và Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật Nhà ở; - Thông tư số 06/2019/TT-BXD ngày 30/10/2019 của Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2016/TT-BXD ngày 15/02/2021; - Thông tư số 124/2016/TT-BTC ngày 03/8/2016 của Bộ Tài chính về quản lý số tiền thu được từ cho thuê, cho thuê mua và bán nhà ở thuộc sở hữu Nhà nước; Thanh toán tiền chênh lệch khi thuê nhà ở công vụ và quản lý tiền thu được từ cho thuê nhà ở công vụ theo quy định tại Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật Nhà ở. 	<ul style="list-style-type: none"> ❖ Đối với căn hộ nhà chung cư tái định cư: <ul style="list-style-type: none"> - Quyết định số 20/2011/QĐ-UBND ngày 05/7/2011 của UBND Thành phố về việc ban hành quy chế bàn giao tiếp nhận quản lý công trình nhà ở, căn hộ và các hạng mục công trình xây dựng phụ trợ thuộc các khu chung cư phục vụ công tác tái định cư trên địa bàn Thành phố; - Quyết định số 14/2012/QĐ-UBND ngày 04/7/2012 của UBND Thành phố về việc ban hành chính sách bán nhà tái định cư theo phương thức trả dần tiền mua nhà cho các hộ gia đình, cá nhân khi nhà nước thu hồi đất, thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trên địa bàn Thành phố; - Quyết định số 29/2020/QĐ-UBND ngày 25/11/2020 của UBND Thành phố về việc ban hành quy định chi tiết một số nội dung thuộc thẩm quyền của UBND Thành phố về quản lý, sử dụng nhà chung cư trên địa bàn Thành phố. ❖ Đối với diện tích kinh doanh dịch vụ nhà chung cư tái định cư: <ul style="list-style-type: none"> - Quyết định số 18/2018/QĐ-UBND ngày 23/8/2018 của UBND Thành phố về quản lý, sử dụng nguồn thu từ hoạt động cho thuê diện tích kinh doanh dịch vụ thuộc sở hữu nhà nước tại các chung cư phục vụ tái định cư trên địa bàn thành phố Hà Nội; - Quyết định số 03/2021/QĐ-UBND ngày 10/3/2021 của UBND Thành phố về việc ban hành Quy định đấu giá cho thuê diện tích kinh doanh dịch vụ tại các nhà chung cư tái định cư, nhà ở xã hội và diện tích kinh doanh dịch vụ do các chủ đầu tư dự án nhà ở bàn giao lại cho UBND Thành phố.

STT	Nhóm quỹ nhà thuộc sở hữu nhà nước	Cơ chế chính sách	
		Trung ương	Thành phố
1	2	3	4
5	Quỹ nhà ở sinh viên	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Nhà ở năm 2014; - Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017 và các Nghị định, Thông tư hướng dẫn; - Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật Nhà ở; - Nghị định số 30/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật Nhà ở; - Thông tư số 02/2016/TT-BXD ngày 15/02/2016 của Bộ Xây dựng ban hành quy chế quản lý, sử dụng nhà chung cư; - Thông tư số 19/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Luật Nhà ở và Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật Nhà ở; - Thông tư số 06/2019/TT-BXD ngày 30/10/2019 của Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2016/TT-BTX ngày 15/02/2021; - Thông tư số 124/2016/TT-BTC ngày 03/8/2016 của Bộ Tài chính về quản lý số tiền thu được từ cho thuê, cho thuê mua và bán nhà ở thuộc sở hữu Nhà nước; Thanh toán tiền chênh lệch khi thuê nhà ở công vụ và quản lý tiền thu được từ cho thuê nhà ở công vụ theo quy định tại Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật Nhà ở 	<ul style="list-style-type: none"> - Quyết định số 29/2013/QĐ-UBND ngày 01/8/2013 của UBND Thành phố về việc ban hành Quy chế quản lý sử dụng nhà ở sinh viên trên địa bàn thành phố Hà Nội; - Quyết định số 5802/QĐ-UBND ngày 10/11/2014 của UBND Thành phố về việc phê duyệt đơn giá tạm tính cho thuê nhà ở sinh viên và cho thuê tầng 1 tại các dự án khu nhà ở sinh viên Pháp Vân - Tứ Hiệp và Mỹ Đình II
6	Quỹ nhà công nhân tại xã Kim Chung, huyện Đông Anh	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Nhà ở năm 2014; - Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017 và các Nghị định, Thông tư hướng dẫn. - Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật Nhà ở; - Nghị định số 30/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật Nhà ở; - Thông tư số 02/2016/TT-BXD ngày 15/02/2016 của Bộ Xây dựng ban hành quy chế quản lý, sử dụng nhà chung cư; - Thông tư số 19/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Luật Nhà ở và Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật Nhà ở; - Thông tư số 06/2019/TT-BXD ngày 30/10/2019 của Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2016/TT-BTX ngày 15/02/2021; - Thông tư số 124/2016/TT-BTC ngày 03/8/2016 của Bộ Tài chính về quản lý số tiền thu được từ cho thuê, cho thuê mua và bán nhà ở thuộc sở hữu Nhà nước; Thanh toán tiền chênh lệch khi thuê nhà ở công vụ và quản lý tiền thu được từ cho thuê nhà ở công vụ theo quy định tại Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật Nhà ở. 	<ul style="list-style-type: none"> - Quyết định số 96/2007/QĐ-UB ngày 28/8/2007 của UBND Thành phố về việc ban hành Quy định tạm thời về quản lý, sử dụng nhà ở tập thể cho công nhân làm việc tại các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao thuê trên địa bàn thành phố Hà Nội; - Quyết định số 4307/QĐ-UBND ngày 30/10/2007 của UBND Thành phố về thí điểm áp dụng giá thuê ưu đãi cho doanh nghiệp có số lượng lớn công nhân đăng ký vào khu nhà ở công nhân tại xã Kim Chung, huyện Đông Anh, Hà Nội. - Quyết định số 22/QĐ-UB ngày 01/8/2008 của UBND Thành phố về việc ban hành Quy chế tạm thời về việc thu và quản lý, sử dụng các khoản thu từ hoạt động cho công nhân thuê nhà ở tại xã Kim Chung, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội. - Văn bản số 2272/UBND-KT ngày 20/4/2016 của UBND Thành phố về đơn giá cho thuê tạm tính đối với các khối nhà cao 15 tầng tại dự án Khu nhà ở công nhân tại xã Kim Chung, huyện Đông Anh, Hà Nội.

STT	Nhóm quỹ nhà thuộc sở hữu nhà nước	Cơ chế chính sách	
		Trung ương	Thành phố
7	Nhà ở công vụ	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Nhà ở năm 2014; - Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017; - Quyết định số 27/2015/QĐ-TTg ngày 10/7/2015 của Thủ tướng Chính phủ về tiêu chuẩn nhà ở công vụ; - Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở; - Nghị định số 30/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật Nhà ở; - Thông tư số 09/2015/TT-BXD ngày 29/12/2015 của Bộ Xây dựng hướng dẫn quản lý sử dụng nhà ở công vụ; - Thông tư số 19/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Luật Nhà ở và Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật Nhà ở. 	Thành phố không ban hành quy định riêng
8	Khu nhà ở xã hội CT19A Việt Hưng	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Nhà ở năm 2014; - Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017; - Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật Nhà ở; - Nghị định số 30/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật Nhà ở; - Thông tư số 02/2016/TT-BXD ngày 15/02/2016 của Bộ Xây dựng ban hành quy chế quản lý, sử dụng nhà chung cư; - Thông tư số 19/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Luật Nhà ở và Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật Nhà ở; - Thông tư số 06/2019/TT-BXD ngày 30/10/2019 của Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2016/TT-BTX ngày 15/02/2016; - Thông tư số 124/2016/TT-BTC ngày 03/8/2016 của Bộ Tài chính về quản lý số tiền thu được từ cho thuê, cho thuê mua và bán nhà ở thuộc sở hữu Nhà nước; Thanh toán tiền chênh lệch khi thuê nhà ở công vụ và quản lý tiền thu được từ cho thuê nhà ở công vụ theo quy định tại Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật Nhà ở. 	<ul style="list-style-type: none"> - Quyết định số 3460/QĐ-UBND ngày 28/6/2014 của UBND Thành phố về việc điều chuyển nhiệm vụ quản lý vận hành sau đầu tư quỹ nhà ở xã hội tại CT19A Việt Hưng, quận Long Biên; - Quyết định số 6257/QĐ-UBND ngày 27/11/2014 của UBND Thành phố về việc thành lập Ban Quản lý các công trình nhà ở và công sở trên cơ sở tổ chức lại Ban quản lý dự án đầu tư và xây dựng các công trình từ nguồn vốn ngân sách Nhà nước thuộc Sở Xây dựng. - Quyết định số 25/2019/QĐ-UBND ngày 05/11/2019 của UBND Thành phố về quản lý bán, cho thuê, cho thuê mua nhà ở xã hội trên địa bàn thành phố Hà Nội.
9	Cung Trí thức Thành phố	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017; - Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; - Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ quy định việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công; - Thông tư số 37/2018/TT-BTC ngày 16/4/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về sắp xếp lại, xử lý nhà, đất theo quy định tại Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 quy định việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công. 	<ul style="list-style-type: none"> - Quyết định 2848/QĐ-UBND ngày 20/6/2011 của UBND Thành phố về việc ban hành Quy chế quản lý vận hành, khai thác sử dụng Cung Trí thức Thành phố. - Văn bản số 1493/UBND-KT ngày 14/3/2016 của UBND Thành phố về việc chấp thuận đề xuất giá cho thuê diện tích làm việc tại Cung Trí thức Thành phố của Liên Sở: Tài chính – Xây dựng tại Tờ trình số 60/TTr-LN:XD-TC ngày 19/2/2016.

PHỤ LỤC 06b: TỔNG HỢP CƠ CHẾ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ, KHAI THÁC TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG DO THÀNH PHỐ QUẢN LÝ

STT	Loại tài sản kết cấu hạ tầng	Cơ chế chính sách	
		Trung ương	Thành phố
1	Hạ tầng giao thông	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Giao thông đường bộ; - Luật Giao thông đường thủy nội địa; - Luật Đường sắt; - Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; - Nghị định số 33/2019/NĐ-CP ngày 23/04/2019 của Chính phủ quy định về quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; - Nghị định 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2012 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03/9/2013; số 64/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016; số 117/2021/NĐ-CP ngày 22/12/2021 của Chính phủ); - Nghị định số 45/2018/NĐ-CP ngày 13/03/2018 của Chính phủ quy định về quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa; - Nghị định số 08/2011/NĐ-CP ngày 28/01/2011 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa; - Các Thông tư của Bộ Giao thông vận tải: số 04/2019/TT-BGTVT ngày 23/01/2019 quy định về tuần đường, tuần kiểm tra bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; Số 37/2018/TT-BGTVT ngày 07/6/2018 quy định về quản lý vận hành khai thác và bảo trì công trình đường bộ; số 41/2021/TT-BGTVT ngày 31/12/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 37/2018/TT-BGTVT ngày 07/6/2018 quy định về quản lý vận hành khai thác và bảo trì công trình đường bộ; Số 48/2019/TT-BGTVT ngày 17/12/2019 quy định tiêu chí giám sát, nghiệm thu kết quả bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ theo chất lượng thực hiện và việc áp dụng hình thức bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; số 01/2019/TT-BGTVT ngày 11/01/2019 quy định về quản lý, vận hành khai thác và bảo trì công trình đường thủy nội địa; số 64/2014/TT-BGTVT ngày 10/11/2014 ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật quản lý, bảo trì đường thủy nội địa; số 25/2016/TT-BGTVT ngày 03/10/2016 sửa đổi, bổ sung định mức kinh tế - kỹ thuật quản lý, bảo trì đường thủy nội địa ban hành kèm theo Thông tư số 64/2014/TT-BGTVT ngày 10/11/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải; Số 44/2021/TT-BGTVT ngày 31/12/2021 ban hành định mức quản lý, bảo dưỡng thường xuyên đường bộ. - Các Thông tư của Bộ Tài chính: số 76/2019/TT-BTC ngày 05/11/2019 về hướng dẫn kế toán tài sản kết cấu hạ tầng giao thông, thủy lợi; số 75/2018/TT-BTC ngày 17/8/2018 quy định về chế độ quản lý, tính hao mòn tài sản kết cấu hạ tầng giao thông, thủy lợi do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị quyết số 21/2022/NQ-HĐND ngày 12/9/2022 về phân cấp quản lý nhà nước một số lĩnh vực hạ tầng, kinh tế - xã hội trên địa bàn Thành phố Hà Nội; - Quyết định 22/2020/QĐ-UBND ngày 23/9/2020 của UBND Thành phố ban hành Định mức kinh tế kỹ thuật bảo trì hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn thành phố Hà Nội. - Quyết định 25/2020/QĐ-UBND ngày 19/10/2020 của UBND Thành phố quy định về quản lý, vận hành, khai thác và bảo trì tuyến đường sắt đô thị Hà Nội số 2A Cát Linh - Hà Đông.
2	Hạ tầng thủy lợi	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Thủy lợi; - Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; - Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi; - Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước; - Nghị định 129/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ về quy định về quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi; - Các Thông tư của Bộ NNPTNT: số 05/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/5/2018 của Bộ NNPTNT hướng dẫn chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi; số 05/2019/TT-BNNPTNT ngày 02/3/2019 quy định chế độ, quy trình báo tin tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi; số 06/2021/TT-BNNPTNT ngày 15/7/2021 quy định về xây dựng, ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật sản phẩm, dịch vụ công do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý; - Các Thông tư của Bộ Tài chính: số 76/2019/TT-BTC ngày 05/11/2019 về hướng dẫn kế toán tài sản kết cấu hạ tầng giao thông, thủy lợi; số 75/2018/TT-BTC ngày 17/8/2018 quy định về chế độ quản lý, tính hao mòn tài sản kết cấu hạ tầng giao thông, thủy lợi; số 73/2018/TT-BTC ngày 15/8/2018 hướng dẫn sử dụng nguồn tài chính trong quản lý, khai thác công trình thủy lợi sử dụng vốn nhà nước. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị quyết số 21/2022/NQ-HĐND ngày 12/9/2022 về phân cấp quản lý nhà nước một số lĩnh vực hạ tầng, kinh tế - xã hội trên địa bàn Thành phố Hà Nội; - Quyết định số 6483/QĐ-UBND ngày 29/11/2018 của UBND Thành phố ban hành Kế hoạch chi tiết triển khai Luật Thủy lợi.
3	Hạ tầng kỹ thuật đô thị	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 79/2009/NĐ-CP ngày 28/9/2009 của Chính phủ về quản lý chiếu sáng đô thị; - Nghị định số 64/2010/NĐ-CP ngày 11/6/2010 của Chính phủ về quản lý cây xanh đô thị; - Nghị định số 72/2012/NĐ-CP ngày 24/9/2012 của Chính phủ về quản lý và sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật; - Nghị định số 23/2016/NĐ-CP ngày 05/4/2016 của Chính phủ quy định về xây dựng, quản lý, sử dụng nghĩa trang và cơ sở hỏa táng; - Nghị định 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch; Nghị định số 124/2011/NĐ-CP ngày 28/12/2011 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 117/2007/NĐ-CP; Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn. - Quyết định số 131/2009/QĐ-TTg ngày 02/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách ưu đãi, khuyến khích đầu tư và quản lý, khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn. - Chỉ thị số 35/CT-TTg ngày 27/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường quản lý, nâng cao hiệu quả khai thác và sử dụng bền vững công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung. - Thông tư số 75/2012/TTLT-BTC-BXD-BNNPTNT ngày 15/5/2012 của Liên Bộ Tài chính, Bộ Xây dựng, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc hướng dẫn nguyên tắc, phương pháp xác định và thẩm quyền quyết định giá tiêu thụ nước sạch tại các đô thị, khu công nghiệp và khu vực nông thôn. - Thông tư liên tịch số 210/2013/TTLT-BTC-BXD-BTTTT ngày 30/12/2013 của Liên Bộ: Tài chính - Xây dựng - Thông tin và Truyền thông hướng dẫn cơ chế, nguyên tắc kiểm soát giá và phương pháp xác định giá thuê công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung; - Thông tư số 54/2013/TT-BTC ngày 04/5/2013 của Bộ Tài chính quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung. - Thông tư số 76/2017/TT-BTC ngày 26/7/2017 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 54/2013/TT-BTC ngày 04 tháng 5 năm 2013 của Bộ Tài chính quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị quyết số 21/2022/NQ-HĐND ngày 12/9/2022 về phân cấp quản lý nhà nước một số lĩnh vực hạ tầng, kinh tế - xã hội trên địa bàn Thành phố Hà Nội; - Nghị quyết số 25/2013/NQ-HĐND ngày 04/12/HĐND Thành phố về Chính sách phát triển vùng sản xuất nông nghiệp chuyên canh tập trung thành phố Hà Nội giai đoạn 2014-2020; Chính sách khuyến khích phát triển làng nghề thành phố Hà Nội; Chính sách hỗ trợ đầu tư công trình cấp nước sạch nông thôn thành phố Hà Nội. - Quyết định số 32/2014/QĐ-UBND ngày 04/08/2014 của UBND Thành phố về việc quy định chính sách hỗ trợ đầu tư công trình cấp nước sạch nông thôn thành phố Hà Nội. - Quyết định số 19/2010/QĐ-UBND ngày 14/5/2010 của UBND Thành phố quy định về quản lý hệ thống cây xanh đô thị, công viên, vườn hoa, vườn thú trên địa bàn thành phố Hà Nội; - Quyết định số 39/2017/QĐ-UBND ngày 11/9/2017 về việc Ban hành Quy định quản lý, sử dụng nghĩa trang trên địa bàn thành phố Hà Nội. - Quyết định số 30/2018/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 của UBND Thành phố ban hành Quy chế thu hồi vốn đầu tư xây dựng công trình ngầm hạ tầng kỹ thuật đô thị sử dụng chung (công cấp, hào, tuy nèn kỹ thuật) trên địa bàn Thành phố - Quyết định số 8051/QĐ-UBND ngày 20/11/2017 của UBND Thành phố Hà Nội về việc ban hành giá cho thuê công trình ngầm hạ tầng kỹ thuật đô thị sử dụng chung (công cấp, hào và tuy nèn kỹ thuật) trên địa bàn Thành phố. - Quyết định số 30/2018/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 của UBND Thành phố ban hành Quy chế thu hồi vốn đầu tư xây dựng công trình ngầm hạ tầng kỹ thuật đô thị sử dụng chung (công cấp, hào, tuy nèn kỹ thuật) trên địa bàn thành phố Hà Nội. - Quyết định số 17/2020/QĐ-UBND ngày 04/9/2020 của UBND Thành phố về việc ban hành quy định về quản lý, xây dựng, sử dụng công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung và cải tạo, sửa chữa đường dây.

STT	Loại tài sản kết cấu hạ tầng	Cơ chế chính sách	
		Trung ương	Thành phố
4	Hạ tầng thông tin và truyền thông	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14; - Luật Viễn thông số 11/VBHN-VPQH ngày 29/6/2018; - Nghị định số 25/2011/NĐ-CP ngày 06/4/2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Viễn thông; - Nghị quyết số 149/NQ-CP ngày 10/10/2020 của Chính phủ. 	Quyết định số 07/2017/QĐ-UBND ngày 17/03/2017 của UBND Thành phố về việc ban hành quy định về quản lý, cấp phép xây dựng công trình cột ăng ten thu, phát sóng thông tin di động trên địa bàn thành phố Hà Nội;
5	Hạ tầng văn hóa - thể thao	<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 10/2021/TT-BVHTTDL ngày 28/9/2021 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của trung tâm văn hóa tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; - Thông tư số 01/2010/TT-BVHTTDL ngày 26/02/2010 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành quy chế về tổ chức và hoạt động của tổ chức sự nghiệp hoạt động trong lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch quận, huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - Thông tư số 12/2010/TT-BVHTTDL ngày 22/12/2010 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định mẫu về tổ chức hoạt động và tiêu chí của Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã. - Thông tư số 14/2016/TT-BVHTTDL ngày 21/12/2016 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định tiêu chí của Trung tâm Văn hóa - Thể thao phường, thị trấn. - Thông tư số 06/2021/TT-BVHTTDL ngày 08/03/2021 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định mẫu về tổ chức hoạt động và tiêu chí của Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn. 	Nghị quyết số 21/2022/NQ-HĐND ngày 12/9/2022 về phân cấp quản lý nhà nước một số lĩnh vực hạ tầng, kinh tế - xã hội trên địa bàn Thành phố Hà Nội;

**PHỤ LỤC 06C: RÀ SOÁT THẨM QUYỀN TRONG QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TÀI SẢN CÔNG
(THUỘC THẨM QUYỀN BAN HÀNH/PHÂN CẤP CỦA HĐND THÀNH PHỐ)**

Stt	Nội dung	Văn bản QPPL quy định	HĐND Thành phố đã phân cấp tại	Phân cấp cho				
				UBND TP	Chủ tịch UBND TP	Giám đốc Sở, ngành	Chủ tịch UBND cấp huyện	Thu trưởng đơn vị SNCL tự đảm bảo chi đầu tư và chi thường xuyên
	TỔNG				14	12	16	7
1	Quyết định mua sắm tài sản công phục vụ hoạt động của cơ quan nhà nước thuộc phạm vi quản lý của địa phương.	Nghị định số 151/2017/ NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ (Điểm b khoản 2 Điều 3)	Nghị quyết số 01/2018/NQ-HĐND ngày 5/7/2018 và Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND ngày 08/12/2021		1	1	1	1
2	Quyết định thuê tài sản phục vụ hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị	Nghị định số 151/2017/ NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ (Điểm b khoản 1 Điều 4)	Nghị quyết số 01/2018/NQ-HĐND ngày 5/7/2018 và Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND ngày 08/12/2021		1	1	1	1
3	Quyết định thu hồi tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị	Nghị định số 151/2017/ NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ (Khoản 3 Điều 17)	Nghị quyết số 01/2018/NQ-HĐND ngày 5/7/2018		1	1	1	
4	Thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị	Nghị định số 151/2017/ NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ (Điểm c khoản 1 Điều 20)	Nghị quyết số 01/2018/NQ-HĐND ngày 5/7/2018		1	1	1	
5	Quyết định bán tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị	Nghị định số 151/2017/ NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ (Điểm d khoản 2 Điều 22)	Nghị quyết số 01/2018/NQ-HĐND ngày 5/7/2018		1	1	1	1
6	Quyết định thanh lý tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị	Nghị định số 151/2017/ NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ (Khoản 2 Điều 28)	Nghị quyết số 01/2018/NQ-HĐND ngày 5/7/2018 và Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND ngày 08/12/2021			1	1	1
7	Tiêu hủy tài sản công	Nghị định số 151/2017/ NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ (Khoản 2 Điều 32)	Nghị quyết số 01/2018/NQ-HĐND ngày 5/7/2018			1	1	
8	Xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại	Nghị định số 151/2017/ NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ (Khoản 2 Điều 34)	Nghị quyết số 01/2018/NQ-HĐND ngày 5/7/2018		1	1	1	
9	Quyết định mua sắm tài sản công phục vụ hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của địa phương, trừ trường hợp quy định tại điểm c khoản này	Nghị định số 151/2017/ NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ (điểm b, khoản 2 Điều 37)	Nghị quyết số 01/2018/NQ-HĐND ngày 5/7/2018 và Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND ngày 08/12/2021		1	1	1	1

Stt	Nội dung	Văn bản QPPL quy định:	HĐND Thành phố đã phân cấp tại	Phân cấp cho				
				UBND TP	Chủ tịch UBND TP	Giám đốc Sở, ngành	Chủ tịch UBND cấp huyện	Thu trưởng đơn vị SNCL tự đảm bảo chi đầu tư và chi thường xuyên
10	Quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định thuê tài sản phục vụ hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của địa phương, trừ trường hợp quy định tại điểm c khoản này	Nghị định số 151/2017/ NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ (điểm b, khoản 1 Điều 38)	Nghị quyết số 01/2018/NQ-HĐND ngày 5/7/2018		1	1	1	1
11	Quản lý, sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi	Nghị định số 129/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ (Điểm b khoản 2 Điều 18)	Nghị quyết số 01/2018/NQ-HĐND ngày 5/7/2018		1		1	
12	Quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định bán tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi thuộc phạm vi quản lý	Nghị định số 129/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ (điểm c, khoản 2, Điều 27)	Nghị quyết số 01/2018/NQ-HĐND ngày 5/7/2018		1		1	
13	Phân cấp thẩm quyền quyết định thanh lý đối với tài sản hạ tầng thủy lợi thuộc phạm vi quản lý	Nghị định số 129/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ (điểm b, khoản 2, Điều 29)	Nghị quyết số 01/2018/NQ-HĐND ngày 5/7/2018		1		1	
14	Phân cấp thẩm quyền quyết định xử lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi trong trường hợp bị mất, hủy hoại thuộc phạm vi quản lý	Nghị định số 129/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ (điểm b, khoản 2, Điều 30)	Nghị quyết số 01/2018/NQ-HĐND ngày 5/7/2018		1		1	
15	Quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân	Nghị định số 29/2018/NĐ-CP ngày 05/3/2018 của Chính phủ (Khoản 6 Điều 7)	Nghị quyết số 01/2018/NQ-HĐND ngày 5/7/2018 và Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND ngày 08/12/2021		1	1	1	
16	Phê duyệt phương án xử lý tài sản phục vụ hoạt động của dự án sử dụng vốn nhà nước	Nghị định số 151/2017/ NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ (Điểm b khoản 2 Điều 92)	Nghị quyết số 01/2018/NQ-HĐND ngày 5/7/2018		1	1	1	1

**PHỤ LỤC 06D: THỐNG KÊ, BÁO CÁO TỔNG THỂ
THẨM QUYỀN CỦA UBND THÀNH PHỐ/ CHỦ TỊCH UBND THÀNH PHỐ; ĐỀ XUẤT CÁC NHIỆM VỤ CÓ THỂ ỦY QUYỀN**

STT	Nội dung	Văn bản QPPL quy định	Thẩm quyền		Đề xuất ủy quyền		Nội dung đề xuất
			UBND TP	Chủ tịch UBND TP	UBND TP ủy quyền	Chủ tịch UBND TP ủy quyền	
1	2	3	4	5	6	7	8
	Tổng số		13	13	1	5	
1	Phê duyệt Đề án sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập vào mục đích kinh doanh (đối với tài sản là cơ sở hoạt động sự nghiệp, tài sản khác có giá trị lớn trên 500 triệu đồng/ 1 tài sản).	Luật Quản lý, sử dụng tài sản công (Khoản 2 Điều 56) Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ (điểm c khoản 3 Điều 44)		1		1	Đề xuất ủy quyền thẩm quyền phê duyệt Đề án cho Chủ tịch UBND quận, huyện và Giám đốc các Sở phê duyệt đề án sử dụng tài sản công (là cơ sở hoạt động sự nghiệp có nguyên giá theo sổ sách dưới 500 tỷ và tài sản khác có nguyên giá theo sổ sách kế toán trên 500 triệu/1 đơn vị tài sản) vào mục đích kinh doanh tại đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc. Lý do đề xuất: Giảm thiểu thủ tục hành chính, phù hợp với thực tiễn quản lý, sử dụng tài sản. (Đối với nhóm tài sản là cơ sở hoạt động sự nghiệp có nguyên giá trên 500 tỷ Chủ tịch UBND Thành phố phải xin ý kiến Thường trực HĐND trước khi phê duyệt nên sẽ tiếp tục nghiên cứu đề xuất khi Chính phủ sửa đổi Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017)
2	Phê duyệt Đề án sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập vào mục đích cho thuê (đối với tài sản là cơ sở hoạt động sự nghiệp, tài sản khác có giá trị lớn trên 500 triệu đồng/ 1 tài sản).	Luật Quản lý, sử dụng tài sản công (Khoản 2 Điều 57) Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ (điểm c khoản 3 Điều 44)		1		1	Đề xuất ủy quyền thẩm quyền phê duyệt Đề án cho Chủ tịch UBND quận, huyện và Giám đốc các Sở phê duyệt đề án sử dụng tài sản công (là cơ sở hoạt động sự nghiệp có nguyên giá theo sổ sách dưới 500 tỷ và tài sản khác có nguyên giá theo sổ sách kế toán trên 500 triệu/1 đơn vị tài sản) vào mục đích cho thuê tại đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc. (Đối với nhóm tài sản là cơ sở hoạt động sự nghiệp có nguyên giá trên 500 tỷ Chủ tịch UBND Thành phố phải xin ý kiến Thường trực HĐND trước khi phê duyệt nên sẽ tiếp tục nghiên cứu đề xuất khi Chính phủ sửa đổi Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017)
3	Phê duyệt Đề án sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập vào mục đích liên doanh, liên kết	Luật Quản lý, sử dụng tài sản công (Khoản 2 Điều 58) Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ (khoản 4 Điều 44)		1			
4	Quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định mức khoán kinh phí sử dụng nhà ở công vụ cụ thể áp dụng đối với từng đối tượng khoán thuộc phạm vi quản lý trên cơ sở kết quả khảo sát giá, báo giá hoặc thẩm định giá, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả trong phạm vi dự toán ngân sách được giao của cơ quan	Nghị định số 151/2017/ NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ (khoản 2 Điều 6)		1		1	Đề xuất ủy quyền thẩm quyền của Chủ tịch UBND Thành phố cho Giám đốc Sở Xây dựng quyết định mức khoán kinh phí sử dụng nhà ở công vụ cụ thể áp dụng đối với từng đối tượng khoán. Lý do đề xuất: Giảm thiểu thủ tục hành chính, phù hợp với thực tiễn quản lý, sử dụng tài sản.

STT	Nội dung	Văn bản QPPL quy định	Thẩm quyền		Đề xuất ủy quyền		Nội dung đề xuất
			UBND TP	Chủ tịch UBND TP	UBND TP ủy quyền	Chủ tịch UBND TP ủy quyền	
5	Quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định đối tượng, mức khoán kinh phí sử dụng máy móc, thiết bị cho cán bộ, công chức và đối tượng khác thuộc phạm vi quản lý	Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ (khoản 3 Điều 8)		1		1	Đề xuất ủy quyền thẩm quyền của Chủ tịch UBND Thành phố cho Chủ tịch UBND cấp huyện, Giám đốc các Sở đối với thẩm quyền quyết định đối tượng, mức khoán kinh phí sử dụng máy móc, thiết bị cho cán bộ, công chức và đối tượng khác thuộc phạm vi quản lý. Lý do đề xuất: Giảm thiểu thủ tục hành chính, phù hợp với thực tiễn quản lý, sử dụng tài sản.
6	Quyết định theo thẩm quyền hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền quyết định thu hồi lại tài sản đang cho thuê khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi	Nghị định số 129/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ (khoản 5, Điều 18)		1			Đã được phân cấp tại Nghị quyết số 01/2018/NQ-HĐND
7	Khoản kinh phí sử dụng các tài sản khác	Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ (Điều 9)	1		1		Đề xuất ủy quyền thẩm quyền của UBND Thành phố cho UBND cấp huyện, cơ quan chuyên môn và đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND Thành phố đối với thẩm quyền quyết định việc khoán kinh phí sử dụng tài sản công khác tại cơ quan đảm bảo tiết kiệm hiệu quả. Lý do: Giảm thiểu thủ tục hành chính, phù hợp với thực tiễn quản lý, sử dụng tài sản.
8	Sử dụng tài sản công để tham gia dự án đầu tư theo hình thức đối tác công - tư	Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ (Điểm c khoản 2 Điều 14)		1			- Chính phủ đã ban hành Nghị định số 35/2021/NĐ-CP ngày 29/03/2021 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, theo đó, việc sử dụng tài sản công để tham gia dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư được thực hiện trên cơ sở tham mưu của nhiều cơ quan, đơn vị liên quan đến nhiều lĩnh vực chuyên môn khác nhau về đất đai, đầu tư, xây dựng, quy hoạch theo quy định của các Luật chuyên ngành khác nhau (Luật Đất đai, Luật Xây dựng ...). Trong quá trình tham mưu cần sự phối hợp thực hiện của nhiều cơ quan, đơn vị, liên quan trách nhiệm trình của nhiều đơn vị thẩm định trước khi tham mưu UBND Thành phố. Đây cũng là nhiệm vụ, quyền hạn quan trọng cần thông qua quyết định của tập thể UBND Thành phố nên sẽ tiếp tục nghiên cứu việc ủy quyền thẩm quyền của Chủ tịch UBND Thành phố đối với nội dung này
9	Danh mục tài sản mua sắm tập trung	Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ (Điểm c khoản 2 Điều 67)	1				UBND Thành phố hướng dẫn chung đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ áp dụng chung trên toàn Thành phố.
10	Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu mua sắm tập trung	Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ (Điểm c khoản 2 Điều 75)		1		1	Nội dung này không đề xuất phân cấp, ủy quyền cho cấp huyện, xã. Đề xuất ủy quyền thẩm quyền của Chủ tịch UBND Thành phố cho Giám đốc Sở Tài chính đối với thẩm quyền phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu mua sắm tập trung của Thành phố. Lý do đề xuất: Giảm thiểu thủ tục hành chính, phù hợp với thực tiễn quản lý, sử dụng tài sản.
11	Tiêu chuẩn, định mức sử dụng điện tích chuyên dùng tại cơ quan, tổ chức	Nghị định số 152/2017/NĐ-CP ngày 27/12/2017 của Chính phủ (Khoản 2 Điều 7)	1				Đây là nhiệm vụ quản lý nhà nước thuộc thẩm quyền của UBND Thành phố nhưng có trách nhiệm phải báo cáo xin ý kiến Thường trực HĐND Thành phố trước khi phê duyệt nên nội dung này tiếp tục nghiên cứu đề xuất phân cấp/ ủy quyền sau.

STT	Nội dung	Văn bản QPPL quy định	Thẩm quyền		Đề xuất ủy quyền		Nội dung đề xuất
			UBND TP	Chủ tịch UBND TP	UBND TP ủy quyền	Chủ tịch UBND TP ủy quyền	
12	Tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích công trình sự nghiệp tại đơn vị sự nghiệp công lập	Nghị định số 152/2017/NĐ-CP ngày 27/12/2017 của Chính phủ (Điểm b Khoản 2 và Khoản 3 Điều 9)	1				Đây là nhiệm vụ quản lý nhà nước thuộc thẩm quyền của UBND Thành phố nhưng có trách nhiệm phải báo cáo xin ý kiến Thường trực HĐND Thành phố trước khi phê duyệt nên nội dung này tiếp tục nghiên cứu đề xuất phân cấp/ ủy quyền sau.
13	Điều chỉnh mức giá trang bị máy móc, thiết bị văn phòng phổ biến	Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg ngày 31/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ (Khoản 1 Điều 6)		1			Đây là nhiệm vụ quản lý nhà nước thuộc thẩm quyền của UBND Thành phố nhưng có trách nhiệm phải báo cáo xin ý kiến Thường trực HĐND Thành phố trước khi phê duyệt nên nội dung này tiếp tục nghiên cứu đề xuất phân cấp/ ủy quyền sau.
14	Tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng	Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg ngày 31/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ (Điều 8)		1			Đây là nhiệm vụ quản lý nhà nước thuộc thẩm quyền của UBND Thành phố nhưng có trách nhiệm phải báo cáo xin ý kiến Thường trực HĐND Thành phố trước khi phê duyệt nên nội dung này tiếp tục nghiên cứu đề xuất phân cấp/ ủy quyền sau.
15	Bổ sung định mức trang bị xe ô tô phục vụ công tác chung tại cơ quan, đơn vị có trụ sở đóng trên địa bàn miền núi, hải đảo, địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn	Nghị định số 04/2019/NĐ-CP ngày 11/01/2019 của Chính phủ (Điểm d khoản 1 Điều 12 và điểm b khoản 1 Điều 13)	1				Để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ, áp dụng chung trên toàn Thành phố nên đề xuất vẫn giữ nguyên thẩm quyền của UBND Thành phố. Sở sẽ tiếp tục nghiên cứu đề xuất phân cấp/ ủy quyền nội dung này trong thời gian tới
16	Tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng	Nghị định số 04/2019/NĐ-CP ngày 11/01/2019 của Chính phủ (Khoản 1 và 2 Điều 18)	1				Để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ, áp dụng chung trên toàn Thành phố nên đề xuất vẫn giữ nguyên thẩm quyền của UBND Thành phố. Sở sẽ tiếp tục nghiên cứu đề xuất phân cấp/ ủy quyền nội dung này trong thời gian tới
17	Điều chỉnh giá mua xe ô tô	Nghị định số 04/2019/NĐ-CP ngày 11/01/2019 của Chính phủ (Khoản 1 Điều 21)	1				Để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ, áp dụng chung trên toàn Thành phố nên đề xuất vẫn giữ nguyên thẩm quyền của UBND Thành phố. Sở sẽ tiếp tục nghiên cứu đề xuất phân cấp/ ủy quyền nội dung này trong thời gian tới
18	Khoản kinh phí sử dụng xe ô tô	Nghị định số 04/2019/NĐ-CP ngày 11/01/2019 của Chính phủ (Khoản 7 Điều 22)		1			Đây là nhiệm vụ quản lý nhà nước thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND Thành phố nhưng có trách nhiệm phải báo cáo xin ý kiến Ban Thường vụ Thành ủy, Thường trực HĐND Thành phố trước khi phê duyệt nên nội dung này tiếp tục nghiên cứu đề xuất ủy quyền sau.
19	Phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất do cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp thuộc địa phương quản lý	Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 (sửa đổi bổ sung tại khoản 6 Điều 1 Nghị định số 67/2021/NĐ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ)		1			- Đối với thẩm quyền của Chủ tịch UBND Thành phố phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý của Thành phố, thực hiện trên cơ sở tham mưu của nhiều cơ quan, đơn vị liên quan đến nhiều lĩnh vực chuyên môn khác nhau về đất đai, đầu tư, xây dựng, quy hoạch theo quy định của các Luật chuyên ngành khác nhau (Luật Đất đai, Luật Xây dựng ...). Trong quá trình tham mưu cần sự phối hợp thực hiện của nhiều cơ quan, đơn vị trước khi tham mưu UBND Thành phố. Đây cũng là nhiệm vụ, quyền hạn quan trọng cần thông qua quyết định của tập thể UBND Thành phố nên sẽ tiếp tục nghiên cứu việc ủy quyền thẩm quyền của Chủ tịch UBND Thành phố đối với nội dung này.

STT	Nội dung	Văn bản QPPL quy định	Thẩm quyền		Đề xuất ủy quyền		Nội dung đề xuất
			UBND TP	Chủ tịch UBND TP	UBND TP ủy quyền	Chủ tịch UBND TP ủy quyền	
20	Ban hành quyết định thu hồi nhà, đất trừ việc thu hồi nhà, đất thuộc tài sản đặc biệt, tài sản chuyên dùng tại đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân và nhà, đất tại cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam	Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 (sửa đổi bổ sung tại khoản 9 Điều 1 Nghị định số 67/2021/NĐ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ)	1				- Đối với thẩm quyền của UBND Thành phố về việc thu hồi nhà, đất thực hiện trên cơ sở tham mưu của nhiều cơ quan, đơn vị liên quan đến nhiều lĩnh vực chuyên môn khác nhau về đất đai, đầu tư, xây dựng, quy hoạch theo quy định của các Luật chuyên ngành khác nhau (Luật Đất đai, Luật Xây dựng ...). Trong quá trình tham mưu cần sự phối hợp thực hiện của nhiều cơ quan, đơn vị trước khi tham mưu UBND Thành phố. Đây cũng là nhiệm vụ, quyền hạn quan trọng cần thông qua quyết định của tập thể UBND Thành phố nên sẽ tiếp tục nghiên cứu việc ủy quyền thẩm quyền của Chủ tịch UBND Thành phố đối với nội dung này.
21	Ban hành Quyết định giữ lại tiếp tục sử dụng đối với nhà, đất do cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp thuộc địa phương quản lý	Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 (khoản 2 Điều 8)		1			- Đây là nội dung quyết định được thực hiện trên cơ sở tham mưu của nhiều cơ quan, đơn vị liên quan đến nhiều lĩnh vực chuyên môn khác nhau về đất đai, đầu tư, xây dựng, quy hoạch theo quy định của các Luật chuyên ngành khác nhau (Luật Đất đai, Luật Xây dựng ...). Trong quá trình tham mưu cần sự phối hợp thực hiện của nhiều cơ quan, đơn vị trước khi tham mưu UBND Thành phố. Đây cũng là nhiệm vụ, quyền hạn quan trọng cần thông qua quyết định của tập thể UBND Thành phố nên sẽ tiếp tục nghiên cứu việc ủy quyền thẩm quyền của Chủ tịch UBND Thành phố đối với nội dung này.
22	Ban hành Quyết định chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai	Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 (khoản 2 Điều 12)	1				- Đây là nội dung quyết định được thực hiện trên cơ sở tham mưu của nhiều cơ quan, đơn vị liên quan đến nhiều lĩnh vực chuyên môn khác nhau về đất đai, đầu tư, xây dựng, quy hoạch theo quy định của các Luật chuyên ngành khác nhau (Luật Đất đai, Luật Xây dựng ...). Trong quá trình tham mưu cần sự phối hợp thực hiện của nhiều cơ quan, đơn vị trước khi tham mưu UBND Thành phố. Đây cũng là nhiệm vụ, quyền hạn quan trọng cần thông qua quyết định của tập thể UBND Thành phố nên sẽ tiếp tục nghiên cứu việc ủy quyền thẩm quyền của Chủ tịch UBND Thành phố đối với nội dung này.
23	Ban hành quyết định chuyển giao nhà, đất của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp thuộc địa phương quản lý cho các cơ quan chức năng của địa phương	Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 (khoản 2 Điều 13)	1				- Đây là nội dung quyết định được thực hiện trên cơ sở tham mưu của nhiều cơ quan, đơn vị liên quan đến nhiều lĩnh vực chuyên môn khác nhau về đất đai, đầu tư, xây dựng, quy hoạch theo quy định của các Luật chuyên ngành khác nhau (Luật Đất đai, Luật Xây dựng ...). Trong quá trình tham mưu cần sự phối hợp thực hiện của nhiều cơ quan, đơn vị trước khi tham mưu UBND Thành phố. Đây cũng là nhiệm vụ, quyền hạn quan trọng cần thông qua quyết định của tập thể UBND Thành phố nên sẽ tiếp tục nghiên cứu việc ủy quyền thẩm quyền của Chủ tịch UBND Thành phố đối với nội dung này.
24	Danh mục tài sản chưa đủ tiêu chuẩn quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 3 Thông tư số 45/2018/TT-BTC ngày 07/5/2018 của Bộ Tài chính là tài sản cố định	Thông tư số 45/2018/TT-BTC ngày 07/5/2018 của Bộ Tài chính (Khoản 3 Điều 3)	1				Để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ, áp dụng chung trên toàn Thành phố nên sẽ tiếp tục nghiên cứu đề xuất phân cấp/ ủy quyền nội dung này sau khi Bộ Tài chính ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư số 45/2018/TT-BTC (Bộ Tài chính đã có Văn bản xin ý kiến các Bộ, ngành, địa phương)

STT	Nội dung	Văn bản QPPL quy định	Thẩm quyền		Đề xuất ủy quyền		Nội dung đề xuất
			UBND TP	Chủ tịch UBND TP	UBND TP ủy quyền	Chủ tịch UBND TP ủy quyền	
25	Danh mục tài sản cố định đặc thù	Thông tư số 45/2018/TT-BTC ngày 07/5/2018 của Bộ Tài chính (Khoản 2 Điều 5)	1				Để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ, áp dụng chung trên toàn Thành phố nên sẽ tiếp tục nghiên cứu đề xuất phân cấp/ ủy quyền nội dung này sau khi Bộ Tài chính ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư số 45/2018/TT-BTC (Bộ Tài chính đã có Văn bản xin ý kiến các Bộ, ngành, địa phương)
26	Danh mục, thời gian sử dụng và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình	Thông tư số 45/2018/TT-BTC ngày 07/5/2018 của Bộ Tài chính (Khoản 2 Điều 14)	1				Để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ, áp dụng chung trên toàn Thành phố nên sẽ tiếp tục nghiên cứu đề xuất phân cấp/ ủy quyền nội dung này sau khi Bộ Tài chính ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư số 45/2018/TT-BTC (Bộ Tài chính đã có Văn bản xin ý kiến các Bộ, ngành, địa phương)